

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



ĐỀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: 2017 - 2021)



TP. Hồ Chí Minh, tháng 6 – năm 2022

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



ĐỀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học

của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: 2017 - 2021)

TP. Hồ Chí Minh, tháng 6 – năm 2022

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐTĐG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-DHCNTT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ	Ký tên
1.	Nguyễn Hoàng Tú Anh	Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu	Chủ tịch	
2.	Nguyễn Lưu Thuý Ngân	Phó Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu	Phó Chủ tịch	
3.	Trịnh Thị Mỹ Hiền	Trưởng phòng	Phòng TT-PC-DBCL	Thư ký	
4.	Vũ Đức Lung	Chủ tịch Bí thư Đảng ủy	Hội đồng Trường Tổ chức Đảng	Thành viên	
5.	Lâm Đức Khai	Phó trưởng phòng	Phòng ĐTDH	Thành viên	
6.	Đặng Văn Em	Chủ tịch	Công đoàn Trường	Thành viên	
7.	Nguyễn Thành Hiệp	Bí thư	Đoàn thanh niên	Thành viên	
8.	Mai Văn Cường	Trưởng phòng	Phòng TCHC	Thành viên	
9.	Lê Đình Duy	Trưởng phòng Thành viên	Phòng ĐTSĐH- KHCN Hội đồng khoa học và đào tạo	Thành viên	
10.	Nguyễn Văn Toàn	Trưởng phòng	Phòng CTSV	Thành viên	
11.	Nguyễn Đình Khương	Trưởng phòng	Phòng DL&CNTT	Thành viên	
12.	Trần Thị Phương Trang	Trưởng phòng	Phòng KHTC	Thành viên	
13.	Võ Lê Phương	Trưởng phòng	Phòng QTTB	Thành viên	
14.	Bùi Văn Thành	Giám đốc	Thư viện	Thành viên	
15.	Đào Lộc Bình	Trưởng ban	Ban QLCS	Thành viên	
16.	Nguyễn Tuấn Nam	Trưởng phòng	Phòng QHĐN	Thành viên	
17.	Nguyễn Đình Thuận	Trưởng khoa	Khoa CNTT	Thành viên	
18.	Ngô Đức Thành	Trưởng khoa	Khoa KHMT	Thành viên	
19.	Lê Thanh Trọng	Phó trưởng khoa	Khoa CNPM	Thành viên	
20.	Doãn Duy	Giảng viên	Khoa KTMT	Thành viên	
21.	Đinh Thanh Toàn	Chủ tịch Hội Sinh viên Trường	Khoa KHMT	Thành viên	

Danh sách gồm 21 người./

MỤC LỤC

Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC	1
1. Khái quát về Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM	1
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	9
Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa	9
Tiêu chuẩn 2. Quản trị	17
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	26
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	34
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	40
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	46
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	59
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	73
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	83
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	95
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	104
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	115
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	125
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	136
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	146
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	156
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học	173
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	180
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	185

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	189
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	198
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	204
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	212
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	220
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD	233
Phụ lục 2: Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá	268
Phụ lục 3: Kế hoạch tự đánh giá CSGD	273
Phụ lục 4: Các bảng, biểu, thống kê	277
Phụ lục 5: Danh mục minh chứng BCTĐG CSGD 2022	289

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ ngữ viết nguyên
1.	BGH	Ban Giám hiệu
2.	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
3.	BM	Bộ môn
4.	BLQ	Bên liên quan
5.	CB	Cán bộ
6.	CB, VC	Cán bộ, viên chức
7.	CBGV	Cán bộ giảng viên
8.	CGCN	Chuyên gia công nghệ
9.	CLPT	Chiến lược phát triển
10.	CNTT	Công nghệ thông tin
11.	CSGD	Cơ sở giáo dục
12.	CDR	Chuẩn đầu ra
13.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
14.	CSVC	Cơ sở vật chất
15.	CBQL	Cán bộ quản lý
16.	CC	Công chức
17.	CTĐT	Chương trình đào tạo

STT	Từ viết tắt	Từ ngữ viết nguyên
18.	CSV	Cựu sinh viên
19.	DL&CNTT	Dữ liệu và Công nghệ Thông tin
20.	ĐHCNTT	Đại học Công nghệ Thông tin
21.	ĐHSP	Đại học sư phạm
22.	ĐHCQ	Đại học chính quy
23.	ĐTN	Đoàn thanh niên
24.	ĐU	Đảng ủy
25.	ĐTSDH	Đào tạo Sau đại học
26.	ĐGN	Đánh giá ngoài
27.	ĐTSDH&KHCV	Đào tạo sau đại học và khoa học công nghệ
28.	ĐHQG-HCM	Đại học Quốc gia, Hồ Chí Minh
29.	GV	Giảng viên
30.	GS, PGS	Giáo sư, Phó giáo sư
31.	GTCL	Giá trị cốt lõi
32.	HĐT	Hội đồng trường
33.	HSV	Hội sinh viên
34.	HSSV	Học sinh sinh viên
35.	HTQT	Hợp tác quốc tế

STT	Từ viết tắt	Từ ngữ viết nguyên
36.	HVCH	Học viên cao học
37.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
38.	KHCN	Khoa học công nghệ
39.	KH&CN	Khoa học và công nghệ
40.	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
41.	KHCL	Kế hoạch chiến lược
42.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
43.	NTD	Nhà tuyển dụng
44.	NCS	Nghiên cứu sinh
45.	NC&PT	Nghiên cứu và phát triển
46.	NH	Người học
47.	NLĐ	Người lao động
48.	NQ	Nghị quyết
49.	NSNN	Ngân sách nhà nước
50.	NV	Nhân viên
51.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
52.	QTTB	Quản trị thiết bị
53.	QLKH	Quản lý khoa học

STT	Từ viết tắt	Từ ngữ viết nguyên
54.	QĐ	Quyết định
55.	QHĐN	Quan hệ đối ngoại
56.	SHTT	Sở hữu trí tuệ
57.	SV	Sinh viên
58.	SVTN	Sinh viên tốt nghiệp
59.	TT-PC-ĐBCL	Thanh tra – Pháp chế - Đảm bảo chất lượng
60.	TSTT	Tài sản trí tuệ
61.	TCHC	Tổ chức hành chính
62.	TDTT	Thể dục Thể thao
63.	TĐG	Tự đánh giá
64.	TS	Tiến sĩ
65.	TT	Trung tâm
66.	TN, SM	Tâm nhìn, Sứ mạng

Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM

a) Khái quát về lịch sử phát triển, tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị của Trường ĐHCNTT, ĐHQG - HCM

Trường ĐHCNTT, ĐHQG-HCM là Trường đại học công lập chuyên về CNTT&TT được thành lập theo Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Là trường thành viên của ĐHQG-HCM, Trường ĐHCNTT có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao, góp phần tích cực vào sự phát triển của nền công nghiệp CNTT Việt Nam, đồng thời thực hiện NCKH và chuyển giao CNTT tiên tiến, đặc biệt là hướng vào các ứng dụng nhằm góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Sau hơn 15 năm xây dựng và phát triển, hiện Trường ĐHCNTT sở hữu cơ sở vật chất gồm khu học tập, nghiên cứu và làm việc được đầu tư xây dựng khang trang, hiện đại với tổng diện tích gần 14 hecta trong khuôn viên khu đô thị ĐHQG-HCM.

Trường xác định TN, SM kể từ ngày thành lập và nêu rõ trong KHCL phát triển giai đoạn 2012-2016. Trường đã công bố phát biểu chính thức theo Quyết định số 118/QĐ-ĐHCNTT-TCHC ngày 12/07/2016. Với vai trò “*là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phục vụ cộng đồng*” và “*là một trung tâm hàng đầu về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ về công nghệ thông tin – truyền thông và các lĩnh vực liên quan*”, Trường phấn đấu “*trở thành trường đại học uy tín về công nghệ thông tin – truyền thông và các lĩnh vực liên quan trong khu vực Châu Á*” đến năm 2030.

Sứ mạng của Trường hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường do Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM quy định, đồng thời phù hợp với các nguồn lực của Trường.

Mục tiêu của Trường cũng phù hợp với bối cảnh và nguồn lực của Trường trong từng giai đoạn phát triển cụ thể cũng như gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển KT-XH của TP. HCM và của cả nước.

Ngoài ra Trường cũng là nơi đào tạo SV phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng chuyên môn lẫn thái độ sống tích cực, năng động - bản lĩnh - tự tin hội nhập quốc tế như triết lý giáo dục “**Toàn diện, sáng tạo, phụng sự**” mà Trường mong muốn hướng đến sự phát triển toàn diện của con người, đề cao tính độc lập, sáng tạo và PVCD. Trường cũng đã ban hành chính thức GTCL để luôn đảm bảo xuyên suốt trong vận hành và phát triển Nhà trường gồm:

- *Tri thức tổng thể: Hỗ trợ người học phát triển không chỉ kiến thức mà cả các kỹ năng, thái độ và năng lực thực hành xã hội.*
- *Tiến về phía trước: Nâng cao liên tục chất lượng để thích nghi và luôn tiến về phía trước.*
- *Tự do học thuật: Coi trọng khả năng độc lập trong học thuật, sáng tạo nghiên cứu và phát triển tiềm năng tổng thể của các cá nhân để họ đạt được mục tiêu của mình.*
- *PVCD: Định hướng các hoạt động đào tạo và NCKH cho PVCD, phục vụ cho sự phát triển chung của đất nước và phục vụ nhân loại.*
- *Chuyên nghiệp: Thiết lập hệ thống quản trị, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và hiệu quả nhất.*

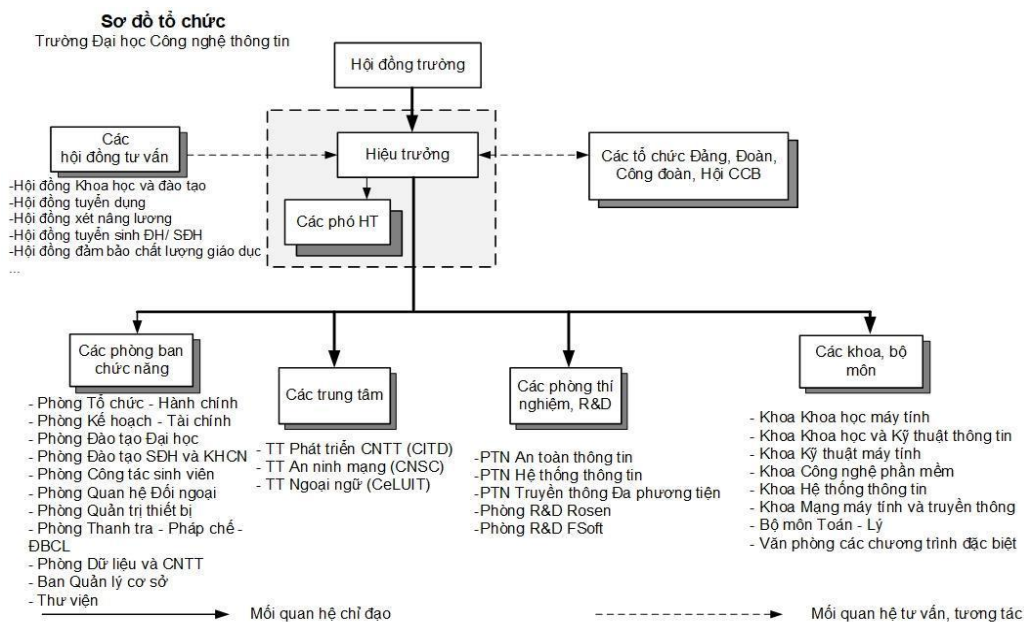
Trường có KHCL trung hạn và dài hạn để thực hiện các mục tiêu đã đặt ra. Định kỳ hằng năm, Trường tiến hành rà soát để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu cho phù hợp từng thời kỳ thông qua việc thường xuyên lấy ý kiến từ CB, GV, NV và các đơn vị bên ngoài. KHCL được giám sát việc thực hiện và được ĐHQG-HCM định kỳ kiểm tra, đánh giá.

Giai đoạn 2017-2021 là giai đoạn phát triển vượt bậc của Nhà trường về mọi mặt, từ quy mô, chất lượng đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế đến hoàn thiện tổ chức bộ máy, đến nâng cao đời sống cơ sở vật chất cho toàn thể CB, GV, NV,... Minh chứng rõ nhất của giai đoạn này là Nhà trường đạt: “Đanh hiệu tập thể lao động xuất sắc”; Đảng bộ Trường liên tục đạt danh hiệu “Đảng bộ trong sạch vững mạnh”; Công đoàn trường được tặng nhiều cờ thi đua, bằng khen cho cá nhân, tập thể của Công đoàn Giáo dục Việt Nam và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; ĐTN Trường được giải thưởng Hồ

Hào Hón (2015), bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2017), cờ thi đua của Bộ GD&ĐT, 21 danh hiệu khen thưởng cấp Thành và Trung ương, 3 kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ. Hội SV Trường nhận được 1 giải thưởng 9/1, 04 giải thưởng Bò câu trắng và bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2019. Ngoài ra, nhiều cá nhân được Đảng, Nhà nước, Bộ, ban ngành ghi nhận khen thưởng, trong đó, có 95 giải thưởng học thuật trong nước và quốc tế, 02 cá nhân được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba; 01 cá nhân được phong tặng danh hiệu Nhà Giáo ưu tú. Tập thể Nhà trường được tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2016. Ngoài ra Trường có website bảng vàng thành tích SV cập nhật từ năm 2015 đến nay.

b) Cơ cấu tổ chức Trường ĐHCNTT, ĐHQG-HCM

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHCNTT được xây dựng theo đúng các quy định của Điều lệ trường ĐH và ĐHQG-HCM, hợp lý và có tính linh hoạt cao, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm thực hiện sứ mạng và mục tiêu phát triển chiến lược của Trường. Cơ cấu tổ chức của trường như Hình 1, bao gồm Hội đồng trường, Ban giám hiệu, 11 phòng ban, 06 khoa, 01 bộ môn, 03 trung tâm, 05 phòng thí nghiệm và R&D, 01 Văn phòng các chương trình đặc biệt, 05 tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV, Hội cựu chiến binh) cùng các hội đồng tư vấn.



Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường

Các hoạt động quản lý cũng như công tác tổ chức của Trường cũng được phân định bằng văn bản cụ thể, quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn đối với từng đơn vị, từng cá nhân. Hệ thống văn bản về công tác quản lý của Trường được xây dựng một cách đồng bộ, đầy đủ, đúng quy định. Các văn bản quản lý được đưa lên trang thông tin điện tử nội bộ giúp CB, GV, NV và người học dễ dàng tra cứu và thực hiện; được phổ biến rộng rãi trong toàn Trường và được chỉnh sửa, bổ sung kịp thời để đảm bảo sự phù hợp và tính hiệu quả. Định kỳ hàng năm, Trường tiến hành rà soát, bổ sung, thay thế những văn bản quy định cho sát với tình hình thực tiễn; BGH chỉ đạo các đơn vị, các bộ phận triển khai xây dựng các chương trình hành động trong từng giai đoạn để cụ thể hóa KHCL phát triển của Trường.

Qua hoạt động TĐG, Trường đã chú trọng nhiều hơn đến công tác lưu trữ văn thư. Các đợt tập huấn về công tác văn thư do Trường và ĐHQG-HCM tổ chức và các đợt kiểm tra công tác văn thư lưu trữ hàng năm cũng như việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đã giúp công tác này đi vào nề nếp, hỗ trợ việc tra cứu văn bản giấy, văn bản điện tử thuận tiện, dễ dàng.

Các hoạt động của Trường đều được báo cáo đầy đủ lên các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý và các báo cáo này được lưu trữ đầy đủ tại Trường.

Hoạt động của các tổ chức Đảng và đoàn thể khác như Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân, Đoàn TN, Hội SV, Hội cựu chiến binh,... đều tuân theo các quy định hiện hành và hàng năm đều được đánh giá tốt. Trong đó, nguyên tắc tập trung dân chủ luôn được Trường quán triệt và thực hiện tốt.

Bên cạnh hoạt động quản lý và chuyên môn, hoạt động của các tổ chức đoàn thể đã thu hút đông đảo cán bộ, GV và SV tham gia, đạt được những kết quả tốt, góp phần tích cực trong việc tạo dựng uy tín và giữ gìn đoàn kết, ổn định Trường.

c) Cấu trúc tổ chức của Hội đồng Trường

Hội đồng trường được thành lập và được ĐHQG-HCM công nhận năm 2019. Sau đó HĐT đã tiến hành rà soát và thay thế chủ tịch HĐT cho phù hợp với Luật giáo dục sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học. HĐT được ĐHQG-HCM công nhận kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐĐHQG, ngày 14/07/2020.

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường

a) Vị trí pháp lý các hoạt động và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của trường.

❖ Vị trí pháp lý

Trường ĐHCNTT, ĐHQG-HCM là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Tên tiếng Anh là: VNUHCM - University of Information Technology. Tên giao dịch viết tắt là UIT.

Trường được thành lập tại Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08/06/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường chịu sự lãnh đạo và quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ GD&ĐT; chịu sự quản lý hành chính và chuyên môn của ĐHQG-HCM.

❖ Nguyên tắc hoạt động của Trường

Hoạt động của Trường tuân thủ theo Luật Giáo dục đại học và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng, Chính phủ và Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM: Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, viên chức, người lao động làm chủ. Trong đó mối quan hệ lãnh đạo, quản lý, kiểm tra, phối hợp giữa các tổ chức Đảng, chính quyền, Công đoàn, ĐTN, các tổ chức quần chúng khác được thực hiện tuân theo các quy định hiện hành.

Hệ thống tổ chức quản lý của Trường làm việc theo chế độ thủ trưởng và làm việc dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ theo cơ cấu gồm ba cấp. Cấp cao nhất là Hội đồng trường với chức năng quyết định các việc ở tầm vĩ mô và quan trọng như: chiến lược, kế hoạch, chính sách, nhân sự. Thực hiện các quyết nghị trực tiếp của Hội đồng trường là Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Các phòng ban, khoa và tương đương là các đơn vị trực tiếp triển khai các kế hoạch, công việc của Trường.

Trường tôn trọng vai trò, nguyên tắc hoạt động của tổ chức Công đoàn, ĐTN, Hội SV, Hội cựu chiến binh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên tham gia đầy đủ vào các hoạt động chung của Nhà trường.

Trường có Đảng bộ Trường trực thuộc Đảng bộ ĐHQG-HCM, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Các tổ chức Công đoàn, ĐTN, Hội SV, Ban

Nữ công, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức, có trách nhiệm góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo của Trường, phù hợp với tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đoàn thể trong Nhà trường

❖ *Mục tiêu đào tạo của Trường*

Mục tiêu đào tạo của Trường hướng đến đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao đạt trình độ khu vực và quốc tế, đáp ứng nhu cầu xây dựng nguồn nhân lực ngành công nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông trong cả nước.

Trường luôn chú trọng công tác ĐBCL, nghiêm túc thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM về công tác ĐBCL và KĐCL cấp cơ sở giáo dục và CTĐT, để tìm ra những tồn tại, đề ra kế hoạch cải tiến nhằm phát triển ngày càng hoàn thiện hơn.

b) Những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức mang tính chiến lược của Trường

● ***Điểm mạnh***

- Nguồn nhân lực trẻ có chuyên môn phù hợp, năng động, nhiệt huyết, đoàn kết tốt. Lãnh đạo Nhà trường tâm huyết, quyết liệt, sáng tạo và khả năng phản ứng nhạy bén với công việc.

- Khuôn viên, hạ tầng khang trang, thoáng mát cùng các trang thiết bị, cơ sở vật chất và hạ tầng CNTT tốt, đủ đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu.

- Chất lượng đào tạo ổn định và uy tín có xu hướng tăng thể hiện qua điểm tuyển sinh đầu vào ngày càng cao so với các trường khác trong khu vực phía nam, đặc biệt có các ngành mũi nhọn, nhu cầu cao như: An toàn thông tin, Khoa học máy tính, Khoa học dữ liệu.

- Số lượng và chất lượng công bố khoa học gia tăng thể hiện qua số đề tài NCKH, số bài báo khoa học uy tín, số bằng sở hữu trí tuệ. Hình thành nhiều nhóm NC mạnh và gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp.

- Ứng dụng CNTT sâu rộng, phủ kín các lĩnh vực hoạt động và nghiệp vụ quản lý của Nhà trường.

- Đội ngũ làm Công tác SV, ĐTN, HSV có nhiều sáng tạo, nhiều hoạt động thu

hút SV và phục vụ SV đa dạng cũng như nhiều hoạt động PVCD.

- Danh tiếng của Trường đã được giới học thuật và thị trường lao động phía Nam biết đến và đánh giá cao, bước đầu có danh tiếng trong khu vực ASEAN. Có sức hút tốt đối với học sinh, SV (đầu vào) và doanh nghiệp (đầu ra).

● **Điểm yếu**

- Thiếu nhân lực trình độ cao. Đội ngũ chuyên viên còn thiếu đồng bộ, chưa chuyên nghiệp. Trình độ ngoại ngữ của cả GV, chuyên viên lẫn SV chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường.

- Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm chưa đồng bộ, chưa xây dựng xong theo quy hoạch.

- Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn còn thấp. Tỷ lệ học viên SDH/SV chưa cao.

- Công bố khoa học trên các tạp chí, hội nghị quốc tế chưa có đột phá. Chuyển giao công nghệ chưa xứng với tiềm năng.

- Hoạt động, dịch vụ cung cấp chưa theo cá nhân hóa đến từng SV.

- Quan hệ đối ngoại chưa huy động được nhiều nguồn lực bên ngoài cho sự phát triển.

● **Cơ hội**

- Chính sách Tự chủ đại học của chính phủ, trong đó có tự chủ về tài chính. Được xây dựng mức thu học phí theo định mức kinh tế kỹ thuật về giá dịch vụ đào tạo.

- Vị trí Trường nằm trong khu vực phát triển thành phố thông minh (thành phố Thủ Đức) trong tương lai gần của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nhiều chủ trương, chính sách của Nhà nước ưu tiên phát triển CNTT, đặc biệt là về: chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, cách mạng 4.0.

- Có các dự án phát triển của Chính phủ, ĐHQG-HCM, Địa phương.

- Được sự quan tâm đầu tư tài chính của ĐHQG-HCM.

- Nhu cầu nguồn nhân lực về CNTT ngày càng tăng. Nhu cầu nhân lực An toàn Thông tin, Trí tuệ Nhân tạo, Khoa học Dữ liệu ngày càng cao.

- **Thách thức**

- Chuyển đổi sang mô hình tự chủ tài chính, cần sự tái cơ cấu và tổ chức lại bộ máy quản lý.

- Xã hội đòi hỏi sự đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực CNTT và ứng dụng CNTT thông minh phục vụ phát triển.

- Khó khăn trong việc thu hút và giữ nhân lực trình độ cao.

- Chương trình đào tạo, nội dung môn học đòi hỏi được liên tục cập nhật theo sự phát triển nhanh chóng của lĩnh vực CNTT.

- Ngân sách được cấp không chắc chắn: Tình hình nợ công tăng cao, thắt chặt tài chính có khả năng ảnh hưởng lớn tới nguồn ngân sách đầu tư cho giáo dục đại học.

- Sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các trường trong và ngoài hệ thống ĐHQG-HCM.

- Ngày càng có nhiều dịch bệnh mới xuất hiện với tính phức tạp và nguy hiểm hơn, ảnh hưởng mạnh tới mọi hoạt động của đời sống và xã hội như dịch bệnh COVID-19 diễn ra từ 2019 đến nay.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Trường ĐHCNTT, ĐHQG-HCM (xem Phụ lục 1)

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

TIÊU CHUẨN 1. TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ VĂN HÓA

Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Tầm nhìn và Sứ mạng của Trường ĐHCNTT đã được xác định rõ ràng kể từ ngày thành lập và nêu rõ trong KHCL phát triển giai đoạn 2012-2016 [H1.1.1.01]. Trong đó các thành phần tham gia trao đổi thảo luận bao gồm toàn thể cán bộ chủ chốt của Trường và dựa theo các định hướng:

- Thông báo số 242/TB-TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết TW 2 (khoá VIII) và phương hướng phát triển Giáo dục - Đào tạo đến năm 2020.
- Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ ĐHQG-HCM nhiệm kỳ 2011-2015.
- Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ trường ĐHCNTT nhiệm kỳ 2011-2015.
- Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quyết định 1755/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 22/9/2010 về việc Phê duyệt Đề án “Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông”.
- KHCL phát triển ĐHQG-HCM giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến 2020.
- Bối cảnh thế giới, trong nước và hiện trạng Trường ĐHCNTT.

Trường đã công bố phát biểu chính thức theo Quyết định số 118/QĐ-ĐHCNTT-TCHC ngày 12/07/2016 với nội dung [H1.1.1.02]:

- *Tầm nhìn:*

Trường ĐHCNTT trở thành Trường đại học uy tín về công nghệ thông tin – truyền thông và các lĩnh vực liên quan trong khu vực Châu Á.

- *Sứ mạng:*

- Trường ĐHCNTT là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động

và PVCD.

- Trường ĐHCNTT là một TT hàng đầu về NCKH và chuyên giao công nghệ về công nghệ thông tin – truyền thông và các lĩnh vực liên quan.

Trong năm 2021, trong quá trình xây dựng KHCL giai đoạn 2021-2025, Trường đã tổ chức rà soát trong 3 đợt chính theo trình tự cùng các BLQ tham gia như sau:

- Đợt rà soát trong Hội nghị xây dựng KHCL Trường với thành phần các BLQ gồm: CBQL, đại diện GV và cán bộ chủ chốt của Trường.
- Từ kết quả đợt trên, KHCL được trình HĐT rà soát. Thành phần các BLQ tham gia rà soát bao gồm: Lãnh đạo Trường; đại diện Công Đoàn Trường, ĐTN Trường; đại diện GV, VC Trường; đại diện doanh nghiệp (03), CSV (01), đại diện người học (01), nhà quản lý giáo dục, nhà khoa học (03).
- Sau 2 đợt trên, KHCL Trường trong đó có nội dung về TN, SM được Hội đồng đánh giá thẩm định của ĐHQG rà soát, góp ý. Thành phần các BLQ tham gia rà soát bao gồm: thầy Phan Thanh Bình, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, các thầy cô trong Ban giám đốc ĐHQG-HCM, Hiệu trưởng các Trường thành viên, trưởng các Ban chuyên môn và đại diện các doanh nghiệp.

Trong các đợt rà soát này Trường đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp, đa phần trong đó là các ý kiến phát biểu TN, SM còn chung chung, chưa thể hiện rõ đặc thù của Trường. Tuy nhiên, sau khi Trường nghiên cứu kỹ phát biểu của các trường danh tiếng trên thế giới cũng như trong nước và ĐHQG-HCM thì phát hiện các phát biểu cũng thường chung chung vậy mà chủ yếu trong cụ thể hóa các mục tiêu chiến lược. Do đó, đa phần sau đó vẫn nhất trí giữ nguyên phát biểu đã ban hành [H1.1.1.03].

Việc xây dựng TN, SM của Trường đều có sự tham gia của đầy đủ các thành phần: ĐU, BGH, Chủ tịch Công đoàn Trường, Bí thư Đoàn Trường, cán bộ chủ chốt của Trường và đại diện cơ quan chủ quản, doanh nghiệp, CSV, SV [H1.1.1.04].

TN, SM của Trường hoàn toàn phù hợp với các nhiệm vụ chức năng của trường đại học được quy định trong Luật Giáo dục Đại học và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM [H1.1.1.05]. Nhà trường

có đủ nguồn lực để thực hiện sứ mạng trên: Tính đến 12/2021, toàn trường có 308 CB, VC, người lao động gồm 205 CBGD, nghiên cứu và 103 chuyên viên, NV. Đội ngũ GV cơ hữu có trình độ sau đại học chiếm 90.2% với 1 giáo sư, 6 phó giáo sư, 56 tiến sĩ, 122 thạc sĩ và có trình độ đại học là 20 người tham gia hoạt động trợ giảng. Khoảng 70 CBGD tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đào tạo uy tín ở ngoài nước, trong đó có nhiều GV tốt nghiệp từ các trường đại học danh tiếng ngoài nước như: Mỹ, Pháp, Úc, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, ... [H1.1.1.06]; CSVC của Trường được đầu tư đủ phòng học với nhiều máy tính cấu hình cao; các phòng thực hành, nghiên cứu hiện đại; hệ thống máy chủ ảo (data center) phục vụ nghiên cứu có thể cung cấp đồng thời lên đến cả 100 máy chủ ảo cho các nhóm nghiên cứu mạnh [H1.1.1.07].

Tuyên bố về TN, SM của Trường bám sát với chiến lược phát triển ĐHQG-HCM, của khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam và hoàn toàn phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển KT-XH của TP. HCM, chẳng hạn: Chương trình “Nghiên cứu và phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) tại TP. HCM giai đoạn 2020 - 2030”, Chương trình “Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và sản phẩm CNTT-TT giai đoạn 2020-2030 và cụ thể nhiều nội dung trong nghị quyết và chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ TP. HCM nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.1.1.08]. Các tuyên bố này cũng phù hợp với chiến lược phát triển của cả nước như các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 698/QĐ-TTg ngày 01/06/2009 phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực CNTT đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, Quyết định 392/QĐ-TTg ngày 27/03/2015 phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp CNTT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025, Quyết định 127/QĐ-TTg ngày 26/07/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 [H1.1.1.09].

Trường đã ban hành các KHCL với các nội dung, định hướng phát triển để từng bước thực hiện được TN, SM đặt ra [H1.1.1.10], đồng thời ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị bám sát KHCL để xây dựng, hiện thực hóa vào từng năm học [H1.1.1.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hoá phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Cùng với việc xác định TN, SM trong KHCL phát triển giai đoạn 2012-2016 và 2016-2020, các GTCL cũng đã được Trường đề cập trong các chiến lược này. Để xác định và duy trì các giá trị truyền thống, Hiệu trưởng Trường đã ban hành chính thức GTCL theo Quyết định 796/QĐ-ĐHCNTT ngày 15/11/2019 [H1.1.2.01], theo đó có 5 giá trị gồm:

- *Tri thức tổng thể: hỗ trợ NH phát triển không chỉ kiến thức mà cả các kỹ năng, thái độ và năng lực thực hành xã hội.*
- *Tiến về phía trước: Nâng cao liên tục chất lượng để thích nghi và luôn tiến về phía trước.*
- *Tự do học thuật: coi trọng khả năng độc lập trong học thuật, sáng tạo nghiên cứu và phát triển tiềm năng tổng thể của các cá nhân để họ đạt được mục tiêu của mình.*
- *PVCD: Định hướng các hoạt động đào tạo và NCKH cho PVCD, phục vụ cho sự phát triển chung của đất nước và phục vụ nhân loại.*
- *Chuyên nghiệp: Thiết lập hệ thống quản trị, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và hiệu quả nhất.*

Quá trình xây dựng GTCL được ĐU, BGH chỉ đạo xuyên suốt từ phác thảo đến bản cuối cùng, trong đó có một đồng chí Phó Bí thư ĐU, Phó Hiệu trưởng trực tiếp tham gia mọi quá trình. Bản soạn thảo cuối cùng được đưa ra trao đổi góp ý và thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường [H1.1.2.02].

GTCL được Trường xác định từ các giá trị văn hóa truyền thống được hình thành và vun đắp từ khi thành lập Trường nhằm thúc đẩy mong muốn đào tạo nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao, góp phần tích cực vào sự phát triển của nền công nghiệp CNTT Việt Nam, đồng thời tiến hành NCKH và CGCN thông tin tiên tiến, đặc biệt là hướng vào các ứng dụng nhằm góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để đạt được mục tiêu chiến lược của Trường và phù hợp với TN, SM.

Để gìn giữ và phát triển các giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi, Trường đã ban hành kế

hoạch tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung TN, SM, GTCL tới toàn thể CB, GV, NV trong Trường [H1.1.2.03] và các nội dung này được công bố rộng rãi trên website Trường, Sổ tay NV, Sổ tay SV, các bảng treo trong khuôn viên Trường,... [H1.1.2.04]; đồng thời yêu cầu, hướng dẫn các đơn vị trong khi xây dựng các kế hoạch hoạt động hàng năm lưu ý gìn giữ bản sắc, văn hóa, thương hiệu của Trường [H1.1.2.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Để tuyên truyền, phổ biến các nội dung TN, SM và các GTCL đến các BLQ trong và ngoài Trường, Trường đã lên kế hoạch và thông tin đến toàn thể các BLQ [H1.1.3.01]. Hình thức tuyên truyền được thực hiện đa dạng như thông qua website Trường, trang mạng xã hội chính thức của Trường (Facebook Fanpage), Sổ tay NV, Sổ tay SV, hình ảnh quà lưu niệm, các tài liệu giới thiệu về trường, bảng treo trên các tòa nhà và trong các phòng họp, các bảng hiệu về văn hóa ứng xử của SV,... và treo ở các vị trí dễ quan sát [H1.1.3.02].

Công tác quán triệt, giải thích cho CB, GV, NV, SV và các đối tác được Trường chú trọng và triển khai theo hình thức lan tỏa dạng hình chóp: Trong các buổi họp giao ban toàn trường gồm các lãnh đạo đơn vị được quán triệt trước tiên và yêu cầu triển khai trong các buổi họp đơn vị, họp tổ,...; trong các buổi trao đổi học tập về xây dựng CTĐT, các cuộc họp xây dựng CDR của CTĐT luôn được lãnh đạo lưu ý, cần xác định mục tiêu, CDR căn cứ trên TN, SM và triết lý giáo dục của Trường. Với các đối tác trong và ngoài nước, Trường thường giới thiệu về TN, SM và giá trị văn hóa, GTCL thông qua các đợt ghé thăm, khảo sát và làm việc tại trụ sở các bên, thông qua các tài liệu giới thiệu. Đặc biệt, Trường còn tổ chức tuyên truyền, giới thiệu TN, SM, GTCL và triết lý giáo dục thông qua các video giới thiệu về Trường, các video tham gia đánh giá, kiểm định [H1.1.3.03].

Hàng năm, Trường đều tổ chức các buổi giới thiệu thông tin về Trường, về các ngành đào tạo của Trường, về SM, TN và văn hóa của Trường trong các buổi tư vấn tuyển sinh do các Báo tổ chức, do ĐHQG-HCM tổ chức tại các địa phương, các Trường THPT; tổ chức giới thiệu, quán triệt cho SV vào đầu năm học trong các buổi học sinh

hoạt đầu khóa. Đặc biệt, ĐTN có ban hành “Bộ quy tắc ứng xử của SV UIT” để SV ứng xử và gìn giữ văn hóa truyền thống của Trường; bên cạnh đó Trường còn tổ chức quán triệt, thực hiện “Bộ quy tắc ứng xử trên mạng” được ban hành và sử dụng chung cho toàn bộ trong ĐHQG-HCM [H1.1.3.04].

Để kết quả phổ biến, quán triệt được hiệu quả, với đối tượng là CB, GV, NV, Trường đã tích hợp vào trong các đề thi vào ngạch VC các nội dung về TN, SM của ĐHQG-HCM, của Trường; với đối tượng là SV, Trường đưa các nội dung về TN, SM và GTCL vào trong các câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra SV trong các kỳ sinh hoạt đầu khóa, sinh hoạt đầu năm và cuối khóa [H1.1.3.05]. Nhờ có các kế hoạch phổ biến với nhiều hình thức đa dạng đưa ra mà hầu hết VC, người lao động, NH đều nắm rõ các nội dung về TN, SM và GTCL của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Việc rà soát lớn TN, SM và văn hóa của Trường được triển khai định kỳ 05 năm 01 lần khi tiến hành xây dựng KHCL cho giai đoạn tiếp theo. Để theo dõi, giám sát và tổng hợp các kết quả theo từng giai đoạn nhằm đạt được các TN, SM và giá trị văn hóa đặt ra cũng như đánh giá việc đáp ứng nhu cầu và hài lòng của các BLQ, Trường đã thành lập tổ giám sát thực hiện KHCL, trong đó bao gồm các thành viên là lãnh đạo Trường cũng như các đơn vị quan trọng của Trường [H1.1.4.01].

Để chỉ đạo triển khai rà soát các nội dung về TN, SM và GTCL cũng như đánh giá mức độ hoàn thành KHCL giai đoạn 2016-2020 và xây dựng KHCL cho giai đoạn tiếp theo 2021-2025, ĐU đã họp trao đổi thảo luận và đề ra văn bản chỉ đạo [H1.1.4.02]. BGH tổ chức rà soát, đánh giá TN, SM, kết quả thực hiện KHCL 2016-2020 và tổ chức triển khai quy trình xây dựng KHCL giai đoạn 2021-2025 bám sát TN, SM và các giá trị cốt lõi, các mục tiêu của NQ Đại hội Đảng bộ Trường, NQ Đại hội Đảng bộ ĐHQG, định hướng phát triển KT-XH của TP. HCM và cả nước. Trong biên bản họp có đề cập trao đổi nội dung này và có riêng GTCL triển khai rà soát vào đợt đánh giá KHCL cuối kỳ giai đoạn tới. Trong năm 2021, trong quá trình xây dựng KHCL giai đoạn 2021-2025, Trường đã tổ chức rà soát theo quy trình 3 bước, theo hình thức tổ chức hội nghị,

hội đồng đánh giá, góp ý gồm: 1. Hội nghị xây dựng KHCL Trường với thành phần các BLQ gồm: CB quản lý, đại diện GV và CB chủ chốt của Trường; 2. Hội nghị Hội đồng trường với thành phần các BLQ tham gia rà soát bao gồm: Lãnh đạo Trường; đại diện Công Đoàn Trường, ĐTN Trường; đại diện GV, VC Trường; đại diện doanh nghiệp (03), CSV (01), đại diện NH (01), nhà quản lý giáo dục, nhà khoa học (03); 3. Hội đồng đánh giá cấp ĐHQG với thành phần các BLQ tham gia rà soát bao gồm: thầy Phan Thanh Bình, Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, các thầy cô trong Ban giám đốc ĐHQG-HCM, Hiệu trưởng các trường thành viên, trưởng các Ban chuyên môn và đại diện các doanh nghiệp.

Trường đã giao phòng TT-PC-ĐBCL là đơn vị chịu trách nhiệm, chủ trì thực hiện việc khảo sát, lấy ý kiến các BLQ về tất cả các mặt hoạt động của Trường để thực hiện cải tiến liên tục, đáp ứng nhu cầu các BLQ. Trong đó có việc khảo sát để nắm bắt sự hiểu biết của thầy cô về TN, SM và văn hóa, cũng như góp ý nhằm đáp ứng sự hài lòng của các BLQ được thực hiện định kỳ 2 năm/ lần. Kết quả khảo sát, rà soát về TN, SM và GTCL năm 2021 được tổng hợp thành báo cáo tham mưu cho ĐU, BGH để điều chỉnh [H1.1.4.03].

Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của CB, GV, NV trường năm 2015, 2017, 2019, 2021 (định kỳ 2 năm) với câu hỏi số 1 “Thầy/ Cô biết rõ về tầm nhìn và sứ mạng của Trường” như sau: [H1.1.4.04]

STT	Nội dung	Năm 2015 (%) ^[VNUHCM11]			Năm 2017 (%)			Năm 2019 (%)			Năm 2021 (%)		
		CBQL	GV	NV	CBQL	GV	CV	CBQL	GV	CV	CBQL	GV	NV
1.1	Thầy/ Cô biết rõ về tầm nhìn và sứ mạng của Trường	100	81.4	82.8	100	96.9	96	100	95	98.2	100	94.6	98

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Tầm nhìn là mong muốn của Trường hướng đến trong tương lai sau 05 đến 10 năm, thậm chí lâu hơn (hiện nay định hướng tới 2030). Sứ mạng Trường là đào tạo kết hợp NCKH để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển của địa phương và cả nước. Những nội dung này Trường hướng tới trong một khoảng thời gian đủ dài do đó việc rà soát, cải tiến cũng cần khoảng thời gian tương ứng. Tương tự, những GTCL của Trường là những giá trị cơ bản mà thậm chí mặc cho những thay đổi của nhà nước, của xã hội, của hệ thống chính trị, và tiến bộ công nghệ, nó vẫn là những GTCL mà chúng ta theo đuổi để trên cơ sở đó Trường tổ chức và quản lý mọi hoạt động của mình. Tuy nhiên, Trường ĐHCNTT là một trường mới thành lập, trong quá trình hơn 15 năm của mình, định kỳ mỗi 05 năm khi xây dựng KHCL, Trường đã rà soát các phát biểu về TN, SM và các GTCL đồng thời đã có các điều chỉnh phù hợp với sự phát triển của giáo dục đại học trong và ngoài nước, phù hợp với sự phát triển của kinh tế - xã hội của đất nước và đáp ứng nhu cầu của các BLQ [H1.1.5.01]. Năm 2016 trong quá trình rà soát TN, SM tại các hội thảo, thảo luận xây dựng KHCL đã có nhiều ý kiến cho đề nghị chỉnh sửa cho ngắn gọn, súc tích hơn mà không mất đi các nội dung bên trong, từ đó đã thống nhất có điều chỉnh như trong bảng sau:

Nội dung	Trước 2016	Từ 2016
Sứ mạng	<p>Trường ĐHCNTT là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học chất lượng cao; là nguồn cung cấp nhân lực trình độ cao, có năng lực phát triển tự thân, có khả năng làm việc trong môi trường cạnh tranh quốc tế và triển khai ứng dụng trong lĩnh vực CNTT-TT cũng như các lĩnh vực liên quan khác.</p> <p>Trường là một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu trong lĩnh vực CNTT-TT và các lĩnh vực liên quan.</p>	<p>Trường ĐHCNTT là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và PVCĐ.</p> <p>Trường ĐHCNTT là một trung tâm hàng đầu về NCKH và chuyển giao công nghệ về CNTT-TT và các lĩnh vực liên quan.</p>
Tầm nhìn	<p>Trường ĐHCNTT hướng đến trở thành một Trường đại học trọng điểm, chất lượng cao hàng đầu về CNTT-TT của Việt Nam và khu vực; là đích đến tin cậy về đào tạo, nghiên cứu khoa học và sáng tạo-đổi mới của các nhà khoa học, học giả hàng đầu trong lĩnh vực CNTT-TT cũng như các lĩnh vực liên quan.</p> <p>Trường là chỗ dựa của ĐHQG-HCM và Tp.HCM về ứng dụng CNTT-TT, đặc biệt trong việc hình thành mô hình tin học hóa quản lý và đào tạo trực tuyến.</p> <p>Trường là một địa chỉ tin cậy, hấp dẫn đối với các nhà đầu tư phát triển công nghệ, giới doanh nghiệp trong và ngoài nước; góp phần đặc lực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giữ gìn an ninh quốc phòng và phát triển hệ thống giáo dục đại học Việt Nam</p>	<p>Trường ĐHCNTT trở thành trường đại học uy tín về CNTT-TT và các lĩnh vực liên quan trong khu vực Châu Á.</p>

Các nội dung phát biểu năm 2016 ngắn gọn hơn nhưng vẫn chứa đầy đủ các ý của TN, SM trước đây, theo như kỳ vọng từ khi thành lập Trường. Một ưu điểm rõ ràng là do ngắn gọn, súc tích hơn nên được ghi nhớ dễ hơn, tuyên truyền dễ hơn và vận dụng vào chiến lược phát triển Trường thuận lợi hơn.

Trong các đợt xây dựng và triển khai KHCL, Trường thành lập Ban chỉ đạo công tác xây dựng KHCL phát triển Trường gồm các thành viên chủ chốt lãnh đạo Trường và Trưởng phòng Tổ chức hành chính nhằm chỉ đạo, lãnh đạo hiệu quả công tác phân

tích, đánh giá việc thực hiện KHCL giai đoạn đã qua và chuẩn bị cho giai đoạn mới. Để KHCL được xây dựng mới một cách tốt nhất, Trường còn thành lập Tổ nội dung công tác xây dựng KHCL để phân công các thành viên phụ trách nghiên cứu sâu từng nội dung cụ thể. Trong quá trình triển khai, Trường thành lập và giao nhiệm vụ cho Tổ giám sát KHCL để giám sát, rà soát việc triển khai cải tiến chất lượng mọi hoạt động của KHCL, trong đó có nội dung về TN, SM và GTCL [H1.1.5.02].

Trên cơ sở các báo cáo khảo sát, tổng hợp ý kiến trao đổi, thảo luận từ các nguồn khác nhau, cũng như các phát biểu này thông thường cần một thời gian dài hơn để đánh giá, các nội dung về TN, SM và GTCL hiện tại đang đáp ứng tốt nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ do đó chưa có điều chỉnh nào trong giai đoạn đánh giá [H1.1.5.03].

Ngoài ra trong các lần rà soát về TN, SM trước đây đều thực hiện mỗi khi xây dựng KHCL và theo quy trình: Đưa ra trao đổi thảo luận, điều chỉnh, thông qua các hội đồng, ban hành. Để việc rà soát, cải tiến và phát triển TN, SM những lần sau được hoàn thiện hơn, Trường đã ban hành Hướng dẫn rà soát, cải tiến và phát triển TN, SM nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các BLQ [H1.1.5.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- TN, SM của Trường xác định phù hợp với chức năng nhiệm vụ, với định hướng phát triển của ĐHQG-HCM, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước.
- Các giá trị cốt lõi/giá trị văn hóa được xác định rõ ràng.
- Các phát biểu về TN, SM và giá trị cốt lõi/giá trị văn hóa được Trường phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng, rộng rãi đến các BLQ.
- Có phân công rõ trách nhiệm đơn vị, bộ phận chịu trách nhiệm rà soát, giám sát và đề xuất những điều chỉnh về nội dung KHCL, về TN, SM và các GTCL.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Việc ban hành chính thức phát biểu về GTCL còn chậm.

- Việc xây dựng TN, SM và GTCL chưa có nhiều ý kiến từ NH, CSV /học viên, nhà tuyển dụng.

3. Kế hoạch cải tiến:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Rà soát, cải tiến TN, SM và GTCL cần nhiều ý kiến từ NH, CSV/học viên, nhà tuyển dụng	BGH	2023, 2025	
2.	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục tuyên truyền về TN, SM và GTCL để mọi đối tượng liên quan trong trường hiểu rõ và vận dụng vào kế hoạch, công việc hiệu quả nhất.	BGH, phòng TCHC	Từ năm 2022	

4. Mức đánh giá:

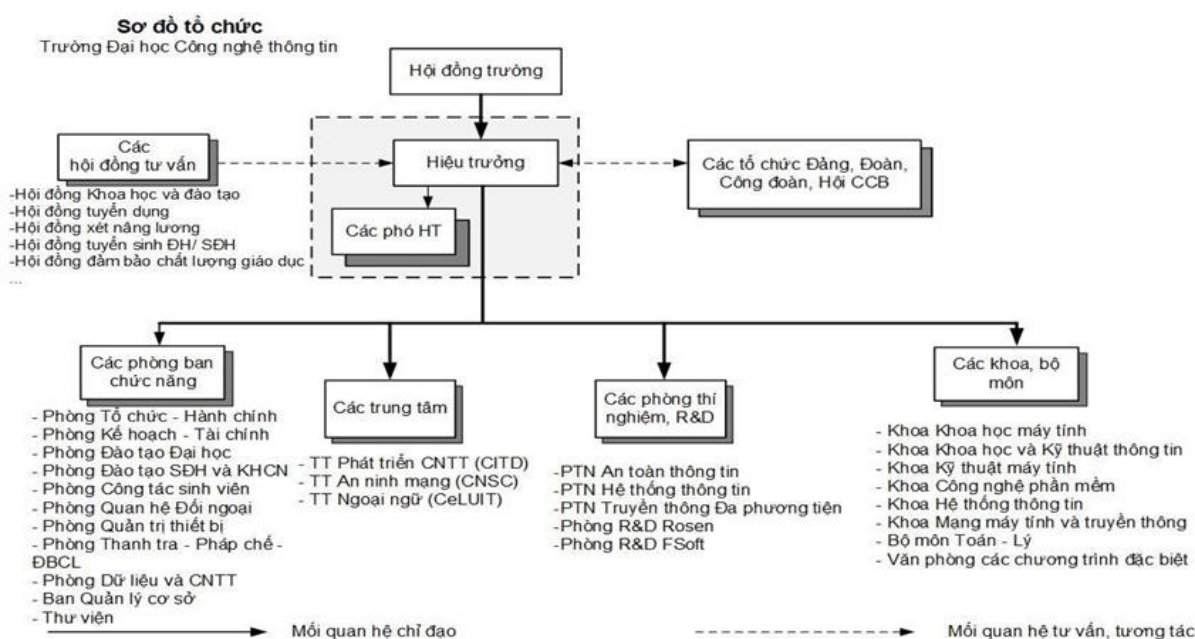
Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 1	4,60
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	5
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	4

TIÊU CHUẨN 2. QUẢN TRỊ

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc HĐT; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục

Hệ thống quản trị Trường được thiết lập đúng theo quy định của pháp luật như Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ các trường đại học (trước 2/2020), các quy định của ĐHQG-HCM và phù hợp với mô hình của ĐHQG-HCM bao gồm: HĐT; BGH và các đơn vị trực thuộc; các hội đồng tư vấn như Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng ĐBCL, Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng xét nâng lương, Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh,...; các tổ chức Đảng, Đoàn thể gồm Đảng bộ Trường, ĐTN Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh.

Tất cả hệ thống quản trị này được cụ thể hóa theo sơ đồ Hình 1.1 và được Trường quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong: Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐT, Quy định chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường [H2.2.1.01].



Hình 1.1. Sơ đồ tổ chức Trường ĐHCNTT

Trong đó, HĐT được thành lập theo Nghị quyết của Hội đồng ĐHQG-HCM về công nhận HĐT, Chủ tịch và các thành viên HĐT Trường ĐHCNTT, nhiệm kỳ 2020 – 2025. Thành phần và cơ cấu của HĐT theo đúng quy định trong Luật Giáo dục đại học sửa đổi và bổ sung [H2.2.1.02], bao gồm:

- Trong trường: 13 (Bí thư ĐU, Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn TN, và đại diện GV, VC, người lao động)
- Đại diện cơ quan chủ quản: 01
- Doanh nghiệp: 03
- Cựu sinh viên (hiện là doanh nhân): 01
- Nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà khoa học: 03

Đảng bộ Trường là đảng bộ cơ sở thuộc Đảng bộ ĐHQG-HCM, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và theo Quy chế làm việc của ĐU, Quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra ĐU Trường [H2.2.1.03].

Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2012-2017 và nhiệm kỳ 2017-2022 được Công đoàn ĐHQG-HCM ra quyết định công nhận Ban chấp hành, Ban thường vụ, ủy ban kiểm tra và các chức danh chủ tịch, phó chủ tịch [H2.2.1.04]. Sau mỗi kỳ đại hội, BCH Công đoàn Trường đều ban hành Quy chế hoạt động theo đúng quy định hướng dẫn của công đoàn cấp trên [H2.2.1.05].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường là tổ chức Đoàn trực thuộc Thành Đoàn TP. HCM, được Thành đoàn TP. HCM quyết định công nhận Ban chấp hành, Ban thường vụ và các chức danh bí thư, phó bí thư nhiệm kỳ 2017 – 2019 và nhiệm kỳ 2019-2022. Sau mỗi kỳ đại hội, BCH Đoàn Trường đều ban hành Quy chế hoạt động theo đúng quy định hướng dẫn của Thành đoàn TP. HCM [H2.2.1.06].

Để đảm bảo các tổ chức quản trị hoạt động hiệu quả, việc phân định rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp hay mối quan hệ được xác lập rõ trong: Quy chế làm việc của Ban chấp hành Đảng bộ trường [H2.2.1.03], Quy chế tổ chức và hoạt động tạm thời của Hội đồng trường [H2.2.1.01]. Các cơ chế phối hợp gồm:

- Cơ chế phối hợp hay mối quan hệ giữa HĐT và ĐHQG-HCM được quy định

cụ thể tại Điều 21, Quy chế tạm thời về Tổ chức và hoạt động của HĐT Trường ĐHCNTT. Cụ thể:

- HĐT có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của ĐHQG-HCM.
 - Nghị quyết của HĐT phải phù hợp quy định của pháp luật và chiến lược phát triển của ĐHQG-HCM.
 - Mọi quan hệ giữa HĐT và ĐHQG-HCM thực hiện theo quy định của ĐHQG-HCM.
- Cơ chế phối hợp hay mối quan hệ giữa HĐT với Ban giám hiệu tại Điều 22, Quy chế tạm thời về Tổ chức và hoạt động của HĐT Trường ĐHCNTT như sau:
- HĐT thực hiện chức năng quản trị, định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển trường; giám sát trách nhiệm giải trình của hiệu trưởng theo quy định.
 - Hiệu trưởng thực hiện chức năng quản lý, điều hành hoạt động của Trường theo Nghị quyết của HĐT; chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động của Trường; báo cáo định kỳ bằng văn bản kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn Hiệu trưởng và kết quả thực hiện nghị quyết HĐT tại các phiên họp của HĐT; báo cáo đột xuất hoặc chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động của trường theo yêu cầu của HĐT.

Để đảm bảo trách nhiệm giải trình tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động, Trường đã ban hành Quy chế về thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHCNTT [H2.2.1.07].

Để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả mọi hoạt động, Trường đã ban hành hệ thống văn bản quản trị bao phủ toàn bộ các đơn vị, các mảng hoạt động và hệ thống hóa, các văn bản này được đăng trên website của phòng TCHC cũng như tại đơn vị chuyên môn liên quan [H2.2.1.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Trong các cơ quan quản trị Trường, ĐU luôn đóng vai trò quan trọng nhất trong việc chỉ đạo, định hướng phát triển của Trường. Đầu mỗi nhiệm kỳ, ĐU ban hành Nghị quyết toàn khóa cùng các chương trình/kế hoạch hành động trọng tâm cho các mảng hoạt động chính yếu của Trường. Trong đó xác định rõ phương hướng phát triển, các mục tiêu, các chỉ số KPIs và yêu cầu BGH, các đơn vị trong Trường triển khai thông qua việc tích hợp vào trong KHCL, vào hoạt động hàng năm của các đơn vị. Hàng năm, khi nhận được các Nghị quyết của cấp trên cũng như các quyết định, văn bản chỉ đạo, ĐU trường đều chuyển tải thành các nghị quyết, chương trình hoặc kế hoạch để chỉ đạo triển khai trong Trường [H2.2.2.01]. Sau khi KHCL 2021-2026 được ban hành, ĐU đã ban hành nghị quyết để đẩy mạnh chỉ đạo triển khai KHCL này [H2.2.2.02].

Thực hiện chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện của nhà nước, Trường đã thành lập HĐT theo luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. Hội đồng trường là tổ chức quản trị, thuộc cơ cấu tổ chức của Trường, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật. Từ khi thành lập, HĐT đóng vai trò then chốt trong mọi mặt hoạt động của Trường, quyết định về chiến lược, kế hoạch phát triển, kế hoạch hằng năm của Trường; quyết định phương hướng tuyển sinh, mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác giữa Trường với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; quyết định chính sách thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển cho Trường; chính sách học phí, hỗ trợ NH; phê duyệt kế hoạch tài chính; thông qua báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Trường,... [H2.2.2.03].

Ban Chấp hành Công đoàn Trường được bầu ra tại Đại hội Công đoàn có nhiệm vụ đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho CB, VC và người lao động [H2.2.2.04]. Sau mỗi kỳ đại hội, Công đoàn Trường xây dựng Quy chế hoạt động, Quy chế chi tiêu nội bộ của Công đoàn cho nhiệm kỳ 5 năm [H2.2.2.05]. Theo các chỉ đạo từ công đoàn ĐHQG-HCM, ĐU Trường và theo KHCL chung của Trường, vào đầu mỗi năm học Công đoàn Trường ban hành kế hoạch hoạt động năm để triển khai các hoạt

động [H2.2.2.06]. Công đoàn tham gia vào công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên, CBVC-NLĐ bằng hình thức là thành viên trong các Hội đồng như: Thi đua khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, quy trình bổ nhiệm... [H2.2.2.07]. Công đoàn Trường phối hợp với thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị CB, CC cơ quan [H2.2.2.08]. Ngoài ra Công đoàn Trường còn là một trong các đơn vị chính trong tổ chức các hoạt động xã hội, từ thiện PVCD [H2.2.2.09].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường là tổ chức chính trị - xã hội đại diện cho Đoàn viên thanh niên tại Trường, thực hiện nhiệm vụ giáo dục chính trị - tư tưởng, đạo đức lối sống, pháp luật, đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho đoàn viên, SV, đồng thời tổ chức các phong trào hành động cách mạng, tạo môi trường cho đoàn viên, SV được phát huy các điểm mạnh, tham gia học thuật, nghiên cứu khoa học – sáng tạo. Đoàn Trường thực hiện các nhiệm vụ, chủ trương do Đoàn cấp trên chỉ đạo thực hiện, bên cạnh đó, Đoàn Trường đặt dưới sự lãnh đạo của ĐU Nhà trường, thực hiện các đường lối, nghị quyết của ĐU Trường nhằm thực hiện nhiệm vụ của nhiệm kỳ. Đoàn Trường là đơn vị quản lý 08 cơ sở Đoàn trực thuộc gồm 06 Đoàn cơ sở và 02 Chi đoàn cơ sở, đồng thời là hạt nhân nòng cốt lãnh đạo các phong trào của HSV trường. HSV với vai trò là tổ chức xã hội của SV, chịu trách nhiệm chính trong công tác tập hợp thanh niên, tổ chức các phong trào sôi nổi, phù hợp với SV Trường, cùng các Câu lạc bộ - Đội – Nhóm thực hiện tập hợp thanh niên theo sở thích, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ với ĐTN Trường. Đoàn Trường, HSV Trường thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động trong từng nhiệm kỳ và từng năm học nhằm hiện thực hóa một số nội dung trong Nghị quyết đại hội Đảng bộ các cấp theo sự chỉ đạo của ĐU, Đoàn cấp trên [H2.2.2.10].

Thực hiện các chỉ đạo của ĐHQG-HCM; các NQ, quyết định, kết luận của ĐU, của HĐT cũng như dựa trên các biên bản họp hay kết luận tư vấn của các Hội đồng tư vấn, BGH Nhà trường đã chuyển tải vào KHCL, vào kế hoạch thực hiện hàng năm [H2.2.2.11], cũng như chỉ đạo các đơn vị, các bộ phận, các tổ xây dựng, thực hiện các kế hoạch năm bám sát theo TN, SM và mục tiêu chung của Trường [H2.2.2.12]. Để giám sát việc thực hiện các kế hoạch, chính sách được hiệu quả, Trường giao nhiệm vụ

cho các đơn vị đầu mối giám sát như: Tổ giám sát thực hiện KHCL phụ trách theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện KHCL; phòng TT-PC-ĐBCL giám sát các công tác thanh tra nội bộ, công tác ĐBCL; phòng ĐTSĐH&KHCVN giám sát các hoạt động ĐTSĐH ở các Khoa, các hoạt động KHCVN trong toàn Trường; phòng ĐTDH giám sát việc xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo, thống kê phân tích chất lượng SV đầu vào, quá trình triển khai giảng dạy đánh giá, kết quả học tập của SV; phòng CTSV giám sát các hoạt động liên quan tới NH, PVCD,...[H2.2.2.13].

Vào thứ hai tuần đầu tiên mỗi tháng, Trường tổ chức họp giao ban toàn Trường với thành phần là Chủ tịch HĐT, BGH và Trưởng các đơn vị với mục đích đánh giá công việc triển khai của tháng trước, định hướng các công việc của tháng tiếp theo; trao đổi các nội dung, vấn đề trong các đơn vị; nghe báo cáo chuyên đề về một số lĩnh vực [H2.2.2.14]. Ngoài ra, vào đầu mỗi tuần, BGD họp giao ban để rà soát và chỉ đạo triển khai các công việc trong tuần, bám sát vào kế hoạch tháng cũng như định hướng để đạt được các kế hoạch năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Hàng năm, hệ thống quản trị của Trường bao gồm cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản điều hành đều được tiến hành rà soát, đánh giá thông qua các cuộc họp Ban chấp hành Đảng bộ, HĐT, BGH, các cuộc họp giao ban Trường cũng như trong các cuộc họp của các đơn vị [H2.2.3.01]. Với ĐU Trường, trước khi tiến hành đại hội Đảng bộ, ĐU Trường tiến hành rà soát quy hoạch chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban thường vụ, ĐU viên cũng như các vị trí lãnh đạo ở các chi bộ phụ thuộc. Sau khi hội nghị thành công, trong quá trình triển khai công tác của nhiệm kỳ, ĐU thường xuyên thực hiện rà soát, bổ sung, kiện toàn nếu thiếu hoặc chuyển công tác nhằm đảm bảo công tác Đảng luôn được hiệu quả cao nhất [H2.2.3.02]. Tương tự như ĐU, HĐT dù mới được thành lập theo Luật Giáo dục đại học sửa đổi (Luật 34) vào năm 2019, tuy nhiên sau khi xem xét, rà soát và đối chiếu với Nghị định 99/2019/NĐ-CP ban hành ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Trường đã thành lập lại HĐT theo đúng cơ cấu, thành phần mà Luật 34 quy định. Trong quá trình

hoạt động, nhân sự của HĐT cũng được rà soát và kiện toàn phù hợp với cơ cấu đã được thống nhất [H2.2.3.03]. Ngoài ra các tổ chức như Công đoàn, ĐTN, HSV cũng tiến hành rà soát thường xuyên về cơ cấu tổ chức, về nhân sự, về các văn bản điều hành. Qua các đợt rà soát, cơ cấu tổ chức hoạt động của Trường được điều chỉnh, bổ sung, hoặc tinh giản phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Trường. Trong giai đoạn đánh giá, Trường được rà soát lại cơ cấu tổ chức tại nhiều đơn vị như: Bộ môn tiếng Anh và Trung tâm ngoại ngữ; Bộ môn Khoa học và Kỹ thuật thông tin; Phòng Nghiên cứu và phát triển Rosen, Phòng Nghiên cứu và Phát triển Citynow - UIT, Phòng Nghiên cứu và Phát triển Automotive (FSOFT - UIT Automotive R&D LAB),... Các rà soát, đánh giá để điều chỉnh, thành lập, sáp nhập, thay đổi nhằm hoạt động hiệu quả hơn và phù hợp hơn với các quy định trong Luật giáo dục đại học, các quy định của ĐHQG-HCM và của Trường [H2.2.3.04].

Hệ thống các văn bản quản lý nội bộ của Trường cũng luôn được rà soát đánh giá. Quá trình ban hành văn bản quản lý của Trường đều có sự tham gia đóng góp ý kiến của các cá nhân và đơn vị trong Trường và trải qua quy trình kiểm tra tính pháp lý của dự thảo trước khi ban hành [H2.2.3.05]. Các văn bản quản lý của Trường được rà soát thường xuyên bởi các đơn vị theo mảng công tác được phân công và hàng năm đều có bộ phận pháp lý rà soát các văn bản, báo cáo BGH để điều chỉnh khi phát hiện không hợp lý hoặc có sự thay đổi của chính sách chung [H2.2.3.06]. Nhờ đó, hệ thống văn bản quản lý của Trường sát với thực tiễn, không có sự mâu thuẫn, vướng mắc giữa các bộ phận liên quan, không có xung đột hoặc chông chéo về nội dung giữa các văn bản, không trái với các quy định của pháp luật và của ĐHQG-HCM và được toàn thể CB, VC Trường thấu hiểu. Điều này giúp Trường vận hành hiệu quả trong mọi hoạt động.

Là một trường đại học thành viên của ĐHQG-HCM, hàng năm, Trường có trách nhiệm thực hiện các báo cáo với cơ quan chủ quản ĐHQG-HCM, với Bộ GD&ĐT, với Bộ KHCN và các đơn vị liên quan khác gồm báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết theo năm tài chính, các báo cáo tổng kết theo từng lĩnh vực như: tuyển sinh, đào tạo, NCKH, tài chính,... [H2.2.3.07]. Ngoài ra, Trường còn thực hiện một số báo cáo giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ như với Đảng bộ, Công đoàn Trường, ĐTN,... [H2.2.3.08].

Hàng năm, Trường đều tổ chức đánh giá toàn bộ nhân sự Trường nói chung và

đánh giá đảng viên, đánh giá cán bộ ở các đơn vị, bộ phận trong hệ thống quản trị nói riêng theo quy định đánh giá đảng viên, Quy định đánh giá CC, VC và người lao động nói chung [H2.2.3.09]. Các kết quả đánh giá hàng năm đều được công khai trên website của Trường [H2.2.3.10]. Đặc biệt từ năm 2021 (sau khi HĐT thành lập 8/2020), thực hiện vai trò giám sát thay mặt các BLQ, HĐT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Trường theo đúng các nội dung như Khoản 8, Điều 3 của Quy chế tạm thời về Tổ chức và hoạt động của HĐT thông qua các hình thức như: Các báo cáo trong các kỳ họp định kỳ của Hội đồng trường như báo cáo tài chính, báo cáo phương hướng tuyển sinh, báo cáo chủ trương đầu tư, báo cáo chủ trương sử dụng tài sản công, báo cáo các dự án, báo cáo định kỳ 6 tháng/năm của Trường, các báo cáo các cấp trên (ĐHQG-HCM và các Bộ), báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, báo cáo của Thanh tra Chính phủ,... Các thành viên HĐT, bên cạnh việc thực hiện giám sát chung thì cần chú tâm chính vào việc giám sát, hỗ trợ định hướng các hoạt động của Trường theo mảng công tác tương ứng được phân công [H2.2.3.11]. Nhờ toàn hệ thống quản trị hoạt động hiệu quả và tích cực nên các chỉ tiêu, kế hoạch, định hướng chính trong 2 năm qua Trường đều hoàn thành vượt bậc.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn

Với SM là một TT ĐTĐH, SDH cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và PVCĐ, đồng thời giữ vững văn hóa, GTCL “Tiến về phía trước”, Trường thực hiện cải tiến liên tục để tăng hiệu quả hoạt động trong mọi lĩnh vực của Trường. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Trường sau khi được rà soát, đã được điều chỉnh phù hợp hơn nhưng vẫn đảm bảo theo các quy định của Điều lệ Trường đại học (hiệu lực tới 2/2020), Quy chế về tổ chức và hoạt động của các trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM, Luật 34. Trong giai đoạn đánh giá, cơ cấu tổ chức có một số thay đổi theo sự phát triển của Trường như: Thành lập phòng Nghiên cứu và phát triển Rosen năm 2017, sáp nhập Bộ môn Anh văn vào Trung tâm ngoại ngữ năm 2018, thành lập khoa Khoa học và Kỹ thuật thông tin trên cơ sở Bộ môn Khoa học và Kỹ thuật thông tin năm 2018, thành lập phòng Nghiên cứu và Phát triển

Citynow - UIT năm 2019, thành lập phòng Nghiên cứu và Phát triển Automotive (FSOFT - UIT Automotive R&D LAB) năm 2019,... đồng thời cũng giải thể một số đơn vị không phù hợp, hoạt động không hiệu quả như phòng Nghiên cứu và Phát triển Citynow – UIT. Các thay đổi này hoàn toàn phù hợp với các quy định trong Luật giáo dục đại học, các quy định của ĐHQG-HCM và của Trường [H2.2.4.01].

Năm 2019, khi Luật Giáo dục đại học sửa đổi có hiệu lực (01/7/2019), Trường đã thành lập HĐT nhiệm kỳ 2019-2024 theo định hướng phát triển chung của ĐHQG-HCM, sau đó Nghị định 99/2019/NĐ-CP ban hành 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, Trường đã xem xét, rà soát, đối chiếu với thành lập lại HĐT theo đúng cơ cấu, thành phần mà Luật 34 quy định [H2.2.4.02].

Năm 2019, thực hiện chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện của giáo dục đại học ở Việt Nam, Trường đã xây dựng Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐH CNTT và đã được Hội đồng ĐHQG-HCM thông qua vào tháng 8/2020 [H2.2.4.03].

Với hệ thống chính quyền, trong giai đoạn 2017-2021, Trường đã tiến hành bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ quan trọng trong BGH như: Bổ nhiệm Hiệu trưởng năm 2017 (PGS.TS. Nguyễn Hoàng Tú Anh), miễn nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng theo nguyện vọng cá nhân năm 2020 (TS. Nguyễn Anh Tuấn), miễn nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng để chuyển giữ chức vụ khác năm 2020 (PGS.TS. Vũ Đức Lung), bổ nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng năm 2020 (TS. Nguyễn Lưu Thuỳ Ngân). Theo quy hoạch Trường có tối đa 03 Phó Hiệu trưởng, tuy nhiên do quy mô của Trường chưa quá lớn đồng thời hoạt động chuyên môn của Trường chỉ tập trung vào một lĩnh vực là CNTT&TT nên hiện nay BGH đang được tinh giảm còn 2 Phó Hiệu trưởng. Về nhân sự VC quản lý các đơn vị, Hiệu trưởng Nhà trường đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại VC quản lý các năm, chẳng hạn như: Năm 2017 bổ nhiệm TS. Huỳnh Ngọc Tín - Trưởng bộ môn Phát triển Phần mềm, PGS.TS. Đỗ Văn Nhơn - Trưởng phòng TT-PC-ĐBCL; năm 2018 bổ nhiệm PGS.TS. Lê Trung Quân - Trưởng khoa Khoa Mạng Máy tính và Truyền thông, TS. Nguyễn Gia Tuấn Anh - Trưởng khoa Khoa học và Kỹ thuật Thông tin; năm 2019 bổ nhiệm CN. Nguyễn Khánh Sơn - Phó Trưởng phòng TT-PC-ĐBCL, TS. Cao Thanh Tình - Trưởng Bộ môn Toán Lý; năm 2020 bổ nhiệm TS. Nguyễn Vinh Tiệp - Trưởng phòng TN

Truyền thông đa phương tiện, Ths. Lê Đức Thịnh - Phó giám đốc trung tâm Phát triển CNTT; năm 2021 bổ nhiệm TS. Lâm Đức Khải – Phó Trưởng phòng ĐTDH, TS. Nguyễn Thanh Bình - Trưởng phòng Thí nghiệm Hệ thống Thông tin,... [H2.2.4.04].

Với thế mạnh về CNTT, Trường có chủ trương tin học hoá các hoạt động trong Trường. Hiện tại, hệ thống tin học quản lý trong Trường phủ hầu hết các hoạt động như: Đào tạo, KHCN, tổ chức, nhân sự, hành chính, khảo sát ý kiến, CTSV,... Năm 2021, sau khi chuyển sang cơ chế tự chủ, để gìn giữ văn hóa “chuyên nghiệp”, nhằm thiết lập hệ thống quản trị, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và hiệu quả nhất, Trường đã thuê và triển khai thêm hệ thống quản lý công việc 1Office (<https://uit.1office.vn/>). Đây là Hệ thống CNTT quản lý và thống kê hiệu quả các công việc tại Trường và sắp tới hệ thống này sẽ là “Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc và trả lương, thu nhập theo hiệu quả công việc” được dự kiến đưa vào triển khai cuối năm 2022.

Để cải tiến tăng hiệu quả của hệ thống quản trị, ĐHQG-HCM và Trường luôn tạo điều kiện cho đội ngũ nhân sự trong hệ thống quản trị nâng cao năng lực để đạt được hiệu quả trong công tác quản trị và quản lý rủi ro tốt hơn bằng việc đề xuất nhân sự tham gia các lớp học hoặc tổ chức các lớp học như: Trung cấp, cao cấp lý luận chính trị, các lớp quản lý cấp chiến lược, quản trị đại học, bồi dưỡng kỹ năng quản lý lãnh đạo cấp vụ,... Đặc biệt, trong KHCL 2021-2026 có riêng một chiến lược về nâng cao năng lực và Trường đang thiết kế CTĐT nâng cao năng lực bài bản dài hạn cho 5 năm tới [H2.2.4.05].

Bên cạnh đó, các hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý của hệ thống quản trị Trường cũng luôn được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với những thay đổi trong cấu trúc. Những văn bản quản trị, quản lý quan trọng nhất được điều chỉnh hoặc ban hành trong giai đoạn đánh giá như bảng sau:

STT	Tên văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Điều chỉnh/Mới
1	Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐHCNTT	637/QĐ-ĐHCNT	11-09-2017	Thay thế quy định cũ
2	Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các phòng ban chức năng của Trường ĐHCNTT (hết hiệu lực)	168/QĐ-ĐHCNTT	11-04-2017	
3	Quy định về Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các khoa, bộ môn trực thuộc Trường ĐHCNTT (hết hiệu lực)	198/QĐ-ĐHCNTT	20-04-2017	
4	Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHCNTT	296/QĐ-ĐHCNTT	05-05-2022	Thay 2 quy định trên
5	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường ĐHCNTT	01/QĐ-HĐTĐHCN TT	25-11-2020	Thay thế QĐ206 25/11/2015.
6	Quy chế tài chính tạm thời	03/NQ-HĐTĐHCN TT	14/3/2022	Mới
7	Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường	02/NQ-HĐTĐHCN TT	14/2/2022	Mới
8	Danh mục vị trí việc làm của Trường	05/NQ-HĐTĐHCN TT	16/5/2022	Mới

Quá trình hoạt động của Trường cho thấy về cơ bản cơ cấu tổ chức của Trường là phù hợp, các đơn vị trong Trường hoạt động đồng bộ và hiệu quả. Sự chỉ đạo điều hành từ ĐU, HĐT xuống BGH, từ Trường xuống Khoa, quan hệ giữa các phòng, ban với nhau, giữa phòng, ban và khoa thông suốt, nhịp nhàng chứng tỏ quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, các văn bản triển khai các hoạt động của Trường đầy đủ, phù hợp với quy định, đảm bảo hiệu quả, công khai và minh bạch, đáp ứng được yêu cầu hiện tại cũng như thúc đẩy cho sự phát triển Trường trong tương lai.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hệ thống quản trị được thành lập đầy đủ theo quy định cùng với hệ thống văn bản quy định, quy trình được thường xuyên rà soát, cập nhật và cải tiến giúp Trường phát triển mạnh trong giai đoạn đánh giá.
- Hệ thống quản trị nhà Trường luôn chủ động kịp thời đưa ra các quyết định và chuyển tải thành các kế hoạch hành động để triển khai thực hiện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hoạt động của HĐT còn chưa được đầy đủ và hiệu quả do mô hình mới được đưa vào Việt Nam và còn nhiều chông chéo giữa các điều của luật cũng như giữa các luật nên chưa ban hành mới được quy chế tổ chức hoạt động của Trường.

3. Kế hoạch cải tiến:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và ban hành mới quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.	HĐT; Phòng TCHC.	2023	Sau khi có NĐ mới về ĐHQG

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
2	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục rà soát, cải tiến, tinh gọn bộ máy lãnh đạo, điều hành	ĐU – BGH	2023	
		Thường xuyên rà soát, cải tiến và bổ sung hệ thống văn bản thể chế của Trường	BGH, các đơn vị	Từ 2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 2</i>	4.75
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	4

TIÊU CHUẨN 3. LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Cơ cấu quản lý của Trường được thiết lập theo đúng các quy định của pháp luật, của ĐHQG-HCM và theo nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng lãnh đạo toàn diện, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; HĐT đóng vai trò đại diện các BLQ sở hữu Trường và định hướng các chiến lược, chính sách, quy định quan trọng nhất trong Trường đồng thời theo dõi giám sát các hoạt động của Trường. Theo đó, cơ cấu tổ chức quản lý của Trường được xác định rõ ràng gồm BGH và các đơn vị trực thuộc như trên hình 1.1 ở trên, gồm:

Các đơn vị quản lý hành chính: Phòng TCHC; Phòng KHTC; Phòng ĐTDH, Văn phòng các Chương trình đặc biệt; Phòng CTSV; Phòng QHĐN; Phòng QTTB; Phòng TT-PC-ĐBCL; Phòng DL&CNTT; Ban QLCS và Thư viện.

Các đơn vị quản lý chuyên môn: Khoa Khoa học máy tính; Khoa Khoa học và Kỹ thuật thông tin; Khoa Kỹ thuật máy tính; Khoa Công nghệ Phần mềm; Khoa Hệ thống Thông tin; Khoa Mạng máy tính và Truyền Thông; Bộ môn Toán – Lý; Trung tâm phát triển CNTT; Trung tâm An ninh mạng; Trung tâm ngoại ngữ.

Các đơn vị quản lý và thực hiện nghiên cứu: Phòng ĐTSĐH&KHCCN; PTN An toàn thông tin; PTN Hệ thống thông tin; PTN Truyền thông đa phương tiện; Phòng nghiên cứu và phát triển Rosen.

Ngoài ra, tham gia vào hệ thống quản lý của Trường còn có các tổ chức Đảng, Đoàn thể và các hội đồng tư vấn [H3.3.1.01]. Với cơ cấu tổ chức này đã ổn định và chứng minh được tính hiệu quả, tính đủ trong quản lý điều hành Trường trong những năm qua.

Các đơn vị trong cơ cấu tổ chức Trường trong giai đoạn 2017- 2021 được thành lập mới căn cứ trên KHCL, định hướng phát triển của Trường đã được quy hoạch. Theo đó các đơn vị thành lập mới gồm: Thành lập phòng Nghiên cứu và phát triển Rosen năm 2017, thành lập khoa Khoa học và Kỹ thuật thông tin trên cơ sở Bộ môn Khoa học

và Kỹ thuật thông tin năm 2018, thành lập Phòng Nghiên cứu và Phát triển Citynow - UIT năm 2019, thành lập Phòng Nghiên cứu và Phát triển Automotive (FSOFT - UIT Automotive R&D LAB) năm 2019 [H3.3.1.02].

Trực tiếp điều hành, quản lý các hoạt động cụ thể của Trường là BGH với các thành viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các trường đại học thành viên và khoa trực thuộc cũng như trong bản phân công nhiệm vụ [H3.3.1.03].

Các đơn vị phòng, ban, khoa/bộ môn, trung tâm, phòng nghiên cứu có cơ cấu quản lý rõ ràng, với các chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện quản lý 03 trụ cột chính của Trường là ĐT, NCKH và PVCĐ.

Để các hoạt động cũng như phối hợp của các đơn vị được hiệu quả trong việc giúp Hiệu trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà trường, nhân sự tham gia cơ cấu quản lý được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định cũng như các chế độ thông tin, báo cáo trong Quy định Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường [H3.3.1.04]. Bản mô tả công việc và vị trí việc làm [H3.3.1.05], bản phân công nhiệm vụ trong ban lãnh đạo các đơn vị [H3.3.1.06]. Đặc biệt các thông tin, báo cáo của Trường được triển khai định kỳ trong họp giao ban mỗi đầu tháng bao gồm Chủ tịch HĐT, BGH và Trưởng các đơn vị [H3.3.1.07].

Ngoài ra, các cơ chế phối hợp và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý nhằm tránh chồng chéo trong quá trình thực thi công việc cũng như đảm bảo thực hiện tính giải trình, tính minh bạch giữa ĐU, HĐT, BGH, Ban chấp hành Công đoàn, ĐTN cũng được Trường quy định rõ [H3.3.1.08].

Đội ngũ lãnh đạo quản lý các đơn vị được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực tế cụ thể, theo quy hoạch đã được duyệt và đều có các tiêu chí cho từng vị trí quản lý [H3.3.1.09].

Nhờ cơ cấu quản lý được thiết lập, phân định rõ vai trò, trách nhiệm, chế độ thông tin, báo cáo nên việc tổ chức triển khai nhiệm vụ đã cơ bản đảm bảo đạt được TN, SM, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Trường trong các giai đoạn đã qua.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Các phát biểu SM, TN, GTCL và các mục tiêu chiến lược được Trường đưa vào trong KHCL các giai đoạn và giai đoạn gần nhất là KHCL 2021-2025, TN đến 2030. Các thông tin này luôn được phổ biến đến toàn thể CB, GV và SV cũng như các BLQ thông qua website của Trường [H3.3.2.01]. Để tuyên truyền, phổ biến các nội dung TN, SM và các GTCL của Trường đến các BLQ trong và ngoài Trường, lãnh đạo Trường đã chỉ đạo lên kế hoạch và thông tin đến toàn thể các BLQ [H3.3.2.02]. Lãnh đạo Trường thường xuyên tham gia các hoạt động kết nối, tuyên truyền, định hướng TN, SM, GTCL và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường như: Trong xây dựng KHCL luôn định hướng các mục tiêu đưa ra nhằm từ từ đạt được tầm nhìn mà Trường hướng tới cũng như SM Trường phải thực hiện; Trong xây các đợt xây dựng, điều chỉnh CTĐT, các cuộc họp xây dựng CDR của CTĐT luôn được lãnh đạo định hướng cần xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra căn cứ trên TN, SM và triết lý giáo dục của Trường; Trong các buổi nói chuyện, sinh hoạt với SV đầu khóa, Trường thường cử một Phó Hiệu trưởng tham gia tuyên truyền về ĐHQG-HCM, về TN, SM, GTCL cũng như triết lý giáo dục của Trường; Trong các đợt ghé thăm, khảo sát và làm việc tại trụ sở các đối tác trong và ngoài nước, lãnh đạo Trường thường giới thiệu về TN, SM và giá trị văn hóa, GTCL thông qua slides giới thiệu về Trường cũng như các tài liệu, tờ rơi giới thiệu. Đặc biệt Trường còn tổ chức tuyên truyền, giới thiệu TN, SM, GTCL và triết lý giáo dục thông qua các video giới thiệu về Trường, các video tham gia đánh giá kiểm định [H3.3.2.03].

Trường giao phòng QHĐN nhiệm vụ chủ trì phối hợp với các đơn vị khác để tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, phát triển thương hiệu của Trường. Các hoạt động, hình thức tuyên truyền được thực hiện đa dạng như thông qua website Trường, trang mạng xã hội chính thức của Trường (Facebook Fanpage), Sổ tay NV, Sổ tay SV, hình ảnh quà lưu niệm, các tài liệu giới thiệu về Trường, bảng treo trên các tòa nhà và trong các phòng họp, các bảng hiệu về văn hóa ứng xử của SV,... và treo ở các vị trí dễ quan sát [H3.3.2.04]. Ngoài ra, trong các buổi tư vấn tuyển sinh, do báo Tuổi trẻ, báo Thanh niên, do ĐHQG-HCM tổ chức tại các địa phương, các trường THPT lãnh đạo Trường

thường giới thiệu thông tin về trường, về các ngành đào tạo của trường, về SM, TN và văn hóa của Trường.

Để việc tuyên truyền được hiệu quả, thể hiện các BLQ có hiểu biết về TN, SM Trường đã tích hợp vào trong các đề thi vào ngạch VC các nội dung về TN, SM của ĐHQG-HCM, của Trường; tích hợp vào trong các câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra SV trong các kỳ sinh hoạt đầu khóa, sinh hoạt đầu năm và cuối khóa [H3.3.2.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường được tiến hành rà soát thường xuyên thông qua: Các cuộc họp giao ban BGH đầu hàng tuần; họp giao ban Trường các đơn vị toàn trường định kỳ vào thứ hai đầu tiên của mỗi tháng; các đợt rà soát định kỳ theo kế hoạch; các văn bản yêu cầu cấp trên,... Với ĐU, Trường tiến hành rà soát quy hoạch, cơ cấu trước khi tiến hành đại hội và ngay sau khi đại hội nhằm đảm bảo cơ cấu, nhân sự đáp ứng nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ của Trường [H3.3.3.01]. Với HĐT, ngay sau khi có hướng dẫn cụ thể thực hiện Luật giáo dục sửa đổi bổ sung một số điều của Luật 34, HĐT đã tiến hành rà soát và thay thế chủ tịch HĐT cho phù hợp, ngoài ra trong quá trình từ khi thành lập chính thức 8/2020 đến nay đã rà soát thay thế một nhân sự và hiện còn khuyết một vị trí nhưng đã được đưa vào kế hoạch rà soát bổ sung trong năm 2022 [H3.3.3.02].

Đối với BGH trong giai đoạn 2017-2021, Trường đã cùng ĐHQG-HCM rà soát và bổ nhiệm một chức vụ Hiệu trưởng, 04 chức vụ Phó Hiệu trưởng trong đó miễn nhiệm 01 Phó Hiệu trưởng [H3.3.3.03]. Với các vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hiệu trưởng, Trường đã tổ chức rà soát định kỳ đội ngũ quản lý và kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trong Trường.

Để đảm bảo việc triển khai chức năng nhiệm vụ phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy mới, năm 2017, BGH đã chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi Quy định về chức năng và nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường ĐHCNTT và kết quả rà soát đã ban hành Quy chế mới 637 năm 2017 thay thế Quy chế số 55 năm 2016, Ban hành Quy chế tạm thời

về tổ chức và hoạt động của HĐT năm 2022 để bổ sung về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của HĐT và các thành viên cũng như mối liên hệ, cơ chế phối hợp giữa HĐT với ĐHQG-HCM, giữa HĐT với BGH [H3.3.3.04]. Ngoài ra hàng năm Trường triển khai các hoạt động thanh tra nội bộ các đơn vị, trong đó có rà soát việc ban hành các văn bản để quản lý công việc được hiệu quả, đúng luật, đúng quy định các cấp [H3.3.3.05].

Hàng năm, vào cuối năm học (khoảng tháng 6-7), Trường tổ chức việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và phân loại trong năm học đối với toàn bộ tập thể và các cá nhân với 4 mức phân loại: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ. Việc đánh giá được hướng dẫn rõ ràng, theo nguyên tắc phải căn cứ vào trách nhiệm, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện; đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các tiêu chí đánh giá được phân định rõ với từng đối tượng (CC, VCQL). Đặc biệt đối với lãnh đạo quản lý, việc đánh giá, phân loại phải dựa trên kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách [H3.3.3.06]. Căn cứ vào kết quả đánh giá, phân loại các đối tượng trên, các đơn vị sẽ tiến hành bình bầu các danh hiệu thi đua khen thưởng (Lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua, ...) và gửi lên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường để xem xét [H3.3.3.07]. Bên cạnh đó, hầu hết các CBQL của Trường là đảng viên và định kỳ vào cuối năm tài chính, ĐU Trường cũng tổ chức đánh giá đảng viên, tập thể lãnh đạo và tổng kết bằng Báo cáo tổng kết, Báo cáo kiểm điểm tập thể lãnh đạo ĐU, tập thể BGH [H3.3.3.08].

Năm 2021 là năm đầu tiên HĐT tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của Chủ tịch HĐT và của Hiệu trưởng, công tác này được đưa vào kế hoạch định kỳ năm 2022 và các năm tiếp theo [H3.3.3.09]. Các kết quả đánh giá Chủ tịch HĐT và Hiệu Trưởng được chuyển lên cấp trên để xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ một cách chính thức.

Từ việc định kỳ đánh giá hàng năm, chất lượng đội ngũ CBVC ngày càng được nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị. Trong giai đoạn 2017-2021, không có VCQL nào không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhằm đảm bảo đội ngũ CB luôn có tính kế thừa, luôn đáp ứng nhu cầu, góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược, Trường đã tiến hành rà soát quy hoạch lãnh đạo cấp ủy,

quy hoạch các vị trí lãnh đạo quản lý trong Trường. [H3.3.3.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Dựa trên kết quả rà soát, đánh giá, cơ cấu lãnh đạo và quản lý được Trường cải tiến đổi mới cho phù hợp hơn với tình hình thực tế tại Trường. Với ĐU Trường, cơ cấu trước khi tiến hành đại hội được tiến hành rà soát và được cải tiến ngay sau khi đại hội. Theo đó, BCH mới với thành phần gồm Chủ tịch HĐT, các thành viên BGH, Trưởng một số phòng ban quan trọng, Trưởng khoa và hai thành phần quan trọng mà trong BCH cũ không có là Chủ tịch Công đoàn Trường, và Bí thư ĐTN. Với cơ cấu cải tiến gồm 11 lãnh đạo chủ chốt các đơn vị, tổ chức đoàn thể giúp ĐU hoạt động linh hoạt và hiệu quả hơn [H3.3.4.01].

HĐT sau khi rà soát theo Nghị định 99 và Luật 34 đã cải tiến thay thế Chủ tịch HĐT để phù hợp, ngoài ra trong quá trình từ khi thành lập chính thức (tháng 8/2020) đến nay đã rà soát thay thế một nhân sự [H3.3.4.02]. Đối với cơ cấu BGH trong giai đoạn đánh giá có bổ nhiệm Hiệu trưởng cùng 03 Phó Hiệu trưởng và có sự bổ sung thay thế 01 Phó Hiệu trưởng do chuyển công tác đi nơi khác [H3.3.4.03].

Để tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của Trường như mong muốn, năm 2017 Trường đã sửa đổi Quy định về chức năng và nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Trường ĐHCNTT và kết quả rà soát đã ban hành quy chế mới thay thế, cũng như thực hiện đề án việc làm mới với danh mục các vị trí việc làm được ban hành [H3.3.4.04].

Việc ban hành các văn bản luôn được Trường lưu ý rà soát và bổ sung, điều chỉnh kịp thời như việc điều chỉnh về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý của Trường nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc [H3.3.4.05]. Để phù hợp với sự phát triển của Nhà trường theo từng giai đoạn, ĐU, BGH đã chỉ đạo tiến hành thực hiện cải tiến và kiện toàn các đơn vị như:

- Năm 2017: Thành lập Phòng nghiên cứu và phát triển Rosen - UIT theo hình thức hợp tác với các doanh nghiệp để đôi bên cùng có lợi, để tạo điều kiện cho SV tiếp cận thực tế, doanh nghiệp tham gia đóng góp truyền các kinh nghiệm thực tế cho SV và tuyển được các vị trí việc làm mong muốn [H3.3.4.06].
- Năm 2018: Sáp nhập Bộ môn Tiếng Anh vào Trung tâm ngoại ngữ để thống nhất các hoạt động giảng dạy về ngoại ngữ trong toàn Trường và để cải tiến hoạt động giảng dạy ngoại ngữ đáp ứng chuẩn đầu ra trong tình hình hội nhập quốc tế mạnh mẽ của Việt Nam; thành lập khoa Khoa học và Kỹ thuật thông tin trên cơ sở Bộ môn Khoa học và Kỹ thuật thông tin [H3.3.4.07].
- Năm 2019: Trên cơ sở thành công của phòng nghiên cứu và phát triển Rosen – UIT, thành lập tiếp Phòng Nghiên cứu và Phát triển Citynow – UIT; thành lập Phòng Nghiên cứu và Phát triển Automotive (FSOFT - UIT Automotive R&D LAB) [H3.3.4.08].
- Năm 2021: Giải thể Phòng Nghiên cứu và Phát triển Citynow – UIT do hoạt động không hiệu quả [H3.3.4.09].

Để minh bạch và tăng hiệu quả quản lý, năm 2017 Trường đã ban hành Quy định về Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các khoa, bộ môn trực thuộc Trường ĐHCNTT và Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các phòng ban chức năng của Trường ĐHCNTT [H3.3.4.10]. Dựa trên 2 quy định này và các kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc của viên chức quản lý hàng năm, các nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý được điều chỉnh, luân chuyển, bổ nhiệm lại một cách hợp lý [H3.3.4.11]. Theo đó trong giai đoạn đánh giá, các vị trí lãnh đạo quản lý hàng năm đều được đánh giá năng lực, hiệu quả để xem xét bổ nhiệm lại hoặc bổ nhiệm lên cao hơn khi có nhu cầu. Ngoài các vị trí hầu hết được bổ nhiệm lại, một số vị trí quan trọng được luân chuyển như: chuyển TS Dương Minh Đức từ Phó trưởng khoa Hệ thống thông tin qua làm Trưởng khoa Khoa Công nghệ phần mềm; chuyển TS. Lâm Đức Khải từ Phó khoa Kỹ thuật Máy tính qua làm Trưởng phòng ĐTDH (được bổ nhiệm Trưởng phòng từ tháng 08/2022).

Bên cạnh đó công tác rà soát quy hoạch viên chức lãnh đạo, quản lý cũng luôn

được trường chú trọng nhằm có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để có kế thừa liên tục cho sự phát triển bền vững của Trường. Theo đó Trường đã ban hành: Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2017; Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý từ kết quả điều chỉnh, bổ sung quy hoạch năm 2019 để thực hiện công tác cán bộ giai đoạn 2021 đến năm 2026 [H3.3.4.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Trường được hoàn thiện theo quy định của pháp luật và đáp ứng tốt yêu cầu công tác của Trường.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp của Trường được rà soát và đánh giá định kỳ theo năm nên đáp ứng tốt yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Trường.

2. Tóm tắt điểm tồn tại:

Vai trò trách nhiệm ra quyết định của HĐT còn khó khăn do luật quy định còn chưa rõ ràng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cụ thể hóa việc ra quyết định trong quy định, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.	HĐT	Từ 10/2022	

2	Điểm mạnh cần phát huy	Cơ cấu cùng đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Trường tiếp tục được rà soát, đánh giá và cải tiến định kỳ.	ĐU – BGH.	Liên tục hàng năm từ 2022.	
---	------------------------	---	-----------	----------------------------	--

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 3</i>	4.75
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	4

TIÊU CHUẨN 4. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Trong mỗi giai đoạn 05 năm phát triển, công tác xây dựng KHCL luôn được lãnh đạo Nhà trường quan tâm và thực hiện nghiêm túc. Trong giai đoạn đánh giá, Trường triển khai KHCL giai đoạn 2016-2020 và để chuẩn bị cho KHCL giai đoạn mới, ngay từ đầu năm 2020, Trường đã thành lập Ban chỉ đạo công tác xây dựng KHCL phát triển Trường ĐHCNTT giai đoạn 2021-2025 với thành phần gồm: Hiệu trưởng là Trưởng ban, các Phó Hiệu trưởng và Trưởng phòng TCHC là Ủy viên [H4.4.1.01]. Để đảm bảo công tác xây dựng KHCL đạt được kết quả tốt nhất, Trường đã thành lập Tổ nội dung và giao nhiệm vụ cho tổ này chuẩn bị nội dung báo cáo tổng kết KHCL giai đoạn 2016-2020 và xây dựng KHCL của Trường giai đoạn 2021-2025, trong đó Hiệu trưởng trực tiếp làm Tổ trưởng [H4.4.1.02]. Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng KHCL đã tổ chức nhiều cuộc họp, nhiều Hội nghị để đánh giá mức độ hoàn thành KHCL giai đoạn trước và tham mưu KHCL giai đoạn mới do đó một bộ phận hỗ trợ là Tổ hậu cần được thành lập với nhiệm vụ chính là hỗ trợ công tác thư ký các cuộc họp, tổng hợp thông tin, hỗ trợ công tác tổ chức Hội nghị KHCL [H4.4.1.03].

Để công tác xây dựng KHCL đạt được hiệu quả tốt nhất, Trường đã ban hành Hướng dẫn quy trình xây dựng và ban hành KHCL. Các bước trong đó gồm: Phân tích đánh giá kết quả đạt được của KHCL giai đoạn trước để có các nhận định nguyên nhân thành công cũng như thất bại, đánh giá những chiến lược cần tiếp tục duy trì trong giai đoạn mới; phân tích SWOT, dự đoán tình hình trong và ngoài nước trong những năm tới, những chính sách của nhà nước; phân tích để đạt được TN, SM và GTCL cần có các định hướng, KHCL gì; đi sâu vào phân tích theo các lĩnh vực để từ đó phác thảo KHCL tổng thể cùng các KHCL theo từng lĩnh vực theo các mẫu template, form và logframe chuẩn; tổ chức các Hội nghị, Hội thảo trao đổi, thảo luận và phân tích sâu từng chi tiết; trao đổi thảo luận, chấn vấn thông qua các Hội đồng KH&ĐT, HĐT và cuối cùng là qua một đợt đánh giá lớn của một Hội đồng do ĐHQG-HCM thành lập. Sau khi điều chỉnh, chỉnh sửa và giải trình đầy đủ, hợp lý sẽ được ĐHQG-HCM thông

qua và ký ban hành [H4.4.1.04].

Để xây dựng KHCL được hiệu quả và chất lượng, Trường đã tổ chức nhiều hội thảo nhằm trao đổi, hướng dẫn cùng với các biểu mẫu để xây dựng KHCL; tổ chức các cuộc họp để thống nhất phương pháp triển khai, các tổ nội dung theo lĩnh vực, trao đổi đánh giá việc triển khai KHCL giai đoạn 2016-2020 và các định hướng mục tiêu quan trọng cho KHCL giai đoạn 2021-2025. Đặc biệt, Trường đã tổ chức nhiều Hội nghị chuyên đề về KHCL cũng như tham gia các Hội nghị chuẩn bị cho xây dựng KHCL do ĐHQG-HCM tổ chức để đội ngũ CB chủ chốt tập trung trao đổi, thảo luận, thống nhất đánh giá kết quả giai đoạn trước và đưa ra các phân tích SWOT, các định hướng chiến lược phát triển Trường giai đoạn tiếp theo [H4.4.1.05]. Trong quá trình xây dựng KHCL, các BLQ đã tham gia bao gồm: Lãnh đạo Trường, đội ngũ quản lý, đại diện VC, GV, doanh nghiệp, đại diện NH, đại diện các nhà quản lý từ các cơ quan nhà nước, từ các Viện- Trường, từ ĐHQG-HCM.

Các KHCL sau khi được hoàn thành, được trình bày, lấy ý kiến đóng góp của HĐT và sau khi chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của HĐT, được HĐT thông qua. Trường ĐHCNTT là một Trường thành viên của ĐHQG-HCM do đó trong quá trình xây dựng KHCL, Trường còn được giám sát bởi các ban chuyên môn của ĐHQG-HCM với yêu cầu bám sát các định hướng, mục tiêu, chỉ tiêu trong KHCL của ĐHQG-HCM. Trước khi được ban hành chính thức, KHCL của Trường cũng được một Hội đồng thẩm định của ĐHQG-HCM, trong đó bao gồm lãnh đạo ĐHQG-HCM, đại diện các ban chuyên môn của ĐHQG-HCM, các nhà quản lý giáo dục, đại diện một số công ty,... cho ý kiến và thông qua [H4.4.1.06]. Trong giai đoạn đánh giá, Trường thực hiện KHCL giai đoạn 2016-2020 [H4.4.1.07] với 5 nhóm chiến lược thành phần gồm: 1 - Đào tạo, 2 - Khoa học và công nghệ, 3 - Quan hệ đối ngoại, 4 - Tổ chức và quản trị, 5- Nguồn lực cho sự phát triển; xây dựng và ban hành KHCL giai đoạn 2021-2025, TN đến năm 2030 [H4.4.1.08] với phương châm những việc đã đi vào hoạt động thường xuyên không cần thiết phải đưa vào KHCL và do đó KHCL mới chỉ còn 4 chiến lược thành phần trọng tâm gồm: 1 - Nâng cao chất lượng đào tạo, 2 - Phát triển Khoa học và Công nghệ, 3 - Gia tăng hiệu quả quản trị đại học, 4 - Gia tăng nguồn lực.

Bản KHCL của Trường đã cụ thể hóa các chiến lược phát triển Trường theo từng

lĩnh vực hoạt động nhằm hướng tới đạt được các mục tiêu trong ba trụ cột chính của Trường là ĐT, NCKH và PVCĐ. Từ kết quả phân tích việc thực hiện KHCL giai đoạn trước (2016-2020), phân tích bối cảnh, điểm mạnh điểm yếu, những cơ hội và thách thức của Trường trong thời gian tới, các chiến lược đã nêu cụ thể các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cùng với các giải pháp trọng tâm, các kế hoạch hành động theo từng năm với các điều kiện, kinh phí đính kèm. Các nội dung này trong quá trình xây dựng đều định hướng phù hợp với SM, TN và các GTCL của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Trong mỗi giai đoạn, khi KHCL được phê duyệt và ban hành, Trường công bố công khai trên website của Trường để toàn thể CB, GV, NV, SV cùng các BLQ có thể tham khảo. Song song với đó, trong các buổi họp giao ban, các KHCL này được quán triệt tới Trường các đơn vị trong Trường và yêu cầu các đơn vị căn cứ trên KHCL Trường để chuyển tải thành các kế hoạch hành động của đơn vị mình [H4.4.2.01]. Ngoài ra, Trường còn tổ chức phổ biến qua công tác văn thư (trực tiếp gửi văn bản); phổ biến trong các buổi seminar, Hội nghị, Hội thảo, học tập chuyên đề. Đồng thời Trường cũng thường xuyên nhắc nhở các đơn vị cần ưu tiên tập trung triển khai nhiệm vụ chiến lược qua hệ thống văn bản zalo nội bộ, qua email, qua hệ thống quản lý công việc lOffice.

Trên cơ sở KHCL trong từng giai đoạn, Trường đã ban hành kèm theo Kế hoạch thực hiện KHCL chi tiết (các Logframe) cho cả giai đoạn tương ứng [H4.4.2.02] và hàng năm Trường ban hành Kế hoạch hoạt động năm [H4.4.2.03]. Căn cứ trên các logframe (đã được chỉ định sẵn thời gian thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm triển khai và các chỉ số chính cần đạt được) để các đơn vị bám sát triển khai thực hiện. Định kỳ trong các cuộc họp giao ban đầu tháng, Trường ấn định các chuyên đề hay các mảng công tác để đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện rà soát, báo cáo triển khai. Hiện nay công tác này dần đã trở thành văn hóa chất lượng của Trường và mỗi đơn vị khi triển khai báo cáo chuyên đề đều đã thực hiện theo PDCA, có kế hoạch, có triển khai, có rà soát và đề xuất cải tiến nếu cần [H4.4.2.04]. Đặc biệt từ năm 2021, Trường triển khai phần

mềm quản lý công việc 1Office trên nền tảng web và di động giúp các đơn vị dễ dàng theo dõi, giám sát công việc hơn. Trong việc triển khai KHCL đã đưa vào từ 5/2021 với 158 công việc đã và đang triển khai theo KHCL tính đến 28/8/2022. Các công việc trong KHCL triển khai đều được theo dõi, đánh giá mức độ đạt được và thể hiện bằng hình ảnh, lưu đồ để tiện theo dõi giám sát [H4.4.2.05].

Để công tác triển khai đạt được hiệu quả mong muốn, ngay sau khi KHCL được phê duyệt, Trường đã thành lập Ban chỉ đạo thực hiện KHCL Trường giai đoạn 2021 – 2025 nhằm chỉ đạo các tổ công tác chiến lược, các đơn vị trong Trường nghiêm túc triển khai [H4.4.2.06]. Trường giao Tổ triển khai nhiệm vụ triển khai thực hiện KHCL giai đoạn 2021-2025 đã được ĐHQG-HCM phê duyệt [H4.4.2.07]. Trong quá trình triển khai, Tổ giám sát có nhiệm vụ giám sát việc thực hiện chiến lược của Trường và báo cáo tiến độ cũng như kết quả thực hiện KHCL cho Ban chỉ đạo định kỳ vào tuần đầu tháng 3 và 9 hàng năm [H4.4.2.08]. Theo đó định kỳ Tổ công tác, Tổ giám sát KHCL và các đơn vị trong Trường báo cáo việc triển khai thực hiện KHCL theo năm, 6 tháng, theo giữa giai đoạn và có báo cáo đánh giá việc triển khai giữa giai đoạn để điều chỉnh các chỉ tiêu chiến lược cho phù hợp với tình hình thực tiễn [H4.4.2.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Để theo dõi, đo lường, đánh giá mức độ thực hiện đạt được các mục tiêu chiến lược, trong KHCL của Trường giai đoạn 2016 - 2020 và 2021-2025 đã đưa vào các chỉ số chính KPIs. Trong đó, KHCL 2016-2020 đề ra 6 nhóm chiến lược gồm: Đào tạo, Khoa học – Công nghệ, Quan hệ đối ngoại, Tổ chức và quản trị, Nguồn lực cho sự phát triển với các chỉ số KPIs cụ thể [H4.4.3.01]. Trong KHCL giai đoạn mới 2021 -2025, Trường định hướng chỉ đưa vào KHCL các mục tiêu mang tính chiến lược thực sự, các mục tiêu mang tính công việc thường xuyên, công việc hiển nhiên cần triển khai không đưa vào trong KHCL và chiến lược gom lại gồm 4 nhóm chiến lược chính: Nâng cao chất lượng đào tạo, Phát triển Khoa học – Công nghệ, Gia tăng hiệu quả quản trị đại học, Tăng cường nguồn lực. Cùng với đó các chỉ tiêu KPIs cũng được ban hành rõ ràng [H4.4.3.02] như trong bảng 4.3.1 sau:

STT	Nội dung chỉ tiêu	Chỉ tiêu GD 2021-2025
1	Tỷ lệ SV ra trường đúng hạn (năm 2025)	60%
2	Tỷ lệ học viên sau đại học/ SV đại học chính quy	10%
3	Tỷ lệ SV CQ/ CB GD&NC	20:01
4	Số chương trình được cấp 02 bằng của Trường và 01 cơ sở đào tạo trong hệ thống ĐHQG-HCM	1
5	Số môn học dùng chung hệ thống học liệu số	9
6	Số lượng các chương trình được kiểm định theo các tiêu chuẩn và kiểm định cơ sở đào tạo	05 CTĐT
7	Số hợp đồng NCKH hợp tác với doanh nghiệp	03/năm
8	Số bài báo khoa học trong danh mục ISI/Scopus	1200
9	Đề tài/dự án nghiên cứu liên ngành	2
10	Số lượng viên chức, người lao động cơ hữu	400
11	Tỉ lệ TS cơ hữu/ tổng số GV cơ hữu đến năm 2025	35%
12	Tổng diện tích sàn xây dựng hoàn thành/Tổng diện tích sàn xây dựng của Trường theo quy hoạch	44%
13	Nguồn thu tăng so với năm trước	Tăng 15% năm

Bảng 4.3.1. Các KPI chính thực hiện KHCL giai đoạn 2021-2025

Ngoài các KPI chính liệt kê trong bảng trên, các KPI chi tiết cho các hoạt động khác được coi như các hoạt động thường xuyên cũng được liệt kê trong các chiến lược thành phần hay trong các logframe theo từng năm.

Hàng năm, Trường yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện theo năm học, đưa ra các mục tiêu, các chỉ tiêu phân chính về đào tạo, NCKH, phát triển nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất, PVCD,... Kế hoạch năm sau đó được trao đổi thảo luận trong họp giao ban, có sự tham gia góp ý của các khoa, bộ môn; phòng, ban chức năng, trung tâm

và đại diện Công đoàn, ĐTN trong Nhà trường; Sau khi thống nhất, Hiệu trưởng ký ban hành và trên cơ sở kế hoạch năm học, các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức năng [H4.4.3.03].

Các KPIs, các chỉ tiêu phần đầu chính của Trường được xây dựng theo nguyên tắc SMART (S – Specific: Cụ thể, M – Measurable: Đo lường được, A – Achievable: Có thể đạt được, R – Realistic: Thực tế, T – Timbound: Có thời hạn cụ thể) để đảm bảo rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi, thích hợp và có mốc thời gian thực hiện. Để các đơn vị nắm rõ về cách xây dựng các KPIs, Trường đã phân công một số cán bộ chủ chốt tham gia học tập lớp xây dựng KHCL và KPIs do dự án BUILD-IT thuộc USAID và Trường Arizona State University tập huấn; nghiên cứu và chia sẻ lại các nội dung này trong Hội nghị 03 ngày tại Vũng Tàu [H4.4.3.04].

Để giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số/chỉ báo thực hiện KHCL chính, các chỉ tiêu phần đầu chính so với các mục tiêu chiến lược, Trường giao Tổ giám sát KHCL [H4.4.3.05] và định kỳ trong các hội nghị giao ban đầu mỗi tháng giữa lãnh đạo Nhà trường với các đơn vị để rà soát, điều chỉnh, đưa ra giải pháp đạt được chỉ tiêu đề ra [H4.4.3.06]; Đồng thời yêu cầu các đơn vị trong các Báo cáo tổng kết năm báo cáo việc đạt được các chỉ số này để tổng hợp đưa vào báo cáo chung toàn Trường [H4.4.3.07]. Giữa giai đoạn KHCL, Trường tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh các chỉ tiêu cho phù hợp hơn, cùng đưa ra các giải pháp đạt được chỉ tiêu đề ra cuối giai đoạn của KHCL [H4.4.3.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phần đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Lãnh đạo Trường luôn xác định việc xây dựng và thực hiện KHCL là quan trọng đặc biệt và cần được cải tiến quá trình lập kế hoạch để đảm bảo đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra. Trong các đợt xây dựng KHCL trước đây, quá trình rà soát, xây dựng KHCL chỉ dựa trên kinh nghiệm, biểu mẫu của các CB được tập huấn và thông báo triển khai (thông thường qua email) mà chưa có một văn bản chính thức, đầy đủ nào. Trong đợt xây dựng KHCL năm 2020, Trường đã cải tiến phương pháp tiếp cận, ban hành

Hướng dẫn/Quy trình xây dựng KHCL một cách khoa học hơn, trong đó các cải tiến bao gồm [H4.4.4.01]:

- Đưa vào nội dung nghiên cứu tổng quan cách xây dựng và triển khai lập KHCL của các trường đại học trong và ngoài nước để từ đó giúp cán bộ lãnh đạo chủ chốt các đơn vị tham gia lập kế hoạch có cái nhìn rộng hơn, có định hướng xây dựng chiến lược được bài bản hơn.
- Nghiên cứu, so sánh việc xác lập và quản lý các chỉ số KPI và đề xuất các KPI chính cho Trường nhằm đạt được TN, SM và GTCL của Trường.
- Hàng năm tổ chức Hội nghị phê duyệt kế hoạch với các KPI của KHCL được phân bổ vào theo năm thực hiện.
- Có sự đóng góp của các BLQ khác thông qua HĐT như: Chuyên gia, nhà quản lý giáo dục, quản lý nhà nước; doanh nghiệp; CSV và đại diện NH của Trường.
- Thông qua Hội đồng đánh giá KHCL của ĐHQG với thành phần gồm nhiều chuyên gia quản lý giáo dục; doanh nghiệp; Hiệu trưởng các trường thành viên thuộc ĐHQG-HCM, các lãnh đạo ban quan trọng như ban Đào tạo, ban Khoa học Công nghệ, ban Tài chính, ban Công tác sinh viên.

Trong quá trình xây dựng KHCL, Trường đã thực hiện tham khảo KHCL của nhiều Trường ngoài nước như: University of Oxford, UK; The University of Auckland, NZ; Queen's University, AU; North Carolina State university, USA; Radford University, USA, cũng như các trường trong nước như: Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG-HCM; Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM; Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG-HN; Trường Đại học Kinh tế TP.HCM,... Trong đó có đối sánh với một số Trường về các chỉ số KPIs để cải tiến các chỉ số này trong KHCL giai đoạn 2021-2015 của Trường [H4.4.4.02].

Để đạt được các mục tiêu chiến lược đặt ra, Trường đã giao nhiệm vụ cho Tổ giám sát thực hiện KHCL Trường giám sát việc thực hiện chiến lược của Trường và báo cáo tiến độ cũng như kết quả thực hiện KHCL cho Ban chỉ đạo định kỳ. Nhằm đánh giá thực hiện KHCL để đề xuất các giải pháp cải tiến, điều chỉnh phù hợp, cuối mỗi năm học Nhà trường tiến hành tổ chức hội nghị tổng kết năm học thông qua báo cáo tổng

kết năm học [H4.4.4.03].

Năm 2018, Trường đã tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện chiến lược 2016-2020 để đánh giá các mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ số đặt ra; phân tích điểm mạnh, điểm yếu và các nguyên nhân dẫn đến kết quả để cuối cùng đã điều chỉnh các chỉ tiêu cho phù hợp hơn cũng như đưa ra các giải pháp để đạt được chỉ tiêu đề ra cuối giai đoạn của KHCL. Các rà soát, cải tiến KHCL của Trường cũng đã được đánh giá bởi một Hội đồng do ĐHQG-HCM thành lập gồm các chuyên gia giáo dục, các nhà quản lý, một số ban chức năng của ĐHQG-HCM để sau đó thông qua việc điều chỉnh cho nửa sau của giai đoạn [H4.4.4.04]. Các chỉ tiêu được cải tiến, điều chỉnh bao gồm như bảng 4.4.1.

STT	Chỉ số	Theo KHCL ban đầu	Điều chỉnh sau đánh giá giữa kỳ
1	Tuyển nghiên cứu sinh /năm	8	2
2	Tổng nghiên cứu sinh	30	25
3	Số ngành đào tạo thạc sĩ	6	4
4	Số ngành đào tạo tiến sĩ	3	2
5	Số PTN cấp Trường (bao gồm cả PTN liên kết với doanh nghiệp)	5 (4 chuyên tiếp, 1 mới)	6 (4 chuyên tiếp, 2 mới)
6	Số bài báo khoa học tạp chí quốc tế ISI, Scopus công bố /năm	22	10
7	Số bài báo khoa học tạp chí quốc tế khác công bố /năm	15	8
8	Số hội nghị/hội thảo quốc tế đã tổ chức	4	3
9	Số hợp đồng hợp tác chuyên gia công nghệ/năm	10	2
10	Số lượng CBCNV cơ hữu	450	340
11	Số lượng cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	300	200
12	Tỷ lệ SV chính quy, học viên SDH, NCS trên cán bộ giảng dạy, nghiên cứu	18.3	20
13	Số GS, Phó GS	12	13

Bảng 4.4.1 Các chỉ số trong KHCL 2016-2020 được cải tiến, điều chỉnh sau ĐGGK

Đặc biệt từ 2021, Trường đưa vào vận hành phần mềm quản lý công việc 1Office, trong đó đưa toàn bộ các mục tiêu chiến lược trong KHCL 2021-2025 vào để tiện theo dõi triển khai và giám sát, đánh giá. Các chỉ tiêu phân đầu thường xuyên được rà soát, cải tiến hơn thông qua các cuộc họp giao ban toàn Trường định kỳ hàng tháng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường đã quan tâm triển khai lập KHCL từ 2010 và trong từng giai đoạn KHCL luôn được đánh giá, phân tích SWOT để đưa ra chiến lược phù hợp nhằm đạt được TN, SM và các giá trị văn hóa cũng như các chiến lược đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường.
- Các KHCL được Trường quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch trung hạn và kế hoạch năm để triển khai thực hiện.
- Các chỉ số thực hiện chính được theo dõi, giám sát để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược trong từng giai đoạn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc đối sánh các chỉ tiêu chính với các trường trong và ngoài nước để cải tiến chiến lược của Trường còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên đối sánh các chỉ tiêu chính với các trường trong và ngoài nước để cải tiến chiến lược của Trường.	BGH, Các đơn vị.	Từ 2023	

2	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục chú trọng công tác lập kế hoạch và chuyển hóa thành kế hoạch hàng năm để triển khai hiệu quả hơn nữa KHCL Trường.	BGH, Các đơn vị.	Từ 2023	
---	------------------------	--	------------------	---------	--

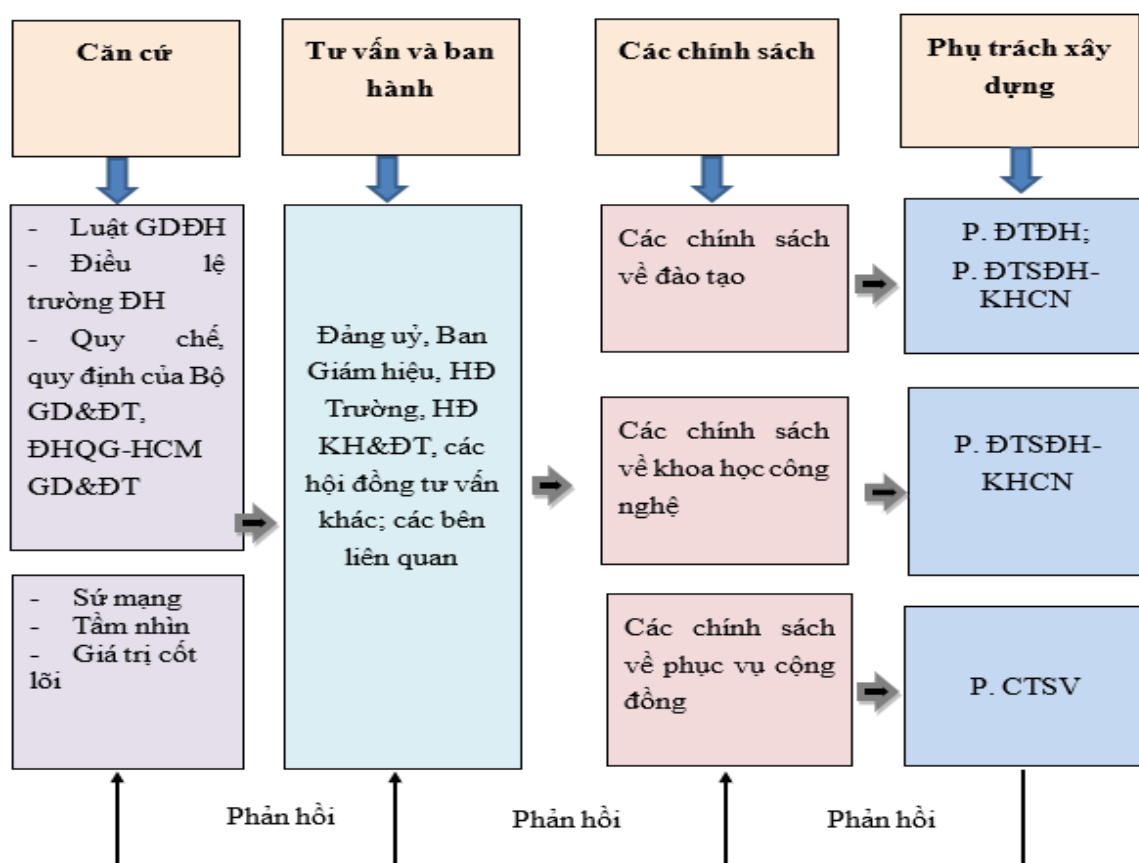
4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 4</i>	4,75
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	4

TIÊU CHUẨN 5. CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng

Ngay từ khi thành lập các đơn vị chức năng nhằm giúp Nhà trường hiện thực hóa TN, SM và các mục tiêu chiến lược, Trường ĐHCNTT đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị có trách nhiệm tham mưu BGH trong việc xây dựng và triển khai các chính sách liên quan đến công tác ĐT, NCKH và PVCĐ. Trong đó lĩnh vực ĐT do đơn vị quản lý là phòng ĐTDH và phòng ĐTSDH&KHCHN phụ trách; lĩnh vực NCKH do phòng ĐTSDH&KHCHN phụ trách và lĩnh vực PVCĐ do đơn vị chủ trì là phòng CTSV phối hợp với các đơn vị liên quan như thực hiện như hình 5.5.1 [H5.5.1.01].



Hình 5.5.1. Chức năng nhiệm vụ của các đơn vị

Để thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng chính sách, Trường thực hiện theo hướng dẫn và quy định chung của Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN và ĐHQG-HCM. Chẳng hạn, từ các chính sách chung của Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN ĐHQG-HCM, Trường đã xây dựng

các chính sách cụ thể các mảng như sau:

- Chính sách đào tạo về ĐT:

Ban hành Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Quy chế tuyển sinh, Quy chế công tác giáo trình, Quy định đào tạo ngắn hạn, các chính sách hỗ trợ NH như học bổng, chính sách hỗ trợ SV gặp khó khăn, chính sách khen thưởng SV NCKH,...[H5.5.1.02]

- Chính sách về NCKH:

Trường đã ban hành các chính sách như: Quy định về tiêu chuẩn đạo đức NCKH, Quy định tổ chức và quản lý đề tài cấp trường, Quy chế tài sản trí tuệ, Quy định về khen thưởng KHCN, Quy định về tổ chức và phát triển SP theo đơn đặt hàng - Đề tài D3, Quy định về chính sách hỗ trợ công bố khoa học dành cho SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh, Quy định chính sách hỗ trợ công bố khoa học,...[H5.5.1.03]

- Chính sách về PVCĐ:

Trường luôn chú trọng các chính sách về PVCĐ và thực hiện các hoạt động PVCĐ do đó ngay trong Triết lý giáo dục của Trường đã thể hiện rõ "Toàn diện – Sáng tạo – Phụng sự". Trường đã ban hành quy định về PVCĐ và yêu cầu các đơn vị trong triển khai chú trọng lồng ghép vào các hoạt động của đơn vị mình [H5.5.1.04].

Ngoài ra, Chính sách chất lượng các mảng ĐT, NCKH và PVCĐ cũng được Trường thiết lập và ban hành từ năm 2019. Hệ thống ĐBCL bên trong vận hành và phát triển nhằm cải tiến liên tục chất lượng giáo dục, hướng đến đáp ứng tốt SM, TN đạt các mục tiêu chiến lược cũng như yêu cầu của các BLQ. Đây là kim chỉ nam cho mọi hoạt động, là nền tảng cho sự phát triển văn hóa chất lượng của Nhà trường [H5.5.1.05].

Tất cả chính sách của Trường trước khi ban hành đều được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn bộ CB, GV, NV, đặc biệt là được bộ phận phụ trách Pháp lý trong Trường thẩm định về tính phù hợp với các quy định của pháp luật, quy định của cấp trên và quy định nội bộ đã ban hành nên các chính sách đảm bảo phù hợp với các chủ trương của Đảng, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan và phù hợp với SM và mục tiêu phát triển của Nhà trường [H5.5.1.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Tại Trường ĐHCNTT, ngoài sự kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện các chính sách của HĐT, của BGH (theo sự phân công trong công tác quản lý), của Ban thanh tra nhân dân (theo vai trò giám sát quy định trong Nghị định 159/2016/NĐ-CP), Nhà trường còn có đơn vị chuyên trách là phòng TT-PC-ĐBCL thực hiện thanh tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, quy định về ĐT, NCKH và PVCĐ của các đơn vị trong Trường [H5.5.2.01]. Ví dụ, đối với Quy định Tổ chức thi tập trung các môn học hệ đại học chính quy của Trường ĐHCNTT, tại Điều 3 ghi rõ “*Phòng TT-PC-ĐBCL có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra và giám sát công tác tổ chức thi*” [H5.5.2.02].

Công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực hoạt động trong Trường được thực hiện định kỳ hay thường xuyên tùy vào mức độ quan trọng và tính chất của lĩnh vực hoạt động thể hiện trong các quy trình/quy định (Quy định về kiểm tra nội bộ Trường ĐHCNTT; Quy định thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giảng dạy, cố vấn học tập của cán bộ giảng dạy thuộc Trường ĐHCNTT, ĐHQG-HCM) [H5.5.2.03]. Các quy định này khi xây dựng đều bám sát các quy định của cấp trên và lấy ý kiến các BLQ trong Trường; đều được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CB, GV, NV thông qua email cá nhân, sổ tay SV, sổ tay NV, sổ tay chất lượng và đăng công khai trên website Trường [H5.5.2.04].

Các báo cáo định kỳ hằng năm về công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi các chính sách, quy định cho thấy các đơn vị hầu hết đều tuân thủ tốt, một số lỗi nhỏ đã được đơn vị chức năng khắc phục ở lần kiểm tra sau đó (Quy định quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ của Trường chưa cập nhật, bổ sung mã ngành theo quy định của Bộ, chưa có giấy giới thiệu của Trường cử nhân sự đến ĐHQG-HCM nhận phối) [H5.5.2.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được rà soát thường xuyên.

Hệ thống các chính sách, quy định về ĐT, NCKH và PVCĐ đã được các phòng,

ban chức năng rà soát định kỳ. Một số văn bản đã có sự điều chỉnh, cập nhật theo sự thay đổi văn bản của cấp trên và đáp ứng theo sự phát triển trong công tác quản trị, quản lý của Nhà trường. Bảng 5.3.1 tại Phụ lục 4 là danh mục các văn bản quản lý về công tác ĐT, NCKH và PVCĐ đã được Trường ban hành và cập nhật trong giai đoạn 2017-2021 [H5.5.3.01].

Công tác giám sát của Ban Thanh tra nhân dân được thực hiện thường xuyên và báo cáo kết quả giám sát vào cuối mỗi năm tại Hội nghị CBVC-NLĐ [H5.5.3.02].

Công tác kiểm tra, giám sát do phòng TT-PC-ĐBCL phụ trách được thực hiện thường xuyên hay định kỳ 1 năm/lần hay 2 năm/lần tùy thuộc vào tính chất của lĩnh vực hoạt động và quy định tương ứng. Trong đó, hoạt động giảng dạy và CVHT (công tác cố vấn học tập, báo nghỉ, báo bù, thay đổi GV, thay đổi phòng học, thay đổi giờ học,...) được kiểm tra thường xuyên mỗi ngày theo học kỳ. Hoạt động này được quy định báo cáo định kỳ giữa học kỳ hoặc báo cáo khi có yêu cầu của các đơn vị liên quan [H5.5.3.03]. Hoạt động kiểm tra, giám sát các lĩnh vực khác thực hiện định kỳ như: *“Việc thực hiện quy chế/quy định liên quan đến đào tạo”* 2 năm/lần; *“Việc thực hiện quy định thi cử, in, quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ”* 1 năm/lần; *“Việc thực hiện quy chế tuyển sinh, quản lý, giáo dục NH và các chế độ chính sách đối với NH”* 2 năm/lần; *“Việc tổ chức quản lý, nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ”* 2 năm/lần; *“Việc tổ chức, quản lý công tác hợp tác quốc tế”* 2 năm/lần,... Kết thúc các đợt kiểm tra, Trưởng đoàn có trách nhiệm lập, thông qua và ký biên bản kiểm tra với đơn vị được kiểm tra đồng thời báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra với Hiệu trưởng chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra [H5.5.3.04].

Đặc biệt từ năm 2021 (sau khi HĐT thành lập 8/2020), thực hiện vai trò giám sát thay mặt các BLQ, HĐT đã thực hiện giám sát các hoạt động của Trường, bao gồm các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ theo đúng các nội dung như Khoản 8, Điều 3 của Quy chế tạm thời về Tổ chức và hoạt động của HĐT thông qua các hình thức như: Các báo cáo trong các kỳ họp định kỳ của HĐT như báo cáo tài chính, báo cáo phương hướng tuyển sinh, báo cáo chủ trương đầu tư, báo cáo chủ trương sử dụng tài sản công, báo cáo các dự án, báo định kỳ 6 tháng/năm của Trường, các báo cáo các cấp trên (ĐHQG-HCM và các Bộ), báo cáo kiểm toán của Kiểm toán nhà nước, báo cáo của

Thanh tra Chính phủ,... Các thành viên HĐT, bên cạnh việc thực hiện giám sát chung thì có nhiệm vụ giám sát sâu theo mảng công tác tương ứng được phân công [H5.5.3.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Các văn bản về hoạt động ĐT được rà soát, cải tiến khi có quy định mới của Bộ GD&ĐT hoặc ĐHQG-HCM. Chẳng hạn, Quy chế đào tạo từ xa của Trường được xây dựng lại phù hợp với Thông tư 10/2017/TT-BGDĐT và Quy chế đào tạo đại học của ĐHQG-HCM [H5.5.4.01], Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy ban hành theo Quyết định 148 năm 2021 thay thế cho Quyết định số 546 năm 2019; Quyết định số 503 năm 2017 về Điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận đã được cập nhật nội dung Điều 25;...Ngoài ra, những đợt cập nhật quy định về ĐT ngoại ngữ của Trường được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 4-Bảng 5.3.1 (Danh mục văn bản do CSGD ban hành liên quan đến công tác tuyển sinh và đào tạo bậc đại học).

Đối với NCKH, ngoài các quy định đã được ban hành bao phủ công tác quản trị, quản lý hoạt động NCKH và CGCN, các chính sách nhằm khuyến khích đội ngũ CBGD, SV tích cực tham gia NCKH như: khen thưởng, cộng điểm cho môn học, ... cũng đã được Trường ban hành và cập nhật. Các nội dung này được thể hiện cụ thể trong các quy định Quy định khen thưởng trong hoạt động KHCN (05/QĐ-ĐHCNTT-KHCN, ngày 19/2/2016, và 172/QĐ-ĐHCNTT, ngày 25/3/2021), quy chế chi tiêu nội bộ [H5.5.4.02].

Những năm gần đây Trường đã tập trung vào các công tác PVCĐ bằng các hoạt động thiết thực do Công đoàn, Đoàn – Hội tổ chức; triển khai các hoạt động CGCN trong bối cảnh tận dụng các ưu thế về CNTT của Trường,... Quy định về kết nối và PVCĐ được Trường ban hành năm 2019, văn bản này là kim chỉ nam cho các hoạt động hợp tác xây dựng và phát triển CTĐT; phối hợp tổ chức nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án KHCN phục vụ lợi ích cộng đồng và phát triển kinh tế - xã hội,...[H5.5.4.03].

Điều đặc biệt tại Trường ĐHCNTT, các văn bản quản lý nội bộ trước khi ban hành đều được bộ phận Pháp chế kiểm tra về tính pháp lý đồng thời được lấy ý kiến các BLQ trong Trường (gửi email hoặc tổ chức cuộc họp, hội nghị) trước khi trình BGH phê duyệt. Chính vì vậy mà tính chấp hành cao, đến thời điểm hiện tại, đội ngũ CB, GV, NV đều nhận thấy “Các văn bản quản lý và quy trình liên quan tại Trường hỗ trợ hiệu quả công việc của thầy/cô” thông qua các đợt khảo sát năm 2015, 2017, 2019.

TT	Nội dung	Năm 2015 (%)			Năm 2017 (%)			Năm 2019 (%)			Năm 2021 (%)		
		CBQL	GV	NV	CBQL	GV	CV	CBQL	GV	CV	CBQL	GV	CV
3.6	Các văn bản quản lý và quy trình liên quan tại Trường hỗ trợ hiệu quả công việc của thầy/cô	-	-	-	94.1	84.9	94.1	92.3	85	83.3	84	78.4	81.7

Năm 2021, mẫu phiếu được điều chỉnh thành “Thầy/ Cô dễ dàng tìm kiếm các văn bản do Nhà trường ban hành trên hệ thống website của Trường và các đơn vị chức năng”.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường có hệ thống để xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ chặt chẽ, khoa học.
- Quy trình giám sát tương đối rõ ràng.
- Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được rà soát, cập nhật theo sự phát triển của Trường và phù hợp với các quy định của cấp trên.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Công tác ban hành mới và cập nhật một số chính sách còn chậm so với yêu cầu thực tế như chính sách quản lý ĐT chương trình song ngành, liên thông đại học-thạc sĩ.

3. Kế hoạch cải tiến:

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	- Ban hành chính sách đào tạo chương trình song ngành: Mở chương trình song ngành, chương trình liên thông đại học-thạc sĩ; Xây dựng quy định quản lý học vụ liên quan đến chương trình song ngành, liên thông đại học-thạc sĩ.	- P.ĐTĐH, các Khoa	- Từ 12/2021 đến 12/2022	
2.	Điểm mạnh cần phát huy	- Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ	-P. TCHC, P. ĐTSĐH - KHCN, P. ĐTĐH.	- Từ 12/2021 đến 12/2022	
		-Tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật thường xuyên các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ, triển khai trên thực tế có hiệu lực, hiệu quả	- P. TT-PC-ĐBCL, Công đoàn; - P. ĐTSĐH - KHCN, P. ĐTĐH, P. TT-PC-ĐBCL	-Từ 12/2021 đến 12/2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	5,00
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	5
Tiêu chí 5.4	5

TIÊU CHUẨN 6. QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Xác định nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng nhất đến việc đạt được các mục tiêu chiến lược, các hiệu quả trong hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, vì vậy Trường luôn chú trọng trong công tác quy hoạch đối tượng này. Trong KHCL giai đoạn 2016-2020, Trường đã đưa công tác đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực trở thành một mục tiêu chiến lược nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBVC hiện hữu, góp phần đáp ứng tốt nhu cầu công tác của Trường [H6.6.1.01]. Cùng với đó là các chỉ số KPIs phấn đấu đến năm 2025 để đo lường các mục tiêu về nguồn nhân lực được xác lập như: Số lượng CBCNV cơ hữu; Số lượng CBGD, nghiên cứu; Số GS, PGS; Tỷ lệ cán bộ tham gia giảng dạy, nghiên cứu có trình độ SĐH, có trình độ TS [H6.6.1.02].

Tương tự giai đoạn 2016-2020, trong KHCL giai đoạn 2021-2025, Trường cũng xác định các mục tiêu cụ thể cho phát triển nguồn nhân lực gồm tại nhóm chiến lược 4 “Tổ chức và quản trị”, bao gồm Mục tiêu cụ thể 1 - Gia tăng đội ngũ các nhà khoa học trình độ cao trong và ngoài nước và Mục tiêu cụ thể 2 - Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý, đồng thời đưa vào 2 chỉ số KPIs chính theo dõi quá trình thực hiện chiến lược nguồn nhân lực: Số lượng CBCNV cơ hữu tăng từ 298 người lên 400 người, Tỷ lệ TS trên tổng số GV cơ hữu tăng từ 29,5% lên 35% trong suốt giai đoạn thực hiện KHCL [H6.6.1.03].

Trường cũng đã xây dựng Đề án vị trí việc làm từ năm 2017 và đã được ban hành chính thức đầu năm 2018. Trong năm 2021, Trường đã tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định nhà nước và đã trình HĐT vào kỳ họp tháng 11/2021 và đã ban hành chính thức theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐTĐHCNTT ngày 16/5/2022. Đề án đã mô tả rõ các vị trí việc làm và quy hoạch số lượng từng vị trí phục vụ cho nhu cầu phát triển Trường trong giai đoạn 2021-2025 [H6.6.1.04].

Hàng năm Nhà trường đều gửi văn bản đến các đơn vị để đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị trên cơ sở quy mô SV, nhu cầu thực tế trong giảng dạy, NCKH, hợp tác phát triển. Từ kết quả đó các đơn vị tiến hành đăng ký và Trường giao phòng TCHC là đơn vị tổng hợp, tham mưu Hiệu trưởng phê duyệt triển khai

[H6.6.1.05].

Nhằm quy hoạch nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt, Trường đã thực hiện theo quy trình được ban hành kèm theo Kế hoạch 17-KH/ĐU của ĐU ĐHQG-HCM ban hành ngày 6/1/2017. Theo đó, quy trình quy hoạch được chia làm hai loại: Với các chức danh trong BGH và trong ĐU do ĐHQG-HCM quyết định và với các chức danh lãnh đạo do Hiệu trưởng quyết định. Với các chức danh lãnh đạo quản lý chủ chốt của Trường, quy trình gồm các bước chính: Bước 1 – Hội nghị CB giới thiệu nguồn quy hoạch; Bước 2 – Tổ chức Hội nghị liên tịch gồm ĐU, Ban giám hiệu, Chủ tịch Công đoàn và Bí thư ĐTN; Bước 3 – Hội nghị tập thể lãnh đạo đơn vị để thảo luận, tham gia ý kiến nhận xét, đánh giá CB và bỏ phiếu quy hoạch. Trong khi quy hoạch, các tiêu chuẩn quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo, quản lý được xác định rõ gồm các tiêu chuẩn về tư tưởng chính trị, về đạo đức lối sống, về chuyên môn nghiệp vụ, về độ tuổi, giới tính và căn cứ theo yêu cầu bổ nhiệm của mỗi chức danh [H6.6.1.06].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tiến hành quy hoạch và ban hành Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2017; Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý từ kết quả điều chỉnh, bổ sung quy hoạch năm 2019 để thực hiện công tác cán bộ giai đoạn 2021 đến năm 2026 [H6.6.1.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo Quy trình tuyển dụng nhân sự của Trường ban hành năm 2016 với các thông tin được đăng tải công khai, thường xuyên, đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Trường [H6.6.2.01]. Trong các thông báo tuyển dụng hàng năm, Trường đều có nêu rõ các tiêu chí tuyển dụng, các vị trí tuyển dụng phù hợp với các quy định của ĐHQG-HCM và của các quy định hiện hành. Đặc biệt các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bên cạnh tiêu chí về chuyên môn, bằng cấp, năng lực ngoại ngữ phù hợp còn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự [H6.6.2.02]. Các tiêu chí bổ

nhiệm vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt các đơn vị trong Trường được xác định rõ trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐHCNTT [H6.6.2.03].

Ngoài ra, các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự còn được thực hiện theo các quy định của ĐU ĐHQG-HCM như Quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban thường vụ ĐU ĐHQG-HCM quản lý, đối với Trường là các vị trí trong Ban thường vụ ĐU Trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng [H6.6.2.04]; thực hiện theo hướng dẫn của Ban tổ chức Thành ủy TP.HCM về tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử [H6.6.2.05].

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm được thực hiện căn cứ theo các quy định của Nhà nước, theo các hướng dẫn của ĐHQG-HCM và được Trường cụ thể hóa trong "Quy định về Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các khoa, bộ môn trực thuộc Trường ĐHCNTT" và "Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các phòng ban chức năng của Trường ĐHCNTT [H6.6.2.06]. Các quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý gần đây đã được cập nhật theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP [H6.6.2.07]. Riêng việc thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường được triển khai theo các hướng dẫn của ĐHQG-HCM [H6.6.2.08].

Tất cả các tiêu chí lựa chọn được phổ biến đến các đối tượng liên quan thông qua hệ thống phát hành văn bản hành chính để biết và thực hiện. Chẳng hạn, [H6.6.2.09] là email phát hành quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các khoa, bộ môn trực thuộc Trường.

Nhờ triển khai đồng bộ hệ thống văn bản, cùng với sự lãnh đạo sâu sát của ĐU trong việc xây dựng quy định tiêu chuẩn, tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, viên chức cũng như công khai, minh bạch các thông tin về tuyển dụng, bổ nhiệm mà công tác này của Trường hoàn thành tốt trong những năm qua.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau

Trường ĐH CNTT đã triển khai Đề án vị trí việc làm từ năm 2017 và chính thức được ĐHQG-HCM ký ban hành vào đầu năm 2018 [H6.6.3.01], trong đó có thể hiện rõ các tiêu chí, tiêu chuẩn năng lực, mô tả công việc đối với từng nhóm CB, GV, NV (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo).

Với nhóm CB là Trưởng các phòng ban, yêu cầu về năng lực, kỹ năng là phải tốt nghiệp tối thiểu thạc sĩ, riêng đối với các phòng ĐTDH, phòng ĐTSĐH&KH-CN thì Trưởng phòng phải có học vị Tiến sĩ, còn Trưởng phòng TCHC thì phải là GV có kinh nghiệm tối thiểu 5 năm. Các vị trí trên đều phải có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng triển khai và quản lý dự án, công việc; kỹ năng đánh giá và giải quyết vấn đề; kỹ năng phân tích, tổng hợp; kỹ năng phối hợp làm việc.

Với nhóm GV, yêu cầu về năng lực và kỹ năng là phải tốt nghiệp từ Thạc sĩ trở lên đúng chuyên môn; có khả năng giảng dạy, khả năng NCKH; ngoài ra còn phải có khả năng đọc hiểu, nắm vững các quy định về giảng dạy, về giáo dục; có trình độ và khả năng ngoại ngữ đáp ứng công tác giảng dạy và nghiên cứu; kỹ năng đánh giá và giải quyết vấn đề.

Với nhóm chuyên viên, có các yêu cầu chung giống nhau như kỹ năng ngoại ngữ đáp ứng công việc; kỹ năng đánh giá và giải quyết vấn đề; kỹ năng phối hợp làm việc, kỹ năng tư vấn; kỹ năng giao tiếp, có kỷ luật, tuân thủ các quy trình công việc; có tư duy logic và có kỹ năng sử dụng máy tính (tin học văn phòng, phần mềm văn thư, website). Tùy thuộc vào vị trí công tác cụ thể mà yêu cầu về năng lực, kỹ năng có thể khác nhau. Chẳng hạn, với chuyên viên về công tác tổ chức, nhân sự, hành chính yêu cầu phải tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành như Quản lý nguồn nhân lực, quản lý hành chính công, Hành chính học... tại các trường đại học uy tín như Đại học Kinh tế, Học viện Hành chính quốc gia, Đại học Nội vụ, ... còn chuyên viên về kế hoạch tài chính thì tốt nghiệp đại học chuyên ngành về Kế toán, Tài chính.

Năm 2021 Trường đã tiến hành xây dựng lại Đề án vị trí việc làm theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP và đã ban hành Danh mục vị trí việc làm mới theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐTĐHCNTT ngày 16/5/2022. Sau khi HĐT phê duyệt danh mục, Trường đã

tiến hành xây dựng Đề án vị trí việc làm mới trong đó mô tả chi tiết mọi căn cứ; tiêu chuẩn, năng lực với từng vị trí đang được thực hiện chủ yếu theo các yêu cầu mới của luật viên chức, của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học [H6.6.3.02].

Với đội ngũ lãnh đạo Trường, các tiêu chuẩn năng lực còn được thể hiện theo các quy định của ĐU ĐHQG-HCM như Quy định về tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban thường vụ ĐU ĐHQG-HCM quản lý đối với Trường là các vị trí trong Ban thường vụ ĐU Trường, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng [H6.6.3.03]. Với đội ngũ lãnh đạo các đơn vị trong Trường, các tiêu chuẩn, năng lực còn được nêu trong Quy định chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường như với tiêu chuẩn Trường, Phó Trường phòng, ban gồm: Tiêu chuẩn về đạo đức, về năng lực quản lý, về nếp sống, về ý thức tổ chức và tác phong lãnh đạo, về kinh nghiệm giảng dạy ít nhất 5 năm với Trường phòng ĐT, QHĐN, KHCN và tổ chức CB. Hay tiêu chuẩn năng lực với Trường khoa, Phó Trường khoa gồm: Tiêu chuẩn về đạo đức, tâm huyết nhà giáo, kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu, năng lực quản lý, ý thức tổ chức, tác phong lãnh đạo, Trường khoa, trưởng bộ môn phải có trình độ TS,... [H6.6.3.04].

Ngoài ra, năng lực giảng dạy, nghiên cứu và PVCD của GV còn được đánh giá định kỳ hằng năm thông qua kết quả tổng hợp giờ giảng, giờ NCKH và các hoạt động PVCD khác cũng như thông qua các khảo sát SV về năng lực giảng dạy của GV. Các thông tin này được trường quản lý trên hệ thống CNTT của Trường và mỗi GV đều có thể xem bất kỳ lúc nào để theo dõi, lên kế hoạch tốt nhất cho mình [H6.6.3.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV, phục vụ tốt hơn cho vị trí công tác tại đơn vị, Trường có chính sách ĐT, bồi dưỡng các trình độ từ ngắn hạn đến dài hạn, trong và ngoài nước theo Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và người lao động hợp đồng của Trường ĐHCNTT [H6.6.4.01].

Trường có quy trình xác định nhu cầu về ĐT, bồi dưỡng CBGV và NV theo năm và theo kế hoạch trung hạn gồm các bước:

Công tác ĐT, bồi dưỡng đến từ nhiều nguồn:

- Từ nhu cầu ĐT nâng cao năng lực bản thân VC-NLĐ: Chủ yếu xuất phát từ nhu cầu học tập nâng cao trình độ của VC-NLĐ: Các trợ giảng trong 3 năm đầu ở lại Trường, thường được tạo điều kiện để học tiếp Cao học; các GV trẻ có Thạc sĩ cũng thường có nhu cầu học tiếp bậc Tiến sĩ (trong và ngoài nước).
- Từ nhu cầu bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác của VC-NLĐ: Phòng TCHC thống kê nhu cầu về bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác của VC-NLĐ; dựa vào đó phòng TCHC tổ chức xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng dành cho VC-NLĐ trong 5 năm [H6.6.4.02].
- Từ các khóa học trung hạn, ngắn hạn do ĐHQG-HCM tổ chức dành cho các đối tượng viên chức quản lý và viên chức được quy hoạch các chức vụ quản lý.

Hàng năm, Phòng TCHC có trách nhiệm xác định nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng của của CB, GV và NV toàn Trường và tổng hợp báo cáo BGH [H6.6.4.03].

Dựa trên nhu cầu của hoạt động ĐT, NCKH; nhu cầu phát triển chuyên môn của đội ngũ CB, GV, NV và tình hình thực tế tài chính của Trường, Trường xây dựng các kế hoạch ĐT, bồi dưỡng [H6.6.4.04]. Theo đó trong giai đoạn 2017-2021 Trường đã thực hiện đào tạo bồi dưỡng các lớp theo Bảng 6.4.1.

Khóa tập huấn/bồi dưỡng	Năm				
	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng số VC-NLĐ	280	300	298	298	316
Số lượng được cử ĐTBD	259	242	119	62	16
Số lượng các khóa tập huấn	19	21	11	11	6
Số lượt người được cử đi/năm	0.9	0.8	0.4	0.2	0.1

Bảng 6.4.1. Số lượng CB, GV và nhân viên tham dự các khóa tập huấn, bồi dưỡng

Các kế hoạch ĐT, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của CB, GV và NV được triển khai phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Trường. Cụ thể, để thực hiện nhóm chiến lược 4 – Các chiến lược về tổ chức và quản trị đại học trong KHCL 2016-2020, Trường đã cử các cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong BGH tham gia khóa học về quản trị đại học. Khóa học gồm 3 giai đoạn, giai đoạn 1 học tập với các GV là các chuyên gia quản lý giáo dục trong nước, giai đoạn 2 là học với các GV nước ngoài về giảng dạy cho ĐHQG-HCM và giai đoạn cuối là học tập thực tế tại Đại học Deakin, Úc [H6.6.4.05]; cử các cán bộ lãnh đạo chủ chốt các phòng, ban, khoa tham gia lớp học cấp chiến thuật do ĐHQG-HCM tổ chức [H6.6.4.06]; các khóa đào tạo về chia sẻ phương pháp, kinh nghiệm giảng dạy, khóa học tăng cường công bố quốc tế, ĐT bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho GV Trường ĐHCNTT,...[H6.6.4.07].

Theo số liệu thống kê của Trường trong Bảng 6.4.2, mỗi CB, GV, NV của Trường đều được ĐT, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn trung bình ít nhất 1 lượt trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, chưa kể các khóa ĐT trong công tác Đảng, Đoàn và các hoạt động tập huấn như an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy,...

Nội dung	Năm				
	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng	19	21	11	11	6
Số lượng người tham gia	259	242	119	62	16
Tổng số VC-NLĐ	280	300	298	298	316

Bảng 6.4.2. Thống kê số CB, GV, NV tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng

Một khoản lớn kinh phí các khóa do TPHCM chi trả cho các đối tượng Thành ủy triệu tập (cao cấp, trung cấp LLCT), các khoản chi cho đào tạo bồi dưỡng do ĐHQG-HCM chi cho các lớp như: Lớp quản trị đại học cho các đối tượng lãnh đạo, lớp quản lý cấp vụ và cấp phòng, các lớp tập huấn các kỹ năng kiến thức liên quan xây dựng và vận hành CTĐT, giảng dạy, tăng cường NCKH, tăng cường đăng ký sở hữu trí tuệ,... Bên cạnh đó hàng năm, Trường cũng đã chi thêm từ kinh phí đơn vị cho các hoạt động đào tạo bồi dưỡng như bảng 6.4.3.

Đơn vị: VNĐ

Khoản chi	2018	2019	2020	2021
Bồi dưỡng	13,632,000	133,268,000	111,216,000	110,000,000
Tập huấn, đào tạo	245,565,362	157,346,900	144,003,000	160,901,600
Chính trị	33,750,000	12,150,000	113,160,000	28,290,000
Tổng	292,949,380	302,766,919	368,381,020	299,193,621

Bảng 6.4.3. Thống kê các khoản do Trường chi cho các khóa đào tạo bồi dưỡng 2018-2021

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Hàng năm, vào cuối năm học, Trường tổ chức việc đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của CB, GV, NV và được phân thành 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ vào kết quả đánh giá, phân loại các đối tượng trên, các đơn vị sẽ tiến hành bình bầu các danh hiệu thi đua khen thưởng (Lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua, ...) và gửi lên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường để xem xét.

Trường đã xây dựng quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV thông qua Quy trình và biểu mẫu đánh giá, xét thi đua khen thưởng [H6.6.5.01] và được cụ thể hóa thành hướng dẫn đánh giá phân loại VC-NLĐ [H6.6.5.02]. Theo đó, đầu tiên các đơn vị thuộc Trường sẽ triển khai việc Báo cáo tổng kết năm học theo các biểu mẫu dành riêng cho từng đối tượng như: Dành cho CBGD, dành cho CB nghiên cứu, dành cho CB quản lý và CB phục vụ. Sau đó các đơn vị sẽ tổ chức họp tổng kết và thực hiện đánh giá hiệu quả công việc. Việc đánh giá dựa trên số liệu báo cáo của bản thân CB, GV và các số liệu của đơn vị quản lý CB, GV, NV, cũng như các số liệu thống kê chung trên hệ thống CNTT như số giờ giảng dạy; số giờ NCKH;

thống kê các bài báo khoa học; sách – giáo trình; số liệu vi phạm trong giảng dạy, thi, chấm thi, nhập điểm từ phòng ĐTDH;... Các kết quả đánh giá từ các đơn vị sau đó được chuyển lên xem xét đánh giá ở Hội đồng xét thi đua khen thưởng cấp Trường và Hiệu Trường sẽ dựa vào kết quả đó để ra quyết định công nhận kết quả đánh giá công tác năm học hay kết quả đánh giá xếp loại VC [H6.6.5.03]. Căn cứ vào kết quả phân loại VC và quy định về công tác thi đua khen thưởng, Hội đồng thi đua khen thưởng tiến hành bình xét và đề nghị nhà trường ra quyết định công nhận danh hiệu thi đua hàng năm. Các cá nhân xuất sắc và đủ điều kiện được Trường đề xuất hoàn thiện hồ sơ trình các cơ quan cấp cao xem xét thi đua khen thưởng.

Việc đánh giá kết quả công việc của đội ngũ CB, GV và NV được Trường thực hiện công khai, minh bạch thể hiện qua các bước của quy trình đánh giá và mỗi năm sau khi triển khai xong quy trình đánh giá Trường đều gửi kết quả qua email đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động. Đồng thời đăng tải trên website phòng TCHC mục Công tác tổ chức – Nhân sự các thông tin gồm [H6.6.5.04]:

- QĐ công nhận Kết quả đánh giá công tác năm học
- Sáng kiến-kinh nghiệm-giải pháp-đề tài nghiên cứu
- Kết quả thi đua khen thưởng
- Được tặng giấy khen của Hiệu trưởng

Hồ sơ đánh giá của các CB, GV và NV được lưu giữ bản cứng tại đơn vị, đồng thời dữ liệu về kết quả đánh giá được tổng hợp qua các năm phục vụ cho công tác báo cáo, kiểm tra, tìm kiếm thông tin. Có lưu trữ tổng hợp dạng file excel để phân tích, tổng hợp dữ liệu khi cần.

Kết quả đánh giá, xếp loại VC, NLĐ hằng năm như bảng sau:

Kết quả đánh giá	2017 (%)	2018 (%)	2019 (%)	2020 (%)	2021 (%)
Hoàn thành xuất sắc	20.2	40.2	37.3	58.1	67.7
Hoàn thành tốt	74.8	58.1	61.9	39.3	31.5
Hoàn thành	5.0	1.7	0.8	2.6	0.8
Không hoàn thành	0	0	0	0	0
Tổng	100	100	100	100	100

Bảng 6.5.1. Kết quả đánh giá xếp loại viên chức, người lao động hằng năm

Kết quả thi đua khen thưởng đối với các cá nhân trong giai đoạn 2017 -2021 như bảng sau:

Danh hiệu thi đua, khen thưởng	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	36	37	39	40	40
Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG-HCM	06	08	03	0	0
Chiến sĩ thi đua cấp Bộ GD&ĐT	05	02	03	0	04
Giấy khen của Hiệu trưởng	0	0	33	116	42
Bằng khen của GD ĐHQG	02	13	04	11	0
Bằng khen Bộ trưởng	02	11	01	11	10

Bảng 6.5.2. Kết quả thi đua - khen thưởng đối với cá nhân các năm học

Kết quả đánh giá đội ngũ CB, GV và NV được coi là một trong những căn cứ để Nhà trường xác định ký tiếp hợp đồng và xác định thời hạn hợp đồng đối với nhân sự cũng như làm căn cứ bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương trước thời hạn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Trường phân công phòng TCHC có chức năng trong việc theo dõi, rà soát việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực trong toàn trường. Điều này được thể hiện trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị Trường ĐHCNTT [H6.6.6.01]. Trường đã ban hành các văn bản quản lý liên quan đến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực và được giao phòng TCHC rà soát hàng năm gồm:

- Lương và các khoản phụ cấp: Lương và các khoản phụ cấp (nếu có) của toàn thể CB, CC, VC và NLĐ được quy định chi tiết tại *Quy chế chi tiêu nội bộ và được rà soát, cập nhật hàng năm* [H6.6.6.02].
- Nâng bậc lương: Mỗi CC-VC-NLĐ được xét nâng bậc lương sau 3 năm kể từ lần nâng lương trước. Các trường hợp có thành tích lao động xuất sắc được ưu tiên xét nâng lương trước hạn [H6.6.6.03]
- Phụ cấp thâm niên nhà giáo và phụ cấp thâm niên công tác [H6.6.6.04].
- Phụ cấp ưu đãi [H6.6.6.05].
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm sức khỏe [H6.6.6.06].
- Nghỉ hưu và kéo dài thời gian làm việc [H6.6.6.07].

Hàng năm phòng TCHC thực hiện rà soát các chế độ chính sách và gửi lại để lấy ý kiến từ CB, GV, NV để điều chỉnh phù hợp [H6.6.6.08]. Đặc biệt các chế độ chính sách về lương và các khoản phụ cấp được Trường lấy ý kiến nhiều vòng từ toàn thể CB, GV, NV Trường qua từng đơn vị, tại Hội nghị CBVC, NLĐ, Hội nghị tài chính mỗi năm [H6.6.6.09].

Quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được Trường định kỳ rà soát và có dựa trên ý kiến đánh giá của CB, GV và NV Trường. Với ĐU Trường, trước khi tiến hành đại hội Đảng bộ, ĐU Trường tiến hành rà soát quy hoạch chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên ban thường vụ, ĐU viên cũng như các vị trí lãnh đạo ở các chi bộ phụ thuộc. Sau khi hội nghị thành công, trong quá trình triển khai công tác của nhiệm kỳ, ĐU

thường xuyên thực hiện rà soát, bổ sung, kiện toàn nếu thiếu hoặc chuyển công tác nhằm đảm bảo công tác đảng luôn được hiệu quả cao nhất [H6.6.6.10]. Tương tự với chính quyền, Trường đã tiến hành rà soát quy hoạch các vị trí lãnh đạo quản lý trong trường. Theo đó đã ban hành: Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý năm 2017; Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý từ kết quả điều chỉnh, bổ sung quy hoạch năm 2019 để thực hiện công tác cán bộ giai đoạn 2021 đến năm 2026 [H6.6.6.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trường thường xuyên cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ tốt nhất công tác ĐT, NCKH và PVCD; cải tiến để phù hợp với các quy định mới của nhà nước và của ĐHQG-HCM cũng như phù hợp với chủ trương, mục tiêu chiến lược phát triển trong từng giai đoạn của Nhà trường. Ví dụ như với chế độ, chính sách về lương; phụ cấp; mức thi đua khen thưởng;... hàng năm Trường đều tổ chức lấy ý kiến [H6.6.7.01] về việc góp ý điều chỉnh các nội dung chế độ, chính sách trong Quy chế chi tiêu nội bộ để có căn cứ cải tiến năm sau tốt hơn năm trước. Các ý kiến này sau đó được thống kê, giải trình, trả lời của lãnh đạo Trường và trao đổi trong Hội nghị CB, VC, NLĐ cuối năm, Hội nghị tài chính đầu năm để có cơ sở tiếp thu thay đổi hoặc giữ nguyên [H6.6.7.02]. Các cải tiến chính về chế độ, chính sách trong Quy chế chi tiêu nội bộ trong giai đoạn 2017 – 2021 [H6.6.7.03] như trong bảng sau:

Chế độ, chính sách cải tiến	2017	2018	2019	2020	2021
Thù lao giảng dạy ngoài chuẩn	2,8 tỷ	7,3 tỷ	8,2 tỷ	10,3 tỷ	13,6 tỷ
Thưởng NCKH	6,8 triệu	101 triệu	56,2 triệu	122 triệu	238 triệu
Thay đổi Hệ số phụ cấp ưu tiên GV có trình độ cao (hệ số chức danh K cho giảng viên trình độ Tiến sĩ)	1,2	1,2	6,0	6,0	8,0

Bảng 6.7.1. Thống kê các chế độ, chính sách cải tiến qua các năm

Nhận thấy việc tuyển dụng nhân sự trình độ cao từ TS rất khó, dưới sự chỉ đạo của ĐU, năm 2018 Trường đã triển khai Đề án "Thí điểm tuyển dụng NV có trình độ Tiến sĩ" với mức lương cam kết từ 18 đến 35 triệu/tháng cùng nhiều chế độ, chính sách ưu đãi khác [H6.6.7.04]. Sau hơn 2 năm triển khai được Hội đồng thẩm định đánh giá cao sự thành công của Đề án, đồng thời xác định cần có thay đổi trong tình hình khan hiếm nhân lực chất lượng cao ngành CNTT và Trường đã cải tiến thành "Đề án Tuyển dụng nhân sự có trình độ tiến sĩ theo mức chi trả cam kết (Đề án 25-55)" [H6.6.7.05].

Với công tác quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, Trường thực hiện cải tiến quy trình định kỳ theo hướng dẫn, quy định của ĐHQG-HCM. Trong giai đoạn đánh giá Nhà trường đã quy hoạch viên chức có triển vọng, được rèn luyện trong thực tiễn vào các vị trí chủ chốt tạo nguồn cán bộ lâu dài cho nhà trường [H6.6.7.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nguồn nhân lực được Trường chú trọng quy hoạch và tuyển dụng cùng các tiêu chuẩn năng lực chức danh nghề nghiệp rõ ràng, đúng quy định, quy trình.
- Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ được xác định và triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu thực hiện các mục tiêu chiến lược của Trường.
- Các chế độ, chính sách được ban hành, rà soát, điều chỉnh thường xuyên và phổ biến đến toàn thể CBVC nên tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong triển khai thực hiện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Chưa đưa việc đánh giá hiệu quả công việc vào mức thu nhập hàng tháng để tạo sự công bằng hơn, giúp đội ngũ viên chức phấn đấu tốt hơn trong công việc.
- Kết quả đánh giá chưa được Trường sử dụng một cách triệt để làm căn cứ để xác định đầu tư cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Đánh giá hiệu quả công việc vào mức thu nhập hàng tháng để tạo sự công bằng hơn, giúp đội ngũ viên chức phấn đấu tốt hơn trong công việc	- BGH, - P. KHTC, - P.DL&CNTT.	Từ 09/2022	1Office, đề án thu nhập theo hiệu quả công việc.
2	Khắc phục tồn tại 2	Sử dụng các kết quả đánh giá làm căn cứ để xác định đầu tư cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.	BGH và các đơn vị.	Từ 2023	
3	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định, quy trình, kế hoạch quản lý và phát triển nguồn nhân lực.	Phòng TCHC phối hợp cùng các đơn vị	Thường xuyên từ 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 6	4,43
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	4
Tiêu chí 6.5	4
Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	4

TIÊU CHUẨN 7. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Quản lý tài chính luôn là một trong các công việc ưu tiên hàng đầu của Trường vì tài chính gắn liền với mọi hoạt động của nhà Trường. Tài chính có mạnh thì mới đảm bảo chi cho các hoạt động hiệu quả và đảm bảo chất lượng; ngược lại các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ có tốt thì mới hấp dẫn người học, mới có nhiều sinh viên, mới thu hút được nhiều các nguồn kinh phí. Trường ĐHCNTT là trường đại học công lập, trực thuộc và chịu sự quản lý tài chính trực tiếp từ ĐHQG-HCM. Trường thực hiện công tác quản lý tài chính theo các quy định của Nhà nước và của ĐHQG-HCM. Để công tác xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát việc triển khai các nguồn lực tài chính hiệu quả, Trường giao phòng Kế hoạch tài chính làm đơn vị quản lý chung và đầu mối tổng hợp các nguồn lực tài chính hàng năm [H7.7.1.01]. Nhân sự chuyên trách của phòng Kế hoạch tài chính gồm 6 viên chức gồm 1 ThS và 6 đại học chuyên ngành quản trị - tài chính.

Trong mỗi giai đoạn phát triển, Trường đều xây dựng KHCL phát triển, trong đó chú trọng công tác đảm bảo về tài chính trên cơ sở phân tích bối cảnh trong và ngoài nước, phân tích SWOT và hướng tới đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn của Trường. Trong KHCL giai đoạn 2016-2020, chiến lược phát triển tài chính được đưa vào nhóm chiến lược 5 – Nguồn lực cho sự phát triển [H7.7.1.02]. Theo đó để đảm bảo tài chính cho sự phát triển, Trường xây dựng đề án, chuyển sang cơ chế tự chủ tài chính và Trường đã được phê duyệt tự chủ từ năm 2020 [H7.7.1.03]. Trong KHCL giai đoạn 2021-2025, chiến lược tài chính được đưa vào nhóm chiến lược 4 – Tăng cường nguồn lực với mục tiêu số 8 về phát triển nguồn lực tài chính [H7.7.1.04].

Hàng năm, từ KHCL của Trường, các đơn vị tiến hành lập kế hoạch và dự trù kinh phí đảm bảo cho các hoạt động được hiệu quả. Để công tác lập kế hoạch được thuận lợi, chuyên nghiệp, Trường đã ban hành Quy trình lập kế hoạch tài chính năm theo QĐ số 32/QĐ0-ĐHCNTT-KHTC ngày 31/12/2012, trong đó có đầy đủ quy trình,

hướng dẫn, biểu mẫu. Bên cạnh đó Trường sử dụng các công cụ, phần mềm có bản quyền chuyên biệt của Misa trong hỗ trợ lập kế hoạch và quản lý tài chính. Dựa trên kế hoạch năm, trường tổ chức Hội nghị tài chính và qua đó trao đổi, thảo luận, thống nhất các kế hoạch tài chính năm của từng đơn vị và của toàn Trường [H7.7.1.05].

Các Kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được xây dựng dựa trên các quy định của nhà nước về tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân sách, đầu tư. Kế hoạch tài chính hàng năm được thông qua HĐT, tương tự Báo cáo tài chính của Trường hàng năm được thông qua tại Hội nghị CBVC-NLĐ cũng như HĐT [H7.7.1.06]. Hằng năm, Trường được cơ quan chủ quản là ĐHQG-HCM duyệt quyết toán tài chính trong năm. Mỗi 02 năm Trường đón đoàn Kiểm toán nhà nước đến thực hiện kiểm toán, quyết toán tài chính và các hoạt động của nhà Trường. Ngoài ra, cũng 02 năm một lần Trường đón đoàn Thanh tra chính phủ đến thanh tra các hoạt động của nhà Trường và đặc biệt là công tác tài chính của Trường. Sau mỗi đợt kiểm toán, thanh tra, dựa trên kết quả báo cáo để Trường có những điều chỉnh để công tác quản lý tài chính được phù hợp hơn, hiệu quả hơn [H7.7.1.07].

Công tác tài chính được trường quản lý bằng các phần mềm chuyên biệt do trường tự phát triển qltc.uit.edu.vn, qlđt.uit.edu.vn/hocphi, qlsđh.uit.edu.vn/qlklgd, qlsđh.uit.edu.vn, misamimosa.net, misainvoice, phần mềm hỗ trợ kê khai thuế [H7.7.1.08] và dựa theo các quy định, quy trình chặt chẽ như: Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy trình tạm ứng và thanh toán tạm ứng, Quy trình nộp học phí qua ngân hàng, Quy trình thanh toán các khoản chi liên quan đến sinh viên,... [H7.7.1.09]. Nhờ công tác lập kế hoạch tài chính tốt cùng hệ thống quản lý, kế toán,

kiểm toán rõ ràng nên trong giai đoạn đánh giá các chỉ số tài chính của Trường phát triển rất tốt như các bảng sau:

Cơ cấu nguồn chi	2017 (triệu đồng)	2018 (triệu đồng)	2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	2021 (triệu đồng)
Nhân sự	35,146,718,916	39,897,904,516	45,558,583,822	49,241,382,236	74,741,971,766
Học bổng sinh viên	6,748,974,908	6,016,136,995	8,581,958,000	11,271,693,000	14,622,714,000
Cho hoạt động chuyên môn	22,151,925,240	29,032,946,303	34,329,256,776	44,869,130,409	39,534,902,543
Cho NCKH	2,047,353,500	1,690,000,000	6,836,248,540	11,086,511,654	1,855,000,000
Cho mua sắm sửa chữa	12,182,273,271	15,032,730,252	27,560,590,719	28,506,897,238	8,773,128,432
Các mục đích khác	9,046,172,197	7,339,600,665	5,229,607,136	7,262,886,111	5,608,001,553

Bảng 7.1.1. Các chỉ số tài chính

Chỉ số tài chính	2017 (triệu đồng)	2018 (triệu đồng)	2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	2021 (triệu đồng)
Tổng thu	115,520,259,069	121,959,184,447	155,004,117,009	185,197,108,786	171,839,099,896
Tổng chi	111,129,779,353	115,022,032,912	138,182,516,458	160,534,952,556	159,273,125,658
Chênh lệch thu chi	4,390,479,716	6,937,151,535	16,821,600,551	24,662,156,230	12,565,974,238
Thu nhập trung bình của CBGVNV	172,977,327	215,864,798	217,446,237	259,494,148	316,459,611

Bảng 7.1.2. Cơ cấu nguồn thu của Nhà trường

Cơ cấu nguồn thu	2017 (triệu đồng)	2018 (triệu đồng)	2019 (triệu đồng)	2020 (triệu đồng)	2021 (triệu đồng)
Từ ngân sách nhà nước	47,765,406,327	35,434,000,000	35,760,000,000	35,734,000,000	13,957,000,000
Từ học phí, lệ phí	62,037,486,720	80,154,013,445	103,689,040,219	145,203,197,158	153,159,985,145
Từ các nguồn tài trợ viện trợ	1,407,287,000	1,677,605,200	2,262,384,622	923,060,000	943,400,000
Từ các nguồn thu khác	67,754,852,742	86,525,184,447	119,244,117,009	149,463,108,786	157,882,099,896

Bảng 7.1.3. Cơ cấu nguồn chi của nhà trường

Các kế hoạch tài chính của Trường thường xuyên được rà soát thông qua các cuộc họp BGH, cuộc họp giao ban đầu tháng và các cuộc họp triển khai ở các đơn vị. Trong cuộc họp giao ban hàng tháng, các nội dung chi tiêu tài chính, giải ngân thường xuyên được trao đổi, nhắc nhở nhằm đảm bảo đúng các tiến độ đã đề ra. Hàng năm, tại Hội nghị CBVC-NLĐ, Trường đều có báo cáo rà soát và đề xuất về công tác tài chính để lấy ý kiến, tiếp thu nhằm cải tiến cho công tác này ngày càng tốt hơn. Tại Hội nghị, Ban thanh tra nhân dân cũng có các báo cáo giám sát công tác tài chính, thể hiện tính công khai, minh bạch và tuân thủ đúng theo quy định pháp luật của công tác tài chính Trường [H7.7.1.10]. Đặc biệt để công tác thu, chi được cải tiến tốt hơn, đảm bảo cân đối nguồn ngân sách của nhà trường, định kỳ cuối mỗi năm nhà trường thực hiện lấy ý kiến toàn thể cán bộ, viên chức để điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với thực tế phát triển của Trường, tạo động lực và cơ chế thu hút nhân lực chất lượng cao cũng như lập kế hoạch tài chính được hiệu quả hơn [H7.7.1.11].

Trong thời gian đánh giá, các kết luận của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra chính phủ đều cho thấy Trường đã thực hiện nghiêm túc theo quy định của nhà nước trừ một vài trường hợp nhỏ còn chưa phù hợp hoàn toàn. Dựa trên kết luận của Tổ thanh tra chính phủ, của Tổ kiểm toán nhà nước, Nhà trường thực hiện các cải tiến như thực hiện nộp ngân sách các khoản thuế, thay đổi khoản chi chưa phù hợp, cải tiến các hoạt động

NCKH và CGCN, hiệu chỉnh quy định giảng dạy vượt mức và quản lý việc đăng ký giảng dạy cho phù hợp,...[H7.7.1.12].

Để cải tiến tổng thể về tài chính, Trường đã thực hiện và đã được phê duyệt Đề án tự chủ tài chính từ năm 2021. Trên cơ sở đề án này các nguồn lực tài chính, CSVC sẽ có lộ trình ngày càng được tăng cường tạo sự bền vững cho phát triển Trường lâu dài.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng bao gồm các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Để quản lý cơ sở vật chất (CSVC) và cơ sở hạ tầng (CSHT), Trường giao nhiệm vụ cho phòng Quản trị thiết bị là đơn vị đầu mối xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.7.2.01].

Để phát triển bền vững, trong mỗi giai đoạn phát triển, Trường đều xây dựng riêng nhóm chiến lược cho phát triển CSVC và CSHT. Trong KHCL giai đoạn 2016-2020, nhóm chiến lược 5 – Nguồn lực cho sự phát triển với mục tiêu cụ thể đầu tiên là phát triển CSVC đáp ứng nhu cầu dạy học, NCKH và PVCĐ. Đáng chú ý là các KHCL phát triển CSVC cho ngành An toàn thông tin, phòng thí nghiệm An toàn thông tin, phát triển không gian học tập (xây thêm các tòa nhà, sửa chữa, nâng cấp các tòa nhà, phòng hiện hữu), phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ dạy học và NCKH [H7.7.2.02]. Tương tự, trong KHCL giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển CSVC cũng được Trường chú trọng và đưa vào mục tiêu cụ thể 3 – Hoàn thiện CSVC đáp ứng sự phát triển cùng logframe chi tiết các hoạt động triển khai trong 05 năm [H7.7.2.03]. Dựa theo KHCL, phòng QTTB tham mưu cho Trường lập danh mục các hạng mục cần đầu tư, mua sắm cũng như cải tạo sửa chữa trong trung hạn và ngắn hạn cần thiết cho từng giai đoạn phát triển cơ sở vật chất của Trường. Các hạng mục này tùy vào quy mô sẽ trình Hiệu trưởng hoặc Giám đốc ĐHQG-HCM phê duyệt [H7.7.2.04]. Để duy trì hoạt động thường xuyên của Trường, phòng QTTB phối hợp với phòng Kế hoạch tài chính, Ban

quản lý cơ sở, lấy ý kiến từ các đơn vị trong trường để tham mưu xây dựng kế hoạch và dự toán mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng cơ sở vật chất, trang thiết bị hàng năm [H7.7.2.05].

Trên cơ sở các quy định, quy trình, kế hoạch ban hành, Trường tiến hành đầu tư cũng như bảo trì nhằm đảm bảo luôn đủ CSVC, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ [H7.7.2.06].

Trong giai đoạn từ 2017 đến 2021, về đầu tư xây dựng cơ bản, phòng QTTB đã thực hiện hoàn thành đầu tư 02 hạng mục quan trọng là: Khối Nhà phục vụ sinh viên và Khối Phòng học – Phòng máy thực hành B, các hạng mục này góp phần làm thay đổi diện mạo của Trường và đáp ứng đầy đủ hơn cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Trường. Về đầu tư theo chiều sâu, có 02 dự án đầu tư về Tăng cường năng lực nghiên cứu và đào tạo cho Phòng thí nghiệm Phòng chống tấn công mạng; nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo và nghiên cứu về an toàn an ninh thông tin; các trang thiết bị đầu tư từ dự án này đã đem lại hiệu quả trong đào tạo và NCKH của Trường đặc biệt đã giúp khẳng định vị thế của Trường trong việc giảng dạy về an toàn an ninh thông tin. Về hoạt động bảo trì, bảo dưỡng được thực hiện định kì theo từng đợt (theo quý hoặc theo từng 6 tháng hoặc theo năm) bao gồm các công tác như: bảo trì âm thanh, bảo trì máy lạnh, bảo trì máy chiếu. Các hoạt động sửa chữa, cải tạo, duy tu các khối nhà hiện hữu được thực hiện theo kế hoạch. Ngoài ra các hoạt động mua sắm, sửa chữa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên do các phòng/ban chức năng trong Trường đề nghị được phòng QTTB trình BGH phê duyệt và tiến hành thực hiện [H7.7.2.07].

Phòng QTTB thực hiện kiểm kê tài sản theo từng năm nhằm theo dõi tình trạng thiết bị, máy móc qua đó đánh giá tần suất sử dụng CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các thiết bị ở phòng thí nghiệm [H7.7.2.08].

Hàng năm, căn cứ trên cơ sở dữ liệu thông qua việc kiểm kê tài sản, phòng QTTB có những đề xuất về việc trang bị thêm trang thiết bị, nâng cấp trang thiết bị nhằm giúp cho công tác phục vụ đào tạo được tốt hơn [H7.7.2.09].

Để rà soát, cải tiến nhanh nhất các CSVC phục vụ nhu cầu dạy học và NCKH, Trường triển khai tiếp thu các ý kiến phản ánh từ người học về CSVC thông qua nhiều kênh như phần mềm quản lý CB, GV, SV trên nền tảng Android và iOS, qua forum,

website hay email phòng Quản trị thiết bị,... và thường được giải quyết trong một vài ngày từ khi nhận được các ý kiến phản ánh [H7.7.2.10].

Trường ban hành quy định mỗi 2 năm tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên về công tác hỗ trợ trong đó có CSVC (từ 2019), khảo sát đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên; khảo sát sinh viên tốt nghiệp mỗi năm một lần về CSVC với các câu hỏi như: Phòng học/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo, Trang thiết bị phục vụ cho dạy – học được trang bị đầy đủ và hiện đại, Thư viện có đủ không gian, chỗ ngồi và tư liệu tham khảo cho nhu cầu học tập và nghiên cứu của Anh/Chị. Từ các kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi cho thấy các ý kiến phản ánh hài lòng về CSVC của Trường luôn trên 70% đánh giá hài lòng và rất hài lòng và mức độ hài lòng ngày càng nâng cao cho thấy Trường đã thấy Trường đã thực hiện cải tiến hiệu quả [H7.7.2.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Trường ĐHCNTT giao nhiệm vụ cho phòng Dữ liệu và CNTT là đơn vị tham mưu và giúp Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, quy hoạch, phát triển các hệ thống và cơ sở hạ tầng CNTT, hạ tầng và dịch vụ mạng, quản lý hoạt động, vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT và ứng dụng CNTT vào phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ. Phòng DL&CNTT có trách nhiệm phối hợp với phòng Quản trị thiết bị để tổ chức đánh giá, lập kế hoạch, bảo trì, mua sắm các thiết bị cho hạ tầng CNTT cũng như các phần mềm phục vụ nhu cầu phát triển của Trường [H7.7.3.01].

Trường đã xây dựng riêng nhóm chiến lược cho phát triển CSVC và hạ tầng CNTT. Trong KHCL giai đoạn 2016-2020, nhóm chiến lược 4 – Tổ chức và quản trị đã lập kế hoạch cho hạ tầng CNTT như trong Mục tiêu cụ thể 1 - Hoàn chỉnh hệ thống quản trị đại học đạt trình độ chuyên nghiệp. Theo đó chương trình hành động là Hoàn chỉnh, bổ sung các ứng dụng tin học hóa, chuẩn hóa hệ thống CSDL, phục vụ lãnh đạo và báo cáo nhanh [H7.7.3.02]. Tương tự, trong KHCL giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển hạ tầng CNTT cũng được Trường chú trọng và đưa vào nhóm chiến lược 3 –

Gia tăng hiệu quả quản trị đại học, trong đó nêu rõ mục tiêu cụ thể là phát triển hệ thống quản lý thông minh, xây dựng hệ thống CNTT hỗ trợ quản lý tài chính hiệu quả hơn. Bên cạnh đó Trường cũng đã đưa vào KHCL dự án Ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyển đổi số tại ĐHQG-HCM theo định hướng phát triển đại học số [H7.7.3.03]. Bám theo KHCL, phòng DL&CNTT phối hợp với phòng Quản trị thiết bị tham mưu cho Trường lập dự toán hằng năm và các dự án theo từng giai đoạn phát triển, trình Hiệu trưởng phê duyệt đối với các dự án nhỏ theo thẩm quyền và ĐHQG-HCM phê duyệt đối với các dự án có quy mô lớn [H7.7.3.04]; phối hợp với phòng Kế hoạch tài chính, ban Quản lý cơ sở tham mưu xây dựng kế hoạch và dự toán mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng hạ tầng CNTT, trang thiết bị CNTT hàng năm [H7.7.3.05].

Trên cơ sở các kế hoạch ban hành, Trường tiến hành đầu tư cũng như bảo trì nhằm đảm bảo hạ tầng CNTT, trang thiết bị CNTT phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCD. Tính tới thời điểm hiện tại (8/2022), số lượng máy tính dùng cho thực hành của sinh viên là 525 máy và được cài đặt các phần mềm cần thiết cho việc thực hành các môn học [H7.7.3.06]. Số lượng máy tính dùng cho làm việc cho cán bộ viên chức, nghiên cứu của giảng viên như bảng 7.3.1, theo đó gần như mỗi cán bộ viên chức của trường đều được trang bị máy làm việc riêng.

STT	Đơn vị chức năng	Số lượng	Cấu hình chính
1	Phòng, Ban	165	Intel Core i5, RAM 8GB
2	Khoa, Trung tâm, phòng thí nghiệm, phòng NC&PT	102	Intel Core i5 RAM 8GB cho chuyên viên. Intel Core i7 RAM 16GB cho giảng viên.

Bảng 7.3.1. Thống kê máy tính dành cho làm việc của cán bộ, giảng viên Trường (thời điểm tháng 8/2022)

Để đảm bảo truy cập Internet phục vụ giảng dạy, NCKH và học tập, Trường trang bị wifi phủ kín tới mọi vị trí trong khuôn viên Trường cùng đường truyền Internet quốc tế bao gồm 02 đường leased line, 6 đường FTTH, với tổng băng thông khoảng 2Gbps. Hệ thống mạng nội bộ của trường có đường kết nối trực là 10Gbps, kết nối đến các thiết bị đầu cuối là 1Gbps.

Để thuận tiện cho thực hiện các công việc, Trường đã phát triển các phần mềm bao phủ mọi hoạt động của trường. Các phần mềm được chia theo lĩnh vực với hàng trăm các phân hệ [H7.7.3.07] gồm:

1. Phần mềm quản lý đào tạo đại học hệ tập trung
2. Phần mềm quản lý đào tạo sau đại học
3. Phần mềm quản lý KHCCN
4. Phần mềm quản lý nhân sự
5. Phần mềm quản tài chính
6. Phần mềm quản lý tài sản
7. Phần mềm quản lý văn bản
8. Quản lý minh chứng
9. Cổng thông tin sinh viên
10. Cổng thông tin CBGV
11. Cổng thông tin điều hành

Đảm bảo cho Hệ thống CNTT của Trường vận hành hiệu quả là Phòng Dữ liệu và CNTT với 10 cán bộ, viên chức chuyên trách. Tất cả các cán bộ làm công tác này đều được đào tạo về lĩnh vực CNTT tại các trường uy tín trong và ngoài nước, gồm 6 thạc sĩ và 4 đại học. Ngoài ra tại các khoa đều có cán bộ phụ trách CNTT và Website của khoa riêng.

Các website của trường và các đơn vị trong trường được cập nhật thường xuyên (các website xây dựng trên open source nên thường có các bản cập nhật), thông tin cũng được cập nhật thường xuyên. Hệ thống phần mềm do trường tự phát triển nên được cập nhật theo nhu cầu và phát triển các tính năng mới (Phòng DL&CNTT đảm nhận việc phát triển phần mềm).

Các trang thiết bị về CNTT cũng được nâng cấp, thêm mới hàng năm để đáp ứng yêu cầu phát triển của trường, đặc biệt hệ thống wifi và hệ thống mạng của trường. Các máy chủ thường được đầu tư từ nguồn dự án các phòng thí nghiệm.

Trường triển khai tiếp thu các ý kiến phản ánh từ người học về thiết bị CNTT, hạ tầng CNTT thông qua nhiều kênh như phần mềm quản lý CB, GV, SV trên nền tảng Android và iOS, qua forum, website hay email phòng Quản trị thiết bị,... và thường được giải quyết trong một vài ngày từ khi nhận được các ý kiến phản ánh [H7.7.3.08].

Trường ban hành quy định mỗi 2 năm tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên về công tác hỗ trợ trong đó có hạ tầng CNTT (quy định từ 2017) với câu hỏi Hệ thống về hạ tầng CNTT (internet, wifi, các phần mềm hỗ trợ học tập,...) đảm bảo yêu cầu học tập và nghiên cứu của Anh/Chị. Kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy hơn 72% đánh giá hài lòng và rất hài lòng cùng gần 27% đánh giá bình thường cho thấy hạ tầng CNTT của Trường hiện đáp ứng rất tốt nhu cầu của người học [H7.7.3.09]. Tương tự kết quả khảo sát đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên 2 năm một lần với các câu hỏi như: Hệ thống internet và các phần mềm phục vụ đào tạo (daa, moodle, KHCN, khảo sát, website,...) đáp ứng yêu cầu công việc, giảng dạy, nghiên cứu của thầy/cô; Phòng học/thí nghiệm đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo; trang thiết bị phục vụ cho dạy – học được trang bị đầy đủ và hiện đại,...đều cho trên 80% phản ánh hài lòng [H7.7.3.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học thuật như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Thư viện Trường ĐHCNTT được giao nhiệm vụ là đơn vị quản trị nguồn lực học tập, tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động dài hạn và ngắn hạn của Thư viện; tổ chức xây dựng, quản lý và điều phối toàn bộ hệ thống thông tin, tư liệu khoa học, kỹ thuật,...phục vụ hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập, công tác NCKH trong Trường [H7.7.4.01].

Trường luôn chú trọng lập kế hoạch phát triển các nguồn lực học tập, thiết bị hỗ trợ giảng dạy để đáp ứng cho mục tiêu ĐBCL của Trường. Trong KHCL giai đoạn 2016-2020, nhóm chiến lược 5 – Nguồn lực cho sự phát triển với mục tiêu cụ thể đầu tiên là phát triển CSVC đáp ứng nhu cầu dạy học, NCKH và PVCD. Đáng chú ý là các KHCL Phát triển không gian học tập, phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ học tập

và NCKH; Phát triển và chuẩn hoá tư liệu học tập [H7.7.4.02]. Tương tự, trong KHCL giai đoạn 2021-2025, kế hoạch phát triển CSVC cũng được Trường chú trọng và đưa vào mục tiêu cụ thể 3 – Hoàn thiện CSVC đáp ứng sự phát triển; Phát triển không gian học tập, phòng thực hành, trang thiết bị phục vụ học tập và NCKH; mục tiêu cụ thể 7 - Phát triển và chuẩn hoá tư liệu học tập cùng logframe chi tiết các hoạt động triển khai trong 5 năm [H7.7.4.03].

Từ KHCL, hàng năm, Thư viện phối hợp với Ban giáo trình cũng như các Khoa xây dựng kế hoạch nguồn lực học tập như nguồn học liệu, CSDL trực tuyến [H7.7.4.04].

Trường có Thư viện khang trang, sạch đẹp, gồm 02 tầng với diện tích 1.266 m² được bố trí gần 600 chỗ ngồi cùng lúc, trong đó tầng trệt có một khu đọc riêng và khu tra cứu, khu ngồi riêng; tầng 2 có 4 phòng đọc; 2 quầy cho nhân sự phục vụ, 1 phòng làm việc xử lý nghiệp vụ thư viện. Thư viện tổ chức 02 kho tài liệu, gồm 01 kho đóng và 01 kho mở [H7.7.4.05]. Thư viện có nguồn tài liệu bản giấy hơn 1.400 nhan đề/ hơn 12.000 bản, một kho tài liệu số với trên 1.000 tài liệu số nội sinh và 8.000 tài liệu số sưu tập (https://link.uit.edu.vn/tai_lieu_so). Để phục vụ việc tra cứu, học tập cho SV, Trường đã trang bị 05 máy tính cho chuyên viên thư viện và nhiều máy tính (khoảng 20 máy) cho SV. Tuy nhiên đến năm 2019, qua khảo sát và quan sát thấy SV hầu như không dùng máy của thư viện mà chủ yếu dùng máy tính laptop cá nhân do đó Trường đã rút đi chỉ để lại 02 máy dành cho tra cứu đồng thời trang bị ổ cắm điện tới hầu hết các bàn học để SV tiện sử dụng máy tính cá nhân của mình.

Nhân lực phục vụ thư viện gồm 01 thạc sĩ chuyên ngành CNTT, 04 Cử nhân chuyên ngành Thông tin-Thư viện. Trong giai đoạn đánh giá thư viện đã tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do Trường, do các đơn vị trong và ngoài ĐHQG-HCM tổ chức như:

- Tham gia tập huấn “Kỹ năng giao tiếp và làm chủ cảm xúc khi giao tiếp” do phòng Tổ chức Hành chính của Trường tổ chức.
- Tham gia Tập huấn về “Luật Thư viện, Luật sở hữu trí tuệ và ứng dụng công nghệ trong phát triển thư viện đại học”

- Tham dự Hội thảo tập huấn "Tác quyền trong hoạt động Thư viện" do Liên chi hội Thư viện Đại học phía nam VILASAL phối hợp với Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật đã tổ chức.
- Tham dự buổi tập huấn sử dụng nguồn tin điện tử dành cho cán bộ Hệ thống thư viện ĐHQG-HCM tại Thư viện Trung tâm.
- Tham dự tập huấn sử dụng khung phân loại DDC- Ấn bản 23 tiếng Việt tại Thư viện Trung tâm.
- Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM đã tổ chức hội thảo "Những vấn đề quan tâm hiện nay của thư viện đại học" tại Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM.
- Tham dự Hội thảo “Khai thác tài nguyên số trong thư viện: Thực trạng – Công nghệ - Giải pháp” tại Trường ĐHSPKT Tp.HCM.
- Tham dự hội thảo tập huấn với chủ đề "Hỗ trợ nghiên cứu: Vai trò và hoạt động của thư viện đại học" tại phòng D201, trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG- HCM do Khoa Thư viện - Thông tin học phối hợp với Đại học Monash (Úc) tổ chức.
- Tham dự lớp tập huấn sử dụng, quản lý các Cơ sở dữ liệu điện tử do Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM tổ chức
- Tham dự Tọa đàm "các tiêu chí xây dựng thí điểm mô hình phát triển văn hóa đọc trong thư viện", Vụ Thư viện sẽ tổ chức
- Tham gia lớp tập huấn “ Nâng cao kỹ năng tổ chức các hoạt động phục vụ phát triển văn hóa đọc” tại tỉnh Nghệ An
- Tham gia buổi tập huấn “Quản lý dự án phát triển Thư viện”, VILASAL phối hợp cùng Thư viện và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên ĐHQG-HCM
- Tham gia chương trình tập huấn “Kỹ năng tập huấn kiến thức thông tin trong thư viện” tại Trường Đại học Công nghệ TP. HCM (HUTECH)
- Tham dự "Nâng cao kỹ năng tổ chức phục vụ người đọc trong các thư viện điện tử - thư viện số tại Việt Nam" tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.

- Tham gia “Tập huấn sử dụng Quy tắc biên mục Mô tả và truy cập tài nguyên Ấn bản RDA tiếng Việt” tại Trường Đại học Tài chính – Marketing
- Ngoài ra, nhân sự Thư viện còn tham gia các Hội thảo, Tọa đàm về chuyên môn nghiệp vụ Thư viện do Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM và Hiệp hội Thư viện các Trường Đại học, cao đẳng phía Nam (VILASAL) tổ chức,...

Bên cạnh đó, Thư viện Trường ĐHCNTT còn là một đơn vị thành viên thuộc Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM (Link tham khảo về hệ thống và chính sách dùng chung: <https://www.vnulib.edu.vn/index.php/he-thong-tv-dh-qg-vn>, vì vậy toàn bộ người học và CBGV của Trường được sử dụng chung kho tài liệu rất lớn của cả hệ thống với nguồn tài nguyên thông tin phong phú, đa dạng, chất lượng đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu.

Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM có một phần mềm quản lý Thư viện dùng chung (phần mềm Sierra), toàn bộ dữ liệu của người dùng và dữ liệu nguồn tài liệu đều được xử lý tập trung. Bên cạnh đó, cả hệ thống thư viện ĐHQG-HCM sẽ tra cứu dữ liệu trên cùng một cổng chung – OPAC (<https://link.uit.edu.vn/OPAC>)

Người dùng của Trường còn truy cập từ xa các cơ sở dữ liệu điện tử được ĐHQG-HCM mua (Thư viện Trung tâm quản lý) từ các nhà xuất bản uy tín trong và ngoài nước (<https://www.vnulib.edu.vn/index.php/tai-lieu-dien-tu>) và truy cập xem toàn văn Bộ sưu tập tài liệu nội sinh ĐHQG-HCM (<https://ir.vnulib.edu.vn/>)

Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM cũng đã phát triển app thẻ Thư viện điện tử dùng cho thiết bị di động, với thẻ này người dùng có thể thay thế cho thẻ Thư viện được in ấn.

Thư viện Trường cũng tham gia Hệ thống liên kết nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ (www.stinet.gov.vn) thuộc Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN (Sở KH&CN TPHCM) với 39 thành viên tham gia. Hệ thống chia sẻ để người dùng truy cập từ xa trên 36.000 bản tài liệu toàn văn các thể loại và tính đến 31/3/2022, hệ thống có 522.926 tài liệu bản in.

Trường luôn quan tâm đầu tư mới, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường ngoài việc thực hiện chính sách dùng chung nguồn học liệu bản giấy hoặc các cơ sở dữ liệu điện tử đa dạng của Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM còn phát triển nguồn học liệu nội sinh của Trường và bổ sung nguồn tài liệu tham khảo khác. Với đặc thù của Trường là đào tạo về CNTT nên nguồn học liệu chủ yếu tập trung về lĩnh vực này. Trường chú trọng phát triển nguồn giáo trình tự biên soạn hoặc biên dịch (từ năm 2017 đến nay, Trường đã và đang phát triển trên 30 tựa giáo trình tự biên soạn mới). Bên cạnh đó, Thư viện trường còn lưu trữ nguồn học liệu là khóa luận, luận văn, luận án. Các nguồn tài liệu tham khảo khác từ nguồn mua mới, quyên tặng sách từ cán bộ, giảng viên và người học, nguồn từ Quỹ Châu Á,... Tính đến hiện tại, Thư viện có nguồn tài liệu bản giấy hơn 1.400 nhan đề/hơn 12.000 bản, một kho tài liệu số với trên 1.000 tài liệu số nội sinh và 8.000 tài liệu số sưu tập [H7.7.4.06].

Hàng năm, Trường đều tiến hành rà soát các nguồn lực học tập như về sử dụng chung nguồn lực học liệu của Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM, mỗi năm 2 lần Thư viện Trung tâm sẽ gửi tổng kết số liệu sử dụng của người dùng từ các thành viên; hay tại Trường, cuối các năm, trong báo cáo về hoạt động Thư viện có báo cáo tổng kết về lượt mượn trả tài liệu tại thư viện của người dùng cũng như các báo cáo theo chuyên đề về các sách, giáo trình không còn sử dụng hoặc có số người dùng rất ít cần thanh lý hoặc cải tiến, biên soạn lại,...[H7.7.4.07].

Trường sử dụng phần mềm quản lý thư viện có bản quyền và có khả năng liên kết với hệ thống thư viện ĐHQG-HCM cũng như các trường thành viên, trong đó có dữ liệu theo dõi, đánh giá về hiệu quả sử dụng nguồn học liệu từ người dùng và thường đưa vào báo cáo số liệu định kỳ 1 năm 2 lần của hệ thống thư viện ĐHQG-HCM (đối với dùng chung trong Hệ thống) và báo cáo hàng tháng của Thư viện [H7.7.4.08].

Trong giai đoạn đánh giá, Trường đã tập trung cải tiến phát triển hoàn chỉnh thư viện điện tử, theo đó Thư viện tập trung xây dựng bộ sưu tập tài liệu số (tài liệu nội sinh) bao gồm giáo trình, luận án, luận văn, khóa luận và các tài liệu có bản quyền để phục vụ truy cập từ xa xem toàn văn. Đồng thời, phối hợp cùng Thư viện trung tâm ĐHQG-HCM xây dựng và đưa vào vận hành phần mềm trên thiết bị di động phục vụ tra cứu, truy cập tiện lợi, mọi lúc, mọi nơi cho sinh viên và giảng viên. Bên cạnh đó,

nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu và dịch vụ cho SV, Trường đã sửa chữa, nâng cấp, gắn máy lạnh và đưa vào hoạt động tầng 2 của thư viện từ năm 2022.

Trường ban hành quy định mỗi 2 năm tổ chức khảo sát lấy ý kiến sinh viên về công tác hỗ trợ trong đó có CSVC, thư viện (từ 2019), khảo sát đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên; khảo sát sinh viên tốt nghiệp mỗi năm một lần về CSVC với các câu hỏi như: Thư viện có đủ không gian, chỗ ngồi và tư liệu tham khảo cho nhu cầu học tập và nghiên cứu của Anh/Chị, Nguồn tài liệu của Trường đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nghiên cứu của thầy/ cô,... Từ các kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi cho thấy các ý kiến phản ánh hài lòng về nguồn lực học tập, nguồn tài liệu Trường luôn trên 80% đánh giá hài lòng và rất hài lòng và mức độ hài lòng ngày càng nâng cao cho thấy Trường đã thực hiện cải tiến hiệu quả [H7.7.4.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Trường giao ban Quản lý cơ sở nhiệm vụ là đơn vị tham mưu giúp Hiệu trưởng lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn có tính đến khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Theo đó, ban Quản lý cơ sở chịu trách nhiệm giữ gìn vệ sinh, mỹ quan, cảnh quan như: cây cảnh, trang trí, băng rôn, biểu ngữ,...; tổ chức và chịu trách nhiệm về công tác an toàn, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an ninh trật tự trong khuôn viên trường; đảm bảo môi trường phòng học: nước uống, ánh sáng, âm thanh, vệ sinh; thực hiện vệ sinh công cộng, quản lý và đảm bảo điện nước cho làm việc và sinh hoạt; phối hợp với đơn vị công an và chính quyền địa phương trong các hoạt động giữ gìn trật tự, trị an, an toàn xã hội trên địa bàn Trường [H7.7.5.01]. Trong đó, công tác phòng cháy chữa cháy có sự phối hợp giữa các đơn vị: phòng Quản trị thiết bị, phòng Tổ chức hành chính và Ban quản lý cơ sở. Hàng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch PCCC và tổ chức tập huấn đến các cán bộ, GV và SV toàn trường về công tác PCCC [H7.7.5.02]. Ngoài ra, Trường còn thuê công ty môi trường để vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt của nhà trường, thuê công ty cây xanh để chăm sóc cảnh quang [H7.7.5.03], thuê công ty vệ sinh định kỳ để vệ sinh các tòa

nhà hàng ngày cũng như tổng vệ sinh lớn định kỳ từng quý. [H7.7.5.04] [H7.7.5.05] [H7.7.5.06].

Đặc biệt để công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm được giám sát chặt chẽ, Trường thành lập Tổ Vệ sinh an toàn thực phẩm với nhiệm vụ thường xuyên giám sát công tác an toàn vệ sinh thực phẩm, các bữa ăn tại căn tin cũng như nhà ăn của Trường [H7.7.5.07], [H7.7.5.08].

Để đảm bảo sức khỏe cho cán bộ, giảng viên và sinh viên, Trường đã thành lập Phòng y tế, thuộc phòng CTSV từ năm 2012. Phòng Y tế chịu trách nhiệm khám chữa bệnh cho sinh viên và cán bộ giảng viên Trường; thực hiện công tác y tế dự phòng; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong Trường. Phòng y tế có cán bộ y tế trực trong thời gian SV học tại Trường [H7.7.5.09]. Bên cạnh đó công tác chăm sóc sức khỏe tinh thần cũng được đặc biệt chú trọng như: Các trường hợp có vấn đề về tâm lý được sàng lọc thông qua trắc nghiệm từ đầu năm; Hàng tuần đều có các buổi nói chuyện về tâm lý; Cán bộ tư vấn tâm lý trực thường xuyên tại phòng Tư vấn tâm lý riêng tại Trường. Cuối cùng, Trường còn kiên trì áp dụng các biện pháp Tất cả sinh viên khi nhập học phải cung cấp hồ sơ khám sức khỏe đầu khóa cho sinh viên theo đúng quy định của Bộ Y tế [H7.7.5.10]. Trường có biện pháp chế tài nặng nếu SV không tham gia BHYT nhờ đó gần 99% sinh viên có BHYT [H7.7.5.11]. Công tác khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, GV cũng được Trường chú trọng và được giao cho Công đoàn triển khai hàng năm [H7.7.5.12]. Trong giai đoạn đánh giá, số lượng cán bộ Số lượng CB, SV khám sức khỏe định kỳ như Bảng 7.5.1.

Nội dung	2017	2018	2019	2020	2021
Số CB, GV, NV	181	144	175	190	148
Số SV	1089	1424	1766	1736	1931

Bảng 7.5.1. Thống kê số lượng CB, GV, NV và SV khám sức khỏe định kỳ

Trong khi xây dựng, Trường luôn chú trọng đến khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt như tạo các lối đi lên các tòa nhà cho xe lăn, thang máy nút bấm có ký hiệu cho người khiếm thị, toilet dành riêng cho người khuyết tật [H7.7.5.13].

Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo theo dõi kết quả khám sức khỏe tổng quát cho toàn bộ CB, GV, NV; báo cáo công tác vệ sinh y tế học đường và hoạt động chăm sóc sức khỏe, công tác môi trường, sự an toàn cũng được tổng kết trong báo cáo năm học của Nhà trường [H7.7.5.14], [H7.7.5.15].

Định kỳ hai năm một lần, Trường khảo sát CB, GV, NV về môi trường làm việc, sức khỏe với câu "Trường quan tâm, chăm sóc sức khỏe cho thầy/ cô" được gần 80% phản hồi hài lòng [H7.7.5.16].

Khảo sát sự hài lòng của SV về công tác hỗ trợ định kỳ hai năm/lần với các câu hỏi như: Không gian tự học, học nhóm, sinh hoạt tập thể, nghỉ ngơi đáp ứng yêu cầu của Anh/Chị (70% hài lòng); Căn tin sạch sẽ, rộng rãi, thoáng mát (74% hài lòng); Anh/Chị hài lòng về cung cách phục vụ, thực đơn và vệ sinh an toàn thực phẩm tại căn tin (gần 60% hài lòng và gần 30% bình thường); Hệ thống nhà vệ sinh sạch sẽ (gần 80% hài lòng); Các thắc mắc, khiếu nại (trực tiếp/ email/ forum,..) của Anh/Chị được giải quyết nhanh chóng và thỏa đáng (74% hài lòng); Các quy chế, quy định liên quan đến công tác SV được phổ biến và giải thích rõ ràng (80.5% hài lòng); Cố vấn học tập tư vấn, hỗ trợ kịp thời khi Anh/Chị gặp khó khăn trong học tập, nghiên cứu và định hướng nghề nghiệp, việc làm (82.4% hài lòng); Anh/Chị hài lòng về các giải đáp và hướng dẫn của Cố vấn học tập (82.3% hài lòng); Công tác đảm bảo, an ninh trật tự trong Trường được thực hiện tốt (78.9%)... [H7.7.5.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hệ thống quản lý tài chính của Trường rõ ràng, thống nhất, tuân thủ các quy định của pháp luật, của ĐHQG-HCM và đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững của Trường.

- Các thiết bị và cơ sở hạ tầng CNTT của Trường được đầu tư bài bản, hiện đại, có hệ thống dự phòng, được bảo mật tốt đáp ứng các nhu cầu về quản lý, đào tạo, NCKH và PVCD.
- Nguồn học liệu của Trường phong phú do ngoài các học liệu được phát triển riêng, Trường còn được kế thừa và sử dụng chung nguồn học liệu khổng lồ của ĐHQG-HCM cũng như của các Trường thành viên.
- Trường có hệ thống quản lý và theo dõi thường xuyên về cảnh quan, môi trường, sức khỏe và an toàn do đó giúp cho viên chức, sinh viên và các đối tượng liên quan cảm thấy thoải mái, yên tâm công tác.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hệ thống dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học còn thủ công, chưa thực sự thuận lợi khi thu thập, phân tích số liệu và cảnh báo sớm.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học.	- Phòng QTTB, - Phòng DL&CNTT.	Từ 2023 đến 2025	
2	Điểm mạnh cần phát huy	Các hệ thống CNTT quản lý tất cả các mặt hoạt động của Trường	Phòng DL&CNTT	Liên tục cải tiến từ 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	4,40
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	4
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	4
Tiêu chí 7.5	4

TIÊU CHUẨN 8. CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác đối ngoại trong một trường đại học, ngay từ khi thành lập, Trường đã giao cho một đơn vị phụ trách về công tác này - Phòng Quan hệ đối ngoại với chức năng “*Tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong quản lý hoạt động quan hệ đối ngoại, các hoạt động hợp tác quốc tế và các dự án quốc tế của Trường*” [H8.8.1.01]. Phòng QHĐN gồm 04 thành viên, bao gồm: Trưởng phòng là TS CNTT được đào tạo tại Hoa Kỳ, Phó Trưởng phòng là Thạc sĩ QHQT, 01 Chuyên viên là Thạc sĩ QHQT và 01 Chuyên viên là Cử nhân Ngôn ngữ Anh. Chính vì vậy đội ngũ này hoàn toàn có đủ năng lực tham mưu và xây dựng kế hoạch hoạt động để đạt được các mục tiêu chiến lược.

Tiếp tục kế thừa hoạt động từ giai đoạn trước đó, giai đoạn 2016-2020, Trường ĐHCNTT đã xác định mục tiêu là *Chủ động hội nhập khu vực và quốc tế; Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, địa phương, doanh nghiệp nhằm nâng cao vị thế ĐHQG-HCM tăng cường nguồn lực cho đào tạo và NCKH* [H8.8.1.02]. Kết quả kỳ vọng cho giai đoạn này như Bảng 8.1.1.

TT	Mục tiêu cụ thể	Kết quả kỳ vọng
1	Phát triển thương hiệu của Trường thông qua đa dạng hóa các hình thức PR.	Là nơi để các SV và đối tác tìm đến
2		Quảng bá ưu điểm và thế mạnh của trường đến nhiều đối tượng
4	Duy trì và phát triển mạng lưới các đối tác chiến lược, thúc đẩy sự hợp tác nhằm mang lại các cơ hội phát triển cho Nhà trường	Mở rộng và hợp tác hiệu quả với các đối tác trong và ngoài nước
5		Hình thành các hợp tác liên kết đào tạo quốc tế

Bảng 8.1.1. Kết quả kỳ vọng về hội nhập/hợp tác khu vực và quốc tế

Trên cơ sở TN, SM, phân tích các điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức, kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025, Trường tăng cường hợp tác quốc

tế thúc đẩy nâng cao chất lượng ĐT, năng lực NCKH và quản trị đại học với kết quả kỳ vọng gồm:

- 01 chương trình đào tạo liên kết quốc tế được mở mới.
- 01 quy trình gửi SV trao đổi SV quốc tế.
- 01 quy trình tiếp nhận SV trao đổi SV quốc tế.
- Gửi 05 SV/HVCH tham gia chương trình trao đổi SV tại nước ngoài.
- Tiếp nhận 05 SV/HVCH quốc tế đến học, giao lưu tại Trường.
- 02 hoạt động trao đổi kinh nghiệm quốc tế về quản trị đại học.
- Tổ chức 01 sự kiện hoặc thực hiện 01 dự án hợp tác quốc tế.
- Ký kết với 01 đối tác chiến lược [H8.8.1.03].

Để thực hiện được chiến lược trong từng giai đoạn, đối với hoạt động đối ngoại, Nhà trường tuân thủ theo các quy định liên quan của Nhà nước, Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM, do đó Trường chỉ ban hành một số quy định cần thiết như: Quy định về Quản lý hoạt động QHĐN; Quy định về việc sử dụng logo, thiết kế các sản phẩm có sử dụng hình ảnh nhận dạng thương hiệu và đồng thương hiệu; Quy định đặt tên giao dịch quốc tế (tiếng Anh) [H8.8.1.04]. Ngoài ra, để dễ dàng hơn trong phối hợp thực hiện các hoạt động đối ngoại tại Trường, Phòng QHĐN ban hành các quy trình nội bộ như: Quy trình rà soát văn bản hợp tác; Quy trình tiếp khách; Quy trình viết bài quảng cáo Trường,... Các quy trình, quy định này đều được phổ biến đến toàn thể CB, GV, NV thông qua email cá nhân và đăng tải trên website của Trường/Phòng [H8.8.1.05].

Trên cơ sở tuân thủ các văn bản nội bộ trường và của cấp trên, Trường đã lập kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới và QHĐN hằng năm nhằm triển khai các hoạt động đối ngoại bám sát TN, SM và các mục tiêu chiến lược [H8.8.1.06]. Trường đã dự thảo quy định về đối tác chiến lược trong đó có các tiêu chí phân loại, lựa chọn đối tác phù hợp với mục tiêu, SM và mang lại nguồn tài chính cho Trường.

Về cơ chế quản lý, kiểm tra giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động QHĐN được thể hiện rõ trong các quy định mà ĐHQG-HCM và Trường đã ban hành. Ngoài ra công tác thanh kiểm tra nội bộ cũng được Nhà trường giao cho đơn vị chức

năng là phòng TT-PC-ĐBCL kiểm tra nội bộ công tác tổ chức và quản lý mảng hợp tác quốc tế định kỳ 2 năm/lần nhằm giúp cho hoạt động quan hệ đối ngoại của Trường tuân thủ đúng quy định, ổn định và phát triển [H8.8.1.07].

Định kỳ hằng năm, đơn vị chức năng thực hiện thống kê, tổng hợp và báo cáo đến BGH, các đơn vị liên quan đồng thời lập kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại cụ thể cho năm sau. Tất cả kế hoạch, báo cáo này đều được phổ biến đến toàn Trường thông qua Hội nghị CBVC-NLĐ, hệ thống email cá nhân và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường [H8.8.1.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Hằng năm, Nhà trường triển khai các chính sách, quy trình, KHCL và các thỏa thuận nhằm thúc đẩy các đối tác, phát triển các mạng lưới và các mối quan hệ trong và ngoài nước đến thời điểm hiện tại như:

Về thực hiện các thỏa thuận đã ký kết: Trường đã ký kết 26 MOU và 02 MOA với các đối tác trong và ngoài nước. Trong số đó có các đối tác đã triển khai hợp tác về đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật, tổ chức các cuộc thi học thuật như: Công ty Cổ phần Fujinet Systems, Bệnh viện Đại học Y Dược TP. HCM, Công ty Citynow, Đại học Griffin, Kyushu Institute of Technology,.. Một số ít thỏa thuận chưa được triển khai do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan từ hai phía, một phần do tình hình dịch Covid-19.

Về triển khai các hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, NH với các đối tác trong và ngoài nước:

Về trao đổi học thuật, trao đổi GV, NH với các đối tác trong và ngoài nước: Mỗi năm, Trường tổ chức đón tiếp khoảng 25-30 đoàn vào theo hình thức hợp trực tiếp và trực tuyến, hơn 10 đoàn ra học tập, nghiên cứu và làm việc tại Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Úc, Trung Quốc, ... [H8.8.2.01]. Trường thường xuyên cập nhật thống kê đoàn ra, đoàn vào và đăng trên cổng thông tin điện tử (<https://qhdn.uit.edu.vn/vi/bai-viet/thong-ke-doan-ra-doan-vao-2017-2021>).

Về hợp tác đào tạo và NCKH: Trường duy trì và triển khai các hoạt động hợp tác về NCKH, tạo môi trường để SV nghiên cứu và trao đổi học thuật tại các phòng nghiên cứu & phát triển như Rosen, Fsoft; Triển khai hằng năm nội dung thỏa thuận hợp tác với Đại học Oklahoma State University (Hoa Kỳ) về việc liên kết đào tạo chương trình tiên tiến; hỗ trợ công tác tuyển sinh theo chương trình liên kết mới với Đại học Birmingham City University ngành Khoa học máy tính và Ngành Mạng máy tính & An toàn Thông tin. Bên cạnh đó, Trường thảo luận trực tuyến với các đối tác từ Đại học Deakin (Úc), Đại học Victoria Wellington (New Zealand) về hợp tác liên kết chương trình đào tạo (2+2) ngành Software Engineering và Computer Engineering; Trường Đại học Công nghệ Auckland (New Zealand), Trường Missouri University of Science and Technology (Hoa Kỳ) về liên kết đào tạo, trao đổi học thuật và các chương trình học bổng. Trường đã gửi bản dự thảo MOU giữa Trường và các đối tác như công ty Intel Products Vietnam, Đại học Kinh tế để hợp tác về đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, quản trị nhà trường. [H8.8.2.02].

Về dự án: Trường vẫn đang tìm kiếm và kết nối các dự án trong nước và quốc tế trong lĩnh vực CNTT&TT. Trường đã hoàn thành hồ sơ về chương trình “Viện trợ không hoàn lại cấp cơ sở về văn hóa” của Chính phủ Nhật Bản, đầu năm 2022 Trường được cấp gần 1,8 tỷ đồng đầu tư trang thiết bị cho phòng học thông minh theo dự án này [H8.8.2.03].

Về Hội nghị, Hội thảo quốc tế: Từ năm 2019 đến nay, do tình hình dịch COVID – 19 diễn ra phức tạp với nhiều biến chủng nguy hiểm, việc đóng cửa biên giới giữa các nước làm hạn chế tình hình xuất nhập cảnh dẫn đến các Hội nghị, Hội thảo quốc tế không được tổ chức như mọi năm. Thay vào đó Trường có thông tin các chương trình đó bằng hình thức trực tuyến do các đối tác bên ngoài tổ chức đến các đơn vị và NH như: Triển lãm trực tuyến Giáo dục Hoa Kỳ EducationUSA 2021 do Đại sứ quán Hoa Kỳ và Tổng lãnh sự quán Hoa Kỳ tổ chức; Hội thảo “AUN-KU Winter Seminar on Human Security Development through Energy Science” do Đại học Kyoto (Nhật Bản) tổ chức; Hội nghị trực tuyến “AUN-EEC Conference 2021 do Đại học Ateneo De Manila University, Philippines tổ chức, v.v.... Ngoài ra, Trường duy trì chủ trì tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các Hội thảo quốc tế thường niên như: (1) Hội nghị quốc tế về

Phân tích nội dung đa phương tiện và nhận dạng được (MAPR - International Conference on Multimedia Analysis and Pattern Recognition) duy trì từ năm 2018 đến nay, hình thức tổ chức trực tiếp và trực tuyến (do Đại dịch COVID-19) tùy theo tình hình thực tế. MAPR 2022 dự kiến sẽ diễn ra trong hai ngày 13-14/10/2022 tại Phú Quốc [H8.8.2.04]; (2) Hội thảo quốc tế Xử lý ngôn ngữ và tiếng nói tiếng Việt lần thứ 8 (The 8th International Workshop on Vietnamese Language and Speech Processing – VLSP 2021) tổng hợp các bài báo NCKH về xử lý giọng nói và ngôn ngữ tiếng Việt. Đồng thời, Hội thảo cũng là nơi thu hút các nhà nghiên cứu và các chuyên gia đến trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong lĩnh vực này [H8.8.2.05].

Về công tác quảng bá, xây dựng hình ảnh thương hiệu: Mỗi năm Trường đăng hơn 04 bài báo giới thiệu Trường và các ngành học của Trường trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo giấy và báo điện tử). Ngoài ra, một số quảng bá bằng hình thức khác như: quà tặng, video clip,...

Về phát triển mạng lưới, các mối quan hệ trong nước và ngoài nước: Trên cơ sở KHCL giai đoạn 2016-2020, mục tiêu cụ thể 2 “Duy trì mạng lưới các đối tác chiến lược, thúc đẩy sự hợp tác nhằm mang lại các cơ hội phát triển cho nhà trường.” của nhóm chiến lược 3 về quan hệ đối ngoại và mục tiêu cụ thể 1: Nâng cao hiệu quả quản lý KHCN của nhóm chiến lược về Khoa học - Công nghệ, Trường đã triển khai: Xây dựng mạng lưới với cơ quan quản lý NCKH của địa phương, doanh nghiệp, đối tác nước ngoài để gia tăng các đề tài NCKH/CGCN; Các hoạt động thúc đẩy hoạt động nhận các đề tài NCKH/CGCN từ các địa phương, doanh nghiệp, đối tác nước ngoài. Bên cạnh đó, ĐHQG-HCM là thành viên của tổ chức AUN nên hàng năm Trường mời các chuyên gia của tổ chức AUN thực hiện đánh giá các chương trình đào tạo của Trường; Trường có duy trì mối quan hệ với Chi hội hữu nghị Việt – Nhật nhằm tăng cường hợp tác với Nhật Bản trong việc chuyển giao công nghệ và nhân lực ngành IT. Ngoài ra, Trường là thành viên tích cực của Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam [H8.8.2.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Công tác rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước được Trường thực hiện định kỳ hằng năm theo quy trình ban

hành vào tháng 8/2016 [H8.8.3.01]. Bảng 8.3.1 dưới đây là kết quả của quá trình rà soát cho cả giai đoạn 2017-2021 [H8.8.3.02].

STT	Đối tác	Ngày ký MOU/MOA		Rà soát, đánh giá hiện trạng
		MOU	MOA	
Năm 2017				
1	Khoa Máy tính & Hệ thống khoa học (Department of Computer and System Sciences), Trường Đại học Stockholms (Stockholms Universitet)	1/1/2017		Dự kiến ban đầu Trường Đại học Stockholms gửi SV đến tham quan và học tập tại Trường trong năm học 2017-2018 tuy nhiên do không tuyển đủ số lượng nên không triển khai
2	Công ty Cổ phần Fujinet Systems	3/3/2017		Phối hợp tổ chức cuộc thi lập trình Fujinet UIT-ACM 2017. Tổ chức các hoạt động thường niên tại các mục số 1,2,3
3	Khoa Hệ thống thông tin (Faculty of Information Systems), Trường Đại học Stockholms (Stockholms Universite)		20/4/2017	Chưa triển khai
4	Công ty ROSEN	01/05/2017		Phòng nghiên cứu và phát triển UIT-ROSEN được thành lập và đang hoạt động
5	Bệnh viên Đại học Y Dược TP. HCM	17/05/2017		Đã và đang triển khai
6	Công ty Citynow	09/07/2017		Triển khai lớp học tiếng Nhật cho SV từ năm học 2017-2018

STT	Đối tác	Ngày ký MOU/MOA		Rà soát, đánh giá hiện trạng
		MOU	MOA	
7	Đại học Kinh Tế Luật, ĐHQG-HCM	17/07/2017		Thành lập tổ công tác xúc tiến thăm định mở ngành thương mại điện tử. Đại học kinh tế luật cử giảng viên tham gia chương trình thương mại điện tử tại UIT
8	Đại học Bình Dương	26/7/2017		Chưa triển khai
9	Công ty PwC (Việt Nam)	13/10/2017		Chưa triển khai
Năm 2018				
1	Hội tin học Thành phố Hồ Chí Minh	28/03/2018		Chưa triển khai
2	Đại học Quốc tế, ĐHQG-HCM	04/05/2018		Chưa triển khai
3	Công ty City Now, dự án hợp tác về công nghệ Blockchain	4/4/2018		Phòng nghiên cứu và Phát triển Citynow – UIT đã thành lập và đang hoạt động
4	Công ty VINTECH	21/08/2018		Đang triển khai
5	Diễn đàn Hiệu Trưởng WTA	11/10/2018		Tham dự hội nghị, hội thảo
6	Công ty TNHH KMS Technology Việt Nam	20/12/2018		Đã kết thúc
Năm 2019				
1	Đại học Myongji	22/01/2019		Chưa triển khai
2	Công ty MEC	24/01/2019		Đang triển khai
3	Khoa Kỹ Thuật Khoa học, Đại học Saga	21/02/2019		Trao đổi GV và SV giữa 2 Trường vào 3/2020.
4	Đại học Deakin	15/03/2019		Đang trao đổi xây dựng chương trình liên kết với các Khoa (2+2 hoặc 3+1)

STT	Đối tác	Ngày ký MOU/MOA		Rà soát, đánh giá hiện trạng
		MOU	MOA	
5	Đại học Griffin	11/03/2019		Trao đổi GV giảng dạy trong năm học 2019-2020
6	Institute of Technology Petronas SDN BHD	29/05/2019		Chưa triển khai
7	Huredee Class		31/05/2019	Đang triển khai
8	Kyushu Institute of Technology	30/09/2019		1. Thực hiện 1 đề tài nghiên cứu; 2. Triển khai kế hoạch giao lưu SV từ năm 2021 hoặc 2022 tùy theo tình hình dịch bệnh COVID-19
Năm 2020				
1	Công ty TNHH KMS Technology Việt Nam	20/01/2020		1. KMS thường xuyên tài trợ các hoạt động SV (UIT Career Day, học bổng, kỹ năng, TDTT,...) 2. Trung bình 1 năm KMS tài trợ khoảng 100 triệu đồng. Và ký MOU theo từng năm
2	Công ty Sun Asterisk	01/02/2020		Mở lớp tiếng Nhật do người Nhật dạy. Mỗi tháng có 2-3 NV đến làm việc lại VP CCTĐB
3	JAIST	03/04/2020		Đang triển khai
4	Đại học Central Missouri	9/9/2020		Chưa triển khai do tình hình dịch Covid
Năm 2021				
1	Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn	12/03/2021		Tổ chức buổi nói chuyện chuyên đề “Hành trang lập nghiệp qua những trang sách” phối hợp giữa thư viện Trường và Tạp chí Doanh nhân Sài Gòn ngày 21/04/2022.

STT	Đối tác	Ngày ký MOU/MOA		Rà soát, đánh giá hiện trạng
		MOU	MOA	
Tổng hợp giai đoạn 2017 – 2021				
	Đối tác gồm các công ty, khoa, viện, trường ĐH; bệnh viện, các tổ chức/diễn đàn, đề án và Hội tin học	26	2	Kết thúc: 01 Đang triển khai: 20 Chưa triển khai: 7

Bảng 8.3.1. Thống kê các MOU, MOA trong 5 năm gần đây

Qua quá trình rà soát, đánh giá cẩn thận các thoả thuận, hợp tác trong và ngoài nước, Trường nhận thấy một số MOU, MOA chưa được triển khai do một số nguyên nhân chủ quan và khách quan từ hai phía. Vì vậy từ năm 2022, Nhà trường sẽ liên hệ với đối tác để xác định khả năng hợp tác tiếp tục hay dừng hẳn. Ngoài ra, Trường cũng đang dự thảo quy định cụ thể các tiêu chí để đánh giá kết quả hợp tác với các đối tác, dự kiến ban hành năm 2022.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chuẩn 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trong năm năm qua công tác quan hệ đối ngoại của Trường đã có nhiều cải tiến, gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể và đạt được mục tiêu chiến lược như: Theo thời gian, thương hiệu “Trường Đại học Công nghệ Thông tin - UIT” được nhiều người biết đến hơn. Các hoạt động duy trì và mở rộng các mối quan hệ đang có cũng mang đến cho Trường một số cơ hội hợp tác phát triển [H8.8.4.01].

Trong năm 2019, Trường xác định hướng hoạt động quan hệ đối ngoại là “Tăng cường quan hệ đối ngoại với các nước trong khu vực Châu Á, điển hình là đối tác Nhật Bản” theo Quyết định số 12/QĐ-ĐHCNTT ngày 10/01/2019, việc mở rộng mạng lưới quan hệ hợp tác qua chuyển công tác Nhật Bản vào tháng 4 năm 2019 đã đạt được một số kết quả:

- Trường Đại học Saga: Trao đổi triển khai thực hiện văn bản ghi nhớ đã ký trước đó, bao gồm: trao đổi NCKH, trao đổi GV và SV, học bổng.

- Công ty TNHH Matsusaka E.D.P Center (MEC): Chương trình thực tập hè năm 2019 (02 SV UIT); Mời tham dự ngày hội việc làm tổ chức vào tháng 05/2019 và hỗ trợ chương trình dạy tiếng Nhật. Từ năm 2019 đến nay MEC hỗ trợ thường niên các hoạt động tiếp nhận SV thực tập tại Nhật Bản, hỗ trợ học bổng thay cho hình thức tiếp nhận SV thực tập trong giai đoạn COVID - 19.
- Tổ chức phi lợi nhuận Huredee: Huredee tài trợ hoàn toàn cho SV tham gia lớp tiếng Nhật do Huredee và đối tác tổ chức; hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV sau khi tham gia lớp tiếng Nhật của Huredee. Các lớp tiếng Nhật được Huredee tổ chức cho SV của Trường từ năm 2020 đến nay.

Tình hình dịch bệnh Covid-19 đã và đang diễn biến rất phức tạp từ cuối năm 2019, đặc biệt làn sóng bùng nổ lần thứ 4 tại Việt Nam đã ảnh hưởng khá nhiều đến hoạt động của Trường nói chung và hoạt động QHĐN nói riêng, nên các năm về sau cực kỳ khó khăn cho hoạt động QHĐN. Tuy nhiên, Trường đã chủ động triển khai hoạt động QHĐN theo các hình thức trực tuyến để không gián đoạn hoạt động này [H8.8.4.02]. Dưới đây là bảng thống số lượng các chương trình, công trình hợp tác NCKH quốc tế; số lượng các chương trình hợp tác với doanh nghiệp, địa phương; số lượng giảng viên, SV trao đổi trong 5 năm gần đây.

STT	Nội dung	Số lượng					Tổng
		2017	2018	2019	2020	2021	
1	Các chương trình, công trình hợp tác NCKH quốc tế	0	0	0	2	1	3
2	Các chương trình hợp tác với doanh nghiệp, địa phương	0	1	9	8	0	18
3	Giảng viên trao đổi	0	1	2	1	0	5
4	SV trao đổi	0	10	0	0	0	10
5	Chương trình liên kết BCU	-	-	23	18	61	102
6	Tham gia mạng lưới AUN	Từ 2016 đến nay					

Bảng 8.4.1. Thống kê số lượng các chương trình, công trình hợp tác NCKH quốc tế; số lượng các chương trình hợp tác với doanh nghiệp, địa phương; số lượng giảng viên, SV trao đổi giai đoạn 2017-2021

Năm 2021, kết quả khảo sát CBQL, GV, NV cho thấy có 81.82% CBQL, 90.14% GV và 82.76% CV cho rằng hoạt động hợp tác đào tạo trong và ngoài nước; trao đổi GV, SV; hợp tác với DN; hội nghị, hội thảo,... của Trường thiết thực và có ý nghĩa.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Ưu thế về đào tạo chuyên ngành CNTT&TT nên thu hút nhiều đối tác về lĩnh vực tương đương đến tìm hiểu nhu cầu hợp tác.
- Hoạt động QHĐN được Nhà trường quan tâm từ khâu xác lập mục tiêu chiến lược cho đến triển khai và rà soát, đánh giá, cải tiến mỗi năm, mỗi giai đoạn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường chỉ chuyên đào tạo CNTT&TT nên cũng là yếu điểm khi chỉ tập trung vào một số đối tác thuộc nhóm ngành CNTT&TT, cần mở rộng thêm các quan hệ ở những lĩnh vực khác như kinh tế, ngoại thương, y khoa... để tạo nên hệ sinh thái phong phú liên quan đến áp dụng CNTT&TT trong cuộc sống và xã hội.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Sau khi tình hình dịch bệnh Covid- 9 tại Tp. HCM được kiểm soát, Nhà trường sẽ chủ động tìm kiếm những đối tác trong các lĩnh vực kinh tế, ngoại thương, y khoa để mở rộng thêm các mối quan hệ, đặc biệt là các đối tác nước ngoài.	Phòng QHĐN	Năm 2022-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát triển ở mức cao hơn các hợp tác với các đối tác và mạng lưới quan hệ đối ngoại sẵn có	Phòng QHĐN	Năm 2022-2025	

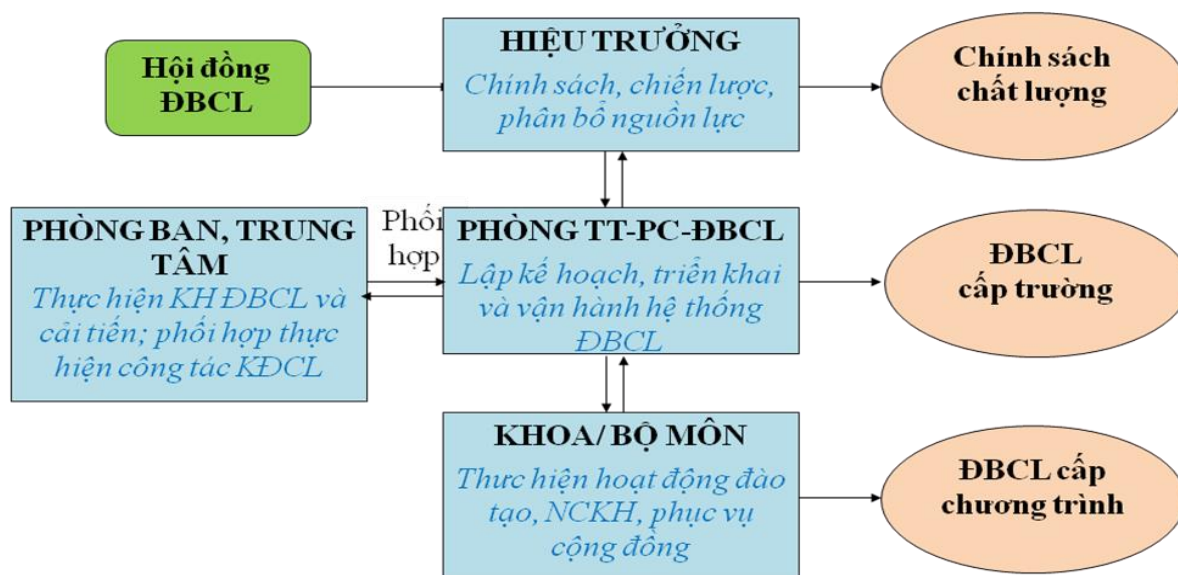
4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 8</i>	<i>4,75</i>
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	4

TIÊU CHUẨN 9. HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Trường ĐHCNTT xác định việc thiết lập cơ cấu, vai trò trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong là nhiệm vụ hàng đầu nhằm đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Trường. Theo đó, từ tháng 3 năm 2010, Trường đã thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H9.9.1.01], đến tháng 02 năm 2012, Phòng được đổi tên và bổ sung chức năng thành Phòng Thanh tra – Pháp chế - Đảm bảo chất lượng [H9.9.1.02]. Bên cạnh đó hệ thống ĐBCL nội bộ của Trường cũng được thiết kế, vận hành và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải tiến chất lượng mọi hoạt động chính yếu của Trường như đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hệ thống này hướng đến đáp ứng tốt Tâm nhìn, Sứ mạng, đạt các mục tiêu chiến lược của Trường và đảm bảo sự hài lòng của các bên có liên quan [H9.9.1.03].



Hình 9.1.1. Sơ đồ tổ chức vận hành Hệ thống ĐBCL nội bộ

Hệ thống ĐBCL Trường quy định rõ trách nhiệm thực hiện công tác ĐBCL của Phòng TT-PC-ĐBCL và các cá nhân, đơn vị liên quan cùng sự phối hợp nội bộ bên trong nhằm ĐBCL các hoạt động tại đơn vị. Tại các Khoa có Tổ ĐBCL cấp khoa được thành lập gồm 3 - 5 thành viên theo quy định, trong đó Trưởng khoa là tổ trưởng, các

thành viên còn lại là đại diện GV, thư ký/giáo vụ khoa để thực hiện công tác ĐBCL tại Khoa [H9.9.1.04].

Bên cạnh đó, Trường có hệ thống các văn bản quy định về các hoạt động ĐBCL và các quy trình, hướng dẫn nhằm hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý [H9.9.1.05]. Các văn bản đã được Nhà trường ban hành như: Quy định Hệ thống ĐBCL nội bộ Trường ĐHCNTT; Chính sách chất lượng của Trường ĐHCNTT; Quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp về khóa học; Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp và nhà tuyển dụng; Quy trình tự đánh giá và đánh giá nội bộ cấp CSGD tại Trường ĐHCNTT; Quy trình tự đánh giá cấp CTĐT tại Trường ĐHCNTT; Quyết định ban hành Sổ tay chất lượng Trường ĐHCNTT; Quy định khảo sát lấy ý kiến CB-GV-NV về điều kiện, môi trường làm việc tại Trường ĐHCNTT,... Tất cả văn bản đều được công khai và phổ biến đến các bên liên quan thông qua email và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường (<https://dbcl.uit.edu.vn/vi/document/dbcl/van-ban-noi-bo>).

Để thực hiện tốt công tác ĐBCL cấp chương trình và cấp Trường, các cán bộ chuyên trách của Phòng (4 Ths và 2 cử nhân) và các cán bộ của các đơn vị khác trong Trường đã trải qua nhiều khoá tập huấn, bồi dưỡng về công tác ĐBCL [H9.9.1.06], được phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể [H9.9.1.07]. Một phó hiệu trưởng là kiểm định viên được phân công phụ trách công tác ĐBCL, hiện nay là Hiệu trưởng. Toàn trường đến nay có 20 cán bộ đã qua lớp tập huấn về KĐCLGD và có chứng chỉ, 04 cán bộ có thể kiểm định viên của Bộ GD&ĐT và là đánh giá viên nhiều đợt đánh giá cấp CTĐT cũng như cấp Trường tại các cơ sở đào tạo [H9.9.1.08].

Tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ	Số đợt	Số lượt người tham dự
Tập huấn ngoài nước	2	2
Tập huấn cấp Bộ	0	0
Tập huấn ngoài Trường	5	7
Tập huấn cấp ĐHQG	21	154
Tập huấn trong trường	08	289
Tổng cộng:	36	452

Bảng 9.1.1. Thống kê các lớp tập huấn CBGVNV Trường tham gia về ĐBCL và KĐCL

Hệ thống ĐBCL nội bộ Trường được vận hành xuyên suốt thông qua quy trình PDCA (Plan – Lập kế hoạch, Do – Triển khai thực hiện, Check – Rà soát/ đánh giá, Act – Điều chỉnh/ cải tiến), vì vậy mà mọi hoạt động của Trường từ lập kế hoạch, triển khai thực hiện cho đến rà soát, đánh giá và cải tiến đều tuân thủ theo quy trình, quy định.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Là một trường thành viên của ĐHQG HCM nên định hướng phát triển của Trường là định hướng nghiên cứu. Chính vì vậy, giai đoạn 2016-2020, trên cơ sở nghị quyết của Đảng uỷ, Nhà trường xác định trọng tâm phát triển là chất lượng đào tạo và chuẩn bị các nền tảng căn bản để hướng đến phát triển theo định hướng nghiên cứu trong các giai đoạn tiếp theo với các nhóm chiến lược cốt lõi về đào tạo, KHCN, quan hệ đối ngoại, tổ chức và quản trị và nguồn lực cho sự phát triển. Trong đó Nhà trường tập trung cho công tác ĐBCL là Hệ thống ĐBCL vận hành hiệu quả [H9.9.2.01].

Tương tự, Nhà trường cũng xác định nhiệm vụ trọng tâm trong KHCL giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên cơ sở phân tích SWOT và đánh giá kết quả đạt được của giai đoạn 2016-2020, cụ thể với các nhóm chiến lược như: Nâng cao chất lượng đào tạo, Phát triển Khoa học - Công nghệ, Gia tăng hiệu quả quản trị đại học và Tăng cường nguồn lực. Bên cạnh mục tiêu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có năng lực dẫn dắt, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế và mang bản sắc riêng trong kỷ nguyên số, Trường cũng xác lập mục tiêu về Hệ thống đảm bảo chất lượng vận hành hiệu quả, trong đó chất lượng đào tạo thường xuyên được giám sát, đánh giá và cải tiến. Trong giai đoạn này Trường còn là đơn vị tiên phong triển khai chuyển đổi số trong giáo dục đại học tại ĐHQG-HCM [H9.9.2.02].

Trường ban hành Chính sách chất lượng từ năm 2018 với các cam kết thiết lập hệ thống quản trị, quản lý, cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp và hiệu quả nhất, hỗ trợ đầy đủ điều kiện để thực hiện mục tiêu chất lượng các chức năng đào tạo, NCKH và mục đích PVCĐ, đáp ứng yêu cầu của quốc gia và quốc tế [H9.9.2.03]. Các chính sách ưu

tiên về ĐBCL và KĐCL được Trường thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM trong việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh [H9.9.2.04], quy định của Trường về ưu tiên xét tuyển trình độ thạc sĩ đối với người tốt nghiệp đại học từ các chương trình/CSGD đã đạt kiểm định chất lượng trong khu vực và quốc tế [H9.9.2.05], được thể hiện qua kinh phí được cấp hằng năm theo KHCL và định mức chi trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H9.9.2.06].

Các bên liên quan thể hiện sự kết nối với Nhà trường trong quá trình triển khai hoạt động ĐBCL ở nhiều vai trò khác nhau, từ cấp chính phủ, bộ, ngành thông qua các thông tư, nghị định; ĐHQG HCM thông qua các quy định, hướng dẫn nhằm định hướng các hoạt động ĐBCL của Nhà trường. Bên cạnh đó sự tham gia góp ý từ các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, CB-GV-NV, SV,... trong các hội nghị, hội thảo, các đợt lấy ý kiến khảo sát,... đã giúp cho các hoạt động của nhà trường được cải tiến liên tục nhằm đáp ứng sự hài lòng ngày một cao hơn của các đối tượng này.

Các quy trình, quy định về ĐBCL được xây dựng và cập nhật theo sự phát triển chung của Nhà trường. Các thông tin về ĐBCL cũng luôn được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Nhà trường để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận [H9.9.2.07]. Trên cơ sở KHCL về ĐBCL từng giai đoạn, Trường đã cụ thể hoá thành kế hoạch hằng năm, trong đó xác định rõ hoạt động thường xuyên, hoạt động định kỳ [H9.9.2.08]. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan được Nhà trường định kỳ thực hiện theo kế hoạch và rà soát, cải tiến mỗi học kỳ/năm học, rà soát, đánh giá theo giai đoạn 5 năm do đó mức độ hài lòng của các bên liên quan luôn được duy trì ở mức cao [H9.9.2.09].

Để đạt được kết quả như mục tiêu/kế hoạch đã đề ra, đội ngũ CB, GV, NV chuyên trách và không chuyên trách của Nhà trường đã có sự tập huấn kỹ lưỡng và tham gia sâu, rộng vào hoạt động này. Tính từ năm 2017 đến 2021, Trường đã tổ chức nhiều đợt tập huấn về ĐBCL bên cạnh các đợt tập huấn do ĐHQG HCM, Bộ GD&ĐT và các đơn vị bên ngoài tổ chức [H9.9.2.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Sau khi được ĐHQG HCM phê duyệt KHCL, Trường đã thành lập Ban chỉ đạo, Tổ triển khai và Tổ giám sát nhằm đẩy mạnh việc thực hiện các nội dung đã được xác định trong KHCL [H9.9.3.01].

Các cuộc họp và hội nghị được tổ chức nhằm phổ biến thông tin đến các CB, GV, NV trong toàn trường. Ngoài ra KHCL còn được gửi đến tất cả CBVC thông qua hệ thống email cá nhân và đăng trên hệ thống quản lý minh chứng online, cổng thông tin điện tử để tất cả các bên liên quan thuận lợi trong việc tìm kiếm và tra cứu [H9.9.3.02]. Để hiện thực hoá các kế hoạch chiến lược, lãnh đạo nhà trường đã chuẩn bị sẵn các nguồn lực bao gồm: tài chính phân bổ đúng theo kế hoạch, tập huấn đội ngũ nhân sự làm công tác ĐBCL và các đơn vị liên quan, hệ thống CSVC, hạ tầng đi cùng với công tác cải tiến chất lượng CTĐT và NCKH.

Nhiệm vụ hằng năm về ĐBCL được cụ thể hoá từ KHCL đồng thời từng chỉ tiêu/chỉ số (KPIs) cũng được phân bổ theo năm để hoàn thành chiến lược từng giai đoạn (Bảng 9.3.1) [H9.9.3.03]. Trong đó, Hoạt động về hoàn chỉnh và vận hành hiệu quả hệ thống ĐBCL bên trong luôn được xác định đầu tiên bao gồm các hoạt động như Khảo sát các bên liên quan, Tập huấn/ hội thảo về ĐBCL và KĐCL, Rà soát, cập nhật minh chứng, cơ sở dữ liệu về BCTĐG trên Hệ thống minh chứng online, Rà soát, đánh giá các hoạt động về ĐT, NCKH và PVCĐ bên cạnh các hoạt động khác như tự đánh giá/đánh giá ngoài các chương trình đào tạo, theo dõi sự cải tiến của các CTĐT sau đánh giá,... Sau khi xác lập kế hoạch năm, lãnh đạo nhà trường phụ trách công tác ĐBCL thực hiện quán triệt tinh thần và triển khai công tác ĐBCL đến các cá nhân/đơn vị liên quan trong toàn Trường. Các lớp tập huấn nội bộ, mời chuyên gia đến trường tập huấn, gửi các cá nhân liên quan tập huấn tại ĐHQG HCM, Bộ GD&ĐT, TTKĐCLGD ĐHQG HCM và các đơn vị bên ngoài về ĐBCL và KĐCL cấp CTĐT, cấp CSGD được thực hiện theo kế hoạch và yêu cầu của các bên liên quan [H9.9.3.04]. Nhờ sự tham gia, phối hợp nhịp nhàng của các đơn vị/cá nhân liên quan trong Trường mà công tác ĐBCL luôn đảm bảo tiến độ và đạt được mục tiêu, kết quả tốt trong thời gian qua [H9.9.3.05].

KPIs	2016	2021
Đánh giá CTĐT theo AUN-QA	HTTT, MMT-TT, KHMT, KTPM, KTMT	CNTT, ATTT, MMT-TT, KHDL, KTMT
Đánh giá CTĐT theo ASIIN		HTTT, TMĐT, ThS HTTT KHMT, ThS KHMT
Đánh giá CSGD theo MOET	X	
Đánh giá CSGD theo AUN-QA		X
Tự đánh giá/cải tiến CTĐT, CSGD	X	X
Khảo sát các BLQ	Tăng về số lượng và chất lượng	Tăng về số lượng và chất lượng

Bảng 9.3.1. KPIs chính về ĐBCL và KĐCL giai đoạn 2016-2020 và 2021-2025

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai

Trường ĐHCNTT đã triển khai hệ thống lưu trữ văn bản từ khi mới thành lập theo quy định của Bộ Nội vụ. Hệ thống văn bản của Trường được tổ chức lưu trữ một cách bài bản, rõ ràng thông qua các quy chế, quy trình, quy định, hướng dẫn,... theo các mảng hoạt động như: Quy trình quản lý văn bản đi – đến; Hướng dẫn trình bày quy trình công việc; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ; Quy trình tuyển dụng nhân sự; Quy định về đào tạo chương trình tài năng;... vào năm 2019 để đảm bảo chất lượng trong công tác lưu trữ văn thư [H9.9.4.01]. Bên cạnh hệ thống lưu trữ văn bản bằng giấy và file mềm do đơn vị chuyên trách là Phòng TCHC thực hiện theo quy định, các đơn vị phát hành cũng thực hiện lưu trữ cả 2 loại văn bản này tại đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ. Là trường chuyên về lĩnh vực CNTT&TT nên việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, lưu trữ văn bản được triển khai từ rất sớm. Các trang web của Trường, của đơn vị được sử dụng hiệu quả để lưu trữ văn bản theo lĩnh vực hoạt động, do đó việc truy xuất văn bản đối với các CB, GV, NV trong toàn trường thuận tiện và dễ dàng [H9.9.4.02].

Ngoài ra, để phục vụ công tác tự đánh giá CTĐT và CSGD, Nhà trường đã xây dựng Hệ thống quản lý minh chứng online từ năm 2015 nhằm mục đích tạo kho lưu trữ và tập trung văn bản để lưu trữ toàn bộ minh chứng sơ cấp, minh chứng thứ cấp và minh

chúng được sắp xếp, mã hoá theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và quốc tế mà nhà trường hướng đến trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục [H9.9.4.03]. Các văn bản lưu trên hệ thống được phân loại theo quyết định, báo cáo, công văn, quy trình, quy định,... bao gồm hình ảnh, video, file powerpoint, word, excel,... và được số hoá để các CB, GV, NV trong trường tùy theo phân quyền tài khoản cá nhân của mình mà truy cập và sử dụng.

Trường có mạng lưới các thành viên thực hiện công tác ĐBCL tại các đơn vị. Việc cập nhật văn bản lên website hoặc hệ thống quản lý minh chứng online được các chuyên viên thực hiện ngay khi ban hành văn bản. Phòng TCHC là đơn vị rà soát, giám sát việc công khai, phổ biến các văn bản trên trang thông tin điện tử của Trường. Phòng TT-PC-ĐBCL cũng được phân công theo dõi, giám sát việc upload minh chứng lên hệ thống quản lý minh chứng online và định kỳ thông báo đề nghị thực hiện nếu đơn vị nào chưa cập nhật kịp thời [H9.9.4.04].

Theo thống kê đến tháng 12/2021, Trường đã có 115 văn bản quản lý nội bộ, bao phủ tất cả các mảng hoạt động của Trường, trong đó một số văn bản đã được rà soát, cập nhật và điều chỉnh phù hợp với sự phát triển của Trường và đáp ứng kịp thời sự thay đổi văn bản của cấp trên. Đặc biệt là các quy định, quy trình về ĐBCL luôn được rà soát, cập nhật và phổ biến trên cổng thông tin điện tử của Trường (<https://dbcl.uit.edu.vn/vi/document/dbcl/van-ban-noi-bo>).

Đơn vị (11)	TCHC	CTSV	ĐTĐH	SĐH& KHCN	KHTC	QHĐN	QTTB	TTPC- ĐBCL	DL& CNTT	QLCS	Thư Viện
Số lượng VBQLNB (115)	27	11	26	18	8	3	5	11	1	3	2

Bảng 9.4.1. Thống kê văn bản quản lý nội bộ Trường ĐHCNTT

Ngoài ra các chính sách, quy trình, quy định, hướng dẫn còn được Trường tập hợp và hệ thống lại thành Sổ tay chất lượng để đảm bảo tính hệ thống và tính thuận tiện

trong tra cứu cho cả CB, GV, NV và người học. Sổ tay chất lượng bao gồm sự cam kết về chất lượng theo các chuẩn mực của quốc gia, khu vực và quốc tế [H9.9.4.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

KHCL từng giai đoạn đều xác định hệ thống các chỉ tiêu từ đào tạo, NCKH, quan hệ đối ngoại, CSVC cho đến đội ngũ, trong đó các chỉ tiêu cơ bản về ĐBCL cũng được thể hiện rõ ràng.

Giai đoạn 2016-2020, Trường xác định 02 giải pháp chính nhằm đáp ứng mục tiêu Hệ thống ĐBCL vận hành hiệu quả bao gồm [H9.9.5.01]:

1. Hoàn chỉnh và vận hành hiệu quả hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong (IQA)
2. Đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo (AUN/ MOET)

Chỉ tiêu cho giai đoạn này qua đợt rà soát, điều chỉnh KHCL giữa kỳ vào năm 2019 là 04 CTĐT đạt kiểm định theo tiêu chuẩn AUN-QA và 03 CTĐT đạt đánh giá ngoài nội bộ bởi ĐHQG HCM.

Nhờ sự triển khai thực hiện công việc tại các khoa và sự phối hợp của các phòng, ban hiệu quả mà kết quả đạt được vào cuối năm 2020 của Trường vượt chỉ tiêu với 04 CTĐT đạt kiểm định theo AUN -QA và 4 CTĐT đạt đánh giá ngoài nội bộ bởi ĐHQG HCM [H9.9.5.02].

Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức Hội nghị tổng kết, đánh giá 05 năm thực hiện công tác ĐBCL 2015-2019 (vào ngày 23/6/2020). Báo cáo đã thể hiện đầy đủ các kết quả đạt được từ hoạt động khảo sát các bên liên quan cho đến các hoạt động thu thập minh chứng, viết báo cáo tự đánh giá, đánh giá nội bộ, đánh giá ngoài nội bộ cấp ĐHQG HCM và đánh giá ngoài cấp CTĐT và CSGD bởi các tổ chức kiểm định/đánh giá bên ngoài (của Bộ GD&ĐT và AUN) cũng như những thuận lợi và khó khăn, những mặt đạt được, những tồn tại trong quá trình thực hiện. Trên cơ sở đó, Nhà trường xây dựng giải pháp cải tiến và phương hướng hoạt động cho những năm tiếp theo [H9.9.5.03].

Giai đoạn 2021-2025, KHCL về ĐBCL xác định mục tiêu chính là Kiểm định giáo dục theo chuẩn quốc tế với 4 giải pháp cơ bản và 4 KPIs chính [H9.9.5.04]:

1. Hoàn thiện hệ thống quy định, tài liệu hướng dẫn, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quản lý bảo đảm chất lượng (KPIs: Số CTĐT được đánh giá nội bộ đạt bởi ĐHQG: 05 CTĐT)
2. Phát triển phần mềm quản lý hệ thống ĐBCL bên trong, quản lý các quy trình ĐBCL theo PDCA của khoa/phòng ban.
3. Triển khai kiểm định giáo dục cấp chương trình đào tạo và kiểm định cấp cơ sở giáo dục theo chuẩn quốc tế (KPIs: Đánh giá cấp CSĐT: Đạt; Số CTĐT được kiểm định bởi tổ chức uy tín: 5 CTĐT).
4. Tham gia xếp hạng quốc tế uy tín (QS Asia Ranking, THE, RUR,...) để đối sánh việc nâng cao chất lượng của Trường (KPIs: Trường được xếp hạng quốc tế uy tín: 01 bảng xếp hạng)

Đến thời điểm hiện tại, Trường đã có 07 CT đạt đánh giá ngoài nội bộ bởi ĐHQG HCM, 05 CTĐT đạt chuẩn kiểm định chất lượng của tổ chức AUN, trong đó có 1 CT (KHMT) đạt mức Tốt hơn mong đợi (5/7 điểm).

CTĐT	Tiêu chuẩn		Chứng nhận KĐCL	
			Vòng 1	Vòng 2
	AUN-QA 3.0 (11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí)			
HTTT	Đạt	Hình thức: offline	2016	2021
TT&MMT	Đạt	Hình thức: offline	2018	2023
KHMT	Đạt tốt hơn mong đợi	Hình thức: offline	2019	2024
KTPM	Đạt	Hình thức: online	2021	2026
KTMT	Đạt	Hình thức: online	2022	2027

Bảng 9.5.1. Thống kê kết quả kiểm định các CTĐT

Như vậy, chỉ tiêu về ĐBCL đã đạt được kết quả như mong đợi. Bên cạnh đó, Trường cũng tập trung xây dựng và hoàn thiện các phần mềm phục vụ công tác ĐBCL, tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác xếp hạng theo kế hoạch của ĐHQG-HCM. Điều này cho thấy hiệu quả của quá trình vận hành Hệ thống ĐBCL bên trong,

sự chỉ đạo sát sao của Đảng Ủy, BGH, sự tham gia nhiệt tình của các bên liên quan (từ lãnh đạo các phòng, ban đến chuyên viên, giảng viên, người học và cựu người học, NTD,...), sự giám sát của ĐHQG HCM (TTKT&ĐGCLĐT), sự triển khai, thực hiện nhiệm vụ chuyên nghiệp của đội ngũ làm công tác ĐBCL. Kết quả đánh giá hầu hết được các chuyên gia KĐCL của AUN nhận định về điểm mạnh của Nhà trường trong giai đoạn vừa qua như: Công tác ĐBCL đã được nhà trường quan tâm từ giai đoạn đầu; Các khoa có sự quan tâm tới ĐBCL, thường xuyên lấy phản hồi từ các bên liên quan cho các hoạt động đào tạo; Trên 95% SVTN có việc làm trong vòng 6 tháng sau tốt nghiệp; 100% NTD hài lòng với SVTN,... [H9.9.5.05]

Ngoài ra hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường luôn được các BLQ đánh giá cao và nhận xét tốt, chẳng hạn: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được theo dõi, đánh giá định kỳ, Nhiều loại khảo sát được thực hiện để có được phản hồi về chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ cũng như cơ sở vật chất. Những phản hồi như vậy được sử dụng cho cải tiến chất lượng [H9.9.5.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục

Tại Trường ĐHCNTT và các trường thành viên của ĐHQG HCM, khi xây dựng KHCL đều tuân thủ theo quy trình, quy định tại ĐHQG HCM. Sau khi ĐHQG HCM xây dựng xong KHCL thì các trường thành viên tham chiếu để xây dựng KHCL cho đơn vị mình [H9.9.6.01].

Trên cơ sở đó, đầu năm 2016, Trường thành lập Ban tổ chức Hội nghị KHCL giai đoạn 2016-2020 để triển khai các bước nhằm xây dựng KHCL giai đoạn 2012-2016 [H9.9.6.02]. Hội nghị được tổ chức trong 2 ngày để thực hiện các nhiệm vụ: Rà soát Tầm nhìn, Sứ mạng; Phân tích SWOT (xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức); Xây dựng các mục tiêu đến năm 2020; Xây dựng các chương trình/ hoạt động cần thực hiện để đạt được mục tiêu đến năm 2020. Hội nghị được chia thành 4 nhóm làm việc độc lập, nhiều phiên làm việc (phiên riêng, phiên toàn thể) và thảo luận (brainstorming) tập trung vào các chủ đề nêu trên. Kết thúc hội nghị, Hiệu trưởng tổng

hợp một số kết quả đạt được sau khi các nhóm thảo luận về Tầm nhìn, Sứ mạng, phân tích SWOT, mục tiêu đến năm 2020 và các nội dung chính cần thực hiện để đạt được mục tiêu đồng thời giao nhiệm vụ cho các đơn vị chức năng thực hiện tiếp các công việc tiếp theo để hoàn thành KHCL giai đoạn 2016-2020 [H9.9.6.03].

Giữa giai đoạn, năm 2018, Nhà trường tổ chức Hội nghị rà soát việc thực hiện KHCL và có báo cáo sơ kết giữa kỳ cho ĐHQG HCM, tham dự Hội nghị sơ kết này có đại diện Ban Giám đốc ĐHQG HCM nhằm thực hiện việc giám sát và chỉ đạo chung. Ngoài việc đánh giá kết quả đạt được đối với các hoạt động cụ thể, nhà trường còn xác định điểm mạnh, điểm yếu, phân tích tồn tại và đề xuất phương án cho nửa giai đoạn sau. Trong đó, Trường đã đề xuất điều chỉnh/chuyển đổi/bỏ sung/bỏ bớt một số mục tiêu, KPIs sao cho phù hợp với tình hình thực tế, chẳng hạn bỏ đề án mở chương trình chất lượng cao ngành CNTT hệ hoàn chỉnh đại học do không phù hợp với thực tế; chuyển đề án mở chương trình chất lượng cao ngành TMĐT sang 2019; điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh từ xa/năm từ 0 lên 100; giảm số ngành đào tạo thạc sĩ từ 06 xuống 04, giảm số lượng CBNV cơ hữu từ 450 xuống 340; số PGS, GS tăng từ 12 lên 13;... Trong đó KPI về ĐBCL vẫn giữ nguyên là 04 chương trình đánh giá theo AUN và 03 chương trình đánh giá ngoài nội bộ bởi ĐHQG-HCM. Qua đó, Trường cũng kiến nghị ĐHQG HCM (1) Làm việc với các cơ quan cấp trên để phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động; (2) Ưu tiên hỗ trợ kinh phí để việc triển khai thực hiện KHCL được kịp thời, đồng bộ và toàn diện hơn, đặc biệt kinh phí phát triển PTN hiện có và các PTN mới,... [H9.9.6.04].

Thực hiện quy trình tương tự, ĐHQG-HCM ban hành Công văn số 510/ĐHQG-KHTC về việc tổ chức thực hiện KHCL ĐHQG-HCM theo lộ trình thống nhất đối với các trường thành viên [H9.9.6.05]. Do đó KHCL giai đoạn 2021-2025 cũng được Nhà trường lập kế hoạch tổ chức Hội nghị phát triển ý tưởng chiến lược cho giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế trong quá trình xây dựng KHCL giai đoạn trước.[H9.9.6.06]. Tuy nhiên do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên Trường đã chuyển sang hình thức online (qua email, Ms Team) để tổng kết KHCL giai đoạn 2016-2020 và xây dựng ý tưởng chiến lược cho giai đoạn 2021-2025. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức cuộc họp Hội đồng trường mở rộng

(bao gồm trường các phòng, ban vào ngày 07/5/2021) và qua email để lấy ý kiến nhằm hoàn thiện KHCL của Trường [H9.9.6.07]. KHCL giai đoạn này xác lập được các chỉ tiêu/chỉ số (KPIs) chi tiết hơn, căn cứ trên nghị quyết của Đảng uỷ, chẳng hạn về ĐBCL và KĐCL, Nhà trường đã xác định 4 KPIs như: Đánh giá cấp CSĐT: Đạt (Trường phải chuyển sang bộ tiêu chuẩn đánh giá CSGD theo MOET thay vì AUN như kế hoạch trước đó do tình hình dịch Covid-19, tổ chức AUN không thực hiện đánh giá CSGD); Số CTĐT được kiểm định bởi tổ chức uy tín: 5 CTĐT; Số CTĐT được đánh giá nội bộ đạt bởi ĐHQG: 5 CTĐT; Trường được xếp hạng quốc tế uy tín: 01 bảng xếp hạng [H9.9.6.08].

Bên cạnh đó công tác lập kế hoạch, dự toán hoạt động ĐBCL hằng năm cũng được cải tiến so với trước đó chẳng hạn như kế hoạch năm phải bám sát Logframe KHCL, phải so sánh, đánh giá kết quả đạt được của năm trước đó,... [H9.9.6.09]

Trong quá trình thực hiện chiến lược cho từng giai đoạn, để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL, Trường luôn tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan thông qua các hội nghị, hội thảo, cuộc họp, phiếu khảo sát [H9.9.6.10]. Kết quả khảo sát đối với CB, GV, NV về nội dung “Thầy/ Cô tham gia xây dựng/ góp ý về kế hoạch hằng năm, kế hoạch chiến lược của Trường và của đơn vị” luôn đạt mức cao từ đợt khảo sát năm 2015 đến nay [H9.9.6.11].

STT	Nội dung	2015 (%)			2017 (%)			2019 (%)			2021 (%)		
		CBQL	GV	NV	CBQL	GV	CV	CBQL	GV	CV	CBQL	GV	NV
1.4	Thầy/ Cô tham gia xây dựng/ góp ý về kế hoạch hằng năm, kế hoạch chiến lược của Trường và của đơn vị	88.2	53	68.4	100	75.7	90.2	100	80	83.3	100	83.8	77.5

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập và ngày càng hoàn thiện, tạo cơ chế thuận lợi trong triển khai công tác ĐBCL.
- Hoạt động đánh giá, kiểm định chất lượng được triển khai theo kế hoạch và đạt kết quả như kỳ vọng.
- Hoạt động khảo sát các bên liên quan được thực hiện, rà soát, cải tiến liên tục, kết quả khảo sát được các khoa sử dụng để cải tiến CTĐT.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Sự tham gia của các bên liên quan trong công tác ĐBCL chưa hiệu quả như mong đợi.
- Hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT sau đánh giá chưa được thực hiện đầy đủ một cách triệt để.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Mở rộng CS thúc đẩy sự tham gia của các BLQ trong công tác ĐBCL: QĐ thi đua, khen thưởng đối với các CT đạt KĐ; XD quy chế ĐT, BD đối với đội ngũ phụ trách và tham gia công tác ĐBCL;	BGH	12/2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Rà soát, cập nhật quy trình CTCL CTĐT sau đánh giá; tạo cơ chế phối hợp TH và trách nhiệm GT của các ĐV trong hoạt động CTCL	TT-PC-ĐBCL	12/2022	
3	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, phát triển HTĐBCL bên trong phù hợp với tình hình mới. Đảm bảo về SL và CL đối với các khảo sát, lấy ý kiến các BLQ	TT-PC-ĐBCL	Định kỳ hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 9	4.80
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	4
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5

TIÊU CHUẨN 10. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài tại Trường ĐHCNTT bao gồm các hoạt động thường xuyên và định kỳ theo được thực hiện theo KHCL kể cả cấp CSGD và cấp CTĐT.

Lần đầu tiên Trường thực hiện tự đánh giá là vào tháng 05/2010. Từ kết quả tự đánh giá này, Trường đã có kế hoạch và thực hiện cải tiến. Sau khi cải tiến lần 01, Trường đã cập nhật lại báo cáo tự đánh giá và thực hiện đánh giá ngoài nội bộ bởi ĐHQG-HCM vào năm 2012. Thời điểm này, Nhà trường cũng bắt đầu đánh giá ngoài cấp CTĐT với CTTT ngành HTTT.

Kết quả đánh giá năm 2012 cho thấy Trường có rất nhiều vấn đề cần cải tiến để đảm bảo chất lượng và Trường đã lên kế hoạch, quyết tâm thực hiện. Trường ĐHCNTT đã lập Kế hoạch ĐBCL và cải tiến chất lượng giai đoạn 2012-2016 trên cơ sở Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học của Bộ GD&ĐT (Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT) với mục đích: (1) Nâng cao chất lượng quản lý, giảng dạy và học tập, từng bước xây dựng "văn hóa chất lượng" bền vững cho Trường ĐHCNTT; (2) Đến năm 2014, Trường được đánh giá ngoài với kết quả đánh giá đạt 75% trong tổng số 61 tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành; (3) Đến năm 2016, Trường được đánh giá ngoài với kết quả đánh giá đạt trên 80% các yêu cầu đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành [H10.10.1.01]. Giai đoạn này, Trường cũng đã triển khai đánh giá ngoài cấp CTĐT bởi tổ chức AUN đối với CTĐT ngành HTTT [H10.10.1.02].

Nhờ có kế hoạch chi tiết, lộ trình rõ ràng cùng với sự chỉ đạo sát sao của BGH, sự giám sát của ĐHQG HCM, sự phối hợp nhịp nhàng của các đơn vị liên quan và đặc biệt là sự chuyên nghiệp của đội ngũ làm công tác ĐBCL mà việc thực hiện Kế hoạch này diễn ra thuận lợi, đạt được kết quả như mong đợi.

Kết quả đạt được cụ thể của giai đoạn này là Trường được Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc TTKĐCLGD, ĐHQG-HN công nhận là Trường đạt tiêu

chuẩn chất lượng giáo dục với số tiêu chí đạt là 51/61 tiêu chí đánh giá (chiếm 83.60%) [H10.10.1.03]; CTĐT ngành HTTT được AUN chứng nhận đạt chất lượng theo tiêu chuẩn AUN-QA [H10.10.1.04]. Kết quả này là dấu mốc ghi nhận sự phát triển của Trường trong 10 năm thành lập, là thành quả của sự nỗ lực, cố gắng của tập thể cán bộ, viên chức Nhà trường trong giai đoạn đầu phát triển; góp phần nâng cao nhận thức về công tác đảm bảo chất lượng của cán bộ, giảng viên, nhân viên và là đòn bẩy quan trọng giúp Trường cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục hướng tới tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Kết quả kiểm định chất lượng còn là căn cứ quan trọng để Trường giải trình với Bộ GD&ĐT và xã hội về chất lượng đào tạo, phục vụ; nâng cao vị thế và hình ảnh của Trường giúp người học và nhà tuyển dụng lao động có thêm cơ sở để lựa chọn học tập và hợp tác.

Với tầm nhìn đến năm 2030, Trường ĐHCNTT trở thành trường đại học uy tín về CNTT&TT và các lĩnh vực liên quan trong khu vực Châu Á thì công tác đảm bảo và cải tiến không ngừng về chất lượng đào tạo, NCKH là một vấn đề hết sức quan trọng cùng với lợi ích mạng lại từ hoạt động kiểm định chất lượng là rất lớn. Do đó ngoài việc rà soát, đánh giá hiện trạng chất lượng giáo dục của Trường, Trường đã đề ra lộ trình phát triển cho giai đoạn 2016-2020 thông qua *Kế hoạch rà soát, cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020 (sau kiểm định CLGD 10/2016)* với những mục tiêu nhằm đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, tập trung vào các nghiên cứu trọng điểm và chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó Trường cũng không ngừng quảng bá, xây dựng thương hiệu trường, phát triển các đối tác chiến lược đồng thời tiến tới tự chủ về tài chính để chủ động xây dựng kế hoạch thu, chi hợp lý, hoàn thiện hệ thống hạ tầng CNTT và cơ sở vật chất [H10.10.1.05]. Để triển khai thực hiện Kế hoạch cho giai đoạn này, Trường đã ban hành các loại quy trình, quy định, hướng dẫn nhằm đáp ứng cho các đối tượng liên quan như Quy trình tự đánh giá và đánh giá nội bộ cấp CSGD tại Trường ĐHCNTT; Quy trình tự đánh giá cấp CTĐT tại Trường ĐHCNTT;... Các văn bản này sau khi ban hành đều được gửi đến các cá nhân, đơn vị liên quan thông qua email cá nhân, đăng trên website Trường, website đơn vị và trong các đợt tập huấn [H10.10.1.06]

Đối với hoạt động tự đánh giá, Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký giúp việc và các nhóm chuyên trách theo hướng dẫn của công số 766/QLCL-

KĐCLGD. Trong đó, các thành viên HĐ và Ban thư ký được Hiệu trưởng - Chủ tịch HĐTĐG phân công nhiệm vụ rõ ràng, phụ trách việc thu thập MC và viết BCTĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí tương ứng với chức năng, nhiệm vụ tại đơn vị kèm theo thời hạn hoàn thành để BCTĐG cuối cùng phải đảm bảo đúng tiến độ, đảm bảo được chất lượng và được HĐTĐG thông qua trên nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận để đi đến thống nhất [H10.10.1.07].

Để có sự chuẩn bị các nguồn lực và thời gian tốt nhất cho hoạt động TĐG, Trường đã tổ chức các cuộc họp và tập huấn nhằm quán triệt tinh thần cũng như phổ biến các thông tin về TĐG như: Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng; hướng dẫn tự đánh giá; kinh nghiệm tự đánh giá ở trong và ngoài nước; các kỹ thuật: nghiên cứu hồ sơ văn bản, phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm, điều tra và viết báo cáo tự đánh giá [H10.10.1.08].

Tương tự với cấp CSGD, đối với cấp CTĐT cũng được Nhà trường thực hiện theo kế hoạch/dự toán hằng năm và tuân thủ KHCL (mỗi năm đánh giá NNB 1 CTĐT, đánh giá ngoài bởi AUN 1 CTĐT, các CTĐT còn lại thực hiện tự đánh giá hoặc cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài) [H10.10.1.09]. Việc cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan, việc phổ biến thông tin và việc tập huấn cho các Khoa nhằm thực hiện tốt công tác TĐG và ĐGN cũng được Trường thực hiện đều đặn mỗi năm bao gồm tập huấn nội bộ, tập huấn của ĐHQG HCM, chia sẻ kinh nghiệm của Khoa đã đánh giá với các Khoa chưa đánh giá [H10.10.1.10]. Ngoài ra, bộ phận ĐBCL của Trường luôn theo sát và hướng dẫn tận tình các Khoa trong thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài (tư vấn, trao đổi 1 tháng/lần và 1 tuần/lần khi đến gần thời gian đánh giá chính thức) [H10.10.1.11].

Nhận thấy sự chuyên nghiệp - chính xác - tin cậy của TTKĐCLGD-ĐHQG HN qua việc đánh giá ngoài tại Trường vào tháng 10/2016, Nhà trường đã chủ động liên hệ và mời tiếp tục Trung tâm đến để tổ chức đánh giá ngoài cho Trường trong giai đoạn tiếp theo vào tháng 10 năm nay [H10.10.1.12]. Trước đó, năm 2019, Trường cũng đã thực hiện công tác rà soát và viết báo cáo giữa kỳ để gửi TTKĐCLGD-ĐHQG HN và nộp Bộ GD&ĐT [H10.10.1.13].

Về cấp CTĐT, với kết quả đạt được giai đoạn vừa qua, từ năm 2022 trở về sau Trường tiếp tục phát huy những thế mạnh của mình như: Tiếp tục đánh giá ngoài 02

CTĐT theo bộ tiêu chuẩn mới (ver 4.0) của AUN-QA vào tháng 8/2022; đánh giá ngoài nội bộ chương trình TMĐT theo tiêu chuẩn của ASIIN để chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài 3 CTĐT theo tiêu chuẩn ASIIN vào năm 2023 (CN TMĐT, CN HTTT, ThS HTTT) [H10.10.1.14].

Với sự chuẩn bị đầy đủ và lộ trình thực hiện rõ ràng, tập thể Nhà trường tin tưởng kết quả đánh giá giai đoạn tiếp theo cấp CSGD cũng như cấp CTĐT cũng sẽ đạt được kết quả tốt như kỳ vọng, thậm chí tốt hơn giai đoạn trước đó.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Như đã mô tả ở tiêu chí 10.1, kế hoạch tự đánh giá được Nhà trường xác lập hằng năm và theo quy định. Kế hoạch đánh giá ngoài cấp CSGD, CTĐT cũng được xác lập định kỳ theo chu kỳ kiểm định 05 năm [H10.10.2.01].

Triển khai cho việc thực hiện công tác này là đội ngũ chuyên nghiệp làm công tác ĐBCL, đứng đầu là 01 Phó Hiệu trưởng - Kiểm định viên phụ trách công tác ĐBCL của toàn trường (hiện nay là Hiệu trưởng), tiếp theo là đội ngũ chuyên trách của P. TT-PC-ĐBCL (Trưởng phòng là Kiểm định viên), các thành viên tham gia, phối hợp gồm lãnh đạo các phòng, ban chức năng (01 phó trưởng Phòng ĐTSĐH-KHCN là KĐV), lãnh đạo các Khoa/Trung tâm/Bộ môn (có 2 trưởng Khoa là Kiểm định viên, 1 trưởng Khoa sau này là PHT) cùng các thành viên khác là CB, GV, NV trong toàn trường. Tất cả những người thực hiện và tham gia thực hiện đều đã trải qua các lớp tập huấn sâu về tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp CSGD, CTĐT, trong đó có một số thầy/cô đã có chứng chỉ/chứng nhận đã qua lớp KĐV [H10.10.2.02].

Việc thực hiện tự đánh giá cấp CSGD được Nhà trường tuân thủ theo quy trình, trong đó gồm các quy trình nhỏ như: Quy trình tự đánh giá cấp CSGD; Quy trình thu thập và xử lý minh chứng; Quy trình viết BCTĐG; Quy trình cải tiến chất lượng sau khi tự đánh giá; Quy trình đánh giá nội bộ cấp CSGD [H10.10.2.03]. Tương tự, đánh giá nội bộ cấp CTĐT cũng được thực hiện theo quy trình, trong đó hoạt động thẩm định nội

bộ BCTĐG CTĐT được thực hiện bởi Tổ thẩm định gồm các thành viên đã bồi dưỡng kiến thức về ĐBCL và KĐCL [H10.10.2.04].

Đối với đánh giá ngoài nội bộ (đánh giá cấp ĐHQG HCM), Trường thực hiện theo quy định của ĐHQG HCM thông qua kế hoạch hằng năm và gửi lên ĐHQG HCM. Quy định này ghi rõ số lượng thành viên tùy vào đánh giá cấp CSGD (5-7 thành viên) hay CTĐT (2-3 thành viên) kèm theo tiêu chuẩn của những người tham gia đoàn đánh giá từ trường đoàn, thư ký cho đến các thành viên đoàn, tất cả đều phải có thẻ KĐV, chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ về công tác đánh giá ngoài do các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện [H10.10.2.05]. Đây là hoạt động nhằm rà soát và giám sát chất lượng giáo dục trong toàn hệ thống ĐHQG HCM, kết quả đánh giá là cơ sở để trường cải tiến chất lượng và chuẩn bị cho đánh giá ngoài.

Cuối cùng là hoạt động đánh giá ngoài, ĐHQG HCM yêu cầu các trường tuân thủ theo quy định của Bộ GD&ĐT, các tổ chức KĐCLGD trong và ngoài nước; yêu cầu các Trường hằng năm gửi kế hoạch ĐGN đến HĐ ĐBCLGD ĐHQG HCM thông qua TTKT&ĐGCLĐT. Tính từ năm 2016 đến tháng 12/ 2021, Trường đã đón 1 Đoàn ĐGN CSGD từ TTKĐCLGD ĐHQG HN, 5 Đoàn đánh giá CTĐT từ AUN kể cả hình thức online lẫn offline [H10.10.2.06].

Điều đặc biệt tại Trường ĐHCNTT, các báo cáo tự đánh giá cấp CSGD cũng như CTĐT trước khi gửi đến ĐHQG-HCM (để đánh giá ngoài nội bộ), AUN, Trung tâm KĐCLGD-ĐHQG HN (để đánh giá ngoài/kiểm định) đều được các kiểm định viên của Trường thẩm định, hoàn thiện sau cùng [H10.10.2.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát

Thực hiện theo quy trình về cải tiến chất lượng, sau khi tự đánh giá/đánh giá ngoài, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch rà soát và cải tiến chất lượng trên cơ sở các điểm mạnh và tồn tại mà Nhà trường đã nhận thấy trong BCTĐG và được các chuyên gia của các tổ chức kiểm định khuyến cáo đối với cấp CSGD và CTĐT [H10.10.3.01].

Qua đó, đối với CSGD, Trường xây dựng Kế hoạch rà soát và cải tiến CLGD giai đoạn 2016-2020 sau khi tự đánh giá và đánh giá ngoài vào năm 2016. Kế hoạch này đã xác lập các nội dung cần cải tiến bao phủ tất cả các lĩnh vực theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT như về (1) Sứ mạng và mục tiêu của Trường; (2) về tổ chức và quản lý; (3) về CTĐT; (4) về hoạt động đào tạo; (5) về đội ngũ quản lý, GV và NV; (6) về người học; (7) về NCKH, ứng dụng, phát triển và CGCN; (8) về quan hệ đối ngoại; (9) về thư viện, trang thiết bị học tập và CSVN; (10) về tài chính và quản lý tài chính. Trong đó đa số các khuyến nghị của Đoàn đánh giá đều được đưa vào kế hoạch cải tiến và đều được Trường thực hiện được theo thời hạn đã đề ra, chẳng hạn: *Triển khai đánh giá việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch từ đó có biện pháp chế tài đảm bảo được chỉ tiêu đề ra; Xây dựng KPI cho từng lĩnh vực; Thành lập các trung tâm phục vụ đào tạo, NCKH và công nghệ; Giám sát kết quả cải tiến chất lượng của khoa/bộ môn sau khảo sát, đánh giá; Xây dựng hệ thống văn bản pháp quy về công tác ĐBCL;...* [H10.10.3.02].

Trong thời gian thực hiện cải tiến chất lượng, Nhà trường đã thành lập Tổ tư vấn cải tiến chất lượng [H10.10.3.03]. Tổ này thực hiện nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ các đơn vị thiết lập, vận hành và phát triển HT ĐBCL bên trong tại đơn vị nhằm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cấp CSGD theo AUN-QA (version 2.0). Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Tổ đã làm việc trực tiếp với lần lượt từng đơn vị để rà soát và tư vấn các hoạt động cần thực hiện trên cơ sở điều chỉnh KH rà soát, cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020 đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn AUN-QA [H10.10.3.04].

Ngoài ra, năm 2019, Nhà trường cũng tiến hành rà soát các hoạt động cải tiến chất lượng và viết thành báo cáo để nộp TTKĐCLGD-ĐHQG HN và báo cáo cơ quan chủ quản [H10.10.3.05].

Đối với cấp CTĐT, quy trình Tự đánh giá → Đánh giá ngoài nội → Đánh giá ngoài → Cải tiến chất lượng luôn được triển khai hằng năm tại các Khoa. Là trường đơn ngành về CNTT&TT, số lượng CTĐT tương đối ít nên mỗi năm Trường chỉ thực hiện đánh giá ngoài nội bộ 1 chương trình và đánh giá ngoài bởi AUN 1 chương trình. Việc theo dõi, giám sát và tư vấn, hỗ trợ các Khoa trong việc thực hiện cải tiến chất lượng luôn được Phòng TT-PC-ĐBCL thực hiện thường xuyên, mỗi năm các Khoa đều thực hiện báo cáo kết quả cải tiến dựa trên các tồn tại trong BCTĐG và các tồn tại do

Đoàn chuyên gia AUN chỉ ra. Trên cơ sở các hoạt động còn tồn tại, phòng TT-PC-ĐBCL tham mưu BGH chỉ đạo thêm nhằm khắc phục các tồn tại mang tính chất chung trong toàn trường cho tất cả các Khoa. Ví dụ việc đánh giá chuẩn đầu ra môn học/CTĐT đã được đưa vào khảo sát SV/SVTN kể từ năm 2017;...[H10.10.3.06]

Tại trường ĐHCNTT, chu trình PDCA luôn được thực hiện xuyên suốt trong quá trình vận hành hệ thống ĐBCL bên trong. Chính vì vậy mà kết quả đánh giá cấp CTĐT cũng như cấp CSGD luôn đạt kết quả tốt [H10.10.3.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Tháng 10 năm 2016, Nhà trường nhận được công văn số 297/KT&ĐG về việc góp ý các dự thảo quy trình, quy định về đánh giá và kiểm định chất lượng tại ĐHQG HCM. Đến tháng 12/2017, dự thảo này đã được ĐHQG HCM ban hành chính thức thành quyết định số 1521/QĐ-ĐHQG và áp dụng đối các trường thành viên. Quy định này ghi rõ hoạt động tự đánh giá/đánh giá ngoài nội bộ/đánh giá ngoài cấp CSGD và CTĐT theo quy trình: Tự đánh giá → Đánh giá ngoài nội bộ → Đánh giá ngoài/Kiểm định → Cải tiến chất lượng với các bước thực hiện rõ ràng, cụ thể. Do đó, Nhà trường đã tuân thủ việc thực hiện công tác ĐBCL và KĐCL theo quy định này [H10.10.4.01].

Qua rà soát, đánh giá việc thực hiện công tác TĐG tại Trường theo quy định của ĐHQG HCM, Nhà trường nhận thấy cần có quy trình, quy định riêng nhằm chi tiết hơn, cụ thể hơn và phù hợp với hệ thống ĐBCL bên trong, với đặc thù công tác ĐBCL, KĐCL của Trường nên đến tháng 5/2019, sau khi lấy ý kiến rộng rãi CB, GV, NV trong toàn trường, Hiệu trưởng đã ký quyết định ban hành hai quy trình đó là Quy trình tự đánh giá và đánh giá nội bộ cấp CSGD và Quy trình tự đánh giá cấp CTĐT tại Trường ĐHCNTT [H10.10.4.02]. Đến thời điểm hiện tại, các quy trình này vẫn đáp ứng tốt các hoạt động ĐBCL, KĐCL vì hệ thống ĐBCL bên trong của nhà trường được thiết kế phù hợp với các chuẩn mực trong nước, khu vực và quốc tế. Tuy nhiên Nhà trường dự kiến sau khi kết thúc hoạt động TĐG/KĐCL CSGD (cuối năm) sẽ có những điều chỉnh/cập nhật nội dung cho 2 quy trình này theo sự phát triển và cải tiến chất lượng

sắp tới, chẳng hạn tự đánh giá cấp CTĐT theo các tiêu chuẩn ASIIN, nội dung này đã được xác định trong KHCL.

Tương tự với hoạt động đánh giá đánh giá ngoài, do tuân thủ theo quy định của các tổ chức kiểm định trong nước và khu vực nên Nhà trường chưa có chủ trương ban hành quy định riêng mà sử dụng và tuân thủ theo quy định của ĐHQG HCM cũng như các tổ chức kiểm định của TTKĐLDGD-ĐHQG HN và AUN mà nhà trường đang thực hiện đối với đánh giá ngoài cấp CSGD và CTĐT.

Ngoài ra, Phòng TT-PC-ĐBCL cũng định kỳ rà soát hoạt động ĐBCL đối với các mảng quan trọng trong nhà trường như đào tạo, NCKH và PVCĐ. Theo đó từ năm 2018 đến năm 2021 theo chỉ đạo của Hiệu trưởng trong kế hoạch/dự toán năm, P.TT-PC-ĐBCL thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện quy trình ĐBCL về công tác ĐTDH, phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ. Kết quả giám sát được Phòng TT-PC-ĐBCL báo cáo BGH và gửi về các đơn vị liên quan để cải tiến quy trình, cải tiến hoạt động ĐBCL cho các mảng hoạt động tương ứng [H10.10.4.03].

Điều đặc biệt tại Trường ĐHCNTT là sự chia sẻ những thực hành tốt trong nội bộ nhằm tạo sự kế thừa và phát triển ở mức cao hơn theo thời gian. Đối với cấp CTĐT, sau mỗi đợt đánh giá ngoài, Phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp với các Khoa tổ chức buổi seminar để rút kinh nghiệm đồng thời chia sẻ lại những thuận lợi, khó khăn của Khoa đã thực hiện đánh giá ngoài cho những Khoa chưa đánh giá ngoài [H10.10.4.04]. Đối với cấp CSGD, sau khi các trường thành viên thực hiện công tác KĐCL, ĐHQG HCM tổ chức cuộc họp rút kinh nghiệm và chia sẻ những thực tiễn tốt lẫn nhau, hoạt động tương tự cũng được thực hiện tại TTKĐCLGD - ĐHQG HCM [H10.10.4.05]. Ngoài ra, đối với hoạt động quan trọng khác trong trường cũng được các đơn vị chức năng tổ chức họp rút kinh nghiệm nhằm đánh giá những mặt đạt được và chưa đạt được để làm nền tảng cho sự cải tiến và phát triển tiếp theo (chẳng hạn: Họp rút nghiệm sau mỗi đợt lấy ý kiến khảo sát, seminar chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy theo CDIO,... [H10.10.4.06]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Hoạt động TĐG, ĐGN được Trường thực hiện bài bản và chuyên nghiệp từ khâu xây dựng quy trình, quy định, lập kế hoạch/dự toán cho đến việc triển khai thực hiện và rà soát, đánh giá, cải tiến chất lượng.

Nhờ hoạt động rút kinh nghiệm được tổ chức thông qua các cuộc họp, seminar kịp thời, phù hợp, sự chia sẻ những thực hành tốt lẫn nhau mà công tác tự đánh giá/đánh giá ngoài lần sau/chương trình sau luôn tốt hơn và ít tốn công sức hơn so với lần trước đó/chương trình trước đó.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Qua rà soát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục 2016-2020, Nhà trường nhận thấy một số hoạt động chưa được triển khai đầy đủ và toàn diện, chẳng hạn: Đối với hoạt động đào tạo, Nhà trường chưa định kỳ hằng năm tổ chức tập huấn về PPGD và đánh giá ở quy mô lớp, cấp trường cho các GV trẻ của tất cả các khoa; chưa triển khai hoạt động mở mới CTĐT CNTT cho y tế.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đang thực hiện công tác rà soát tổng thể, đánh giá tính khả thi các hoạt động trong Kế hoạch cải tiến chất lượng, dự kiến sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá/KĐCL cấp CSGD, Trường sẽ điều chỉnh nhằm xác định tiếp tục các hoạt động cần thực hiện cải tiến trong giai đoạn tiếp theo	Phòng TT-PC-ĐBCL	Cuối năm 2022 (sau khi hoàn thành công tác TĐG/KĐCL cấp CSGD)	

2	Điểm mạnh cần phát huy	Trường tiếp tục phát huy tính chuyên nghiệp của mình trong các hoạt động ĐBCL và KĐCL, chẳng hạn: tiếp tục rà soát, cập nhật và hoàn thiện các phần mềm quản lý hệ thống ĐBCL bên trong; rà soát, hoàn thiện các quy trình, quy định về ĐBCL và KĐCL.	Phòng DL-CNTT Phòng TT-PC-ĐBCL	Từ năm nay đến tháng 11/năm 2023	
---	------------------------	---	-----------------------------------	----------------------------------	--

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 10</i>	5.00
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	5

TIÊU CHUẨN 11. HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Trong quá trình phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, Trường đã thiết lập và vận hành hệ thống thông tin nhằm phục vụ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ tại mỗi đơn vị. Một hệ thống thông tin (HTTT) hoàn chỉnh sẽ là công cụ hữu ích giúp quá trình thu thập dữ liệu, truyền thông đến các bên liên quan và thực hiện các hoạt động chuyên môn của CSGD đạt hiệu quả, hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định, chính xác, kịp thời.

Để vận hành HTTT ĐBCL bên trong, Trường đã phân công trách nhiệm (theo quy định chức năng, nhiệm vụ) cho phòng DL-CNTT là đầu mối trong việc tổ chức, vận hành cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT và ứng dụng CNTT phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu và PVCĐ tại Trường; các đơn vị chức năng là bộ phận hỗ trợ, cung cấp thông tin, dữ liệu cho bộ phận đầu mối [H11.11.1.01].

Ngoài ra, Trường cũng ban hành các quy định về việc quản lý hệ thống thông tin liên quan đến các hoạt động tại Trường, cụ thể:

- Quy định việc quản lý, cung cấp và cập nhật thông tin website và thư điện tử (email), đối với tất cả các đơn vị, cá nhân tại UIT (quy định cơ chế phân quyền, kiểm duyệt thông tin trước khi đăng chính thức lên website) [H11.11.1.02].
- Quy định về cơ chế bảo mật, an toàn thông tin, dữ liệu [H11.11.1.03].
- Quy định sao lưu, backup dữ liệu dự phòng [H11.11.1.04].

Phòng DL-CNTT và các đơn vị chức năng đều có kế hoạch hằng năm nhằm quản lý thông tin ĐBCL thông qua việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ và đến các bên liên quan trên cơ sở sử dụng CNTT làm nền tảng [H11.11.1.05].

Dữ liệu từ các bên liên quan được Trường thu thập thông qua các cơ chế như tổ chức các cuộc họp, đối thoại, thảo luận nhóm, các chế độ báo cáo định kỳ, thực hiện

khảo sát các bên liên quan, phân tích thị trường, các phần mềm quản lý, HTTT điện tử,...

Ngoài ra, Trường cũng thu thập dữ liệu từ các kênh khác như: Đối thoại giữa các cấp lãnh đạo với CB-GV, với người học, với công dân; thông qua các kênh email; điện thoại; đường dây nóng; forum, mạng xã hội. Các hội nghị, hội thảo cũng là một kênh thông tin để Trường tiếp nhận các ý kiến đóng góp, xây dựng về mặt chuyên môn trong từng lĩnh vực đào tạo tại Trường. Những kênh tiếp nhận thông tin, dữ liệu này được Nhà trường giao trách nhiệm cho đơn vị chuyên môn chủ trì xử lý, báo cáo, đánh giá và lưu trữ.

ST T	Các hình thức thu thập dữ liệu và thông tin	Trách nhiệm tiếp nhận và xử lý	Mức độ thu thập
1	Thông tin từ các cuộc họp	- Lãnh đạo Trường - Tất cả các đơn vị	Thường xuyên
2	Thông tin từ kiểm tra, giám sát, báo cáo	- Lãnh đạo Trường - Bộ phận Tổ chức-Hành chính - Tất cả các đơn vị	Thường xuyên
3	Thông tin từ hội nghị, hội thảo	- Đơn vị chủ trì	Định kỳ
4	Thông tin từ đối thoại trực tiếp, tiếp công dân, lịch trực tiếp GV, SV của BGH, lãnh đạo Khoa/ BM	- Lãnh đạo Trường - Đơn vị chủ trì đối thoại - Các đơn vị liên quan	Định kỳ
5	Thông tin qua email, điện thoại, đường dây nóng	Đơn vị phụ trách hộp mail, điện thoại, đường dây nóng	Thường xuyên
6	Thông tin qua trang mạng xã hội	Mỗi đơn vị	Thường xuyên
7	Thông tin từ kênh forum 24/7	Các đơn vị liên quan	Thường xuyên
8	Thông tin từ kết quả thực hiện khảo sát	- P. TT-PC-ĐBCL - Các đơn vị liên quan	Định kỳ

Bảng 11.1.1. Bảng thống kê các hình thức thu thập dữ liệu và thông tin ĐBCL

Trường ĐHCNTT quy định họp giao ban định kỳ hàng tuần giữa các thành viên BGH, giữa BGH với lãnh đạo các phòng, ban chức năng (hàng tháng) để nghe báo cáo tình hình, kết quả các hoạt động hoặc tiếp nhận các ý kiến đề xuất. Đây cũng là cơ sở mà kết hợp với CSDL hiện có đồng thời với hiện trạng và nguồn tài chính cho phép,

lãnh đạo trường sẽ có chỉ đạo đúng đắn, khách quan, xác thực và kịp thời giúp các đơn vị triển khai hoạt động một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Trường cũng quy định chế độ báo cáo theo học kỳ, năm học, năm tài chính dựa trên kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm. Theo đó, mỗi đơn vị thực hiện báo cáo, phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm hạn chế, đề ra nhiệm vụ trọng tâm cho học kỳ/năm học tiếp theo, đồng thời đề xuất các ý kiến xây dựng và phát triển Nhà trường và đơn vị.

Trường cũng thực hiện khảo sát các bên liên quan thông qua Hệ thống khảo sát online (survey.uit.edu.vn) theo quy trình chặt chẽ nhằm thu thập thông tin đối với hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ tại Trường. Dữ liệu thu thập được bộ phận ĐBCL xử lý, phân tích và gửi báo cáo đến BGH và các đơn vị liên quan trong trường để làm căn cứ xem xét, rà soát và cải tiến các hoạt động đã thực hiện.

Đối với khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV, Trường thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình như sau **[H11.11.1.06]**:

Bước 1: Phòng TT-PC-ĐBCL lập kế hoạch khảo sát

Bước 2: Trình BGH phê duyệt kế hoạch khảo sát

Bước 3: Phòng TT-PC-ĐBCL triển khai kế hoạch khảo sát

3.1. Phòng ĐTĐH cung cấp cho phòng TT-PC-ĐBCL thời khoá biểu/danh sách môn học và GV trong học kỳ khảo sát

3.2. Phòng TT-PC-ĐBCL gửi danh sách và phối hợp với phòng DL CNTT để chuẩn bị hệ thống khảo sát online. Khi phòng DL CNTT xác nhận đã hoàn tất cơ sở dữ liệu và sẵn sàng khảo sát thì chuyển sang nội dung 3.3

3.3. Thông báo kế hoạch khảo sát đến các Khoa/Phòng/Ban/GV trên webiste và email

3.4. Phòng TT-PC-ĐBCL theo dõi tiến độ thực hiện

Bước 4: Phòng TT-PC-ĐBCL viết báo cáo khảo sát dựa trên dữ liệu được xuất bởi phòng DL CNTT (dùng SPSS phân tích, xử lý dữ liệu)

Bước 5: Phòng TT-PC-ĐBCL gửi kết quả báo cáo cho BGH và các đơn vị liên quan

Bước 6: BGH chỉ đạo Phòng/Ban/cá nhân cải tiến/khắc phục những vấn đề còn tồn tại sau khảo sát (sử dụng kết quả khảo sát)

Bước 7: Phòng TT-PC-ĐBCL phản hồi về việc sử dụng kết quả khảo sát cho SV

Bước 8: Phòng TT-PC-ĐBCL lưu trữ kết quả khảo sát, các cơ sở dữ liệu của SV và điều chỉnh công cụ khảo sát (nếu có).

Trường cũng thực hiện tương tự với các khảo sát SV sắp tốt nghiệp về khoá học; khảo sát SV về công tác hỗ trợ, phục vụ người học; khảo sát CB, GV, NV về điều kiện, môi trường làm việc. Riêng với khảo sát cựu SV và khảo sát NTD, Trường có Tổ công tác đến từ các khoa, phòng ban liên quan để thực hiện lấy ý kiến thông qua các kênh cả online (email, zalo, facebook,...) và offline sao cho đảm bảo về số lượng và chất lượng theo chỉ tiêu đề ra [H11.11.1.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Sau khi tiếp nhận các dữ liệu, thông tin tin cậy, các bộ phận có liên quan có trách nhiệm phân tích, xử lý dữ liệu, thông tin thông trên nền tảng CNTT bao gồm các phần mềm quản lý theo từng mảng hoạt động.

Tất cả dữ liệu liên quan đến các mảng hoạt động đều được số hóa và lưu trữ theo các phần mềm quản lý tương ứng để thuận lợi trong việc xử lý:

- Các thông tin, dữ liệu bằng giấy sau khi được thiết lập về định dạng và mã hóa sẽ được quản lý tập trung trên hệ thống quản lý minh chứng online. Tùy theo phân quyền cụ thể mà các cá nhân/ đơn vị liên quan sẽ được truy xuất một phần thông tin, dữ liệu liên quan hay toàn bộ (đối với BGH). Các đơn vị cũng đồng thời sử dụng hệ thống này để lưu trữ các văn bản, tài liệu có liên quan, bộ phận ĐBCL sử dụng hệ thống này trong công tác quản lý chất lượng và KĐCL.

- Tất cả dữ liệu số của Trường sau khi được các đơn vị chức năng nhập vào hệ thống hoặc hệ thống thu thập trực tiếp sẽ do Phòng DL-CNTT là đầu mối quản lý chung.

Dữ liệu trên hệ thống luôn được cập nhật và sẵn có trên các phần mềm quản lý tương ứng và có sự liên thông với nhau, sẵn sàng cho việc truy xuất dữ liệu vào bất kỳ lúc nào với bất kỳ dữ liệu nào. Đây là thế mạnh của Trường ĐHCNTT trong việc quản lý cơ sở dữ liệu nhằm đảm bảo thông tin luôn được truy xuất nhanh chóng, chính xác để phục vụ các công tác thống kê, báo cáo, đối sánh phân tích nguyên nhân-kết quả, phân tích tương quan, tổng hợp. Đặc biệt, HTTT tại Trường hiện có đầy đủ cơ sở dữ liệu về công tác đào tạo đại học nên đã hỗ trợ rất tốt trong việc ra các quyết định trong công tác đào tạo và công tác sinh viên bậc đại học.

- Trường cũng thực hiện khảo sát các bên liên quan thông qua Hệ thống khảo sát online (survey.uit.edu.vn) theo quy trình chặt chẽ nhằm thu thập thông tin đối với hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ tại Trường. Các bên liên quan tham gia khảo sát bao gồm: SV đang học, SV tốt nghiệp, cựu SV, nhà tuyển dụng, CB-GV-NV. Dữ liệu thu thập được bộ phận ĐBCL xử lý, phân tích và gửi báo cáo đến BGH và các đơn vị liên quan trong trường để làm căn cứ xem xét, rà soát và cải tiến các hoạt động đã thực hiện [H11.11.2.01].

Ngoài ra, cơ chế bảo mật, an toàn thông tin, dữ liệu cũng được Trường đặt lên hàng đầu. Để giảm rủi ro trong quản lý HTTT, Trường cũng thực hiện sao lưu, backup dữ liệu dự phòng thường xuyên. Hệ thống máy chủ (server) và hệ thống lưu trữ (storage) được tập trung tại phòng Data Center do Phòng DL-CNTT quản lý. Các máy tính trong toàn trường đều được kết nối internet với băng thông quốc tế khoảng 100Mbps, hệ thống mạng LAN kết nối các tòa nhà với tốc độ khoảng 10Gbps [H11.11.2.02].

Bên cạnh các hình thức phản hồi trực tiếp, Nhà trường đã sử dụng HTTT điện tử để phản hồi thông tin về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đến các bên liên quan trong và ngoài nhà trường:

- Hệ thống quản lý đào tạo (daa.uit.edu.vn) mang lại nhiều lợi ích cho GV và SV trong việc theo dõi quá trình giảng dạy và học tập: (1) SV có thể trực tiếp cập nhật các thông tin về chương trình học, đăng ký học phần, TKB, lịch thi, theo dõi kết quả học tập, tình trạng học phí, các thông báo liên quan đến đào tạo, NCKH, hoạt động của các CLB, các hoạt động cộng đồng,... (2) GV có thể theo dõi tất cả thông tin về hoạt động giảng dạy như: thời khóa biểu, khối lượng giảng dạy, nghiên cứu, kết quả khảo

sát, GV phản hồi về kết quả khảo sát hay theo dõi hoạt động cố vấn học tập; có thể xem kết quả và tiến trình học tập của SV hoặc tình trạng cảnh cáo học vụ của SV(nếu có)... [H11.11.2.03].

- Hệ thống website của Trường và các đơn vị khoa, phòng, ban, trung tâm với đầy đủ thông tin hữu ích, đây cũng là kênh thông tin chính thức của Nhà trường công bố cho các bên liên quan. Các kênh thông tin này đều được bộ phận chức năng quản lý, theo dõi, cập nhật thường xuyên. Trường cũng đã quy định cơ chế phân quyền, kiểm duyệt thông tin trước khi đăng tải chính thức lên website [H11.11.2.04].

- Nhà trường còn sử dụng các kênh thông tin khác như Fanpage trên mạng xã hội Facebook, email, tin nhắn SMS, Zalo, điện thoại, forum để trao đổi thông tin với SV, phụ huynh và truyền thông một cách nhanh chóng [H11.11.2.05].

- Bên cạnh đó, SV cũng được cấp tài khoản sử dụng hệ thống Moodle để tương tác, trao đổi thông tin với GV về các vấn đề liên quan đến môn học cũng như sử dụng nguồn tài nguyên phục vụ học tập, nghiên cứu [H11.11.2.06].

- Đối với cán bộ, giảng viên và nhân viên, Nhà trường đã phát triển cổng thông tin nội bộ email @uit.edu.vn để truyền đạt thông tin nội bộ của Nhà trường đến cán bộ, giảng viên và nhân viên, đồng thời thu nhận những phản hồi từ cán bộ, giảng viên và nhân viên với Nhà trường.

- Trường cũng thực hiện công khai các thông tin về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện ĐBCL và thu chi tài chính theo đúng Quy chế thực hiện công khai đối với CSGD. Hằng năm, báo cáo ba công khai của Nhà trường đều được đăng đầy đủ trên website của Trường [H11.11.2.07].

- Tất cả phần mềm quản lý tại Trường đều do Phòng DL-CNTT xây dựng và phát triển, ngoại trừ phần mềm về Thư viện.

STT	Các hình thức thông tin đại chúng	Đối tượng tiếp cận
1	Trang thông tin điện tử www.uit.edu.vn (Trường và các đơn vị)	Tất cả đối tượng

STT	Các hình thức thông tin đại chúng	Đối tượng tiếp cận
2	Cổng thông tin SV student.uit.edu.vn	SV, GV, CBQL
3	Hệ thống Moodle	SV, GV, CBQL
4	Cổng thông tin nội bộ portal.uit.edu.vn	CB, NV, GV
5	Trang fanpage UIT	Tất cả đối tượng
6	Hệ thống email UIT	SV, CB, NV, GV
7	Hệ thống tin nhắn SMS, Zalo	SV, GV, CBQL

Bảng 11.2.1. Thống kê các hình thức phản hồi thông tin

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Công tác rà soát, nâng cấp HTTT ĐBCL của Trường được đề ra trong kế hoạch và báo cáo hằng năm của toàn Trường trên cơ sở ý kiến của các bên liên quan khi sử dụng các hệ thống phần mềm [H11.11.3.01].

Hằng năm, căn cứ vào nhu cầu phát triển của Trường, nhu cầu sử dụng của đơn vị, Phòng DL-CNTT xây dựng bổ sung các phần mềm mới, hỗ trợ quản lý thông tin tại các đơn vị [H11.11.3.02].

Đối với HTTT điện tử, công tác rà soát, nâng cấp được Phòng DL-CNTT thực hiện định kỳ để đảm bảo tính đáp ứng với CNTT hiện đại, tính cập nhật thường xuyên và đầy đủ các dữ liệu, tính thống nhất trong bảo mật, an toàn thông tin, dữ liệu [H11.11.3.03].

Ngoài ra, Phòng DL-CNTT cũng rà soát, nâng cấp hệ thống quản lý thông tin tại các đơn vị thông qua nhu cầu sử dụng và cải tiến trong công tác quản lý của các đơn vị [H11.11.3.04].

Hệ thống moodle được cập nhật liên tục, đã hỗ trợ tốt hơn trong quá trình tương tác giữa GV và SV trong hoạt động học tập. Năm 2021, hệ thống này đã cập nhật thêm tính năng để phục vụ công tác đánh giá chuẩn đầu ra CTĐT và môn học [H11.11.3.05].

Hệ thống khảo sát online ngày càng được hoàn thiện giúp dễ dàng hơn trong việc ghi nhận thu thập góp ý từ các bên liên quan, tạo cơ chế phản hồi trực tiếp cho các bên liên quan trên hệ thống, cho phép thống kê, xử lý cơ bản, truy xuất kết quả khảo sát một cách nhanh chóng. CSDL về cựu SV cũng được Nhà trường cập nhật vào hệ thống nhằm đảm bảo công tác quản lý và lưu trữ cũng như tạo thuận lợi khi tương tác với cựu SV.

Hệ thống quản lý minh chứng online liên tục được cải tiến, vì vậy mà công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài cũng như công tác quản lý văn bản, minh chứng được thực hiện dễ dàng, thuận tiện.

TT	Tên hệ thống CSDL	Năm xây dựng	Thời gian rà soát, cập nhật
1.	CSDL & các báo cáo về đào tạo bậc sau đại học (https://qlsdh.uit.edu.vn)	2015	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của P.ĐTSDH-KHCN)
2.	CSDL về quản lý chương trình đào tạo bậc sau đại học https://qlsdh.uit.edu.vn/admin/qlctdt	2015	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của P.ĐTSDH-KHCN, các Khoa)
3.	CSDL về các kết quả NCKH (https://khcn.uit.edu.vn)	2014	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của P.ĐTSDH-KHCN)
4.	Cổng thông tin học tập (hệ thống Moodle) (course.uit.edu.vn)	2012	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của CB, GV, SV)
5.	Hệ thống quản lý MC online https://dbcl.uit.edu.vn/vi/admin/qlminhchung/dbcl	2013	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của P.TT-PC-ĐBCL)
6.	CSDL quản lý chung cán bộ - viên chức - người lao động (https://portal.uit.edu.vn)	2013	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của P.TCHC)
7.	CSDL về kết quả tuyển sinh bậc đại học (https://qltd.uit.edu.vn/qlsinhvientt)	2013	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của Ban Tuyển sinh)
8.	CSDL & các báo cáo về đào tạo bậc đại học (https://qltd.uit.edu.vn)	2013	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của P.ĐTĐH)

9.	CSDL & các báo cáo về khảo sát SV, SVTN, cựu SV, CBGVNV (https://survey.uit.edu.vn/admin)	2013	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của P.TT-PC-ĐBCL)
10.	CSDL về quản lý chương trình đào tạo của tất cả các CTĐT bậc đại học (https://qltd.uit.edu.vn/admin/qlctdt , https://qltd.uit.edu.vn/admin/phongdtt/qldecuong/danh sach)	2013	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của P.ĐTĐH)
11.	Website cung cấp thông tin công khai (https://www.uit.edu.vn)	2006	Thường xuyên (Theo nhu cầu cải tiến của P.DL-CNTT)

Bảng 11.3.1. Hệ thống quản lý minh chứng online

Trên cơ sở các Quy định về cơ chế bảo mật, an toàn thông tin, dữ liệu; Quy định sao lưu, backup dữ liệu dự phòng, công tác rà soát, bổ sung, điều chỉnh số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin được Trường thực hiện định kỳ bởi đơn vị chức năng là P. DL-CNTT. Ngoài ra, Trung tâm An ninh mạng của Trường có trách nhiệm kiểm tra an ninh và an toàn thông tin các website và hệ thống mạng của Trường [H11.11.3.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Đánh giá chung về HTTT ĐBCL của Trường như sau:

Trường đã xây dựng được hệ thống quản lý thông tin đồng bộ để thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm phục vụ cho các hoạt động tại Trường.

Với thế mạnh đào tạo về CNTT&TT, hệ thống quản lý thông tin của Trường được đặc biệt quan tâm xây dựng từ năm 2013. Việc cập nhật và nâng cấp hệ thống được thực hiện xuyên suốt cho đến nay, giúp cho việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong khá thuận lợi, đầy đủ, dễ dàng truy cập, khai thác và sử dụng. Điều đặc biệt là hầu hết các dữ liệu và thông tin của Trường được liên thông giữa các mảng, sẵn sàng hỗ trợ ra quyết định [H11.11.4.01].

Ngoài ra, Trường có hệ thống máy chủ mạnh, hoạt động ổn định và hệ thống lưu trữ lớn được tập trung tại Phòng Data Center. Năm 2021, Trường bổ sung một số server GPU phục vụ NCKH và thiết bị lưu trữ phục vụ các hệ thống của Trường. Hệ thống UIT-Cloud tiếp tục phát huy hiệu quả khi triển khai cho nhiều đối tượng và các cá nhân thuộc ĐHQG-HCM [H11.11.4.02].

Từ tháng 8/2021, Trường đưa vào sử dụng phần mềm quản lý công việc (1office) giúp việc điều hành hiệu quả hơn, giúp hạn chế tình trạng trễ hạn hoàn thành và giúp sự phối hợp giữa các đơn vị/cá nhân với nhau dễ dàng hơn [H11.11.4.03].

Trên cơ sở các chính sách, quy định có sẵn cùng với việc cập nhật các hoạt động trong tình hình mới vào kế hoạch hằng năm mà công tác quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường được đánh giá có nhiều cải tiến và hiệu quả, giúp công tác chuyển đổi số của Trường ngày càng hoàn thiện [H11.11.4.04].

Mặc dù tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp trong thời gian vừa qua, đã ảnh hưởng lớn đến công tác đào tạo của Trường, tuy nhiên nhờ áp dụng các hệ thống thông tin có sẵn của Trường đã giúp công tác giảng dạy đảm bảo theo kế hoạch đề ra, giảng dạy trực tuyến đạt hiệu quả cao. Ngoài ra, Trường cũng liên tục hoàn thiện và nâng cấp các phần mềm quản lý đã triển khai như: Quản lý đào tạo (đại học và sau đại học), quản lý KHCN, quản lý lương, quản lý thu nhập, quản lý văn bản, quản lý minh chứng, cổng thông tin phục vụ tra cứu và báo cáo dành cho lãnh đạo [H11.11.4.05].

Bên cạnh đó, hệ thống quản lý thông tin ĐBCL đã có sự nâng cấp rất lớn, phân tích và hiển thị các miền dữ liệu giúp cho việc lựa chọn giải pháp trước khi ra quyết định của lãnh đạo nhà trường một cách dễ dàng, thuận tiện (dieuhanh.uit.com.vn, qltdt.uit.edu.vn).

dieuhanh.uit.edu.vn/admin/qlsinhvien

MSSV:

Họ tên: Điện thoại: Nơi sinh:

Nơi ở: Hệ ĐT: Giới tính: Số đông: Lớp SH: Khóa:

Khoa: CNPM HTTT KHMT

Tình trạng: Đang học Cảnh cáo Đã tốt nghiệp

Khu vực: KV1 KV2 KV2-NT

Vùng miền: Miền núi Vùng sâu Vùng cao

Chính sách: Thương binh Bệnh binh Liệt sĩ

Tổng số sinh viên: 7,319

<input type="checkbox"/>	MSSV	Họ tên	Phái	Lớp	Khóa	Khoa	Ngành	Hệ đào tạo	Tình trạng
<input type="checkbox"/>	14520900	Lữ Trí Thông	Nam	KTPM0001	9	CNPM	D480103	CLC	Đang học
<input type="checkbox"/>	14521129	Đoàn Việt Hùng	Nam	KTPM0001	9	CNPM	D480103	CLC	Đang học
<input type="checkbox"/>	15520610	Nguyễn Ngọc Hoàng Phi	Nam	MMTT0001	10	MMT&TT	D480299	CQUI	Đang học

Hình 11.4.1. Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường đã xây dựng được hệ thống quản lý thông tin đồng bộ để thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm phục vụ cho các hoạt động tại Trường.
- Hầu hết các dữ liệu và thông tin của Trường được liên thông giữa các mảng, sẵn sàng hỗ trợ ra quyết định.
- Hệ thống máy chủ mạnh và hệ thống lưu trữ lớn được tập trung tại Phòng Data Center.
- Trường cũng định kỳ rà soát, nâng cấp HTTT ĐBCL để đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Chưa có

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh	Trên cơ sở tự chủ đại học, từ nay đến năm 2025, Trường sẽ phát triển hệ thống quản lý thông minh bằng cách chuẩn hóa CSDL về đào tạo, NCKH, nhân sự; hoàn thiện công cụ tổng hợp và phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định nhằm đúc kết và nhân rộng mô hình.	Đơn vị chủ trì: Phòng DL-CNTT	Từ nay đến năm 2025	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 11</i>	6.00
Tiêu chí 11.1	6
Tiêu chí 11.2	6
Tiêu chí 11.3	6
Tiêu chí 11.4	6

TIÊU CHUẨN 12. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Liên tục cải tiến và nâng cao chất lượng là tôn chỉ hoạt động của hệ thống ĐBCL bên trong tại Trường ĐHCNTT. Chính vì vậy, sau mỗi đợt tự đánh giá, đánh giá ngoài nội bộ hay đánh giá ngoài là Trường đều lập kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng từ cấp CSGD đến cấp CTĐT cho mọi hoạt động từ hệ thống các chính sách, quy trình/quy định, thủ tục cho đến các nguồn lực nhằm thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H12.12.1.01]. Các kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng này đảm bảo thực hiện hằng năm và có tính liên tục với các mốc thời gian cụ thể và chỉ tiêu cụ thể.

Ngoài ra KHCL giai đoạn sau (2021-2025) của Trường cũng luôn luôn có sự cải tiến trên cơ sở đánh giá kết quả đạt được của KHCL giai đoạn trước đó (2016-2020) đồng thời thích ứng với sự phát triển của lĩnh vực CNTT trong tình hình mới [H12.12.1.02].

Đầu tiên để nâng cao chất lượng về đào tạo, trên cơ sở những quy trình, quy định đã có sẵn, Nhà trường tiếp tục cập nhật và cải tiến các chính sách về tuyển sinh, nhập học; về kiểm tra, thi và xét tốt nghiệp; về CTĐT; về đào tạo từ xa,... thông qua việc cập nhật và ban hành các quy trình/hướng dẫn như: Quy trình xây dựng thời khóa biểu và đăng ký môn học hệ chính quy; Quy chế đào tạo đại học hệ từ xa; Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy; Quy trình thi cuối kỳ theo hình thức trực tuyến; Quy trình nộp khóa luận tốt nghiệp sau khi sinh viên bảo vệ trước hội đồng; hướng dẫn triển khai dạy và học qua mạng,... Chẳng hạn, Quy chế đào tạo đại học hệ từ xa đã tạo tiền đề đổi mới công tác đào tạo hệ từ xa theo định hướng chung của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM; Quy trình nộp khóa luận tốt nghiệp mới tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý báo cáo KLTN, giúp cho công tác quản lý KLTN nhanh chóng, thuận tiện, đúng theo chủ trương chuyển đổi số [H12.12.1.03].

Bảng 5.3.1 là Danh mục các văn bản liên quan đến đào tạo đại học và sau đại học được ban hành và cập nhật, cải tiến từ năm 2017 đến năm 2021.

Thứ hai, để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH, trong những năm qua, công tác quản lý KHCCN dần được thể chế hóa và tin học hóa bằng việc ban hành các quy định/quy trình và quản lý thông qua các phần mềm. Các quy trình, quy định quản lý hoạt động NCKH được ban hành và phổ biến rộng rãi đến đơn vị, cá nhân. Ngoài ra, Trường thực hiện việc đăng ký và xét duyệt đề tài cơ sở cũng thông qua hệ thống [H12.12.1.04]. Các yêu cầu công việc được xử lý qua form google drive giúp cho việc phối hợp và xử lý công việc được nhanh chóng, hiệu quả. [H12.12.1.05].

Bảng 5.3.2 là danh mục các văn bản về KHCCN được ban hành và cập nhật đến năm 2021.

Hoạt động PVCĐ cũng được Nhà trường thiết lập quy định, tập hợp nguồn lực, phân công trách nhiệm cho các đơn vị và tổ chức thực hiện theo quy định được ban hành vào năm 2019. Theo đó, Trường đã xác lập hoạt động về kết nối và PVCĐ theo các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng; NCKH và chuyển giao; tư vấn; hỗ trợ người học; và trong các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện [H12.12.1.06].

Nguồn lực để các cải tiến, nâng cao chất lượng được Nhà trường thực hiện thông qua việc ban hành các văn bản: Đề án thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (đề án tuyển dụng TS); Kế hoạch tăng cường nguồn lực tài chính, đa dạng hoá các nguồn thu; Thống kê phân bổ ngân quỹ cho ĐT, NCKH, PVCĐ qua 5 năm; Thống kê cơ cấu nhân sự của Trường qua các năm; Cập nhật về Quy chế chi tiêu nội bộ; Bảng thống kê kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Trong nâng cao chất lượng, hoạt động so chuẩn, đối sánh nhằm làm rõ hơn điểm mạnh, tồn tại của Trường, biết được Trường cải tiến ra sao theo thời gian, đang ở đâu so với các chương trình/trường tương đương trong nước/quốc tế và đang ở đâu so với chuẩn mực của quốc gia và khu vực là điều cần thiết đối với một CSGD.

Tại Trường ĐHCNTT, việc so chuẩn, đối sánh này được thực hiện nghiêm túc, trung thực, khách quan thông qua Hướng dẫn thực hiện so chuẩn, đối sánh tại Trường

ĐHCNTT ban hành năm 2017. Trên cơ sở này, các lĩnh vực về ĐT, NCKH và PVCD được thực hiện đối sánh và so chuẩn hằng năm thông qua các tiêu chí, tiêu chuẩn [H12.12.2.01].

Về so chuẩn, hiện Trường đang thực hiện so chuẩn cấp CSGD với Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT gồm 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí. Trước đó Trường đã thực hiện so chuẩn với Tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT thông qua hoạt động đánh giá ngoài và kiểm định chất lượng với kết quả đạt, chiếm tỉ lệ 83,6%. Bên cạnh đó, từ năm 2016, Trường đã thực hiện so chuẩn với khu vực Đông Nam Á (ASEAN) về CTĐT thông qua việc mời Tổ chức AUN đến đánh giá CTĐT ngành HTTT theo tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 2.0 (15 tiêu chuẩn), năm 2017 đến năm 2021 AUN đánh giá 04 CTĐT (KHMT, MMT&TT, KTPM, KTMT) theo tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 3.0 (11 tiêu chuẩn) và tháng 8 năm nay Trường sẽ tiếp tục so chuẩn với khu vực ASEAN thông qua bộ tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 4.0 (8 tiêu chuẩn) mà AUN sẽ đánh giá 2 CTĐT ATTT và CNTT của Trường theo kế hoạch. Ngoài ra khi rà soát CTĐT, chuẩn đầu ra CTĐT của trường còn được tham chiếu với chuẩn đầu ra của ABET 2021-2022, Bộ năng lực SV tốt nghiệp ĐHQG-HCM ban hành theo quyết định 1658/QĐ-ĐHQG năm 2020 (GAC).

Về đối sánh, Trường đã xác định các tiêu chí cốt lõi để thực hiện đối sánh nội bộ, đối sánh theo thời gian và đối sánh với bên ngoài. Hoạt động đối sánh nội bộ giữa các khoa/ngành với nhau và theo thời gian được Trường thực hiện định kỳ mỗi năm thông qua các báo cáo/seminar trên cơ sở phân tích các dữ liệu về tình hình từ tuyển sinh, nhập học đến quá trình giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu và đầu ra. Các đối sánh với bên ngoài được Nhà trường cẩn thận lựa chọn các đối tác sao cho phù hợp và tương đương với tầm nhìn, sứ mạng, cơ cấu tổ chức của Nhà trường. Hoạt động này cũng đã được ĐHQG-HCM quan tâm triển khai, tạo hệ thống CSDL nhằm phục vụ công tác nâng cao chất lượng tại ĐHQG-HCM và các trường thành viên [H12.12.2.02].

Tiêu chí lựa chọn đối tác

- Là CSGD ĐH có mục tiêu và nhiệm vụ tương thích với Trường ĐHCNTT
- Có quy mô và cơ cấu tổ chức tương đương
- Đã được công nhận về chất lượng giáo dục và sẵn sàng chia sẻ dữ liệu phục vụ đối sánh

Tiêu chí xác định nội dung đối sánh

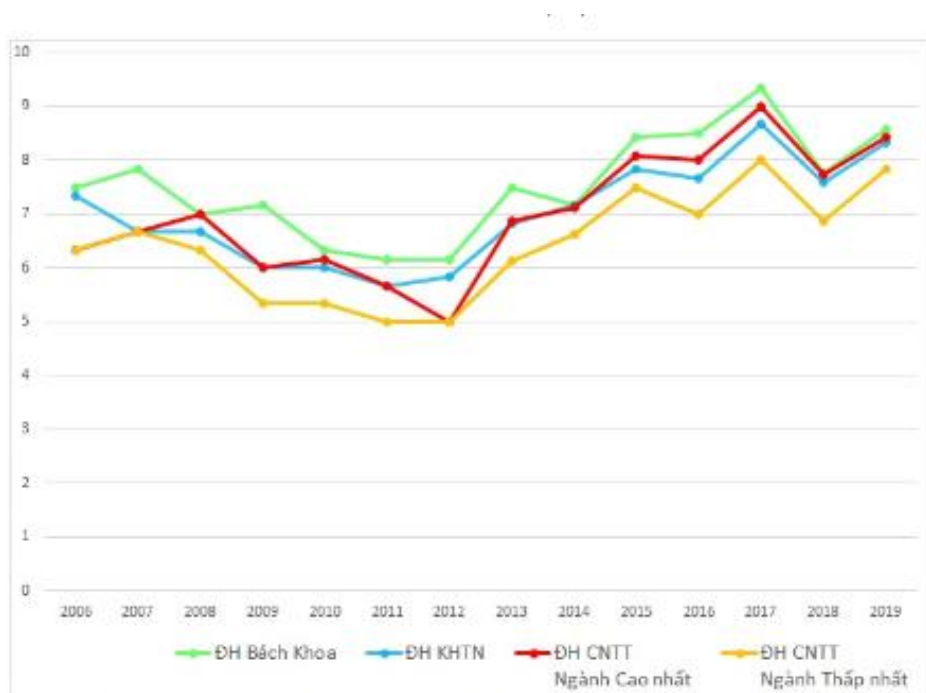
- *Về đào tạo:*
 - Quy mô tuyển sinh; quy mô đào tạo; điểm chuẩn tuyển sinh.
 - Số lượng CTĐT đạt kiểm định chất lượng theo các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.
 - Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm
 - Tỷ lệ SV/GV
- *Về NCKH:*
 - Số lượng hội nghị, hội thảo khoa học;
 - Số lượng đề tài các cấp của GV, NCV và SV;
 - Số lượng công bố quốc tế trên tổng số GV.
- *Về nguồn thu, hợp tác quốc tế và PVCD:*
 - Số chương trình liên kết, hợp tác đào tạo; chương trình trao đổi GV, SV.
 - Nguồn thu từ NCKH và CGCN

Bảng 12.2.1 là Danh mục tiêu chí lựa chọn đối tác của Trường và tiêu chí xác định nội dung đối sánh

Qua thời gian nghiên cứu, Trường xác định được 02 đối tác trong nội bộ ĐHQG-HCM để đối sánh chủ yếu đối sánh về công tác tuyển sinh qua các năm:

- *Khoa CNTT, Trường ĐH Bách Khoa, ĐHQG-HCM*

- Khoa CNTT, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM



Hình 4. Biểu đồ điểm chuẩn hằng năm (chia trung bình 3 môn thi) của ĐH Công nghệ Thông tin, ĐH Bách Khoa TPHCM và ĐH Khoa học Tự nhiên TPHCM

(*) Nguồn số liệu: hcmus.edu.vn, hcmut.edu.vn, vnexpress.net, tuoitre.vn

(Nguồn: <https://tuyensinh.uit.edu.vn/diem-chuan-cua-truong-dh-cong-nghe-thong-tin-qua-cac-nam>)

Hình 12.2.1. Biểu đồ tuyển sinh của Trường so với Trường ĐH Khoa học Tự nhiên và Trường ĐH Bách khoa Tp. HCM

Với bên ngoài, Trường đã lựa chọn được 02 đối tác có sự tương đồng về mục tiêu, nhiệm vụ, quy mô là Trường ĐH FPT và Trường ĐH Công nghệ, ĐHQG-Hà Nội để thực hiện đối sánh, tuy nhiên các tiêu chí mà Trường mong muốn đối sánh không có đủ trong 3 công khai và trên website của các trường, một số thông tin đối sánh cụ thể như Bảng 12.2.1

Tiêu chí đối sánh		Trường ĐHCNTT			Trường FPT			Trường ĐH Công nghệ ĐHQG-HN		
		2021	2020	2019	2021	2020	2019	2021	2020	2019
Về đào tạo	Điểm chuẩn TS	Cao: 27.55 Thấp: 25.1	Cao: 27.7 Thấp: 22	Cao: 25.5 Thấp: 17.8	21	15	21	28.75	28.1	25.85
	Chỉ tiêu TS	1800	1620	1490	8200	7800	5300	1500	1450	1460
	Quy mô đào tạo	8522	7850	5913	23122	14133	10707	6040	5487	-
	Số lượng CTĐT đạt kiểm định	5	4	3	7	8	9	5	4	4
	Số lượng SV tốt nghiệp	541	385	535	2058	971	803	531	-	-
	Tỉ lệ SV có việc làm sau 01 năm	95.30%	96%	98%	98.45%	98.60%	98.35%	94%	-	-
Về NCKH	Số lượng Hội nghị, Hội thảo khoa học	4	4	6	5	6	7	3	-	-
	Số lượng đề tài các cấp của GV, NCV, SV	184	217	106	6	6	3	35	46	39
	Số lượng công bố quốc tế trên tổng	168	83	24	300	-	-	157	174	197

	số GV									
Về nguồn thu, hợp tác quốc tế và PVCĐ	Nguồn thu từ NCKH, CGCN	4,2 tỷ đồng	4,587 tỷ đồng	2 tỷ đồng	-	-	-	11,405 tỷ đồng	-	-

Bảng 12.2.1. Thông tin đối sánh giữa Trường ĐHCNTT và Trường ĐH FPT, Trường ĐH Công nghệ, ĐHQG-Hà Nội

Kết quả đối sánh giúp Trường xác định được thế mạnh và tồn tại của mình qua đó xây dựng mục tiêu, kế hoạch phát triển phù hợp.

Ngoài ra để nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời giúp hiện thực hoá tầm nhìn, sứ mạng của Trường cũng như mong muốn đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, Trường đã thực hiện chức năng đào tạo sinh viên chương trình tiên tiến ngành HTTT từ năm 2009 thông qua hợp tác với Đại học Oklahoma, Hoa Kỳ theo quyết định giao nhiệm vụ đào tạo chương trình tiên tiến trình độ đại học của Bộ GD&ĐT [H12.12.2.03], [H12.12.2.04]. Theo đó chương trình tài năng ngành KHMT cũng được đào tạo từ năm 2006, chương trình chất lượng cao từ năm 2013. Cơ sở cho việc triển khai các CTĐT tiên tiến, tài năng, chất lượng cao là hệ thống các quy định, hướng dẫn được ban hành từ cấp ĐHQG HCM đến cấp Trường như: Quy định về hệ tài năng ban hành năm 2013; Quy định về đào tạo chương trình tài năng năm 2019; Quy định về đào tạo chương trình chất lượng cao năm 2017; Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của ĐHQG-HCM,... [H12.12.2.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo

Tiếp theo tiêu chí 12.2, hoạt động so chuẩn được Trường thực hiện hằng năm cho cả cấp CSGD và cấp CTĐT. Kết quả của hoạt động so chuẩn cấp quốc gia và khu

vực này là Trường được Hội đồng KĐCLGD, TTKĐCLGD – ĐHQG-HN công nhận về chất lượng giáo dục theo Quyết định số 36, ngày 13/4/2017 và tổ chức AUN công nhận về chất lượng giáo dục đối với 05 CTĐT của Nhà trường [H12.12.3.01]. Điều này đã khẳng định chất lượng của Nhà trường và một sự cải tiến không ngừng khi các CTĐT đánh giá năm sau đều có sự kế thừa và cải tiến so với CT đánh giá năm trước đó. Điểm đánh giá tăng dần từ điểm 4.2/7 đối với CT HTTT (đánh giá năm 2016) lên 4.5/7 đối với CT MMT&TT (đánh giá năm 2018) và đạt mức Tốt hơn mong đợi (mức 5: Better than Adequate) đối với CT KHMT đánh giá năm 2019. Mức đạt này được giữ vững và ổn định cho cả 2 CT đánh giá tiếp theo KTPM (2020) và KTMT (2021).

Về đối sánh, trong công tác tuyển sinh, để nâng cao chất lượng, Trường ĐHCNTT đã cải tiến một số hoạt động như: Tăng cường chỉ tiêu về số lượng thí sinh diện xét tuyển bằng chứng chỉ quốc tế (từ 0 năm 2018 lên 07 từ năm 2019), tăng chỉ tiêu xét tuyển dựa trên điểm thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM: 2017 15%, 2018 30-35% và duy trì 40% mỗi năm trên tổng chỉ tiêu. Kết quả tuyển sinh được Trường đối sánh hằng năm với các trường uy tín như Trường ĐH Bách Khoa, ĐHQG-HCM, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM và được đăng tải hằng năm trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường [H12.12.3.02].

Trong công tác đào tạo, thông qua hội nghị đào tạo hằng năm, hội nghị CBVC và báo cáo chuyên đề định kỳ (tháng 3) trong cuộc họp giao ban, đơn vị chức năng luôn có sự phân tích các số liệu về kết quả đào tạo để báo cáo đến BGH và gửi đến các bên liên quan nhằm tìm kiếm giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng. Các chỉ số quan trọng như tỉ lệ thôi học, tỉ lệ lên lớp, tỉ lệ học lại, tỉ lệ tốt nghiệp được đối sánh hằng năm giữa các khoa/ngành như Bảng 12.3.1 [H12.12.3.03]

Khoá	KHMT	HTTT	KTPM	KTMT	MTT&TT	CNTT
2017	25	42	32	34	26	18
2018	27	22	15	35	47	19
2019	16	19	12	24	33	34
2020	11	17	5	9	13	23
2021	3	3	1	0	1	7

Bảng 12.3.1. Đối sánh tỷ lệ thôi học của SV giữa các ngành, qua các năm học

Tương tự, tại hội nghị CBVC năm 2021, đơn vị chức năng là Phòng ĐTSĐH-KHCN cũng cung cấp số liệu đối sánh theo thời gian và đối sánh giữa các khoa trong trường về số lượng đề tài NCKH của SV như Bảng 12.3.2 [H12.12.3.04]

Năm	2017	2018	2019	2020	Đợt 1/2021
Khoa KHMT	03	03	12	35	17
K. CNPM	0	0	02	09	12
K. HHTT	0	0	03	06	8
K. MMT-TT	01	04	16	19	24
K. KH&KTTT	0	0	01	07	19
K. KTMT	16	12	06	33	18
TỔNG	20	19	40	109	98

Bảng 12.3.2. Đối sánh số liệu đề tài NCKH của sinh viên

Ngoài ra hoạt động ĐBCL cũng định kỳ thực hiện so sánh, đối sánh hằng năm và định kỳ 05 năm/lần thông qua các báo cáo hoạt động khảo sát các bên liên quan và báo cáo tại Hội nghị rà soát đánh giá 05 năm hoạt động ĐBCL [H12.12.3.05]. Đối với các báo cáo khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, mỗi chỉ số quan trọng Phòng TT-PC-ĐBCL đều so sánh với năm trước/học kỳ trước để nhìn thấy sự cải tiến ra sao nhằm xây dựng phương hướng, kế hoạch hành động tiếp theo. Kết quả cải tiến này đã được thấy rõ qua báo cáo kết quả khảo sát hoạt động giảng dạy của GV mỗi học kỳ, tỉ lệ GV có điểm đánh giá dưới mức hài lòng giảm hẳn theo thời gian, hay khảo sát NTD về tình hình việc làm của cựu SV, NTD đánh giá cựu SV ngày càng cao về kiến thức, kỹ năng và thái độ,... [H12.12.3.06]. Song song với đó, định kỳ 05 năm/lần Trường tổ chức Hội nghị rà soát, đánh giá công tác ĐBCL cũng là để so với các chuẩn mực Trường đáp ứng đến đâu, theo với thời gian Trường đã cải tiến như thế nào nhằm điều chỉnh, cải tiến liên tục các hoạt động quản lý và đào tạo cho phù hợp, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu của các bên liên quan. Kết quả của giai đoạn này là ngày càng có nhiều SV hài lòng về chất lượng giảng dạy môn học (tỉ lệ hài lòng >86%), số lượng SV sắp tốt nghiệp tham gia khảo sát về khoá học ngày càng tăng (71% - 81,4%), tỉ lệ cựu SV có việc làm đúng

ngành nghề đào tạo luôn duy trì ở mức cao (bình quân trên 80% trong vòng 5 năm),... [H12.12.3.07].

Điều đặc biệt trong so chuẩn đối sánh tại Trường ĐHCNTT là việc cung cấp dữ liệu hằng năm để thông qua ĐHQG-HCM tham gia các bảng xếp hạng của thế giới như: QS, THE. Kết quả xếp hạng giai đoạn 2020-2022 vừa qua đối với bảng xếp hạng THE như Bảng 12.3.3 (Trường ĐHCNTT được xếp trong khối ngành Computer Science). [H12.12.3.08]

THE World University Rankings - by Subjects	2020	2021	2022
Physical Sciences	Top 801+	Top 801- 1000	Top 801-1000
Computer Science	Top 601+	Top 601-800	Top 601-800
Engineering	Top 601-800	Top 601-800	Top 801-1000
Business and Economics	Chưa xuất hiện	Top 601+	Top 601+
Life Science	Chưa xuất hiện	Top 601-800	Top 601-800
Social Science	Chưa xuất hiện	Chưa xuất hiện	Top 601+

(Nguồn: Tài liệu Hội thảo chuyên đề về xếp hạng 13/12/2021)

Bảng 12.3.3. Kết quả xếp hạng giai đoạn 2020-2022

Kết quả quá trình thực hiện các đối sánh và so chuẩn nêu trên đã giúp Trường xác định rõ hơn về vị thế, uy tín của mình trong quốc gia và khu vực đồng thời kết quả so chuẩn, đối sánh này cũng được Trường sử dụng nhằm khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo đối với CB, GV, NV khi thực hiện nhiệm vụ, chẳng hạn Nhà trường đã đổi mới trong tuyển sinh, đổi mới trong chính sách NCKH, đổi mới trong hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học với các chính sách như... [H12.12.3.09]. Nhờ có đối sánh, so chuẩn mà các hoạt động đã tăng cường chất lượng, đáp ứng được sự phát triển chung của Nhà trường, góp phần vào sự phát triển chung của ĐHQG-HCM và của cả nước về lĩnh vực đào tạo CNTT&TT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Trong quá trình cải tiến và nâng cao chất lượng, việc lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh luôn được các đơn vị chức năng trong trường thực hiện thông qua các báo cáo thường kỳ. Đặc biệt là sau khi thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp CSGD, Nhà trường đã lập ra Kế hoạch rà soát và cải tiến chất lượng giai đoạn 2016-2020 và triển khai các hoạt động nhằm phát huy các điểm mạnh đồng thời cải thiện các tồn tại [H12.12.4.01]. Năm 2017, sau khi AUN ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp CSGD, Trường đã xác định chu kỳ đánh giá tiếp theo sẽ là bộ tiêu chuẩn của AUN theo chủ trương chung của ĐHQG-HCM. Chính vì vậy năm 2017, Trường đã lập ra Tổ tư vấn cải tiến chất lượng để thực hiện nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ các đơn vị thiết lập, vận hành và phát triển HT ĐBCL bên trong tại đơn vị nhằm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cấp CSGD theo AUN-QA (phiên bản 2.0) [H12.12.4.02]. Trong thời gian này, Trường cũng ban hành Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh để các đơn vị chức năng dễ dàng trong việc lựa chọn các tiêu chí khi so sánh, so chuẩn theo thời gian và so với các đơn vị trong và ngoài trường [H12.12.4.03]. Ngoài ra, ĐHQG-HCM cũng thực hiện các bước khảo sát, lấy ý kiến qua cuộc họp, email,... nhiều vòng để hoàn thiện công tác thu thập, tập hợp CSDL phục vụ các hoạt động so chuẩn, đối sánh giữa các trường thành viên trong ĐHQG-HCM [H12.12.4.04].

Căn cứ trên Quy trình so chuẩn, đối sánh này, hằng năm, không chỉ đối với các hoạt động chính yếu là đào tạo, NCKH và PVCĐ thực hiện đối sánh, so chuẩn khi báo cáo kết quả hoạt động hằng năm mà các hoạt động như khảo sát các bên liên quan, kế hoạch tài chính, nhân sự,... cũng đều được phân tích các chỉ số quan trọng nhằm đánh giá sự cải tiến theo thời gian [H12.12.4.05].

Kết quả của việc thực hiện rà soát, cải tiến cũng là dịp để Trường xem xét lại quy trình so chuẩn, đối sánh nhằm có sự điều chỉnh phù hợp [H12.12.4.06]. Việc đối sánh nội bộ được Trường xem như công việc thường xuyên, từ việc tuân thủ các bước cơ bản như báo cáo năm nay phải phân tích, đánh giá, so sánh với năm trước đó để xem mức độ cải tiến như thế nào, đến cách thức lựa chọn và sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để đánh giá hiệu quả đạt được. Đến thời điểm hiện tại, Hướng dẫn về so

chuẩn, đối sánh về đào tạo, NCKH vẫn phù hợp và được giữ nguyên, Trường chỉ bổ sung thông tin đối sánh về hoạt động PVCĐ. Theo đó các chỉ số đối sánh về hoạt động kết nối và PVCĐ đã được bổ sung như:

- Số lượng các hoạt động đào tạo theo nhu cầu của địa phương
- Các hoạt động giao lưu, hợp tác đào tạo trong và ngoài nước
- Số lượng các cuộc thi học thuật, hội nghị/hội thảo khoa học
- Số lượng các hoạt động tình nguyện
- Chuyển giao công nghệ, giải quyết vấn đề của địa phương, quốc gia

Ngoài ra, Hiệu trưởng cũng đã giao cho Phòng TT-PC-ĐBCL chịu trách nhiệm rà soát các quy trình, quy định để kịp thời cập nhật bổ sung cho phù hợp với tình hình mới, trong đó Quy trình hướng dẫn so chuẩn, đối sánh sẽ tiếp tục được cập nhật, bổ sung vào năm 2022.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Qua quá trình thực hiện quy trình so chuẩn, đối sánh các hoạt động về ĐT, KHCN, PVCĐ, Nhà trường đã có những cải tiến liên tục đáng kể đúng như tinh thần vận hành của hệ thống ĐBCL bên trong. Các bước thực hiện theo Hướng dẫn đối sánh và so chuẩn chất lượng giáo dục Trường Đại học Công nghệ thông tin cụ thể như sau **[H12.12.5.01]**:

Bước 1: Các đơn vị chức năng xác định các đối tác (trong và ngoài nước), chỉ số, tiêu chí, cách thức, thời điểm cần đối sánh theo các lĩnh vực hoạt động của Trường do đơn vị mình phụ trách (theo hướng Hướng dẫn hoặc do Ban Giám hiệu xem xét quyết định đối tác).

Bước 2. Liên hệ với đối tác về việc thực hiện đối sánh để thu thập số liệu, thông tin về chỉ số, tiêu chí, cách thức, thời điểm đối với nội dung cần đối sánh. Lưu ý: Thông

tin thu thập cần phải có nguồn gốc chính thức, có ghi nguồn truy xuất và được đơn vị chức năng xác nhận.

Bước 3. Phân tích số liệu và viết báo cáo đối sánh.

Bước 4. Tổ chức cuộc họp/hội nghị/hội thảo hoặc gửi báo cáo đối sánh đến các bên liên quan để nhận ý kiến đóng góp. Báo cáo đối sánh phải xác định được giải pháp cải tiến tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng.

Bước 5: Trưởng đơn vị/Ban Giám hiệu phê duyệt báo cáo sau cùng.

Bước 6. Triển khai thực hiện kế hoạch cải tiến được phê duyệt.

Bước 7. Gửi báo cáo, kết quả đến đối tác theo yêu cầu (nếu có).

Trên cơ sở thực hiện theo các bước như trên:

- Đối với hoạt động đào tạo, từ công tác tuyển sinh, đến quá trình đào tạo và đầu ra đều có những chuyển biến tích cực đối với cả hệ đào tạo đại học và sau đại học. Chẳng hạn, tuyển sinh năm 2021 hệ đào tạo đại học chính quy vượt chỉ tiêu 9% so với mục tiêu đề ra; tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ năm 2021 đã có cải tiến, mở rộng về điều kiện xét tuyển, thi tuyển và tuyển thẳng đối với SV ĐH vào học chương trình thạc sĩ và đối với thạc sĩ vào học chương trình tiến sĩ (GV hướng dẫn có thể là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Trường hoặc của các đơn vị thành viên ĐHQG-HCM hoặc của các đơn vị trực thuộc ĐHQG-HCM) [H12.12.5.02]; CTĐT ĐH cập nhật năm 2021 đã có sự thống nhất giữa các ngành, có sự so chuẩn với tổ chức ABET (8 tiêu chuẩn). Ngoài ra, Trường ban hành hướng dẫn về *Thang phân loại kiến thức, kỹ năng, thái độ sử dụng tại Trường Đại học CNTT* để các Khoa thống nhất trong rà soát, điều chỉnh và sử dụng thang phân loại khi mô tả chuẩn đầu ra cho CTĐT cũng như môn học và bài học [H12.12.5.03]. Hoạt động giảng dạy và đánh giá kết quả học tập cũng đã kịp thời và nhanh chóng chuyển sang hình thức trực tuyến, thích ứng tốt với những khó khăn do dịch Covid-19 gây ra [H12.12.5.04].

- Song song với đó, hoạt động NCKH có sự cải tiến mạnh mẽ thông qua: Số bài báo khoa học đăng trong các tạp chí quốc tế uy tín được duy trì ổn định; số đề tài nghiên cứu đạt loại xuất sắc tăng; số bài báo khoa học có sự tham gia của SV ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Số lượng đề tài cấp Trường được duy trì ổn định. Điều này

cho thấy chính sách thúc đẩy công bố khoa học đã bắt đầu có hiệu quả, đặc biệt đối với người học. [H12.12.5.05]

- Đối với hoạt động PVCĐ của Nhà trường, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid từ năm 2019 nhưng một số hoạt động thiện nguyện và đào tạo gắn với cộng đồng vẫn được Nhà trường duy trì như: Gia sư trực tuyến; dạy lập trình cơ bản cho con CBVC-NLĐ; chương trình "01 triệu sáng kiến - nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19" của Công đoàn Giáo dục Việt Nam; Đồng hành cùng VC-NLĐ vượt qua dịch COVID-19; Tham gia dọn dẹp KTX; Chương trình 107, 138; chương trình siêu thị sẻ chia; quỹ UIT Global, Anti covid,....[H12.12.5.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có kế hoạch rà soát, cải tiến liên tục theo từng năm và từng giai đoạn nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ thông qua việc ban hành hệ thống các chính sách, quy trình, thủ tục, hướng dẫn cùng với việc huy động các nguồn lực kèm theo để triển khai thực hiện.

Ngoài ra, Trường cũng xác định rõ các đối tác, các tiêu chí và thực hiện so chuẩn, đối sánh những hoạt động thiết yếu nhằm khuyến khích sự đổi mới, sáng tạo cũng như tăng cường công tác ĐBCL bên trong. Nhờ vậy mà các hoạt động về ĐT, NCKH đã có những cải tiến đáng kể theo thời gian.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc đối sánh với bên ngoài về mảng KHCN còn gặp nhiều khó khăn do dữ liệu thông tin không có sẵn trên trang thông tin điện tử của mỗi đơn vị.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và kết thúc)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Định kỳ liên hệ, trao đổi với các đối tác mà Trường đã xác định nhằm xây dựng cơ chế chung cho việc chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác so chuẩn, đối sánh đặc biệt với mạng KHCN.	P. ĐTSĐH-KHCN; Phòng TT-PC-ĐBCL	Định kỳ hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và định kỳ thực hiện công tác so chuẩn và đối sánh các lĩnh vực hoạt động chính yếu của Trường nhằm không ngừng nâng cao chất lượng	Các đơn vị	Định kỳ hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>4.40</i>
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	4

TIÊU CHUẨN 13. TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD

Trường ĐHCNTT đào tạo trình độ đại học và sau đại học. Riêng đối với trình độ đại học, Trường đào tạo hệ đại học chính quy và hệ đào tạo từ xa (văn bằng thứ nhất, văn bằng thứ hai, liên thông đại học), với đa dạng các chương trình (chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến, chương trình tài năng, chương trình liên kết quốc tế). Hằng năm, Trường đều xây dựng chính sách, kế hoạch tuyển sinh tổng thể các CTĐT trình độ Hội đồng Trường thông qua [H13.13.1.01], [H13.13.1.02], cũng như ban hành kế hoạch tuyển sinh chi tiết có các mốc thời gian và phân công cụ thể đơn vị chủ trì thực hiện [H13.13.1.03].

Mỗi năm, ĐHQG-HCM ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh để thống nhất chỉ đạo những vấn đề liên quan trong toàn hệ thống ĐHQG-HCM. Một thành viên trong BGH của Trường tham gia vào Ban Chỉ đạo để làm cầu nối triển khai kế hoạch tuyển sinh chung của ĐHQG-HCM tại Trường [H13.13.1.04], [H13.13.1.05]. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh cho các trình độ, các hệ và các CTĐT như Hội đồng tuyển sinh hệ chính quy trình độ Tiến sĩ [H13.13.1.06], [H13.13.1.07], Đại học [H13.13.1.08], Hội đồng tuyển sinh hệ Đào tạo từ xa [H13.13.1.09], Hội đồng tuyển sinh Văn bằng 2 chính quy [H13.13.1.10], Hội đồng tuyển sinh Liên thông đại học chính quy [H13.13.1.11], Hội đồng tuyển sinh Chương trình liên kết [H13.13.1.12]. Các hội đồng tuyển sinh thông qua đề án tuyển sinh, quyết định những vấn đề quan trọng liên quan đến công tác tuyển sinh [H13.13.1.13].

Phòng Đào tạo Đại học (ĐTĐH) là đơn vị đầu mối phối hợp với các phòng ban, khoa thực hiện nghiêm túc Báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh và xây dựng Đề án tuyển sinh của Trường trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước, Bộ GD&ĐT, các quy định và chủ trương của ĐHQG-HCM [H13.13.1.14], [H13.13.1.15]. Đề án tuyển sinh luôn thể hiện rõ các chính sách, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu, kế hoạch tuyển sinh các CTĐT, các điều kiện đảm bảo chất lượng như cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu, năng lực giảng viên, tình hình sinh viên tốt nghiệp,... Đề án tuyển sinh được Hiệu trưởng phê duyệt, báo cáo với ĐHQG-HCM và công khai trên cổng

thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H13.13.1.16] và cổng thông tin tuyển sinh của Trường [H13.13.1.17]. Dựa trên cơ sở Đề án tuyển sinh, Trường ra các thông báo tuyển sinh cho từng phương thức, chương trình, hệ, trình độ đào tạo theo lộ trình và kế hoạch đã đề ra [H13.13.1.18].

Nhằm tuyển chọn được những người học chất lượng, tiềm năng, đáp ứng yêu cầu của các ngành đào tạo tại Trường nhưng vẫn đảm bảo cơ hội cho mọi đối tượng người học với những thế mạnh, khả năng khác nhau, Trường ĐHCNTT luôn từng bước đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh. Đến nay, Trường đã từng bước nghiên cứu và đưa vào áp dụng nhiều phương thức tuyển sinh với tỷ lệ chỉ tiêu hợp lý, đồng thời điều chỉnh tỷ lệ này để phù hợp với thực tế tuyển sinh từng năm như tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT, xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT, dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức, ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM, ưu tiên xét tuyển thẳng học sinh giỏi nhất trường THPT, ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐHCNTT (dành cho thí sinh đạt giải cao trong các kỳ thi uy tín), sử dụng những chứng chỉ quốc tế uy tín (SAT, ACT, As/ A level, IB, ...). Với những phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi hoặc kết quả học tập, tùy từng ngành, Trường xét tuyển các tổ hợp A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh), D06 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Nhật) và D07 (Toán, Hóa học, Tiếng Anh), đây đều là những tổ hợp môn học cung cấp những kiến thức phù hợp với các ngành đào tạo của Trường. Tất cả các kế hoạch, chính sách tuyển sinh tương ứng với từng ngành được mô tả chi tiết trong đề án tuyển sinh hàng năm. Các chính sách tuyển sinh phù hợp với định hướng, đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu chiến lược về đào tạo của Trường.

Phương thức	Tỷ lệ chỉ tiêu				
	2021	2020	2019	2018	2017
Tổng chỉ tiêu	1650	1500	1470	1320	1050
Tuyển thẳng và Ưu tiên tuyển của Bộ GD&ĐT	5%	5%	5%	5%	5%
Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM	15%	15%	15%	15%	15%
Xét tuyển dựa trên điểm thi Kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức	30%	30%	20%	15%	x

Xét tuyển dựa trên điểm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT	41%	49%	49%	65%	80%
Xét tuyển dựa trên chứng chỉ quốc tế	1%	1%	1%	x	x
Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi, tài năng của trường trung học phổ thông	2%	x	x	x	x
Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐH.CNTT	1%	x	x	x	x
Xét tuyển theo phương thức dựa vào kết quả học tập trung học phổ thông	5%	x	x	x	x

Bảng 13.4.1. Tỷ lệ chỉ tiêu theo từng phương thức từ năm 2017 - 2021

Về công tác truyền thông, nhằm thúc đẩy mạnh mẽ hơn hiệu quả quảng bá, Trường giao cho tổ tư vấn tuyển sinh phụ trách xây dựng kế hoạch tư vấn tuyển sinh [H13.13.1.19], tổ chức quảng bá, triển khai kế hoạch tư vấn tuyển sinh đến các đối tượng thí sinh qua nhiều kênh thông tin. Hằng năm, Trường tổ chức nhiều chiến dịch quảng bá tuyển sinh, các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn nhằm giúp phụ huynh, học sinh hiểu đúng về các ngành học của Trường, chú trọng định hướng cho học sinh chọn được ngành phù hợp với năng khiếu, sở thích và năng lực của bản thân. Qua đó, nâng cao vị thế, giá trị, giới thiệu hình ảnh của Trường đến xã hội, thu hút các thí sinh xuất sắc đăng ký xét tuyển vào Trường. Tận dụng thế mạnh là Trường chuyên sâu về CNTT, các chương trình tư vấn tuyển sinh của Trường rất đa dạng và phong phú và mang đậm dấu ấn CNTT. Tiêu biểu là các chương trình livestream tư vấn tuyển sinh trực tuyến, xây dựng nội dung Website theo hướng đề cao trải nghiệm người dùng với nội dung bài viết trực quan, sinh động và dễ hiểu, chủ động tiếp cận với các đối tượng thí sinh tiềm năng thông qua ứng dụng Chat bot gắn trên Website tuyensinh.uit.edu.vn, chạy các chiến dịch quảng cáo Google, Facebook theo thời điểm thích hợp, xây dựng đội ngũ tạo nội dung, duy trì Fanpage chuyên nghiệp theo chiến dịch tuyển sinh từng năm, thành lập đội “Đại sứ UIT” tham gia chia sẻ thông tin tuyển sinh của Trường về các trang mạng xã hội, diễn đàn các trường THPT. Ngoài ra, Trường còn triển khai chiến dịch “Hành trình Đại sứ sinh viên UIT”, thành lập các đội sinh viên tình nguyện, tổ chức tập huấn và cử cán bộ phụ trách hỗ trợ hoạt động tư vấn tuyển sinh tại các Trường THPT mà các bạn đã theo học, thành lập tổ Tư vấn phụ trách các kênh Tư vấn trực tuyến: đường dây nóng, forum Trường, các mạng xã hội,..., in thông tin tuyển sinh của trường trên các báo, cầm nang thông tin tuyển sinh. Bên cạnh đó, Trường tham gia tích cực các

chương trình Tư vấn tuyển sinh do Báo Tuổi trẻ, Báo Thanh niên, Báo Giáo dục, Công ty Kết nối Văn hóa Việt tổ chức. Hướng trọng tâm đến các địa phương, các Trường có nguồn học sinh khá giỏi, thị trường tiềm năng, Nhà trường ra các thông báo tuyển sinh cho từng phương thức, chương trình, hệ, trình độ đào tạo theo lộ trình và kế hoạch đã đề ra [H13.13.1.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.

ĐHQG-HCM nói chung và Trường ĐHCNTT nói riêng luôn chú trọng nâng cao chất lượng đầu vào cho các CTĐT. Hằng năm ĐHQG-HCM thành lập Ban chỉ đạo Tuyển sinh để thống nhất chỉ đạo chung về công tác tuyển sinh trong toàn ĐHQG-HCM. Ban chỉ đạo tuyển sinh tổ chức những cuộc họp để đánh giá, thảo luận về tiêu chí lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT và ban hành văn bản hướng dẫn chung về tiêu chí lựa chọn người học [H13.13.2.01]. Dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM, việc phân tích kết quả tuyển sinh các năm trước, kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển theo từng phương thức, yêu cầu thực tế của từng ngành đào tạo, xu hướng nghề nghiệp thịnh hành, bối cảnh kinh tế, xã hội, tình hình dịch bệnh, ... HĐTS Trường tiến hành xây dựng, rà soát và bổ sung các tiêu chí xét tuyển/thi tuyển hằng năm nhằm tuyển chọn và thu hút những thí sinh chất lượng tốt, phù hợp với các CTĐT.

Đối với các CTĐT trình độ sau đại học, Trường đưa ra các tiêu chí lựa chọn người học theo đúng quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM thông qua Đề án tuyển sinh Sau Đại học, các thông báo tuyển sinh. Theo đó, Trường đưa ra các tiêu chí rõ ràng về điều kiện tuyển thẳng, điều kiện dự thi và các môn thi tuyển [H13.13.2.02], [H13.13.2.03]. Tất cả những thông tin này đều được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H13.13.2.04].

Đối với các CTĐT trình độ đại học, Trường xác định cụ thể và chi tiết các tiêu chí lựa chọn người học thể hiện rõ tại Đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh và biên bản các kỳ họp HĐTS hằng năm. Trong đó quy định về tổ hợp xét tuyển, đối tượng tuyển sinh, điều kiện, kế hoạch, chỉ tiêu, các nguyên tắc cũng như tiêu chí xét tuyển

thẳng, ưu tiên xét tuyển, xét tuyển cho từng phương thức, từng CTĐT [H13.13.2.05] [H13.13.2.06], [H13.13.2.07].

Trường không ngừng phân tích, nghiên cứu, tìm tòi nhằm xây dựng các tiêu chí tuyển sinh, đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh sao cho phù hợp nhất với tình hình thực tế hằng năm. Đối với từng phương thức, Trường sẽ đưa ra những tiêu chí xét tuyển khác nhau như đạt giải cao trong các kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, quốc tế các môn học cần sự tư duy, sáng tạo (Tin học, Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tiếng Nhật, Khoa học kỹ thuật) hoặc các kỳ thi kiến thức uy tín, đạt danh hiệu học sinh giỏi trong các năm học tập bậc trung học phổ thông (THPT), điểm thi tốt nghiệp THPT, kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức, kết quả học tập bậc THPT, chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ quốc tế uy tín (SAT, ACT, As/ A Level, IB,...), ... Những tiêu chí này được nghiên cứu và đưa ra nhằm tuyển chọn những thí sinh tiềm năng, phù hợp nhất với các ngành đào tạo của Trường, cụ thể như sau:

- Năm 2017, Trường triển khai xét tuyển theo ba phương thức: Phương thức 1 - Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT; Phương thức 2 - Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM đối với học sinh các trường chuyên, năng khiếu và các trường THPT thuộc nhóm trường có điểm thi THPTQG cao nhất theo danh sách do ĐHQG-HCM cung cấp; Phương thức 3 - Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPTQG.

- Năm 2018, ĐHQG-HCM bắt đầu tổ chức kỳ thi đánh giá năng lực, tạo điều kiện cho các thí sinh có thêm một kỳ thi có chất lượng, có khả năng phân loại cao để tham gia dự tuyển và các trường đại học có thêm một nguồn tuyển sinh chất lượng. Ngoài ba phương thức trên, Trường ĐHCNTT bổ sung thêm phương thức tuyển sinh thứ tư, xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức.

- Năm 2019, theo chủ trương chung của ĐHQG-HCM, đẩy mạnh mục tiêu đào tạo công dân toàn cầu có trình độ ngoại ngữ tốt, Trường nghiên cứu đưa vào phương thức mới, sử dụng chứng chỉ quốc tế uy tín (SAT, ACT, As/ A level, IB,...) để xét tuyển vào chương trình tiên tiến. Ngoài ra, Trường xét tuyển theo tiêu chí riêng của chương trình liên kết với Đại học Birmingham City (Vương Quốc Anh).

- Năm 2020, Trường tiếp tục nghiên cứu để tách phương thức sử dụng chứng chỉ quốc tế uy tín (SAT, ACT, As/ A level, IB,...) thành phương thức thứ 5, mở rộng tuyển sinh cho tất cả các ngành. Ngoài ra, cũng với phương thức thứ 5 này, Trường mở rộng đối tượng tuyển sinh, những thí sinh người nước ngoài có thể đăng ký xét tuyển vào chương trình tiên tiến. Để xét tuyển chương trình liên kết, Trường sử dụng phương thức 6 – Xét tuyển theo tiêu chí riêng của chương trình.

- Năm 2021 là một năm đột phá với nhiều phương thức tuyển mới theo chủ trương chung của ĐHQG-HCM và của riêng Trường ĐHCNTT. Ngoài những phương thức đã áp dụng trong năm trước, Trường đã nghiên cứu triển khai thêm các phương thức sau nhằm thu hút những thí sinh ưu tú, tiềm năng:

- Phương thức ưu tiên xét tuyển thẳng học sinh giỏi nhất trường THPT.
- Phương thức ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định riêng của Trường ĐHCNTT dành cho những thí sinh đạt giải cao (giải đặc biệt/nhất/nhì/ba) các kỳ thi Olympic Tin học sinh viên Việt Nam/Olympic phần mềm mã nguồn mở (Procon), kỳ thi Lập trình ICPC và cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia.

Bên cạnh đó, năm 2021 là một năm đầy biến động với tình hình dịch bệnh Covid-19 hoành hành. Để ứng phó với tình hình mới, Trường xây dựng phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT kết hợp với video clip và phỏng vấn thí sinh nhằm xét tuyển những thí sinh không thể tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT vì lý do dịch bệnh, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, tuyển chọn được những thí sinh thật sự có đam mê, yêu thích và phù hợp với các CTĐT của Trường.

Các tiêu chí đưa ra nhằm lựa chọn người học có chất lượng của Trường ngày càng hoàn thiện và nâng cao. Đặc biệt, đối với các phương thức sử dụng kết quả thi như phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT, Trường luôn xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) ở mức ngày càng cao cho tất cả các ngành tuyển sinh. Nếu như giai đoạn 2017-2019, điểm sàn của Trường tăng dần trong khoảng từ 15 – 19 điểm (không nhân hệ số), thì năm 2021 điểm sàn nhảy vọt lên 22 điểm, và năm 2022 tiếp tục tăng lên 23 điểm. Từ đó kéo theo điểm chuẩn trúng tuyển vào các ngành tăng dần đều theo các năm.

Khối ngành/ Ngành	Mã ngành	2021	2020	2019	2018	2017
Khối ngành III						
- Ngành Thương mại điện tử	7340122	26.7	26.5	23.9	21.2	24
- Ngành Thương mại điện tử chương trình chất lượng cao	7340122_CLCA	26.3	24.8	21.0 5	x	x
Khối ngành V						
- Ngành Khoa học máy tính	7480101	27.3	27.2	24.5 5	22.4	25,75
- Ngành Khoa học máy tính (chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo)	7480101_TTNT	27.5	27.1	x	x	x
-Ngành Khoa học máy tính chương trình chất lượng cao	7480101_CLCA	26.7 5	25.7	22.6 5	20.3	22
- Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	7480102	26.3 5	26	23.2	21.2	24.5
-Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu chương trình chất lượng cao	7480102_CLCA	25.6	23.6	20	18.6	18
-Ngành Kỹ thuật phần mềm	7480103	27.5 5	27.7	25.3	23.2	27
-Ngành Kỹ thuật phần mềm chương trình chất lượng cao	7480103_CLCA	27	26.3	23.2	21.5	23
- Ngành Hệ thống thông tin	7480104	26.7	26.3	23.5	21.1	24.5
- Ngành Hệ thống thông tin chương trình tiên tiến	7480104_TT	25.1	22	17.8	17	18
- Ngành Hệ thống thông tin chương trình chất lượng cao	7480104_CLCA	26.1 5	24.7	21.4	19	20
- Ngành Công nghệ thông tin	7480201	27.3	27	24.6 5	22.5	25.75
- Ngành An toàn thông tin	7480202	27	26.7	24.4 5	22.3	25.5
- Ngành An toàn thông tin chương trình chất lượng cao	7480202_CLCA	26.4 5	25.3	22	20.1	21
- Ngành Kỹ thuật máy tính	7480106	26.9	26.7	23.8	21.7	24.75
- Ngành Kỹ thuật máy tính chương trình chất lượng cao	7480106_CLCA	25.9	24.2	21	18.4	20.75
- Ngành Kỹ thuật máy tính (chuyên ngành Hệ thống nhúng và IoT)	7480106_IOT	26.4	26	x	x	x
-Ngành Công nghệ thông tin (chất lượng cao định hướng Nhật Bản)	7480201_CLCN	25.8 5	23.7	21.3	19	x
- Ngành Khoa học dữ liệu	7480109	26.6 5	25.9	23.5	20.6	x

- Ngành Công nghệ thông tin (Đào tạo tại Phân hiệu ĐHQG-HCM tại Bến Tre)	7480106_BT	x	x	22.9	20.5	23.75
--	------------	---	---	------	------	-------

Bảng 13.2.1. Điểm chuẩn trúng tuyển theo phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT giai đoạn 2017 – 2021

Kết quả tuyển sinh các khối ngành theo từng phương thức qua các năm 2017 – 2021 cho thấy Nhà trường đã tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí đặt ra nhằm tuyển chọn được người học có chất lượng, thể hiện cụ thể trong bảng sau.

		2021		2020		2019		2018		2017	
		KN III	KN V	KN III	KN V	KN III	KN V	KN III	KN V	KN III	KN V
Tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển của Bộ GD&ĐT	Chỉ tiêu	4	79	4	71	4	70	4	62	x	53
	Đăng ký	5	74	3	44	3	55	2	53	x	33
	Nhập học	1	20	0	16	0	14	0	12	x	5
	Tỷ lệ cạnh tranh	1.3	0.9	0.8	0.6	0.8	0.8	0.5	0.9	x	0.6
Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM	Chỉ tiêu	20	227	20	205	15	205	12	186	x	158
	Đăng ký	156	1062	55	580	40	362	17	306	x	170
	Nhập học	17	207	20	141	8	121	9	114	x	48
	Tỷ lệ cạnh tranh	7.8	4.7	2.8	2.8	2.7	1.8	1.4	1.6	x	1.1
	Chỉ tiêu	55	440	50	400	15	280	15	183	x	x

Xét tuyển dựa trên điểm thi Kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức	Đăng ký	341	4872	241	360 0	191	3629	50	904	x	x
	Nhập học	52	576	57	424	4	271	6	99	x	x
	Tỷ lệ cạnh tranh	6.2	11.1	4.8	9	12. 7	13	3.3	4.9	x	x
Xét tuyển dựa trên điểm thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT	Chỉ tiêu	77	600	100	635	36	830	80	778	x	839
	Đăng ký	980	1600	538	750 0	456	1068 3	113 0	110 05	x	944 6
	Nhập học	67	949	74	107 2	38	1286	63	109 9	x	103 2
	Tỷ lệ cạnh tranh	13	2.7	5.4	11. 8	12. 7	12.9	14. 1	14. 1	x	11. 3
Xét tuyển dựa trên chứng chỉ quốc tế	Chỉ tiêu	1	15	1	14	1	14	x	x	x	x
	Đăng ký	0	20	0	6	0	3	x	x	x	x
	Nhập học	0	4	0	2	0	1	x	x	x	x
	Tỷ lệ cạnh tranh	0	1.3	0	0.4	0	0.2	x	x	x	x
	Chỉ tiêu	2	30	x	x	x	x	x	x	x	x

Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi, tài năng của trường THPT	Đăng ký	0	26	x	x	x	x	x	x	x	x
	Nhập học	0	21	x	x	x	x	x	x	x	x
	Tỷ lệ cạnh tranh	0	0.9	x	x	x	x	x	x	x	x
Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của Trường ĐH.CNT T	Chỉ tiêu	1	15	x	x	x	x	x	x	x	x
	Đăng ký	0	4	x	x	x	x	x	x	x	x
	Nhập học	0	2	x	x	x	x	x	x	x	x
	Tỷ lệ cạnh tranh	0	0.3	x	x	x	x	x	x	x	x
Xét tuyển theo phương thức dựa vào kết quả học tập THPT	Chỉ tiêu	3	80	x	x	x	x	x	x	x	x
	Đăng ký	3	23	x	x	x	x	x	x	x	x
	Nhập học	1	9	x	x	x	x	x	x	x	x
	Tỷ lệ cạnh tranh	1	0.3	x	x	x	x	x	x	x	x

Bảng 13.2.2. Kết quả tuyển sinh các khối ngành giai đoạn 2017 - 2021

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học

Để quản lý và triển khai công tác tuyển sinh, Nhà trường tuân thủ theo Quy chế tuyển sinh, thi, xét tuyển của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM chỉ ban hành Quy định tuyển sinh hệ Đào tạo từ xa [H13.13.3.01].

Công tác tuyển sinh rất được lãnh đạo Nhà Trường đặc biệt chú trọng, vì vậy ngoài Hội đồng tuyển sinh Trường luôn giám sát chặt chẽ, kịp thời góp ý mọi hoạt động trong công tác tuyển sinh, nhập học để công tác được triển khai đúng quy định [H13.13.3.02], Nhà trường còn thành lập bộ phận thanh tra để giám sát các hoạt động của Trường nói chung và công tác tuyển sinh, nhập học nói riêng [H13.13.3.03], [H13.13.3.04].

Hằng năm, Trường ban hành Kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ [H13.13.3.05]. Căn cứ vào kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt này và Kế hoạch tuyển sinh của Trường, bộ phận thanh tra thành lập các Đoàn thanh tra, kiểm tra nội bộ theo quy định [H13.13.3.06]. Việc thanh tra, kiểm tra nội bộ thực hiện theo các quy định hiện hành về tuyển sinh và thanh tra [H13.13.3.07].

Quy trình/các bước thanh tra công tác tuyển sinh như sau [H13.13.3.08]:

1. Thanh tra, kiểm tra việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, việc xây dựng và công khai Đề án tuyển sinh
2. Thanh tra, kiểm tra việc chuẩn bị xét tuyển, tổ chức xét tuyển đối với trình độ đại học; công tác chuẩn bị tuyển sinh, tổ chức xét tuyển, thi tuyển SDH, kết quả xét tuyển, quy trình chấm thi sau đại học
3. Thanh tra, kiểm tra việc công nhận trúng tuyển và nhập học [H13.13.3.09]
4. Báo cáo Hiệu trưởng, ĐHQG-HCM về kết quả thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh kèm theo kết luận công tác tuyển sinh theo từng trình độ [H13.13.3.10], [H13.13.3.11].

Về công tác nhập học, Trường giao cho Phòng Công tác sinh viên (CTSV) làm đầu mối xây dựng kế hoạch nhập học hằng năm, trong đó phân công đầy đủ nhiệm vụ cho từng đơn vị [H13.13.3.12]. Quy trình thanh tra công tác nhập học như sau:

1. Thực hiện kiểm tra hồ sơ nhập học.
2. Lập biên bản kiểm tra hồ sơ nhập học bậc ĐH, SĐH [H13.13.3.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Những hoạt động chính liên quan đến tuyển sinh gồm có: Tổ chức thi, chấm thi trung học phổ thông quốc gia; Tổ chức thi Đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; Tổ chức xét tuyển theo các phương thức; Tổ chức nhập học. Những hoạt động liên quan đến thi trung học phổ thông quốc gia, thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM đều tuân thủ đúng theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM. Do thường xuyên phải cập nhật nên kế hoạch riêng của Trường không ban hành văn bản mà được quản lý bằng file chia sẻ với toàn Hội đồng tuyển sinh.

Trường giao Phòng TT-PC-ĐBCL lập kế hoạch, đưa ra các biện pháp nhằm thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh, nhập học hiệu quả. Đoàn thanh tra được thành lập gồm đại diện P. TT-PC-ĐBCL - Trưởng ban/phòng thanh tra hoặc cán bộ thanh tra chuyên trách theo quy định của Thông tư 23/2016/TT-BGDĐT, làm việc trên nguyên tắc tuân theo quy định pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời [H13.13.4.01].

Về nhiệm vụ của Hội đồng tuyển sinh: Luôn thể hiện đúng vai trò, chỉ đạo kịp thời và kiểm soát mọi hoạt động trong công tác tuyển sinh [H13.13.4.02]. Các buổi họp của HĐTS luôn được diễn ra khi cần thiết để thông qua các vấn đề quan trọng [H13.13.4.03].

Về công tác tuyển sinh: Tùy vào từng trình độ, Trường có những phương thức tuyển sinh phù hợp theo quy định chung, chẳng hạn xét tuyển, tuyển thẳng... đối với trình độ ĐH, thi tuyển, xét tuyển... đối với trình độ Thạc sĩ. Trước thời gian thi tuyển chính thức, ĐHQG-HCM đều có buổi kiểm tra hồ sơ tuyển sinh trực tiếp tại Trường [H13.13.4.04]. Trong các đợt thi tuyển đều có sự giám sát, thanh tra của Đoàn thanh tra Nhà trường và Đoàn thành tra của ĐHQG-HCM [H13.13.4.05].

Công tác nhập học luôn có sự phối hợp giữa các đơn vị trong trường. Trong đó, Trường giao cho Phòng CTSV làm đầu mối xây dựng kế hoạch nhập học [H13.13.4.06],

Đoàn thanh tra cử nhân sự giám sát công tác nhập học. Trong trường hợp phát hiện bất thường, Đoàn lập biên bản và báo cáo Hiệu trưởng. Đến thời điểm hiện tại Đoàn chưa phát hiện sai sót nào trong khâu này.

Sau khi hoàn tất công tác nhập học, HĐTS có đủ cơ sở để xác nhận SV và HV nhập học thực tế và ban hành quyết định nhập học theo từng trình độ [H13.13.4.07] Hàng năm, Trường đều thực hiện đầy đủ báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, tổng hợp số liệu tuyển sinh và nhập học của các CTĐT.

Cuối mỗi đợt tuyển sinh, sau khi xác minh, nghiên cứu hồ sơ tuyển sinh, đối chiếu với các quy định của ĐHQG-HCM, Bộ GD&ĐT Đoàn thanh tra thực hiện báo cáo cho Hiệu trưởng [H13.13.4.08] và kết thúc mỗi đợt thanh tra luôn có các thông báo kết luận công tác tuyển sinh theo từng trình độ [H13.13.4.09].

Nhìn chung, công tác giám sát việc tuyển sinh, nhập học của Trường đã thực hiện đúng theo quy định tổ chức và hoạt động thanh tra thi và một số văn bản liên quan đến công tác tuyển sinh. Công tác thanh tra được diễn ra minh bạch và rõ ràng giữa các bên liên quan, và có sự thống nhất cao; đảm bảo được nội dung thanh tra phù hợp và những kiến nghị cần thiết cho công tác tuyển sinh, nhập học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Trường ĐHCNTT luôn chú trọng công tác tuyển sinh và nhập học. Đổi mới phương thức tuyển sinh, nhập học, nâng cao chất lượng đầu vào là một trong những hoạt động thiết thực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo - một trong những mục tiêu quan trọng trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 của Trường. Trường không ngừng phân tích, nghiên cứu để đưa ra những giải pháp cải tiến, đa dạng hóa các phương thức tuyển sinh và nhập học, đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả trước tình hình mới. Trường luôn quan tâm đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá, lan tỏa các giá trị cốt lõi của Trường đến với nhiều đối tượng thí sinh, với xã hội [H13.13.5.01], [H13.13.5.02].

Hàng năm, Trường đều tiến hành rà soát, cập nhật, thay đổi công tác tuyển sinh, nhập học cho phù hợp với quy định mới, với những yêu cầu, thách thức mới nhằm nâng cao chất lượng đầu vào và đáp ứng kịp thời những mong muốn, nguyện vọng của thí sinh, của xã hội. Đề án tuyển sinh của Trường luôn cập nhật với những phương thức tuyển sinh đa dạng, đổi mới, sáng tạo qua từng năm [H13.13.5.03]. Đối với công tác tuyển sinh đại học, Trường luôn thực hiện công tác đánh giá, phân tích dựa trên các ý kiến chỉ đạo trong những cuộc họp tổng kết công tác tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM, HĐTS Trường, Tổ thanh tra công tác tuyển sinh, dựa trên việc phân tích kết quả tuyển sinh của năm trước để có những cải tiến phù hợp cho năm sau. Trường luôn có những ứng phó kịp thời, cải tiến để công tác tuyển sinh phù hợp với bối cảnh và tình hình mới.

Về các phương thức tuyển sinh, năm 2019, nhằm đẩy mạnh mục tiêu đào tạo công dân toàn cầu có trình độ ngoại ngữ tốt, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, Trường đã cải tiến các phương thức tuyển sinh, đưa vào phương thức mới, sử dụng chứng chỉ quốc tế uy tín (SAT, ACT, As/ A level, IB,...) để xét tuyển vào chương trình tiên tiến, và từ năm 2020 xét tuyển vào tất cả các ngành.

Từ năm 2020, sau hai kỳ tuyển sinh dựa trên phương thức sử dụng kết quả đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM (2018, 2021), thông qua việc phân tích kết quả học tập của sinh viên trúng tuyển và nhập học theo phương thức này, Trường đã mạnh dạn tăng mạnh chỉ tiêu tuyển sinh của phương thức từ 15% của năm 2018, 30% của năm 2019 và ổn định ở mức 50% từ năm 2020. Cũng trong năm 2020, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 hoành hành trên phạm vi toàn thế giới, Trường đã lập tức đưa ra chính sách tiếp nhận sinh viên từ các trường đại học ở nước ngoài về học tập tại Việt Nam [H13.13.5.04], chính sách tuyển sinh viên nước ngoài vào học chương trình tiên tiến [H13.13.5.05].

Năm 2021 là một năm đột phá với nhiều phương thức tuyển sinh mới theo chủ trương chung của ĐHQG-HCM và của riêng Trường ĐHCNTT. Với mục tiêu phát hiện và bồi dưỡng những sinh viên ưu tú, xuất sắc trong lĩnh vực CNTT, Trường tiếp tục cải tiến và bổ sung phương thức ưu tiên xét tuyển thẳng học sinh giỏi nhất trường THPT và phương thức ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định riêng của Trường ĐHCNTT dành

cho những thí sinh đạt giải cao (giải đặc biệt/nhất/nhì/ba) các kỳ thi Olympic Tin học sinh viên Việt Nam/Olympic phần mềm mã nguồn mở (Procon), kỳ thi Lập trình ICPC, cuộc thi Đường lên đỉnh Olympia. Bên cạnh đó, năm 2021 là một năm đầy biến động với tình hình dịch bệnh Covid-19 hoành hành tại Việt Nam, vì vậy để ứng phó với tình hình mới, Trường mạnh dạn đưa ra phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT kết hợp với video clip và phỏng vấn thí sinh nhằm xét tuyển những thí sinh không thể tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT vì lý do dịch bệnh, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, tuyển chọn được những thí sinh thật sự có đam mê, yêu thích và phù hợp với các CTĐT của Trường [H13.13.5.06].

Về công tác nhập học, Trường áp dụng phương thức nhập học 1 cửa: Đơn giản quy trình nhập học của tân SV với các thủ tục chính như đóng học phí (có thể chuyển khoản trước qua ngân hàng), nộp hồ sơ, nhận thẻ sinh viên, trong đó Thẻ sinh viên được in trước thời gian làm thủ tục nhập học. Trường tách việc thi AV đầu vào ra khỏi quy trình nhập học để rút ngắn thời gian và hạn chế tập trung đông phụ huynh và sinh viên cùng một thời điểm gây ra sự quá tải.

Năm 2020, Trường thực hiện giải pháp rút ngắn thời gian làm thủ tục nhập học của tân sinh viên và hạn chế tập trung đông tân sinh viên đến Trường làm thủ tục nhập học trong thời gian ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19:

- Tân sinh viên có thể nộp hồ sơ nhập học qua đường bưu điện, hạn chế nộp trực tiếp tại Trường.
- Xây dựng và triển khai hệ thống cập nhật và theo dõi tình trạng nhập học (học phí, hồ sơ) của tân sinh viên.
- Chia ngày đón tân sinh viên theo địa phương để hạn chế việc tập trung quá đông vào một thời điểm
- Xây dựng và triển khai website giúp phụ huynh, sinh viên theo dõi quy trình nhập học, thứ tự gọi nhập học. Website cho phép gọi số tự động và tự động phát các thông báo.

Năm 2021, nhằm thích ứng với tình hình mới của dịch Covid-19, Trường cải tiến công tác nhập học thông qua việc xây dựng quy trình và hệ thống nhập học trực tuyến.

Tân SV tạo hồ sơ sinh viên trực tuyến bằng cách upload hình ảnh các hồ sơ nhập học và cung cấp các thông tin về BHYT, sức khỏe (đặc biệt là sức khỏe tinh thần, thông tin tiêm vaccine,...). Tân SV nộp hồ sơ bản giấy về Trường qua đường bưu điện [H13.13.5.07]. Các thông tin, thông báo tuyển sinh luôn được đăng tải, cập nhật nhanh chóng, kịp thời trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường [H13.13.5.08].

Các đơn vị phụ trách công tác tuyển sinh, nhập học, truyền thông của Trường luôn tích cực nghiên cứu những giải pháp nhằm đơn giản hóa, đa dạng hóa các quy trình sao cho khoa học, nhanh chóng và hiệu quả hơn. Hệ thống thông tin của Trường ngày càng hoàn thiện phục vụ công tác tuyển sinh, nhập học. Các quy trình nộp hồ sơ xét tuyển, quy trình xét tuyển, quy trình làm thủ tục nhập học được tự động hóa bằng hệ thống phần mềm và hệ thống được cải tiến, hoàn thiện qua từng năm [H13.13.5.09].

Trường có các diễn đàn thảo luận, fanpage, hotline, ... để hỗ trợ tư vấn, giải đáp thắc mắc trực tuyến kịp thời cho thí sinh và tiếp nhận ý kiến phản hồi của thí sinh. Tất cả các ý kiến góp ý đều được Trường tiếp thu và có nghiên cứu nhằm đưa ra giải pháp hoàn thiện hơn [H13.13.5.10].

Chính vì sự nỗ lực và không ngừng cải tiến mà kết quả tuyển sinh, nhập học qua từng năm của Trường đã có những bước tiến đáng khích lệ. Trường luôn đạt chỉ tiêu được giao ngay trong đợt tuyển sinh chính thức.

Năm	Thí sinh dự tuyển	Thí sinh trúng tuyển	Thí sinh trúng tuyển nhập học
2017	10.739	1.181	1.089
2018	12.135	1.688	1.411
2019	13.305	2.527	1.713
2020	15.452	2.045	1.655
2021	20.232	2.724	1.795

Bảng 13.5.1. Số liệu tuyển sinh đại học chính quy từ năm 2017 - 2021

Hàng năm, sau khi tân sinh viên nhập học, Trường đều tổ chức khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến sinh viên khi quyết định chọn Trường ĐHCNTT. Trong đó, một số lượng lớn thí sinh biết đến Trường ĐHCNTT thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như mạng internet, mạng xã hội Facebook, ZingMe, báo chí, ... Điều đó cho thấy các kênh truyền thông của Trường hoạt động rất hiệu quả, thu hút sự quan tâm, chú

ý của xã hội, cụ thể là phụ huynh và thí sinh. Ngoài ra, thí sinh còn biết đến Trường ĐHCNTT thông qua kênh tư vấn tuyển sinh trực tiếp và từ Thầy, Cô của Trường tư vấn,... Bên cạnh đó, đa số sinh viên nêu lý do quyết định theo học tại Trường do chất lượng đào tạo, điều này càng khẳng định uy tín, thương hiệu của Trường ĐHCNTT ngày càng nâng cao đối với toàn xã hội.

Sinh viên biết đến Trường thông qua:	2021		2020		2019		2018		2017	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Tư vấn tuyển sinh trực tiếp, Thầy Cô ở Trường tư vấn	212	10.98	193	11.16	226	12.88	177	12.58	137	12.60
2. Báo chí	720	37.29	545	31.50	546	31.11	398	28.29	337	31.00
3. Cuốn những điều cần biết về tuyển sinh ĐH, CĐ 2013	10	0.52	31	1.79	58	3.30	64	4.55	61	5.61
4. Thông tin trên mạng internet, Facebook, ZingMe...	932	48.27	892	51.56	868	49.46	705	50.11	497	45.72
5. Khác	57	2.95	69	3.99	57	3.25	63	4.48	55	5.06
Tổng:	1931	100	1730	100	1755	100	1407	100	1087	100

Lý do sinh viên theo học tại Trường:	2021		2020		2019		2018		2017	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Chất lượng đào tạo	1878	97.26	1688	97.57	1681	95.78	1357	96.45	1037	95.40
2. Điểm chuẩn thấp	13	0.67	9	0.52	10	0.57	5	0.36	8	0.74

3. Trường xuất hiện nhiều trên internet, Facebook, ZingMe...	20	1.04	9	0.52	19	1.08	10	0.71	11	1.01
4. Khác	20	1.04	24	1.39	45	2.56	35	2.49	31	2.85
Tổng:	1931	100	1730	100	1755	100	1407	100	1087	100

Bảng 13.5.2. Thống kê khảo sát yếu tố ảnh hưởng đến sinh viên khi chọn Trường ĐHCNTT

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đúng quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQG-HCM. Trường đã thực hiện báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh, xây dựng và ban hành Đề án tuyển sinh đầy đủ, chi tiết với các chính sách, kế hoạch tuyển sinh và nhập học. Bên cạnh đó, Trường rất chú trọng công tác truyền thông, quảng bá, tư vấn tuyển sinh.
- Trường xác định rõ ràng, cụ thể các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho các CTĐT. Đồng thời, tổ chức phân tích, nghiên cứu, cải tiến qua từng năm.
- Công tác thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh và nhập học được thực hiện công khai, minh bạch, chặt chẽ và nghiêm túc.
- Chú trọng cải tiến công tác tuyển sinh và nhập học và thực tế đã đạt được những thành quả rõ rệt.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Đối với những phương thức tuyển sinh mới, chưa có đủ thời gian và dữ liệu để thực hiện những phân tích chuyên sâu hơn nhằm đánh giá hiệu quả của phương thức.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng công cụ hỗ trợ phân tích hiệu quả của các phương thức tuyển sinh, kết quả học tập của sinh viên theo từng phương thức, từ đó đánh giá hiệu quả và cải tiến các phương thức tuyển sinh	BGH/ P.ĐTĐH/ P. CTSV/ P. DL&CNTT/ P. TTPC-ĐBCL	Cả năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì và phát huy thế mạnh trong công tác tuyển sinh, nhập học. Đảm bảo công tác tuyển sinh, nhập học thực hiện đúng quy định.	BGH/ P.ĐTĐH/ P. CTSV/ P. DL&CNTT/ P. TTPC-ĐBCL	Cả năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 13	6.0
Tiêu chí 13.1	6
Tiêu chí 13.2	6
Tiêu chí 13.3	6
Tiêu chí 13.4	6
Tiêu chí 13.5	6

TIÊU CHUẨN 14. THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

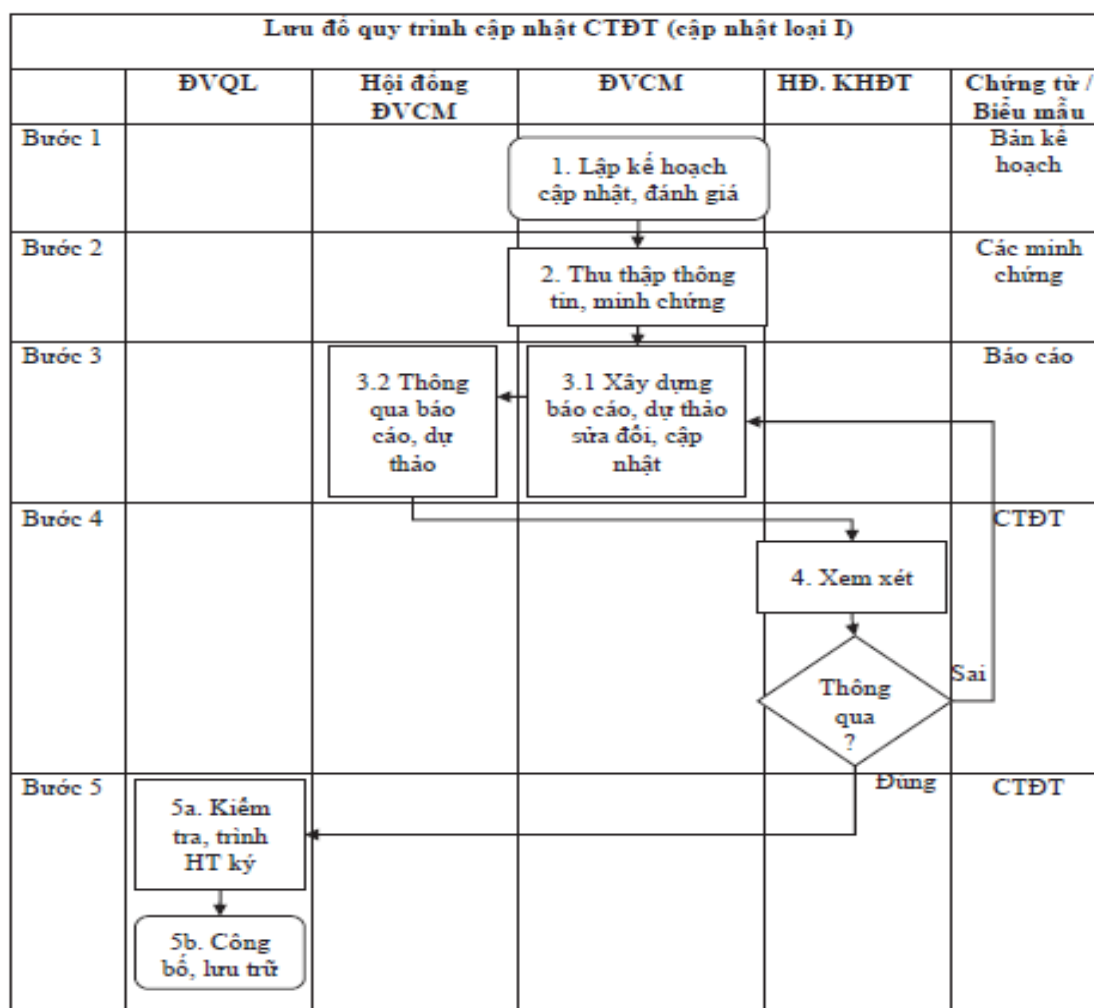
Việc các Khoa tiếp thu những phản phản hồi của các bên liên quan trong công tác xây dựng CTĐT bao gồm đề cương chi tiết các môn học/học phần là tối cần thiết và bắt buộc theo quy định của Trường về thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình dạy học cho tất cả các CTĐT của Trường. Phòng ĐTĐH và Phòng ĐTSĐH-KHCN là 2 đơn vị được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành các văn bản quản lý đào tạo, trong đó bao gồm việc chủ trì và phối hợp với các Khoa trong xây dựng và phát triển CDR, CTĐT và đề cương môn học/học phần [H14.14.1.01].

Năm 2015, Trường ban hành Quyết định số 200/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH ngày 31/12/2015 “Về việc ban hành quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT đại học của Trường ĐHCNTT” [H14.14.1.02].

Năm 2017, Trường ban hành Quyết định số 44/QĐ-ĐHCNTT phù hợp với Quyết định số 622/QĐ-ĐHQG ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định mở ngành đào tạo [H14.14.1.03]. Quyết định số 44/QĐ-ĐHCNTT "Ban hành Quy định về việc mở ngành đào tạo của Trường ĐHCNTT", quy định rõ quy trình mở ngành đào tạo mới, trong đó có quy trình xây dựng CTĐT cũng như xây dựng đề cương chi tiết môn học với các cấu trúc được quy định rõ ràng. Bên cạnh đó, tại Mục 1, Điều 4 có quy định rõ nguyên tắc xây dựng đề án mở ngành đào tạo phải phù hợp nhu cầu xã hội; tại Mục 3a, Điều 6 về trình tự xây dựng đề án mở ngành đào tạo có quy định rõ “ Phối hợp với phòng TT-PC-ĐBCL tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu xã hội về ngành đào tạo; kết hợp với khảo sát yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường.”

Năm 2018, Trường ban hành quyết định mới số 185 thay thế Quyết định số 200 để phù hợp với tình hình mới do có các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM. Quyết định 185 "Ban hành quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ

Đại học/Sau Đại học của Trường ĐHCNTT" [H14.14.1.04]. Quyết định số 185 được xây dựng phù hợp với Thông tư 07/2015/TTBGDDT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Trong đó, có quy định rõ trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình dạy học và đề cương môn học/học phần ứng với từng loại cập nhật từ cập nhật quy mô lớn (loại I) đến cập nhật quy mô nhỏ (loại III). Trách nhiệm của các đơn vị/cá nhân liên quan chi tiết trong Lưu đồ bên dưới (Hình 14.1).



Hình 14.1.1. Lưu đồ cập nhật CTĐT

Bước 2, Điều 6, Quyết định số 185 yêu cầu đơn vị chuyên môn thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến cơ sở cập nhật CTĐT như: Thu thập thông tin phản hồi định kỳ hằng năm từ các bên liên quan bao gồm sinh viên sắp tốt nghiệp, cựu sinh viên

và nhà tuyển dụng, kết quả đánh giá nội bộ/đánh giá ngoài; những thay đổi trong quy định của Nhà nước, của Trường về CTĐT; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến CTĐT; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn. Các Khoa khi cập nhật, phát triển CTĐT đã tổng hợp, phân tích và sử dụng các thông tin phản hồi của sinh viên sắp tốt nghiệp, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng thông qua các khảo sát và hội nghị/hội thảo. Ngoài ra, Quyết định số 185 cũng quy định rõ: “Tổ chức đánh giá và cập nhật CTĐT ít nhất 2 năm một lần và nhiều nhất 1 năm một lần, Trường ĐVCM phải tổ chức đánh giá quy mô nhỏ để cập nhật CTĐT. Trường ĐVCM phải tổ chức đánh giá quy mô lớn để xây dựng lại CTĐT sau khi có 1 hoặc 2 khóa tốt nghiệp.” Theo đó, Trường tổ chức cập nhật CTĐT quy mô lớn đối với tất cả các CTĐT đại học thông qua lấy ý kiến phản hồi của các BLQ bằng phiếu khảo sát và tổ chức Hội thảo vào năm 2017 [H14.14.1.05], [H14.14.1.06]. Năm 2021, sau khi có 1 khóa tốt nghiệp theo CTĐT 2017, Trường tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT quy mô lớn. Trường thành lập Tổ công tác và lập kế hoạch chi tiết các công việc để triển khai hoạt động này [H14.14.1.07]. Trường cũng tổ chức hội thảo với sự tham dự của 21 doanh nghiệp, 61 cựu sinh viên và 50 cán bộ, giảng viên để rà soát, cập nhật CTĐT [H14.14.1.08].

Ngoài ra, việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các khảo sát lấy ý kiến CB, GV, NV, SV, SV sắp tốt nghiệp, cựu SV và NTD thông qua các khảo sát bằng phiếu hỏi hằng năm cũng là để Nhà trường triển khai, thu thập, phân tích dữ liệu làm cơ sở khi điều chỉnh, cải tiến và phát triển CTĐT, đề cương môn học/học phần [H14.14.1.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra của CTĐT các ngành của trường được quy định rõ trong Quyết định số 44/QĐ-ĐHCNTT "Ban hành Quy định về việc mở ngành đào tạo của Trường ĐHCNTT" [H14.14.2.01]. Cụ thể tại Bước 2, Mục 3a, Điều 6 của về xây dựng CTĐT có ghi rõ như sau: “Tổ chức xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình theo kiến thức, kỹ năng, năng lực đáp ứng mục tiêu

đào tạo của chương trình. Xây dựng ma trận giữa mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình; Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức của CTĐT, xây dựng CTĐT đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;”. Bên cạnh đó, bảng mô tả chuẩn đầu ra, ma trận ánh xạ các môn học và chuẩn đầu ra với cấu trúc rõ ràng cũng được quy định trong Quyết định này.

Đối với các chuẩn đầu ra môn học thuộc khối kiến thức đại cương thì P.ĐTĐH phối hợp với các đơn vị chuyên môn xây dựng và thống nhất chuẩn đầu ra chung cấp độ chương trình đào tạo. Đối với các chuẩn đầu ra môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành thì các đơn vị chuyên môn và giảng viên xây dựng và thống nhất chuẩn đầu ra cho môn học ở cấp độ chương trình đào tạo. Các chuẩn đầu ra cấp môn học được rà soát và cập nhật theo định kỳ hằng năm. Các chuẩn đầu ra cấp chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật sau mỗi một khóa sinh viên tốt nghiệp.

Quy trình rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT và các môn học/học phần của trường được thực hiện đồng thời với quy trình cập nhật CTĐT được quy định trong Quyết định 185 "Ban hành quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ Đại học/Sau Đại học của Trường ĐHCNTT" [H14.14.2.02]. Tại Bước 3, Điều 6 trong Quyết định 185 có ghi rõ “ĐVCM đánh giá và xây dựng báo cáo về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện (theo mẫu M1) đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định”, để từ đó ĐVCM dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT bao gồm điều chỉnh chuẩn đầu ra (CĐR). Tại Bước 2, Điều 6 của Quyết định 185, xác định rõ việc thực hiện thu thập nhu cầu, ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kế hoạch lấy ý kiến các bên liên quan thông qua khảo sát bằng phiếu hỏi hằng năm và tổ chức Hội thảo cũng được thực hiện chung khi khi rà soát, phát triển CĐR cho CTĐT/môn học/học phần [H14.14.2.03]. Bên cạnh đó, chuẩn đầu ra CTĐT của trường còn được tham chiếu với chuẩn đầu ra của ABET 2021-2022, Bộ năng lực SV tốt nghiệp ĐHQG ban hành theo quyết định 1658/QĐ-ĐHQG năm 2020 (GAC), khuyến nghị của các Đoàn đánh giá sau kiểm định AUN-QA các ngành. [H14.14.2.04].

Bên cạnh xây dựng chuẩn đầu ra, thang đo năng lực về nhận thức, kỹ năng, thái độ để đánh giá chuẩn đầu ra của sinh viên cũng được xây dựng dựa trên thang đo Bloom Taxonomy để đưa vào CTĐT của các ngành. [H14.14.2.05]

STT	Nội dung
LO 1	Nắm vững kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và hiểu khả năng vận dụng những kiến thức đó vào ngành XXX và thực tiễn. (abet 3.1)
LO 2	Nắm vững kiến thức nền tảng và một số kiến thức chuyên sâu của ngành XXX để ứng dụng vào thực tiễn. (abet 3.2, gac2.b)
LO 3	Khảo sát tài liệu, lập luận, phân tích và đề xuất giải pháp sáng tạo cho vấn đề liên quan đến ngành XXX; nhận thức về sự cần thiết của học tập suốt đời. (abet 3.6, abet 3.7, gac2.a)
LO 4	Thiết kế, hiện thực hoá và đánh giá hệ thống, giải pháp của ngành XXX. (abet 3.2, abet 3.6, gac2.a)
LO 5	Giao tiếp, hợp tác, kết nối hiệu quả với các cá nhân và tập thể trong những ngữ cảnh chuyên ngành nhất định. (abet 3.5 , gac2.c)
LO 6	Giao tiếp trong công việc, đọc hiểu tài liệu và trình bày các giải pháp chuyên ngành bằng ngoại ngữ
LO 7	Hiểu biết về lãnh đạo và quản lý. (gac 2.d)
LO 8	Hiểu biết về trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật và các giá trị đạo đức. (abet 3.4)

Bảng 14.2.1. Chuẩn đầu ra được cập nhật cho CTĐT 2022

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 546/QĐ-ĐHCNTT ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của Trường ĐHCNTT, tại Mục 1, Điều 34 có quy định rõ: “Trường xây dựng trang thông tin điện tử để công bố công khai chuẩn đầu ra, nội dung CTĐT, điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo tương ứng với quy mô theo chỉ tiêu hằng năm, quy định học vụ và cho phép người sử dụng tra cứu thông tin cơ bản của sinh viên tốt nghiệp theo số hiệu tương ứng trên văn bằng chứng chỉ do Trường cấp” **[H14.14.3.01]**.

Kế hoạch giảng dạy chung toàn trường của mỗi năm học đều được công bố công khai trên trang web Cổng thông tin đào tạo đại học trước đầu mỗi năm học. Kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được thiết kế rõ ràng trong CTĐT của

từng ngành [H14.14.3.02]. Nội dung chính của CTĐT được công bố tại trang web Cổng thông tin đào tạo đại học theo từng ngành, chương trình, khóa, ở chế độ công khai để sinh viên, giảng viên và mọi người có thể theo dõi và thực hiện. [H14.14.3.03].

Đề cương môn học/học phần là một phần của CTĐT và cũng được cập nhật theo Điều 5, Quy định 185. Đề cương môn học cũng được đơn vị chuyên môn tải lên hệ thống quản lý đào tạo. Chuyên viên chuyên trách CTĐT của Phòng ĐTDH kiểm tra để đảm bảo ĐCMH được cập nhật đúng theo Quyết định 44 [H14.14.3.04] và Quy định 185 [H14.14.3.05]. Nếu đã đúng quy định, chuyên viên duyệt lưu ĐCMH vào cơ sở dữ liệu ĐCMH của Trường. Đối với người học, sau khi đăng ký thành công môn học và được sắp xếp thời khóa biểu thì người học có thể truy cập vào Lịch học trên trang web Cổng thông tin đào tạo đại học để xem đề cương chi tiết môn học, điều này giúp sinh viên nắm được trước nội dung môn học nhằm chuẩn bị các tài liệu, công cụ học tập trước khi môn học bắt đầu được giảng dạy. Đối với giảng viên, khi được phân công giảng dạy một môn học, giảng viên giảng dạy có thể dễ dàng tải về ĐCMH hiện hành của môn học đó từ Lịch dạy của mình để triển khai giảng dạy theo đúng thiết kế môn học.

Đề cương môn học/học phần cung cấp đầy đủ các thông tin mô tả cần thiết về môn học như [H14.14.3.06]:

- Tên môn học (tiếng Việt và tiếng Anh), mã môn học
- Số tín chỉ, môn học tiên quyết (nếu có), môn học trước (nếu có)
- Mục tiêu môn học, chuẩn đầu ra của môn học theo phân bổ theo chuẩn đầu ra của CTĐT
- Các nội giảng dạy, hoạt động dạy và học, các thành phần đánh giá môn học cũng như rubric đánh giá
- Ngày ban hành và điều chỉnh đề cương môn học

Bên cạnh đó, thông tin về kế hoạch học tập toàn khóa cũng được in trong Sổ tay sinh viên và được cung cấp cho sinh viên trong tuần sinh hoạt đầu khóa sinh viên để sinh viên biết được lộ trình hoàn thành chương trình học của mình. Đầu mỗi năm học, phòng ĐTDH luôn công bố lịch trình giảng dạy cho từng năm học trên trang web phòng

đào tạo đại học [H14.14.3.07].

Đối với mỗi môn học, các thông tin về đề cương chi tiết môn học được cung cấp thông qua trang website quản lý môn học, vào buổi học đầu tiên của môn học đó [H14.14.3.08]. Điều này được nêu rõ trong “Quy định về tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy môn học và trợ giảng môn học” (Điều 3 mục 2d Quyết định số 475/QĐ-ĐHCNTT ban hành ngày 20/8/2018) [H14.14.3.09].

CTĐT và đề cương môn học được thiết kế theo định hướng để giúp sinh viên đạt các chuẩn đầu ra. Trong CTĐT, các môn học được phân nhiệm tương ứng và có mức độ đóng góp vào việc đạt được kết quả học tập mong đợi. Trong đề cương môn học, sau phần mô tả chung là phần mô tả về mục tiêu của môn học, bao gồm 3 cột: ký hiệu, mục tiêu môn học và chuẩn đầu ra. Mỗi mục tiêu trong môn học sẽ có chuẩn đầu ra tương ứng. Các CDR này sẽ được phân bổ rõ ràng trong các các hoạt động dạy và học cũng như các hoạt động đánh giá để giúp người học đạt các CDR theo yêu cầu như đã mô tả trong CTĐT [H14.14.3.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

Về rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học: Năm 2018 Trường rà soát lại Quyết định số 200 để phù hợp với tình hình mới do có các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM, và ban hành 02 Quyết định thay thế là Quyết định số 44/QĐ-ĐHCNTT "Ban hành Quy định về việc mở ngành đào tạo của Trường ĐHCNTT và “Quyết định 185 Ban hành quy trình đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ Đại học/Sau Đại học của Trường ĐHCNTT" [H14.14.4.01], [H14.14.4.02] [H14.14.4.03].

Về rà soát, đánh giá chương trình dạy học: Việc cập nhật chương trình dạy học được thực hiện định kỳ 2 năm/lần (những điều chỉnh quy mô lớn), mỗi năm/lần (điều chỉnh quy mô nhỏ) trên cơ sở ý kiến phản hồi từ SV, GV, cựu SV, NTD và các quy trình, quy định liên quan, sau đó hội đồng khoa thảo luận và quyết định nội dung cần chỉnh sửa, cập nhật. Cuối cùng, hội đồng khoa học và đào tạo trường xem xét và thông

qua (đối với những điều chỉnh quy mô lớn) trước khi Hiệu trưởng ký, ban hành và sử dụng trong toàn trường.

Năm 2017 Trường thực hiện một đợt đánh giá, rà soát quy mô lớn trên phạm vi toàn trường [H14.14.4.04].

Từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 06 năm 2022, Trường đã tổ chức đợt rà soát tương tự năm 2017 nhằm điều chỉnh, cập nhật lớn tất cả các CTĐT hiện có của Trường. Trong đợt cập nhật này, các văn bản mới ban hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM cũng được rà soát để đưa vào CTĐT như Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GDĐT về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học, Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GDĐT về Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT của các trình độ giáo dục đại học, Quyết định số 1685/QĐ-ĐHQG ngày 23/12/2020 về việc phê duyệt thí điểm Bộ phẩm chất và năng lực sinh viên tốt nghiệp ĐHQG-HCM. Đồng thời, để lấy ý kiến các bên liên quan, hội thảo lấy ý kiến doanh nghiệp và cựu sinh viên, CB-GV về CTĐT cũng được trường tổ chức đã thu hút sự tham gia đóng góp ý kiến của 21 NTD, 61 CSV và 50 CB-GV của Trường. Hồ sơ cập nhật CTĐT của các Khoa đều có đính kèm các phụ lục báo cáo đánh giá CTĐT hiện hành và đề xuất cập nhật CTĐT, ý kiến các bên liên quan về CTĐT, đối sánh CTĐT hiện hành và CTĐT cập nhật kèm theo các lý do cập nhật. [H14.14.4.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT của các Khoa được thực hiện theo quyết định số 200/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH [H14.14.5.01]. Sau đó, quy trình này được cải tiến theo quyết định số 185/QĐ-ĐHCNTT để đảm bảo sự phù hợp và tuân thủ theo quy định mới của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM cũng như đáp ứng cầu của các bên liên quan như cho phép đơn vị chuyên môn được cập nhật CTĐT hằng năm với các quy mô khác nhau tương ứng với các quy trình khác nhau nhằm tạo thuận lợi cho đơn vị chuyên môn đáp ứng sự thay đổi liên tục của kiến thức, nhu cầu doanh nghiệp [H14.14.5.02].

Một số cải tiến trong Quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT:

Bước	200/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH (bổ sung flowchart trong Phụ lục)	185/QĐ-ĐHCNTT (bổ sung flowchart trong Phụ lục)	Thay đổi
1	ĐVCM khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực	ĐVCM lập kế hoạch cập nhật, đánh giá	Quy trình số 200 này được cập nhật sang quy trình số 185 giúp giảm 9 bước còn 5 bước, đặc biệt là với quy trình mới 185 thì ĐVCM trực tiếp lập kế hoạch, thu thập thông tin và cập nhật CTĐT, điều này sẽ giúp cho ĐVCM chủ động hơn trong công tác xây dựng và cập nhật CTĐT của mình.
2	Tổ soạn thảo (TST) xây dựng mục tiêu chung, cụ thể và CDR của CTĐT	ĐVCM thu thập thông tin, minh chứng.	
3	TST xác định CT, KL kiến thức cần thiết của CTĐT	ĐVCM xây dựng báo cáo, dự thảo sửa đổi, cập nhật Hội đồng ĐVCM thông qua báo cáo, dự thảo.	
4	TST đối chiếu, so sánh với tối thiểu 2 CTĐT khác	HĐ KHĐT xem xét thông qua	
5	ĐVCM thiết kế đề cương chi tiết	ĐVQL (PĐT) kiểm tra, trình HT ký ĐVQL (PĐT) công bố và lưu trữ	
6	ĐVCM tổ chức lấy ý kiến về CTĐT		
7	Tổ soạn thảo chỉnh sửa, hoàn thiện		
8	HĐ KHĐT xem xét thông qua		
9	ĐVCM hoàn thiện CTĐT		

Việc cập nhật cải tiến chương trình dạy học được thực hiện định kỳ 2 năm/lần (những điều chỉnh quy mô lớn), mỗi năm/lần (điều chỉnh quy mô nhỏ) trên cơ sở ý kiến phản hồi từ SV, GV, cựu SV, NTD và các quy trình, quy định liên quan, sau đó hội đồng khoa thảo luận và quyết định nội dung cần chỉnh sửa, cập nhật. Cuối cùng, hội đồng khoa học và đào tạo trường xem xét và thông qua (đối với những điều chỉnh quy mô lớn) trước khi Hiệu trưởng ký, ban hành và sử dụng trong toàn trường.

Trường tổ chức cập nhật cải tiến CTĐT quy mô lớn đối với tất cả các CTĐT đại học thông qua lấy ý kiến phản hồi của các BLQ bằng phiếu khảo sát và tổ chức Hội thảo vào năm 2017 [H14.14.5.03]. Năm 2021, sau khi có 1 khóa tốt nghiệp theo CTĐT 2017,

Trường tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật CTĐT quy mô lớn. Trường thành lập Tổ công tác và lập kế hoạch chi tiết các công việc để triển khai hoạt động này [H14.14.5.04]. Trường cũng tổ chức hội thảo với sự tham dự của 21 doanh nghiệp, 61 cựu sinh viên và 50 cán bộ, giảng viên để rà soát, cập nhật CTĐT [H14.14.5.05].

Ngoài ra, việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các khảo sát lấy ý kiến CB, GV, NV, SV, SV sắp tốt nghiệp, cựu SV và NTD thông qua các khảo sát bằng phiếu hỏi hằng năm cũng là để Nhà trường triển khai, thu thập, phân tích dữ liệu làm cơ sở khi điều chỉnh, cải tiến và phát triển CTĐT, đề cương môn học/học phần [H14.14.5.06]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Các quy định, hướng dẫn, ban hành, phổ biến rõ ràng cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong việc xây dựng, giám sát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT và đề cương môn học, chuẩn đầu ra CTĐT/môn học.
- Thực hiện nghiêm túc việc rà soát quy trình thiết kế CTĐT định kỳ, các CTĐT cũng được tiến hành cập nhật cải tiến định kỳ theo ý kiến phản hồi của các bên liên quan.
- Các quy trình, quy định về việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR, chương trình dạy học, đề cương môn học đều được rà soát và cải tiến đáp ứng sự thay đổi quy định của cấp trên và thích ứng với sự phát triển của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Chưa có công cụ hỗ trợ quản lý chuẩn đầu ra chương trình đào tạo một cách hiệu quả.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lựa chọn hoặc xây dựng công cụ hỗ trợ quản lý chuẩn đầu ra chương trình đào tạo một cách hiệu quả.	Phòng ĐTĐH	2022-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ rà soát và thực hiện cập nhật CTĐT dựa trên các ý kiến của các bên liên quan.	Phòng ĐTĐH và Các đơn vị quản lý CTĐT	Định kỳ hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 14	5.8
Tiêu chí 14.1	6
Tiêu chí 14.2	6
Tiêu chí 14.3	5
Tiêu chí 14.4	6
Tiêu chí 14.5	6

TIÊU CHUẨN 15. GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

Trường có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục được ban hành năm 2018 [H15.15.1.01] như sau:

“Trường ĐHCNTT hướng đến sự phát triển toàn diện của con người, đề cao tính độc lập, sáng tạo và PVCĐ. Toàn thể sinh viên, giảng viên và nhân viên của Trường cùng tham gia vào quá trình giáo dục để giúp sinh viên trở thành công dân:

- *Chính trực, trách nhiệm và yêu thương con người;*
- *Khao khát khám phá và sáng tạo khoa học công nghệ;*
- *Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn vững vàng, biết hợp tác và chia sẻ;*
- *Có khả năng học tập suốt đời để thích ứng với mọi thay đổi;*
- *Có hoài bão, đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội.*

Toàn diện, sáng tạo, phụng sự.”

Triết lý giáo dục của Trường thể hiện rõ sự gắn kết chặt chẽ với sứ mệnh của Trường là *“một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và PVCĐ”*. Triết lý giáo dục được biên soạn kỹ lưỡng và đưa ra thảo luận sâu trong cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cũng như được lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể viên chức và người lao động của Trường. Trường thống nhất quan điểm: nhân lực chất lượng cao có thể đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động không những phải có kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm tốt (hợp tác, chia sẻ), mà còn phải có phẩm chất đạo đức tốt (chính trực, trách nhiệm, biết yêu thương). Ngoài ra, triết lý giáo dục cũng thể hiện rõ kỳ vọng của nhà trường trong việc đào tạo ra những con người có tinh thần PVCĐ sâu sắc thể hiện qua động lực, đam mê không ngừng tự rèn luyện, sáng tạo, tìm tòi nghiên cứu và làm việc với tinh thần phụng sự.

Trường bám sát triết lý giáo dục để triển khai các công việc theo chức năng của từng đơn vị, thể hiện qua các hoạt động:

- "Chính trực, trách nhiệm và yêu thương con người;" - Triển khai thông qua chương trình Rèn luyện sinh viên của Đoàn Thanh niên.

- "Khao khát khám phá và sáng tạo khoa học công nghệ;" - Chính sách khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học: truyền thông về các nhóm nghiên cứu trên website, tổ chức các đợt giới thiệu về nhóm nghiên cứu để SV tìm đến/tham gia vào các nhóm nghiên cứu của trường; khuyến khích thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên; miễn môn học, cộng điểm khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên có bài báo khoa học chất lượng.

- "Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn vững vàng, biết hợp tác và chia sẻ;" - Thể hiện qua cấu trúc chương trình đào tạo, tỉ lệ khối lượng giảng dạy thực hành của chương trình đào tạo. Quy định đánh giá môn học quy định tổ chức thi đề chung đối với môn học được giảng dạy nhiều lớp, điều này giúp kiểm soát chất lượng giảng dạy chung, nhất là đối với những môn cơ sở chung của nhiều ngành trong trường.

- "Có khả năng học tập suốt đời để thích ứng với mọi thay đổi;" - Thường xuyên tổ chức seminar chuyên đề, những buổi hướng dẫn kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh toàn trường.

- "Có hoài bão, đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội." - Triển khai thông qua hoạt động sinh viên, đánh giá bằng điểm rèn luyện.

Trường có phổ biến tài liệu hướng dẫn lựa chọn hoạt động dạy và học phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra cho giảng viên thông qua các đợt tập huấn về phương pháp giảng dạy và đánh giá môn học hướng đến chuẩn đầu ra [H15.15.1.02]. Thông tin về những đợt tập huấn trong những năm gần đây được liệt kê trong Bảng 15.1.1.

Năm	Chủ đề tập huấn
2018	Tổ chức buổi hội thảo giới thiệu về NCKH cho sinh viên ngày 31/10/2018.
	Tổ chức buổi hội thảo giới thiệu về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực IT cho giảng viên ngày 28/11/2018.
	Tổ chức buổi hội thảo giới thiệu về sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực IT cho sinh viên ngày 5/12/2018.

2019	Tổ chức buổi tập huấn “Xây dựng bài giảng, tài liệu công nghệ số” ngày 8/8/2019.
	Tổ chức buổi tập huấn “Giảng dạy theo định hướng GD4.0 ngày 02/12/2019.
2020	Tổ chức tập huấn về biên soạn tài liệu số, phương pháp giảng dạy, học tập tích hợp.
	Tập huấn giảng dạy theo CDIO cho 10 giảng viên.

Bảng 15.1.1. Thống kê các đợt tập huấn từ 2018-2020

Trong các đợt xây dựng, rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra môn học, các hoạt động dạy và học được rà soát để phản ánh đầy đủ triết lý giáo dục của Trường. [H15.15.1.03], [H15.15.1.04].

Hoạt động dạy và học, hoạt động kiểm tra, đánh giá người học được thiết kế phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra môn học, thể hiện tại đề cương môn học theo cách tiếp cận tương thích kiến thiết chuẩn đầu ra (constructive alignment) [H15.15.1.05]. Phòng ĐTDH phối hợp với các đơn vị sắp xếp thời khóa biểu đảm bảo môi trường cơ bản để triển khai các hoạt động dạy và học theo quy định chung của Trường, đảm bảo các sĩ số lớp khác nhau tương ứng với loại phòng học phù hợp cho từng môn học [H15.15.1.06].

Về hoạt động dạy và học cụ thể trong từng buổi học, Trường tôn trọng sự lựa chọn phương pháp và sáng tạo trong giảng dạy của từng giảng viên, do đó quản lý ở cấp Trường không bắt buộc giảng viên phải thực hiện đúng hoàn toàn theo các hoạt động dạy và học của từng buổi học được ghi trong đề cương môn học, mà giao cho các đơn vị phụ trách chuyên môn (khoa, bộ môn) quyết định mức độ kiểm soát hoạt động dạy và học cụ thể. Thiết kế hoạt động dạy và học thể hiện tại các đề cương môn học được trưởng bộ môn/trưởng khoa kiểm tra sự phù hợp và phê duyệt. Trường thực hiện biện pháp giám sát mềm thông qua khảo sát sinh viên cho tất cả các lớp được thực hiện vào cuối học kỳ. Đơn vị chuyên môn (khoa, bộ môn, trung tâm) có trách nhiệm giám sát kết quả khảo sát và làm việc với giảng viên để cải tiến hoạt động dạy và học, phòng ĐTDH cũng định kỳ giám sát kết quả khảo sát sinh viên để thực hiện cải tiến liên tục. Theo Điều 7 của Quy định về tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy môn học và trợ giảng môn học [H15.15.1.07], "giảng viên môn học/trợ giảng môn học có kết quả khảo sát

giảng dạy chưa được sinh viên hài lòng và có nhiều nhận xét không tốt trong hai lần liên tiếp thì bị đưa ra khỏi quy hoạch giảng dạy của môn học đó trong một học kỳ. Để được bổ sung trở lại vào quy hoạch giảng dạy, giảng viên môn học/trợ giảng môn học này cần gửi minh chứng cho Trường thấy sự chuẩn bị tốt hơn cho việc giảng dạy/trợ giảng thông qua đơn vị quản lý môn học. Đơn vị quản lý môn học có trách nhiệm kiểm tra và đề nghị cập nhật quy hoạch giảng dạy. Người bị đưa ra khỏi quy hoạch giảng dạy của môn học quá 3 lần thì không được bổ sung trở lại". Trên thực tế, từ trước đến nay chỉ có 01 giảng viên rơi vào trường hợp này [H15.15.1.08].

Tại Trường ĐHCNTT, hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan và cơ chế sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến CTĐT, hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá cho phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra được Trường thực hiện đều đặn, định kỳ theo quy định. Sau mỗi đợt khảo sát, Hiệu trưởng đều có chỉ đạo các đơn vị liên quan giải trình, xây dựng kế hoạch cải tiến và phản hồi lại đối tượng thực hiện khảo sát [H15.15.1.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

Xác định đội ngũ GV là nhân tố quan trọng bậc nhất để phát triển Trường, do đó trong các KHCL, Trường luôn dành riêng phần cho phát triển nguồn nhân lực để triển khai. Theo KHCL 2016-2020, nhóm chiến lược 4 – Tổ chức và quản trị với mục tiêu cụ thể 2 là Phát triển nguồn nhân lực [H15.15.2.01]. Trong đó đã đưa và kế hoạch phát triển đội ngũ GV trình độ cao cùng các chương trình hành động cụ thể theo từng năm. Tương tự, trong KHCL 2021-2025, nhóm chiến lược 4 – Tăng cường nguồn lực với mục tiêu cụ thể 1 nhằm gia tăng đội ngũ các nhà khoa học trình độ cao trong và ngoài nước [H15.15.2.02].

Nhận thấy việc tuyển dụng nhân sự trình độ cao từ TS rất khó, dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, năm 2018 Trường đã ban hành chính sách để thu hút nhân tài (trong đó có giảng viên) về công tác, đặc biệt là đãi ngộ về tiền lương và cam kết môi trường làm việc thuận lợi. Cụ thể như triển khai Đề án "Thí điểm tuyển dụng nhân viên có trình độ

tiến sĩ" với mức lương cam kết từ 18 đến 35 triệu/tháng cùng nhiều chế độ, chính sách ưu đãi khác [H15.15.2.03]. Sau hơn 2 năm triển khai được Hội đồng thẩm định đánh giá cao sự thành công của đề án, đồng thời xác định cần có thay đổi trong tình hình khan hiếm nhân lực chất lượng cao ngành CNTT và Trường đã cải tiến thành "Đề án Tuyển dụng nhân sự có trình độ tiến sĩ theo mức chi trả cam kết (Đề án 25-55)" [H15.15.2.04].

Các thông báo tuyển dụng nhân sự được Trường công khai trên trang web của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác, sau đó thực hiện các quy trình thu nhận hồ sơ, thành lập Hội đồng tuyển dụng để triển khai chặt chẽ, minh bạch các bước nhằm tuyển dụng nhân sự có chất lượng, đúng chức danh và đối tượng [H15.15.2.05]. Đặc biệt các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bên cạnh tiêu chí về chuyên môn, bằng cấp, năng lực ngoại ngữ phù hợp còn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự [H15.15.2.06]. Các tiêu chí bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt các đơn vị trong Trường được xác định rõ trong Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường ĐHCNTT [H15.15.2.07].

Khi đã phân công về các đơn vị thì tùy theo năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm mà Trường sẽ có các đánh giá cụ thể bằng các hoạt động cho dạy thử, giao các đề tài NCKH thích hợp, giao viết bài báo khoa học, giao hướng dẫn đề tài khóa luận tốt nghiệp,... để từng bước đánh giá và giao nhiệm vụ thích hợp [H15.15.2.08].

STT	Học vị	Vị trí được bổ nhiệm	Số lượng
1	Thạc sĩ	Phó Trưởng khoa	1
2	Thạc sĩ	Phó Trưởng phòng	1
3	Tiến sĩ	Trưởng Bộ môn thuộc Khoa	2
4	Tiến sĩ	Trưởng phòng thí nghiệm thuộc Trường	2
5	Tiến sĩ	Phó Trưởng Khoa	1
6	Tiến sĩ	Trưởng Khoa	1
7	Tiến sĩ	Trưởng Phòng	1

Bảng 15.2.1. Thống kê số liệu giảng viên được tuyển chọn, thu hút về làm việc đã bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2017-2021

Tiêu chí phân công nhiệm vụ:

- Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là việc nêu gương, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Có quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng; kiên định lập trường; không dao động trước mọi khó khăn, thách thức. Không tham ô, tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, cơ hội, vụ lợi, hách dịch, cửa quyền. Không có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống. Có tinh thần đoàn kết, xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong sạch, vững mạnh.

- Về năng lực chuyên môn nghiên cứu, giảng dạy, quản lý: Đáp ứng được các yêu cầu tùy theo từng vị trí công tác.

- Về kinh nghiệm công tác: Đáp ứng được các yêu cầu tùy theo từng vị trí công tác.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Trường có nhiều hình thức đào tạo đa dạng để phục vụ nhu cầu học tập suốt đời như: chính quy văn bằng 1 [H15.15.3.01], chính quy văn bằng 2 [H15.15.3.02] [H15.15.3.03], từ xa [H15.15.3.04],... đồng thời công nhận các tín chỉ được đào tạo từ các trường khác trong khối ĐHQG-HCM, trong hệ thống AUN để sinh viên dễ dàng, thuận lợi tích hợp các môn học nhằm đạt chuẩn đầu ra (trích Điều 28. Công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong Quyết định số 813/QĐ-ĐHCNTT ngày 16/11/2017 và Điều 27. Công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong Quyết định số 546/QĐ-ĐHCNTT ngày 30/8/2019 ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy) [H15.15.3.05].

Các hoạt động học tập được triển khai đa dạng. Trong các chương trình đào tạo của các ngành đều có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành (tỷ lệ tổng số tín chỉ thực hành/tổng số tín chỉ lý thuyết xấp xỉ 23,1%), đồng thời môn Thực tập doanh nghiệp là bắt buộc đối với tất cả các ngành nhằm giúp cho sinh viên tìm hiểu, làm quen với môi trường làm việc của doanh nghiệp, được tiếp cận với công nghệ và máy móc, thiết bị

hiện đại ở các doanh nghiệp [H15.15.3.06]. Đồng thời Trường còn tích cực triển khai các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm quản lý, trao đổi du học sinh, ... giữa các trường đại học trong nước và quốc tế [H15.15.3.07].

Đối với việc ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CDR của các môn học/học phần: Trường phát huy tối đa ưu thế nên hầu hết các vấn đề về triển khai trong lĩnh vực này đều được ứng dụng CNTT, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0 và dịch bệnh Covid-19. Dựa trên các phương pháp, công nghệ giảng dạy truyền thống, Trường còn cho phép cán bộ giảng dạy lựa chọn hình thức trực tuyến và/hoặc trực tiếp căn cứ tình hình thực tế. Để vận hành được các phương pháp, công nghệ giảng dạy mới đòi hỏi Trường phải cung cấp hạ tầng phần cứng, phần mềm, con người và nhiều điều kiện khác nữa; thực tế thời gian qua đã đáp ứng tốt và đảm bảo được kế hoạch hoạt động vẫn diễn tiến bình thường, đạt chất lượng tốt [H15.15.3.08]. Trường khuyến khích SV tham gia các cuộc thi học thuật, các câu lạc bộ do Khoa/Trường/các đơn vị ngoài trường tổ chức (Bảng 15.3.3, 15.3.4). Các cuộc thi giúp phong trào học tập, NCKH trong SV được nâng cao, thúc đẩy việc học tập suốt đời. Bên cạnh đó, SV còn được tham gia vào các nhóm nghiên cứu của các GV, và cùng GV công bố các kết quả NCKH (Xem bảng 23.2.1, 23.2.2)

STT	Khoa/Bộ môn	Tên cuộc thi học thuật
1	Hệ thống thông tin	AISC - Advanced Information Systems Contest
2	Kỹ thuật máy tính	Olympic quốc tế về lĩnh vực Vi điện tử (AMO)
3	Kỹ thuật máy tính	UIT Car Racing
4	Kỹ thuật máy tính	CE-IoT Challenge
5	Mạng máy tính & Truyền thông	Net Challenge
6	Mạng máy tính & Truyền thông	Wannagame Championship Season Autumn
7	Khoa học máy tính	MAPR
8	Khoa học máy tính	UCBC
9	Công nghệ phần mềm	UIT Hackathon
10	Toán – Lý	Olympic Toán

Bảng 15.3.3. Danh sách các cuộc thi học thuật

STT	Tên câu lạc bộ
1	CLB Tiếng Anh OEC
2	CLB Tiếng Nhật Wakame
3	CLB Game UIT (CLB dành cho sinh viên lập trình Game)
4	CLB CEEC (CLB dành cho sinh viên lập trình nhúng, robot)
5	CLB WanaOne (CLB dành cho sinh viên về bảo mật)
6	CLB Lập trình Web (CLB dành cho sinh viên lập trình Web, ứng dụng)
7	CLB Lập trình Sinh viên (CLB dành cho sinh viên yêu thích lập trình)
8	CLB CS-AI (CLB dành cho sinh viên về trí tuệ nhân tạo)

Bảng 15.3.4. Danh sách các câu lạc bộ

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Cùng với các đơn vị khác có liên quan, Trường đã phân công Phòng TT-PC-ĐBCL chuyên trách về công tác giám sát hoạt động dạy và học hằng năm. Ngoài việc kiểm tra giờ giảng dạy theo Quy định về thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giảng dạy, cố vấn học tập của cán bộ giảng dạy thuộc Trường ĐHCNTT, ĐHQG-HCM [H15.15.4.01], cuối mỗi học kỳ, Trường đều gửi phiếu khảo sát thông qua hệ thống khảo sát trực tuyến đến cho từng sinh viên theo từng môn học trong thời khóa biểu và có các chính sách nhằm khuyến khích sinh viên tham gia hoạt động này. Khảo sát được thực hiện trước khi sinh viên thi kết thúc môn học, để nhằm đánh giá khách quan hơn. Tất cả các lớp có số lượng sinh viên tham gia phản hồi với tỷ lệ $\geq 50\%$ được tính vào kết quả khảo sát. Ngoài ra, sinh viên trước và sau khi tốt nghiệp cũng được Nhà trường định lấy ý kiến đánh giá về hoạt động giảng dạy của đội ngũ các thầy/cô giáo. Dựa trên các kết quả khảo sát này, Trường có các chính sách phù hợp nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng, như cập nhật lại danh sách quy hoạch giảng dạy môn học, góp ý điều chỉnh phương pháp giảng dạy,... Kết quả khảo sát được phân cấp để hiển thị/thông báo tùy theo chức danh, cấp quản lý (<https://daa.uit.edu.vn/giangvien/kqkhaosat-quanly>) [H15.15.4.02].

Bên cạnh việc kiểm tra giờ giấc giảng dạy của các GV, từ năm 2020, Trường còn thành lập thêm Đoàn kiểm tra nội bộ để kiểm tra việc thực hiện quy chế đào tạo trong việc tuân thủ hoạt động giảng dạy, kiểm tra, đánh giá theo đề cương chi tiết tại các Khoa trong trường (mỗi năm 2 Khoa) [H15.15.4.03].

Hoạt động tự đánh giá và cải tiến chất lượng hoạt động dạy và học được các Khoa thực hiện đều đặn hằng năm theo quy trình Tự đánh giá □ Đánh giá ngoài nội bộ (ĐHQG-HCM đánh giá) □ Đánh giá ngoài/Kiểm định (AUN) □ Cải tiến chất lượng. Trong đó đánh giá hoạt động dạy và học được thể hiện trong nội dung của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của AUN mà Trường thực hiện từ năm 2012 đến nay [H15.15.4.04]. Bắt đầu từ năm 2022, Nhà trường triển khai thêm hoạt động tự đánh giá và cải tiến chất lượng theo tiêu chuẩn ASIIN của Đức.

Một điều thuận lợi tại Trường ĐHCNTT là các hoạt động giám sát và đánh giá hoạt động dạy - học tại các Khoa/Bộ môn đều được tiến hành đồng bộ, các CTĐT triển khai sau đều được sự kế thừa từ các CTĐT triển khai trước đó dưới sự giám sát chặt chẽ của đội ngũ lãnh đạo trường (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng phụ trách đào tạo), lãnh đạo khoa/bộ môn và các phòng ban chức năng (phòng ĐTDH, phòng ĐTSĐH-KHCN, phòng TT-PC-ĐBCL).

Đội ngũ các thầy/cô giáo là nguồn lực quan trọng trong việc triển khai, vận hành các CTĐT, do đó công tác đánh giá nhằm đảm bảo chất lượng dạy và học, đồng thời khen thưởng, động viên tinh thần làm việc của GV được Trường lưu tâm và thực hiện dựa trên phương châm chất lượng là trên hết. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên đánh giá chất lượng giảng viên, chất lượng các hoạt động hỗ trợ dạy và học thông qua phiếu khảo sát online và kết quả được phòng TTPC-ĐBCL phân tích, đánh giá báo cáo BGH và toàn thể giảng viên [H15.15.4.05]. Theo quy định của Trường, những GV có điểm đánh giá 4 (<3 trước đây) sẽ phải làm việc, giải trình và có kế hoạch cải tiến với trưởng khoa và Trưởng khoa tập hợp báo cáo BGH để theo dõi. Ngoài việc SV đánh giá GV, cuối mỗi năm Trường thực hiện đánh giá nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và nhiệm vụ khác của GV. Theo đó các số liệu về số giờ đã giảng dạy trong năm, kết quả đánh giá khảo sát từ SV, hướng dẫn sinh viên NCKH, ... được các đơn vị xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của GV [H15.15.4.06].

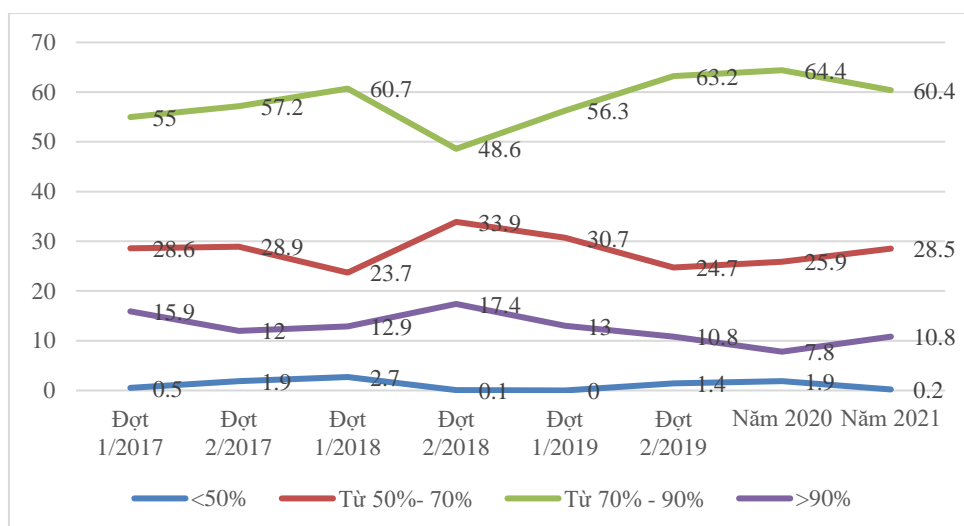
Cuối mỗi năm học Trường đều có báo cáo tổng kết nhiệm vụ và đề ra phương hướng cho năm học tiếp. Trong đó nêu rõ những kết quả đạt được, những tồn tại và giải pháp phát huy ưu điểm cũng như khắc phục các nhược điểm (nếu có), đặc biệt là kinh nghiệm về triển khai chương trình đào tạo, cải tiến chất lượng và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá dựa trên kết quả khảo sát môn học, ứng dụng các công nghệ mới trong dạy học [H15.15.4.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời

Triết lý giáo dục của Trường được hình thành từ năm 2006, được cập nhật/điều chỉnh nhiều lần và chính thức có văn bản công bố vào năm 2018 [H15.15.5.01].

Trường thực hiện công tác điều chỉnh hoạt động dạy và học theo 2 loại chu kỳ: nhỏ (ít nhất 2 năm/lần và nhiều nhất 1 năm/lần), lớn (để xây dựng lại chương trình đào tạo sau khi có 1 hoặc 2 khóa tốt nghiệp). Việc cập nhật chương trình đào tạo được phân thành 3 loại: loại I (thay đổi nội dung không ảnh hưởng đến các ngành khác và có số tín chỉ các môn thay đổi vượt quá 10% tổng số tín chỉ của CTĐT, thêm mới 1 chuyên ngành, thêm mới/cập nhật 1 môn học có ảnh hưởng đến ngành khác, thay đổi danh mục ngành gần, ngành đúng); loại II (thay đổi nội dung không ảnh hưởng đến các ngành khác và có số tín chỉ các môn thay đổi không vượt quá 10% tổng số tín chỉ của CTĐT, thêm mới 1 môn học bắt buộc và không ảnh hưởng đến ngành khác, thêm mới môn học tự chọn, thay đổi danh sách các môn tự chọn hẹp, tự chọn tự do, thay đổi tên tiếng Việt của môn học, thay đổi số lượng tín chỉ của môn học); loại III (thay đổi tỷ lệ các thành phần đánh giá hoặc hình thức đánh giá môn học, thay đổi hình thức giảng dạy của môn học, thay đổi tên tiếng Anh của môn học) [H15.15.5.02]. Các CTĐT bậc đại học đã trải qua các đợt rà soát, điều chỉnh vào các năm 2017, 2019, 2021 [H15.15.5.03]. Tương ứng với việc rà soát, điều chỉnh CTĐT là các đề cương môn học đã được cập nhật và các hoạt động dạy và học cũng được đổi mới bám sát theo đề cương môn học [H15.15.5.04]. Chính vì các nội dung điều chỉnh phù hợp với triết lý giáo dục mà tỉ lệ người học đạt được CDR cả khoá học ngày càng cao [H15.15.5.05].



Hình 15.5.1. Tỷ lệ SVTN tự đánh giá mức độ đạt CDR từ năm 2017- 2021(%)

Trường thường xuyên tiến hành các hoạt động tự đánh giá và mời các tổ chức đánh giá ngoài có uy tín để đánh giá hoạt động dạy và học, hoạt động quản lý của Trường. Đồng thời thông qua các hoạt động đánh giá đó, Trường cũng nhận thấy rõ những mặt ưu điểm và nhược điểm, triệt để thực hiện các giải pháp nhằm liên tục cải tiến chất lượng dạy và học, công tác quản lý,... để sinh viên đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời [H15.15.5.06].

Hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học đã được Nhà trường thực hiện định kỳ mỗi năm với kết quả như sau:

- Đối với CB, GV, NV, tỉ lệ hài lòng bình quân trong giai đoạn 05 năm (2015-2019) là 93% với tiêu chí *Thầy/Cô biết rõ về mục tiêu giáo dục/triết lý giáo dục của Trường* (câu 1, kết quả khảo sát CB, GV, NV). Qua các giai đoạn xây dựng KHCL, Trường đã rà soát các phát biểu về tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục. Kết quả rà soát là tầm nhìn, sứ mạng và triết lý giáo dục đến thời điểm hiện tại vẫn đáp ứng sự hài lòng các bên liên quan, phù hợp với sự phát triển của giáo dục đại học trong và ngoài nước, phù hợp với sự phát triển của kinh tế - xã hội của đất nước và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H15.15.5.07].

- Đối với SV, tỉ lệ hài lòng về *chất lượng giảng dạy môn học* đạt bình quân 87.5% từ năm 2017 đến 2020 (câu 17, kết quả khảo sát môn học), tỉ lệ hài lòng về *CDR*

đạt trên 80%; tỉ lệ hài lòng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chiếm 89,2% (câu 1, 2, 12 kết quả khảo sát khóa học),...

- Đối với cựu SV, tỉ lệ hài lòng về tiêu chí “Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phổ biến đến người học rõ ràng, đầy đủ” đạt bình quân 83,2%, “Chuẩn đầu ra nêu rõ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất người học cần đạt được” đạt 80,1%, “Nhà trường tổ chức hoạt động dạy – học đúng theo CTĐT” đạt 83,4%.

- Đối với NTD, các doanh nghiệp này đánh giá 100% SVTN trường ĐHCNTT đáp ứng yêu cầu công việc [H15.15.5.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra phát huy được tính hiệu quả và thiết thực.
- Hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm đã thu hút được ngày càng nhiều nhân tài về công tác tại Trường, từng bước nâng cao các thành tích trong hoạt động giảng dạy, quản lý, NCKH; giúp cho công tác tuyển sinh luôn đạt được chỉ tiêu, thu hút được sinh viên giỏi vào Trường.
- Các hình thức đào tạo, hoạt động đào tạo đa dạng, phong phú thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.
- Các hoạt động dạy - học được giám sát, đánh giá định kỳ, thường xuyên và áp dụng CNTT để đảm bảo và cải tiến chất lượng.
- Trường nhận thấy rõ những mặt ưu điểm và nhược điểm, triệt để thực hiện các giải pháp nhằm liên tục cải tiến chất lượng dạy và học, công tác quản lý,... để sinh viên đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Mặc dù phương pháp giảng dạy trực tuyến đã phát huy nhiều ưu điểm trong Đại dịch Covid, Trường chưa có quy định cụ thể để khuyến khích áp dụng phương pháp giảng dạy này.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng và ban hành quy định/hướng dẫn giảng dạy trực tuyến tận dụng công nghệ hiện đại nhằm khuyến khích phát huy ưu điểm của phương pháp này.	- P.TCHC, P.ĐTĐH; - P.ĐTĐH, P.SĐH&QLKH	- Từ 12/2021 đến 12/2022 - Từ 12/2021 đến 12/2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy tính hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống quản trị đại học, tổ chức nhân sự.	- P.TCHC, P.ĐTĐH, P.SĐH&QLKH, P.TT-PC- ĐBCL	- Từ 12/2021 đến 12/2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 15	5,00
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	5
Tiêu chí 15.5	5

TIÊU CHUẨN 16. ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp với quá trình học tập

Nhằm đánh giá toàn diện người học theo triết lý giáo dục và đáp ứng các ELOs, hoạt động kiểm tra đánh giá SV được thực hiện từ đầu vào, quá trình đến đầu ra kể cả thái độ và ý thức của SV thông qua điểm rèn luyện, bao gồm:

- Tuyển sinh đầu vào dựa trên các phương án tuyển sinh: tuyển thẳng, kết quả thi trung học phổ thông quốc gia, kết quả thi đánh giá năng lực.
- Kiểm tra, đánh giá liên tục trong suốt khóa học.
- Khóa luận tốt nghiệp.

Trường đã quy định, hướng dẫn rõ ràng về phương pháp kiểm tra đánh giá, việc tổ chức thi, hình thức thi và các vấn đề liên quan đến đánh giá người học tại Chương 3 “Kiểm tra và thi học phần” trong Quyết định số 546/QĐ-ĐHCNTT về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của trường ĐHCNTT [H16.16.1.01]. Trường cũng ban hành quy định về xây dựng đề thi tự luận, xây dựng đề thi trắc nghiệm và các quy trình phối hợp tổ chức thi giữa các bộ phận liên quan trong Quyết định số 22/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH Ban hành Quy định tổ chức thi tập trung các môn học hệ đại học chính quy của Trường ĐHCNTT [H16.16.1.02].

Quy định tổ chức thi tập trung các môn học hệ chính quy quy định mỗi môn học có tối đa 4 thành phần đánh giá: Quá trình, giữa kỳ, cuối kỳ và thực hành. Thành phần cuối kỳ là thành phần bắt buộc phải có. Phòng ĐTĐH điều phối tổ chức các kỳ kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ cho những môn học có hình thức kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ là thi tập trung. Việc tổ chức thi tập trung được thực hiện, giám sát theo quy định. Giảng viên lý thuyết chịu trách nhiệm đánh giá thành phần đánh giá quá trình, giảng viên dạy thực hành chịu trách nhiệm đánh giá thành phần đánh giá thực hành.

Đề cương của tất cả các môn học theo mẫu chung, trong đó tất cả các đề cương môn học đều thể hiện được kết quả học tập mong đợi theo bảng phân bố ELO của CTĐT đã công bố, hoạt động kiểm tra đánh giá tương thích với các kết quả học tập mong đợi, đồng thời sử dụng đa dạng phương pháp đánh giá bao gồm mỗi môn học có tối đa 4

thành phần đánh giá: quá trình, giữa kỳ, cuối kỳ và thực hành, trong đó giữa kỳ, cuối kỳ có thể đánh giá bằng các hình thức là làm bài thi viết, bài thi vấn đáp hoặc làm đồ án môn học để sinh viên đạt được năng lực theo chuẩn đầu ra môn học. Loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá của từng học phần cũng được quy định rõ trong Đề cương chi tiết của tất cả các môn học. [H16.16.1.03].

Dựa vào Quyết định số 22/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH [H16.16.1.04] của trường thì các đơn vị chuyên môn ban hành chính thức quy trình ra đề thi [H16.16.1.05], trong đó bắt buộc mỗi câu hỏi trong đề thi phải đáp ứng được chuẩn đầu ra nào của môn học [H16.16.1.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra

Nhà trường có quy định về việc thiết kế kiểm tra đánh giá theo chuẩn đầu ra trong Quyết định số 22/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH Ban hành Quy định tổ chức thi tập trung các môn học hệ đại học chính quy của Trường ĐHCNTT [H16.16.1.02]. Trong quy định có ghi rõ “Nội dung đề thi phải đạt yêu cầu kiểm tra các chuẩn đầu ra của môn học theo đề cương chi tiết môn học”. CTĐT và Đề cương môn học được thiết kế theo định hướng để giúp sinh viên đạt các chuẩn đầu ra. Trong CTĐT, các môn học được thiết kế tương ứng và có mức độ đóng góp vào việc đạt được kết quả học tập mong đợi [H16.16.2.01], [H16.16.2.02]. Trong đề cương môn học thể hiện các CĐR môn học cần đạt, nội dung đánh giá tương ứng với từng CĐR môn học, thành phần đánh giá và tỉ lệ đánh giá tương ứng đối với một môn học. Các chuẩn đầu ra được đánh giá cụ thể trong mỗi thành phần đánh giá. [H16.16.2.03].

Thực hiện theo quy định về đào tạo trong buổi học đầu tiên của mỗi lớp học, giảng viên đều phổ biến cho sinh viên đề cương môn học bao gồm các thông tin về kiểm tra đánh giá, tỉ lệ phân bổ điểm (mục số 6 trong mẫu đề cương môn học). Ví dụ đối với môn học Hệ điều hành, có 04 thành phần điểm: quá trình (15%), giữa kỳ (15%), thực hành (20%) và cuối kỳ (50%), Rubric của từng thành phần điểm thể hiện mức điểm tương ứng mà sinh viên sẽ nhận được khi đạt được các nội dung của bài học [H16.16.2.04]. Đối với những môn học về thực tập, đồ án và khóa luận tốt nghiệp có

những hình thức kiểm tra đánh giá và tiêu chí đánh giá khác với các môn học bình thường và được thông báo cho sinh viên cũng như giảng viên trước khi dạy-học, bao gồm đánh giá về các phẩm chất (sáng tạo, lãnh đạo, giao tiếp, báo cáo, thuyết trình, đạo đức nghề nghiệp của sinh viên [H16.16.2.05].

Thông tin về các mốc thời gian kiểm tra, đánh giá được thể hiện trong biểu đồ kế hoạch đào tạo hàng năm được thông báo công khai và phổ biến đến sinh viên thông qua trang web đào tạo của trường [H16.16.2.06]. Kế hoạch đào tạo này cung cấp cho sinh viên thời gian biểu về lịch học, lịch kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, thời gian nghỉ trong năm học. Ngoài ra, thông tin về hoạt động kiểm tra đánh giá cũng được hiển thị trong sổ tay sinh viên và trang cá nhân của sinh viên khi sinh viên đăng nhập tài khoản vào cổng thông tin đào tạo [H16.16.2.07].

Sau mỗi kỳ thi, kết quả thi sẽ được phân tích đánh giá mức độ đạt của người học để từ đó đưa ra các phương án cải tiến về phương pháp kiểm tra, đánh giá [H16.16.2.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Sau khi thi giữa kỳ hoặc cuối kỳ xong, giảng viên công khai đáp án và thang điểm cụ thể của mỗi đề thi lên website quản lý môn học để sinh viên đối chiếu rà soát đáp án với bài làm của mình và biết được điểm mà mình nhận được có đúng không [H16.16.3.01].

Quy trình chấm thi, nhập điểm và công bố điểm được quy định rõ tại Điều 15, Mục 2 -Chấm thi và Công bố điểm trong Quyết định số 22/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH Ban hành Quy định tổ chức thi tập trung các môn học hệ đại học chính quy của Trường ĐHCNTT [H16.16.3.02].

Theo quy định tại Điều 29 Chấm phúc khảo trong Quyết định số 546/QĐ-ĐHCNTT về việc ban hành Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy của trường ĐHCNTT [H16.16.3.03] có ghi rõ Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc khảo kết quả thi cuối học kỳ bằng cách nộp đơn gửi đến P. ĐTĐH. Quy trình chấm

phúc khảo được trình bày chi tiết tại Mục 3-Phúc khảo trong Quyết định số 22/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH Ban hành Quy định tổ chức thi tập trung các môn học hệ đại học chính quy của Trường ĐHCNTT [H16.16.3.04], trong đó quy định CBGD có trách nhiệm công bố điểm thi và giải quyết khiếu nại về điểm thi cho SV và trong vòng 7 ngày đơn vị chuyên môn cử cán bộ chấm thi phúc khảo để xem xét lại bài thi và gửi kết quả phúc khảo cho P.ĐTĐH để cập nhật lại điểm cho SV trên trang Web Công thông tin đào tạo [H16.16.3.05].

Sau mỗi kỳ thi, kết quả thi sẽ được phân tích đánh giá mức độ đạt của người học để từ đó đưa ra các phương án cải tiến về phương pháp kiểm tra. Sau mỗi kỳ thi, trường sẽ chọn một số môn học có số lượng sinh viên học lớn để thực hiện thống kê phổ điểm và so sánh với các lớp học cùng môn của khóa trước hoặc các lớp học khác môn trong cùng khóa để xác định các vấn đề phát sinh nếu có để thực hiện cải tiến nội dung môn học, phương pháp giảng dạy của giảng viên cũng như tư vấn phương pháp học cho sinh viên. [H16.16.3.06].

Theo quy định tại Điều 8 ra đề thi và in đề thi trong Quyết định số 22/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH [H16.16.3.07] thì để đảm bảo hoạt động kiểm tra đánh giá có độ giá trị, độ tin cậy và công bằng đề thi do đơn vị quản lý chuyên môn của môn học chịu trách nhiệm cử cán bộ ra đề thi. Theo đó Trưởng môn học (môn học có nhiều giảng viên cùng giảng dạy thì bộ môn sẽ chọn ra 1 giảng viên làm trưởng môn học) phụ trách thảo luận với các giảng viên cùng giảng dạy để xây dựng đề thi giữa kỳ và cuối kỳ, đề thi theo rubric và thể hiện được chuẩn đầu ra của môn học. Sau đó đề thi sẽ được Tổ trưởng bộ môn kiểm tra và phê duyệt đề trước khi in sao đề thi cho buổi thi [H16.16.3.08]. Đồng thời các môn học có nhiều lớp cùng học trong 1 học kỳ thì được thi cùng giờ trên cùng một đề thi. Các bài thi cũng được chầm chéo giữa các giảng viên cùng dạy môn học đó.

Đối với các môn học thực tập giảng viên hướng dẫn theo dõi và đánh giá SV trong suốt quá trình sinh viên thực tập với các tiêu chí đánh giá cụ thể (rubrics). Điểm cuối cùng của SV được tính theo tỉ lệ 40% của GVHD và 60% của Hội đồng xét duyệt. Tương tự với khóa luận tốt nghiệp, rubrics đánh giá SV dựa trên nhận xét, đánh giá của GVHD, GVPB và Hội đồng [H16.16.3.09].

Hoạt động kiểm tra đánh giá cũng được Trường lấy ý kiến SV, SV sắp tốt nghiệp

định kỳ mỗi học kỳ, mỗi đợt tốt nghiệp nhằm đánh giá mức độ cải thiện chất lượng [H16.16.3.10], [H16.16.3.11], [H16.16.3.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Các phương pháp đánh giá các môn học liên tục được cải tiến được thể hiện thông qua các phương pháp kiểm tra đánh giá ngày càng đa dạng hơn bao gồm đánh giá quá trình, giữa kỳ, cuối kỳ và thực hành, trong đó đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ có thể đánh giá bằng các hình thức là làm bài thi viết, bài thi vấn đáp hoặc làm đồ án môn học, tiêu chí đánh giá rõ ràng, cụ thể hơn qua thang điểm tương ứng (rubric) với các thành phần đánh giá của môn học trong đề cương chi tiết môn học. [H16.16.4.01].

Bảng 16.4.1 dưới đây thể hiện mức độ hài lòng của sinh viên về tính công bằng và độ tin cậy đối với hoạt động kiểm tra đánh giá [H16.16.4.02].

Đợt khảo sát	Tỷ lệ hài lòng và rất hài lòng (%)
HK2 năm học 2018-2019	90.5
HK1 năm học 2018-2019	90.1
HK2 năm học 2017-2018	88.5
HK1 năm học 2017-2018	89.5
HK2 năm học 2016-2017	87.6
HK1 năm học 2016-2017	87.6

Bảng 16.4. 1. Mức độ hài lòng của SV về tính công bằng và độ tin cậy trong đánh giá

Nội dung	2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	2020-2021
	HKI	HKII	HKI	HKII	HKI	HKII	HKI	HKI
Giảng viên đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập của Anh/Chị	88	87.6	90	86.1	90.1	90.5	90.2	-
Kết quả học tập được công bố kịp thời giúp Sinh viên điều chỉnh hoạt động học tập	-	-	-	-	-	-	-	83.3

Giảng viên sử dụng nhiều hình thức đánh giá để ghi nhận kết quả học tập của người học	-	-	-	-	-	-	-	-	84
Kết quả kiểm tra - đánh giá phản ánh đúng và khách quan năng lực của của Anh/Chị	-	-	-	-	-	-	-	-	84.4

Bảng 16.4.2. Mức độ hài lòng của SV về hoạt động kiểm tra, đánh giá

Câu	Nội dung	2016		2017		2018		2019		2020	2021
		Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2		
17	Hầu hết GV đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập của Anh/Chị	77.7	74.7	84.5	85.6	87.1	87.2	88.1	91.6	86	91.6
24	Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời	60.9	62.5	71.8	72.1	65.2	68.8	81	88.2	89	91.7
25	Kết quả học tập được thông báo kịp thời	55.4	63	75.5	76.4	71.9	75.2	72.2	79.1	72.2	79.1
37	Đánh giá chung của Anh/Chị về sự cải tiến của trường qua từng năm	79.1	81.5	89.5	88.4	85.7	90.8	85.4	89.9	92	94.6

Bảng 16.4.3. Mức độ hài lòng của SV sắp tốt nghiệp về hoạt động kiểm tra, đánh giá

Câu	Nội dung	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
13	GV đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập của Anh/Chị	87,8	88,1	92,4	90,7	97,4

Bảng 16.4.4. Mức độ hài lòng của HVCH về hoạt động kiểm tra, đánh giá

Các kết quả khảo sát cho thấy được sự cải tiến các loại hình/phương pháp kiểm tra, đánh giá mà Nhà trường thực hiện đã đáp ứng ngày càng cao mức độ hài lòng của người học. Trong những năm vừa qua không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong các hoạt động kiểm tra, đánh giá.

Ngoài ra, việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV cũng được cải tiến qua các năm nhằm đánh giá SV một cách toàn diện hơn, đánh giá SV bao gồm cả việc tham gia các hoạt động PVCD bên cạnh các hoạt động của Đoàn, Hội và CLB Đội – Nhóm [H16.16.4.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có xây dựng đầy đủ quy định, hướng dẫn, kế hoạch đánh giá người học.
- Có nhiều phương pháp đánh giá người học trong từng môn học để đo lường CDR người học đạt được.
- Có phân tích kết quả kiểm tra đánh giá.
- Công bố kết quả đánh giá, có quy trình xử lý khiếu nại hợp lý, kịp thời. Không có tình trạng khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong đánh giá.
- Định kỳ thực hiện khảo sát ý kiến người học và được người học đánh giá cao về hoạt động này.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số giảng viên còn chậm trễ trong việc chấm thi, nộp điểm đánh giá môn học, dẫn đến tỉ lệ sinh viên hài lòng chưa cao về tiêu chí “kết quả học tập được thông báo kịp thời”.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có biện pháp khắc phục tình trạng chấm thi, nộp điểm trễ hạn.	P.ĐTĐH	2023	
2	Điểm mạnh cần phát huy	Tiếp tục phân tích sâu các kết quả môn học để xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp cải tiến tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn	P.ĐTĐH	2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 16	5,25
Tiêu chí 16.1	6
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5

TIÊU CHUẨN 17. CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

Dựa trên các tồn tại từ khi thực hiện tự đánh giá, kiểm định cấp cơ sở giáo dục năm 2016, về mảng hỗ trợ người học đã được Nhà trường rà soát, cải tiến rất nhiều thông qua việc xây dựng kế hoạch hằng năm và triển khai thực hiện các hoạt động rèn luyện và hỗ trợ cho người học.

Trường đã ban hành Quy chế công tác sinh viên từ năm 2013, trong đó quy định rõ quyền và nghĩa vụ của SV; quy định về quản lý thông tin của SV, cơ chế trao đổi thông tin giữa SV và nhà trường; nội dung công tác sinh viên; hệ thống tổ chức, quản lý, thi đua, khen thưởng và kỷ luật SV. Quy chế này cũng quy định cơ chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Trường trong các công tác có liên quan đến SV [H17.17.1.01].

Trên cơ sở Quy chế, Trường đã xây dựng hệ thống các cơ chế về nhằm hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện:

1. Hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến SV (điểm học tập, điểm rèn luyện, thông tin sinh viên) [H17.17.1.02]
2. Cố vấn học tập, Lớp trưởng phụ trách các lớp sinh viên [H17.17.1.03]
3. Phòng CTSV [H17.17.1.04]
4. Ký túc xá [H17.17.1.05]
5. Phòng y tế, phòng tư vấn tâm lý [H17.17.1.06]
6. Thư viện [H17.17.1.07]
7. Các câu lạc bộ văn thể mỹ và CLB học thuật [H17.17.1.08]

Khi nhập học, sinh viên được phát cuốn Sổ tay Sinh viên, được tham gia tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa, được gặp gỡ các thầy, cô và anh, chị khóa trước. Các buổi này được tổ chức nhằm giúp SV hiểu rõ các quy định và phương pháp học tập và rèn luyện ở bậc đại học. [H17.17.1.09]

Để hỗ trợ người học, Trường cũng cung cấp hệ thống tra cứu điểm học tập, điểm rèn luyện để bản thân SV, các CVHT, phụ huynh có thể tra cứu và theo dõi quá trình học tập của SV. Bên cạnh đó, các cơ chế như Lớp trưởng, CLB Lớp trưởng, Chi Đoàn, Chi Hội có thể phát hiện các SV có biểu hiện lạ để giúp P.CTSV, Khoa có biện pháp hỗ trợ kịp thời.

Mỗi năm, Trường tổ chức Hội nghị đào tạo, qua đó các chỉ số theo dõi sự tiến bộ của sinh viên được phân tích, mổ xẻ như: Số lượng/tỉ lệ SV thôi học sau 01 năm, 02 năm, 03 năm; tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn. Số liệu này được phòng ĐTDH phân tích theo khoá, theo ngành và phân tích chung để nhìn thấy bức tranh tổng thể cũng như chi tiết nhằm xây dựng các chính sách tư vấn, hỗ trợ phù hợp, xác thực cho SV [H17.17.1.10]. Các chỉ số này cũng được Trường tích hợp trong hệ thống điều hành [H17.17.1.11] nhằm hỗ trợ BGH trong quá trình ra quyết định một cách kịp thời, tối ưu.

Ngoài ra, Đoàn kiểm tra nội bộ cũng định kỳ (2 năm/lần) kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người học nhằm phòng ngừa, phát hiện và kiến nghị xử lý những trường hợp vi phạm quy định, giúp công tác này đáp ứng ngày càng tốt hơn mong đợi của SV [H17.17.1.12].

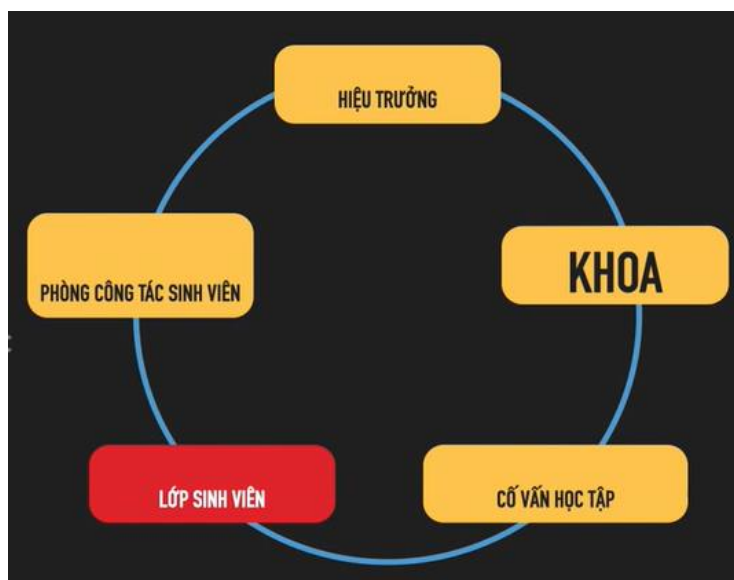
Cuối cùng, để kiểm soát chất lượng của các hoạt động trên và đội ngũ cán bộ nhân viên hỗ trợ, Trường có cơ chế kiểm soát, đánh giá mức độ hài lòng của SV trong việc sử dụng dịch vụ qua hệ thống forum [H17.17.1.13], hệ thống lấy ý kiến sinh viên về các hoạt động mà SV tham gia [H17.17.1.14], hệ thống khảo sát để SV đang học và SV sắp tốt nghiệp đánh giá mức độ hài lòng đối với công tác hỗ trợ và phục vụ các phòng, ban [H17.17.1.15].

Cuối mỗi năm học, tất cả đội ngũ cán bộ hỗ trợ đều phải thực hiện tự đánh giá kết quả thực hiện công việc của mình theo mẫu của Trường với các tiêu chí cụ thể [H17.17.1.16]. Đối với cán bộ hỗ trợ là viên chức và đảng viên thực hiện thêm đánh giá viên chức và đánh giá đảng viên vào mỗi năm [H17.17.1.17]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Hệ thống tổ chức, tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập, rèn luyện cho người học bao gồm:



- Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho một Phó Hiệu trưởng là người chịu trách nhiệm chính chỉ đạo công tác sinh viên, phục vụ hỗ trợ người học.

- Phòng CTSV là đơn vị tham mưu cho BGH trong việc chỉ đạo và chịu trách nhiệm chính trong

việc tổ chức triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên trong toàn trường.

- Các Khoa là đơn vị trực tiếp triển khai thực hiện các hoạt động phục vụ hỗ trợ người học thông qua Ban Cán sự lớp và CVHT.

- Các Phòng ban, Trung tâm thực hiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học theo chức năng của mình.

- Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tạo môi trường rèn luyện cho sinh viên.

Dựa trên chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan, vào đầu mỗi năm học, Trường rà soát thành lập mới các lớp sinh viên, bổ nhiệm mới các cố vấn học tập,... Năm 2018, Trường thành lập phòng Tư vấn tâm lý thuộc phòng CTSV để chăm sóc sức khỏe về mặt tinh thần cho sinh viên bên cạnh phòng Y tế. Phòng Tư vấn tâm lý có không gian riêng và có nhân sự chuyên trách có trình độ Thạc sĩ để tư vấn tâm lý và thực hiện các chuyên đề dành cho SV [H17.17.2.01].

Đầu mỗi năm, Trường có các kế hoạch nhằm trang bị kỹ năng mềm cho SV. Trung bình mỗi năm có hơn 20 buổi nói chuyện kỹ năng mềm do cấp Trường tổ chức, bên cạnh đó các Khoa cũng tổ chức hơn 100 buổi nói chuyện [H17.17.2.02].

Công tác tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm được tổ chức thường xuyên. Trường có cổng thông tin việc làm dành cho SV và doanh nghiệp với khoảng 5 thông báo tuyển dụng/ngày được các doanh nghiệp tự đưa lên. Mỗi năm Trường tổ chức 1-2 ngày hội việc làm thu hút 30-40 doanh nghiệp và 3.000 sinh viên tham dự [H17.17.2.03]. Các đợt sinh hoạt công dân sinh viên được tổ chức vào đầu khóa học, cuối khóa học và đầu năm học giúp cho người học có được các kiến thức và kỹ năng phục vụ cho việc học tập và rèn luyện giai đoạn tiếp theo.

Tất cả Khoa đều có 1-2 cuộc thi học thuật cấp Khoa. Phong trào NCKH cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh thu hút hơn 100 đề tài mỗi năm [H17.17.2.04]. Trong các năm qua, Trường đã có sinh viên đạt giải nhất Giải thưởng sinh viên NCKH - Eureka toàn quốc [H17.17.2.05].

Trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, Trường đã có chính sách hỗ trợ 7% học phí cho tất cả sinh viên, bên cạnh đó Trường còn chi hơn 3,4 tỷ đồng học bổng cho các sinh viên có gia đình bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Ngoài ra, theo quy định, Trường cấp hơn 8 tỷ đồng/năm cho học bổng khuyến khích học tập (12% sinh viên được nhận) và 700 triệu VNĐ/năm từ các nguồn ngoài ngân sách. Chế độ miễn giảm học phí và chế độ chính sách của nhà nước được thực hiện đúng theo quy định.

Chính sách gia hạn học phí được tiến hành thường xuyên. Mỗi học kỳ có hơn 2.000 SV được gia hạn thời gian đóng học phí. Về chỗ ở, 100% sinh viên được ở Ký túc xá do ĐHQG-HCM quản lý. Về không gian học tập, Trường có 70% phòng học có máy lạnh. Hệ thống thư viện có hơn 1.000 chỗ, thư viện còn có cơ chế phục vụ sinh viên mượn sách từ tất cả thư viện trong ĐHQG-HCM.

Vào mỗi học kỳ, Trường có cơ chế lọc ra các sinh viên có kết quả học tập giảm sút hoặc có nguy cơ bị buộc thôi học để CVHT và phòng CTSV có biện pháp giúp đỡ SV học tập và rèn luyện tốt hơn [H17.17.2.06]. Ngoài ra, dựa trên hệ thống bảo đảm chất lượng của các hoạt động phục vụ hỗ trợ sinh viên, Trường đã thu được mức độ hài lòng của SV đối với công tác hỗ trợ của các phòng ban trong Trường [H17.17.2.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát

Công tác phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát tiến trình học tập của người học luôn được các bộ phận/đơn vị liên quan trong Trường rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hằng năm và báo cáo đến lãnh đạo Nhà trường, các bên liên quan thông qua Hội nghị CBVC-NLĐ, Hội nghị CTSV [H17.17.3.01].

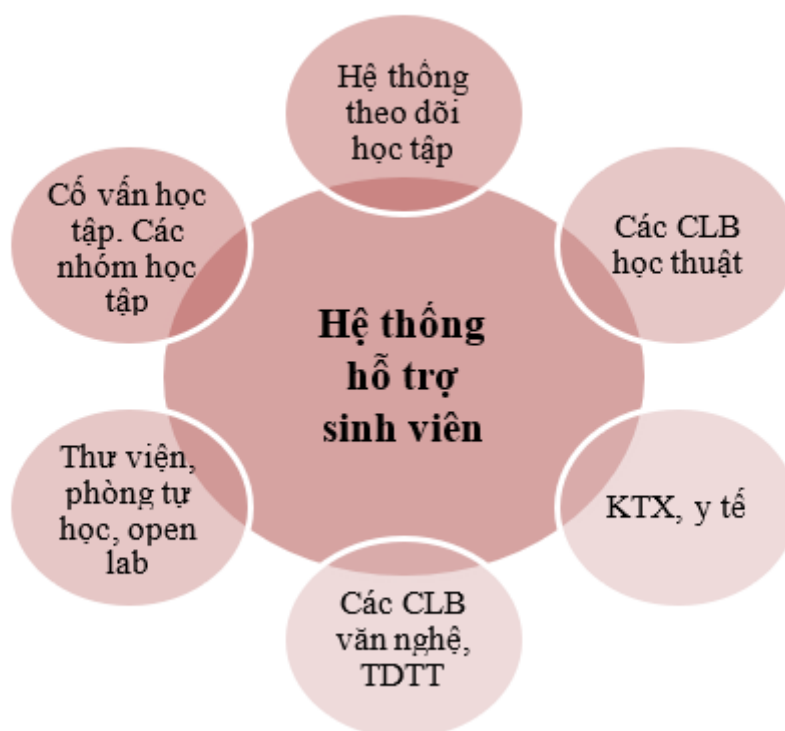
Trường đã chủ động điều chỉnh, cải tiến một số nội dung hoạt động nhằm thích nghi với tình hình diễn biến dịch Covid-19 đồng thời nâng cao hiệu quả CTSV, đảm bảo quyền và lợi ích của sinh viên. Các hoạt động của mảng CTSV được triển khai theo đúng kế hoạch hằng năm.

Việc áp dụng chuyển đổi số đã giúp Trường duy trì tốt các hoạt động của sinh viên như tư vấn tâm lý qua mạng, đón tiếp sinh viên nhập học qua mạng, sinh hoạt đầu khóa theo hình thức online... [H17.17.3.02]

Trên cơ sở báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện của năm trước, các hoạt động về CTSV được đơn vị chức năng lập kế hoạch cụ thể và triển khai cho năm học kế tiếp. Chẳng hạn kế hoạch, phương hướng cho năm 2021 gồm các nội dung chính như:

- Cập nhật tất cả các văn bản quản lý công tác sinh viên cho phù hợp với mô hình tự chủ mới của Trường. Đồng thời vận hành theo các cơ chế mới này.
- Chuyên đổi cách tổ chức Lễ tốt nghiệp, các hoạt động cho SV theo phương án mới.
- Triển khai thêm các hoạt động công tác cựu sinh viên và học viên sau đại học [H17.17.3.03].

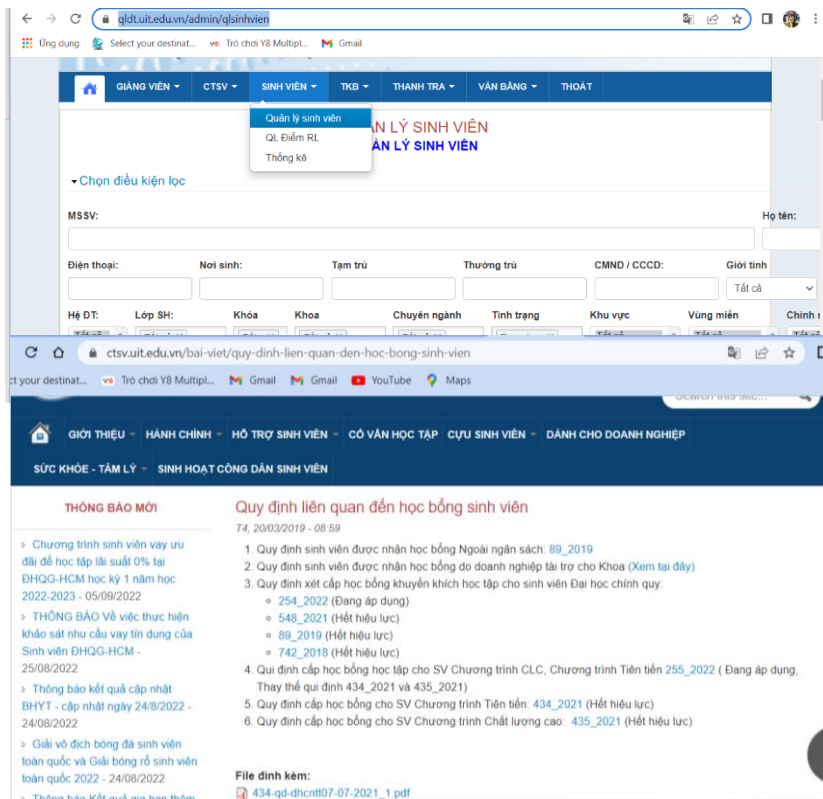
Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên đang được thực hiện tại Trường ĐHCNTT được rà soát, đánh giá và mô hình hóa bằng sơ đồ hệ thống như sau:



Hình 17.3.1. Sơ đồ hệ thống hỗ trợ sinh viên

Trong đó hệ thống phần mềm giám sát, theo dõi kết quả học tập và rèn luyện của người học đã được đơn vị chức năng (Phòng DL-CNTT) rà soát, cải tiến thường xuyên để đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cá nhân có liên quan (BGH, lãnh đạo khoa, GV, CVHT, chuyên viên phòng CTSV, SV,...) [H17.17.3.04]

Ngoài ra, hệ thống giám sát từ Khoa, CVHT hệ thống hỗ trợ khác cũng đã có nhiều cải tiến sau khi rà soát, đánh giá: Tăng cường công tác hỗ trợ và đội ngũ CVHT, thay đổi quy chế về cố vấn học tập (giảm 15% tiết chuẩn và tính thù lao thêm 15% tiết chuẩn); Điều chỉnh quy định về học bổng KKHT (điều chỉnh cơ chế tính học bổng KKHT SV, học bổng tuyển sinh, học bổng cho SV CLC,... cho phù hợp với tình hình mới theo hướng có lợi cho SV); Ban hành mới chính sách học bổng UIT Global nhằm động viên, khuyến khích SV thi đạt chứng chỉ tiếng Anh sớm; Một số Khoa đã bổ sung thêm các cuộc thi học thuật lớn bên cạnh các cuộc thi đã được duy trì hằng năm như:



Cuộc thi AISC-2021 của Khoa HTTT; cuộc thi UIT Code Contest từ năm 2020 của Đoàn TN,...[H17.17.3.05].

Công tác rà soát, đánh giá việc thực hiện công tác tư vấn và hỗ trợ người học được Trường thực hiện thường xuyên thông qua các quy định, các quy trình, hướng dẫn, biểu mẫu được cập nhật kịp thời theo quy định và

thể hiện đầy đủ trên cổng thông tin điện tử giúp người học và các bên liên quan khác dễ dàng tra cứu, theo dõi [<https://ctsv.uit.edu.vn/quy-trinh>]. Chẳng hạn ảnh màn hình chụp trang web phòng CTSV về quy định liên quan đến học bổng SV, quy định nào đang áp dụng, quy định nào hết hiệu lực,... đều được ghi chú, thể hiện cẩn thận trên website của Phòng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Từ sau khi nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài đặt hàng “*Nguyên nhân và các giải pháp khắc phục vấn đề SV bị buộc thôi học tại Trường ĐHCNTT-ĐHQG-HCM*” năm 2016, cùng với việc tiếp thu ý kiến các bên liên quan, Nhà trường đã điều chỉnh và cải tiến nhiều hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học qua các năm từ năm 2017 đến nay với các chỉ số như:

- Các quy định về đánh giá rèn luyện cho sinh viên được cập nhật thường xuyên và triển khai đến từng SV, đảm bảo tính công bằng, minh bạch, các SV được đánh giá đúng với quá trình thể hiện các hoạt động của bản thân [H17.17.4.01].
- Công tác rà soát nhắc nhở SV tham gia BHYT được tiến hành thường xuyên theo quy định. Tỷ lệ SV toàn trường tham gia BHYT đạt 99%. 100% đang học đúng hạn đều được mua bảo hiểm tai nạn [H17.17.4.02].
- Phòng y tế luôn có nhân viên trực trong thời gian sinh viên học tại Trường để hỗ trợ và chăm sóc ban đầu kịp thời cho người học [H17.17.4.03].
- Các hoạt động TDTT cho sinh viên được tổ chức theo từng tháng nhằm tăng cường rèn luyện hoạt động thể chất cho người học. Mỗi tháng, Trường tổ chức 01 chương trình thi đấu thể thao nhằm tạo sân chơi để SV phát huy năng khiếu, sở trường đồng thời tạo nguồn để thành lập đoàn vận động viên tham dự các giải thể thao ở cấp cao hơn. Ngoài ra, trong thời điểm dịch Trường cũng tổ chức giải chạy/đi bộ/ đi xe đạp online [H17.17.4.04].
- Các quy định về học bổng khuyến khích học tập cũng được Trường ban hành nhằm hỗ trợ SV vượt khó, học giỏi. Hằng năm, Trường xét cho khoảng 13-14% SV nhận bổng khuyến khích học tập này [H17.17.4.05]. Bên cạnh đó, thông qua các quỹ đóng góp từ các GV, cựu SV, NTD của các Khoa, các SV có hoàn cảnh khó khăn khác cũng được các Khoa xem xét hỗ trợ.
- 100% sinh viên đề nghị gia hạn học phí được giải quyết.
- Để tăng cường thêm các kỹ năng mềm cho SV, ngoài chương trình học chính thức, các buổi nói chuyện về kỹ năng của SV được tổ chức, chẳng hạn chuỗi chương trình WeTalk (Buổi trò chuyện truyền cảm hứng); đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên, tư vấn tâm lý sinh viên,... [H17.17.4.06].
- Các hoạt động thường xuyên và định kỳ như các buổi sinh hoạt công dân sinh viên đầu năm, đầu khoá cũng được phòng CTSV tổ chức đều đặn nhằm giới thiệu, cập nhật cho SV các thông tin về các hoạt động trong Trường, các CTĐT, CDR, các kỹ năng học tập bậc đại học, NCKH, các quyền lợi và nghĩa vụ của SV trong quá trình học,... [H17.17.4.07]

- Ngoài ra, hệ thống CVHT để hỗ trợ SV trong học tập, nghiên cứu cũng được triển khai thực hiện khá hiệu quả, tuân thủ theo quy định được Nhà trường ban hành năm 2019. [H17.17.4.08]. Nhờ hệ thống CVHT và công tác giám sát tiến độ học tập của SV hiệu quả mà tỉ lệ SV thôi học của các ngành có sự giảm dần qua các năm. Các hình 17.4.1, 17.4.2, 17.4.3 được trích từ Báo cáo tự đánh giá của chương trình Công nghệ thông tin đã đánh giá theo AUN-QA tháng 8/2022. Điều này cho thấy Trường đã kiểm soát tốt các tỉ lệ SV thôi học, tỉ lệ SV tốt nghiệp và tỉ lệ SV có việc làm các khoa, ngành trong trường.

Table 2.8.2: Graduation rate and dropout rate in five courses from 2013 to 2017 of faculties.

Faculty	Total number of students from 2013-2017	Graduation rate		Dropout rate			
		4 years	> 4 years	1 year	2 - 3 years	> 4 years	Total
FISE	444	72 (16%)	82 (19%)	14 (3%)	53 (12%)	61 (14%)	29%
FSE	1039	18 (1.7%)	385 (37%)	13 (1%)	90 (9%)	128 (12%)	22%
FIS	1077	57 (5.3%)	309 (29%)	9 (1%)	111 (10%)	116 (11%)	22%
FCE	692	9 (1.3%)	256 (37%)	11 (2%)	91 (13%)	86 (12%)	27%
FCS	756	207 (27%)	193 (26%)	17 (2%)	81 (11%)	116 (15%)	28%
FCNC	1145	117 (10%)	382 (33%)	25 (2%)	102 (9%)	94 (8%)	19%

The time to complete the programme and the average time to graduate of students of FISE is calculated for 7 classes, shown in Table 2.8.3.

Hình 17.4.1. Tỉ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học từ 2013-2017 của các khoa (trích thông tin từ BCTĐG chương trình CNTT).

Table 2.8.3: Time to complete the programme and average time to degree of FISE students.

Class	Total number of students	Programme completion time		Average Time to degree (months)	Total number of graduates
		4-4,5 years	> 4,5 years		
2013	75	13 (17,13%)	20 (26,67%)	58	34
2014	89	6 (6,70%)	26 (29,21%)	57	32
2015	86	17 (19,77%)	25 (20,01%)	56	38
2016	95	15 (15,79%)	17 (17,89%)	52	28
2017	99	22 (22%)	-	49	22

Hình 17.4.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình của ngành CNTT (trích thông tin từ BCTĐG chương trình CNTT).

Table 2.8.4: Employment rate of graduates after graduation.

Class	Total number of students	Percentage of graduates with jobs				Percentage of graduates creating jobs for themselves and for others
		Within 6 months	After 6 months	After 1 year	After 2 years	
2013 - 2017	24	24 (100%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	1 (4,17%)
2014 - 2018	5	5 (100%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	3 (7,69%)
2015 - 2019	27	25 (92,6%)	1 (3,7%)	1 (3,7%)	0 (0%)	1 (2,38%)
2016 - 2020	34	34 (100%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
2017 - 2021	56	55 (98.2%)	1 (1.8%)	0 (0%)	0 (0%)	4 (7.14%)

Hình 17.4.2. Tỷ lệ có việc làm của ngành CNTT (trích thông tin từ BCTĐG chương trình CNTT)

- Các CLB đội nhóm liên quan đến học tập, sở thích, công tác xã hội, ngày hội việc làm hoạt động thường xuyên. Số lượng sinh viên tham gia tăng đều hàng năm cùng với sự gia tăng số lượng và chất lượng của các hoạt động. Sinh viên tham gia tất cả hoạt động này đều được cộng điểm khuyến khích vào trong kết quả rèn luyện. Điều này có tác dụng hỗ trợ tích cực đến người học.
- Công tác quản lý sinh viên chính quy, sinh viên hệ từ xa và học viên cao học được thực hiện số hóa trên hệ thống chung của Trường, vì vậy mà công tác giải quyết giấy tờ, thủ tục hành chính cho người học được nhanh chóng, thuận tiện.
- Ngoài ra ký túc xá của ĐHQG-HCM cũng đảm bảo chỗ ở cho 100% sinh viên, các dịch vụ hỗ trợ khác như chăm sóc sức khỏe, hệ thống wifi, nước uống, sân luyện tập văn nghệ, thể dục thể thao cũng được cung cấp đầy đủ và miễn phí. Sự phối hợp chặt chẽ với công an phường, PC25 nhằm đảm bảo an ninh, trật tự cho người học trong khuôn viên trường và khu đô thị ĐHQG-HCM. Các điều này giúp sinh viên có điều kiện tốt nhất cho sinh hoạt và học tập.

Nhìn chung các quy định, kế hoạch, thông báo và việc tổ chức thực hiện các hoạt động rèn luyện, hỗ trợ SV đều được Nhà trường rà soát, điều chỉnh và cải tiến liên tục, đặc biệt cập nhật kịp thời theo sự thay đổi các văn bản của cấp trên. Các văn bản ban hành và thực hiện sau đều có sự cải tiến, đáp ứng yêu cầu các bên liên quan, đặc biệt là người học.

Bên cạnh đó hệ thống khảo sát lấy ý kiến đánh giá từ người học cũng đã được Nhà trường triển khai hiệu quả và có nhiều cải tiến. Điều này đã được người học ghi nhận

và đánh giá cao. Bảng 17.4.1 thể hiện mức độ hài lòng của SV, các tiêu chí này đều có tỉ lệ hài lòng cao và tăng dần từ năm 2017 đến nay.

Nội dung	2015		2016		2017		2018		2019		2020	2021
	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2		
Cố vấn học tập thường xuyên cung cấp thông tin và hướng dẫn về điều kiện học tập và sinh hoạt cho Anh/Chị	70.1	68.7	64.8	77.5	74.1	74.5	84.8	77.9	80.1	85.8	86	88
Cán bộ, nhân viên văn phòng (mảng Đào tạo, CTSV, giáo vụ Khoa và các bộ phận khác) có thái độ phục vụ tốt, kịp thời	62.1	74	62.8	71.6	78.2	79.1	77.7	81.6	82.8	89.8	89	91.9
Có đủ tư liệu tham khảo cho hầu hết các môn học	74.7	76	63.5	74.7	75	76.2	75	79.8	81.5	85.1	89	90.4
Thư viện có đủ không gian, chỗ ngồi phục vụ cho học tập và nghiên cứu	64.7	65										
Các yêu cầu hợp lý của người học được giải quyết kịp thời	65.9	65.7	60.9	62.5	71.8	72.1	65.2	68.8	81	88.2	89	91.7
Bộ phận quản lý ĐT thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ học tập của người học	59.8	63	-	-	-	-	-	-	-	-		
Hàng năm người học được giao lưu trực tiếp với BGH/Chủ nhiệm khoa	70.7	67	63.5	62.5	75.9	77.1	71.9	70.6	72.7	85.5	88	88.5
Anh/Chị hài lòng về công tác quản lý và phục vụ đào tạo	78.2	75	68.9	75	80	80.6	78.6	83.5	88	88.9	88	94.3
Anh/Chị hài lòng về chất lượng đào tạo của khóa học	70.1	73	61.7	75.3	75	77.8	79	81.7	85.3	86.1	88	94.1
Anh/Chị hài lòng về chất lượng môi trường học tập, sinh hoạt tại Trường	77.6	76.8	75.1	73.8	79.1	78.5	80.8	87.2	85.7	89.9	90	93.1
Đánh giá chung của Anh/Chị về sự cải tiến của trường qua từng năm	86.8	89	79.1	81.5	89.5	88.4	85.7	90.8	85.4	89.9	92	94.6

Bảng 17.4.1. Thống kê kết quả khảo sát SV về khoá học năm 2017-2021

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Nhà Trường đã ban hành đầy đủ hệ thống các quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Đội ngũ cán bộ phục vụ và hỗ trợ có chuyên môn và thái độ làm việc nhiệt tình. Kế hoạch triển khai thực hiện hàng năm được chuẩn bị kỹ lưỡng.
- Các hệ thống giám sát kết quả công việc, tiếp nhận phản hồi, tương tác với sinh viên và người học được tổ chức quy củ.

- Công tác xử lý số liệu được tiến hành kịp thời nhằm phục vụ cho việc cải tiến và ban hành các quy định, hướng dẫn, kế hoạch cho năm tiếp theo.
- Sự hài lòng của người học với mảng phục vụ và hỗ trợ cao.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Kỹ năng tư vấn của một đội ngũ nhân sự hỗ trợ sinh viên chưa thực sự tốt.
- Hệ thống thông tin học tập cho người học sau đại học chưa thuận tiện.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng chương trình bồi dưỡng nhân viên về kỹ năng tư vấn, giao tiếp.	Phòng TCHC	2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng hệ thống thông tin học tập cho người học sau đại học thuận tiện hơn.	-Phòng ĐTSĐH&KHC N -Phòng DLCNTTT.	2023-2024	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	<i>5,0</i>
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

TIÊU CHUẨN 18. QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Nhà trường chú trọng đầu tư phát triển Hoạt động NCKH và giao cho phòng ĐTSĐH&KHCN là đầu mối quản lý cùng với hệ thống văn bản quy định của Trường về hoạt động này. Nhân sự của Phòng ĐTSĐH&KHCN là 7 cán bộ, trong đó có 1 PGS.TS, 1 TS, 2 ThS và 3 cử nhân. Nhân sự của Phòng thường xuyên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện tốt công tác được giao. Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của phòng ĐTSĐH&KHCN [H18.18.1.01]. Hệ thống văn bản quản lý KHCN của Trường hoàn chỉnh gồm: Quy định về khối lượng giờ NCKH cho đội ngũ GV và NCV; Quy định về thực hiện đề tài các cấp; Quy định về khen thưởng trong NCKH; Quy định về đạo đức NCKH. Các quy định, quy trình, biểu mẫu đều được cập nhật và công khai trên trang thông tin điện tử quản lý khoa học của Trường, giúp CBVC-NLĐ trong Trường dễ dàng tiếp cận và tra cứu [H18.18.1.02]. Bên cạnh đó, Trường có hệ thống quản lý KHCN trực tuyến kcn.uit.edu.vn lưu trữ các thông tin về nhân sự, bài báo khoa học và đề tài KHCN các cấp, hệ thống đăng ký trực tuyến đề tài KHCN cấp trường giúp công tác quản lý được đơn giản, nhanh chóng, đồng bộ, hiệu quả và tiện lợi [H18.18.1.03].

KHCL về KHCN trong từng giai đoạn phát triển của Nhà trường được HĐT/Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua. Dựa trên hệ thống chỉ tiêu về KHCN được nêu trong các KHCL của Nhà trường, Trường tổ chức hệ thống giám sát theo phân cấp: *Trường - Khoa/Phòng thí nghiệm - Bộ môn* để triển khai các hoạt động NCKH và giám sát số lượng và chất lượng NCKH [H18.18.1.04].

Để công tác NCKH được thuận lợi, hằng năm Trường đều ban hành thông báo, hướng dẫn, quy trình đăng ký, đề xuất đề tài các cấp [H18.18.1.05]. Đặc biệt Trường có quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ về khối lượng NCKH đối với GV là 586 giờ hành chính, với NCV là từ 500 đến 1700 giờ hành chính [H18.18.1.06], đảm bảo tuân theo thông tư 20 (2020) quy định về chế độ làm việc của giảng viên được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hằng năm, Trường có kế hoạch, dự toán tổng thể về các hoạt động trong trường, trong đó có phân bổ kinh phí hoạt động. Trên cơ sở đó, Trường lập kế hoạch chi tiết theo tháng của từng hoạt động nghiên cứu như: Thực hiện đề tài các cấp, đề tài sinh viên, cuộc thi học thuật, Hội nghị khoa học Trẻ và NCS, Hội nghị MAPR, khen thưởng bài báo, đăng ký đề tài KH-CN các tỉnh thành. Cuối năm có báo cáo tổng kết, thống kê kết quả và rút kinh nghiệm thực hiện cho năm sau [H18.18.1.07].

Để đánh giá hoạt động NCKH, Trường đã ban hành các chỉ số (KPIs) theo từng giai đoạn và cụ thể hóa xuống từng năm [H18.18.1.08], ban hành các tiêu chí đánh giá số lượng giờ NCKH theo chất lượng các công trình và giao các Khoa/Bộ môn cùng phòng SĐH&KH-CN tổ chức theo dõi, giám sát và đánh giá vào cuối mỗi năm học [H18.18.1.09]. Đánh giá chất lượng NCKH còn được thể hiện ở mức thưởng/hỗ trợ tối đa cho các bài báo khoa học khác nhau như trong các tạp chí uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus dao động từ 19 triệu đến 200 triệu một bài [H18.18.1.10].

Các điều trên cho thấy Trường ĐHCNTT có hệ thống chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các mảng hoạt động liên quan đến NCKH, đảm bảo hoạt động NCKH được thực hiện đạt về số lượng và chất lượng. Kết quả hoạt động NCKH trong những năm qua của Trường đã có những cải thiện rõ rệt. Qua mỗi năm, số bài báo khoa học đăng trong các tạp chí, hội nghị uy tín tăng trung bình khoảng 5%, số bài báo khoa học có người học tham gia và được khen thưởng tăng trung bình 5%, số đề tài khoa học công nghệ các cấp tăng khoảng 10% mỗi năm. Đa số không có GV, NCV bị thiếu giờ NCKH. Các quy định về KH-CN cũng được Trường liên tục rà soát và chỉnh sửa để thúc đẩy hoạt động NCKH trong toàn Trường [H18.18.1.11]. Tiêu chí về chất lượng đề tài KH-CN được xác định trong các quy định về Tổ chức và quản lý đề tài các cấp và được thực hiện qua các hội đồng đánh giá và nghiệm thu. Đối với bài báo khoa học, Trường khuyến khích GV, NCV công bố trên tạp chí/hội nghị có phản biện để đảm bảo chất lượng. Số lượng đề tài và bài báo khoa học theo các giai đoạn phát triển của Nhà trường được xác định trong KHCL và được giám sát bởi tổ theo dõi KHCL [H18.18.1.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục

Với tầm nhìn và sứ mạng của Trường, Trường tập trung kinh phí đảm bảo công tác NCKH. Ngay trong KHCL giai đoạn 2016-2020, Trường đã xác định trong nhóm chiến lược 2 về KHCN về việc tăng nguồn thu từ các hoạt động NCKH và CGCN (chuyển giao công nghệ) [H18.18.2.01]. Tuy nhiên trong quá trình triển khai, nguồn kinh phí phục vụ NCKH trong Trường chủ yếu đến từ nguồn thu hợp pháp của Trường và nguồn kinh phí được cấp từ ĐHQG-HCM [H18.18.2.02]. Bên cạnh đó, Trường chủ trương tìm kiếm nguồn kinh phí nhằm thúc đẩy hợp tác NCKH và nghiên cứu đỉnh cao thông qua chính sách khuyến khích GV, NCV thực hiện các đề tài KHCN ngoài ĐHQG-HCM như các đề tài Sở KHCN, hợp tác nghiên cứu với các doanh nghiệp, thiết lập danh mục sản phẩm khoa học công nghệ chủ lực để quảng bá, tăng cường chuyển giao công nghệ, tăng nguồn thu cho Trường [H18.18.2.03]. Công tác hợp đồng đào tạo/ thực hiện hợp đồng theo chuyên môn, chuyển giao công nghệ được Trường khuyến khích và tạo điều kiện cho cá nhân và các đơn vị trong Trường chủ động thực hiện. Trường còn thực hiện liên kết với doanh nghiệp thành lập Phòng nghiên cứu và phát triển có cơ sở đặt tại Trường, phối hợp nghiên cứu với các nhà khoa học nước ngoài, tổ chức các hội nghị khoa học để GV, NCV, người học của Trường có cơ hội học hỏi nâng cao trình độ và tiếp cận xu hướng chuyên môn của các đơn vị ngoài Trường [H18.18.2.04]. Chẳng hạn, về hợp tác nghiên cứu với doanh nghiệp, Trường đang thực hiện 04 đề tài với tổng kinh phí nghiên cứu gần 08 tỉ đồng, về thực hiện các hợp đồng đào tạo, chuyển giao công nghệ có tổng giá trị khoảng 350 triệu đồng [H18.18.2.05]. Nhờ các hoạt động đồng bộ trên mà nguồn kinh phí NCKH các năm qua đạt được như bảng sau:

Phân loại	Năm bắt đầu / Kinh phí (triệu đồng)					Grand total
	2021	2020	2019	2018	2017	
VINIF	-	-	9.9K	-	-	9.9K
ĐHQG-B	1.8K	2.1K	1.2K	1.1K	2.3K	8.4K
HUNGTHINH	6.9K	-	-	-	-	6.9K
SOKHCN-HCM	2.3K	3.7K	-	-	800	6.7K
ĐHQG-C	2.4K	400	480	1.5K	495	5.3K
COSO	1.1K	740	775	500	445	3.6K
Grand total	14.5K	6.9K	12.4K	3.1K	4K	40.9K

Bảng 18.2.1. Thống kê nguồn kinh phí hoạt động NCKH giai đoạn 2017-2021.

Để phát triển nghiên cứu đỉnh cao, Trường đã dự thảo quy định về nhóm NC mạnh, nhóm NC tiềm năng để từng bước hình thành các nhóm NC mạnh và bồi dưỡng cán bộ NCKH [H18.18.2.06]. Song song đó, Trường có chính sách khen thưởng cho CBVC-NLĐ có thành tích trong NCKH và tạo mọi điều kiện để CBVC-NLĐ có thể tham gia đề tài KHCN cấp Trường như: Khen thưởng bài báo khoa học xuất sắc; khen thưởng đề tài thực hiện đúng hạn; khen thưởng vượt giờ NCKH; quy định về hệ thống quy đổi điểm khuyến khích công bố khoa học đỉnh cao; xét duyệt đề tài cấp cơ sở nhiều đợt trong 1 năm [H18.18.2.07].

Ngoài các chính sách trên, Trường còn đầu tư mạnh vào các phòng TN, Trung tâm đổi mới sáng tạo để thúc đẩy hoạt động NCKH chuyên sâu [H18.18.2.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Với định hướng là đơn vị đào tạo hàng đầu về CNTT tại Việt Nam, Nhà trường đã xây dựng các tiêu chí đánh giá cốt lõi (KPIs) về số lượng và chất lượng cho hoạt động NCKH trong nghị quyết của Đảng Bộ và trong KHCL [H18.18.3.01]. Chẳng hạn, định kỳ 2 năm 1 lần, Trường thực hiện đánh giá việc đạt được KPIs để có thể điều chỉnh

KPIs và định hướng kế hoạch hành động trong giai đoạn tiếp theo của KHCL [H18.18.3.02].

Tác động từ hoạt động NCKH của tập thể CBGVNV và SV Trường đối với xã hội được thể hiện rõ ràng qua việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực CNTT: SV tốt nghiệp của Trường được các công ty săn đón và là nguồn nhân lực chính cho các công ty trong lĩnh vực CNTT thể hiện qua tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp những năm qua luôn đạt gần 100% [H18.18.3.03]; SV của Trường đã tham gia và đạt nhiều giải thưởng từ các cuộc thi học thuật như Euréka, ICPC, Olympic tin học, Olympic Toán học, cuộc thi "ý tưởng sáng tạo" cuộc thi "Ứng dụng công nghệ số trong tuyên truyền, giáo dục an toàn giao thông",.. [H18.18.3.04]. Nhiều SV của Trường đã tiếp tục học lên các bậc học cao hơn và có nhiều đóng góp cho sự phát triển KHCN như Cựu SV của Trường ĐHCNTT - Nguyễn Trí Hải (1993) hiện là nghiên cứu sinh sau tiến sĩ (postdoctoral research professor) tại ĐH Khoa học và Công nghệ Quốc gia Seoul. Nguyễn Trí Hải đã có 10 bằng sáng chế tại Hàn Quốc, 1 bằng sáng chế tại Mỹ cùng nhiều công bố quốc tế [H18.18.3.05].

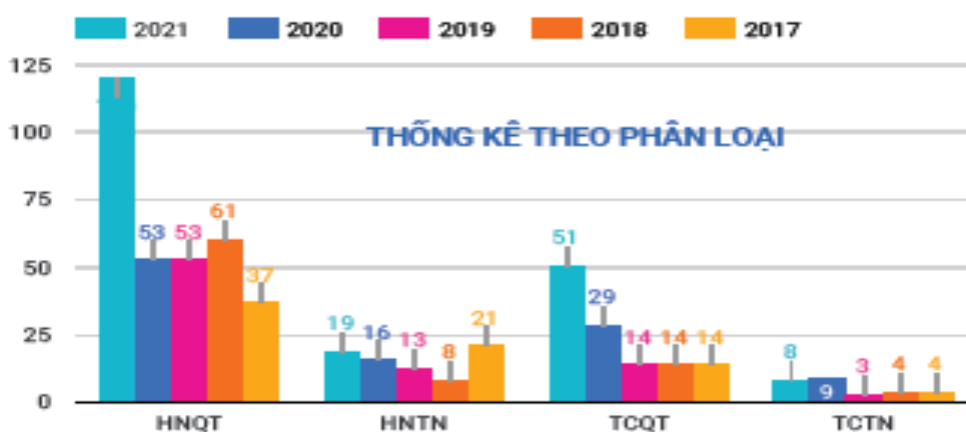
Khi xây dựng và ban hành KHCL mới, Trường thực hiện đánh giá việc đạt được các KPIs trong KHCL giai đoạn trước, phân tích nguyên nhân những KPIs chưa đạt để từ đó đề xuất các nhóm giải pháp và các KPIs tương ứng. Với các KPIs trong KHCL giai đoạn 2016-2020, các chỉ tiêu về NCKH trong KHCL giai đoạn 2016-2020 đã đạt được như: Số bài báo khoa học đăng trong tạp chí, hội nghị uy tín, số phòng thí nghiệm, số nhóm nghiên cứu mạnh, số hợp đồng chuyển giao công nghệ.... Bên cạnh đó cũng có một số KPI chưa đạt và có phân tích nguyên nhân chưa đạt như: Số phòng TN trọng điểm cấp ĐHQG-HCM, số đề tài KHCN cấp ĐHQG hằng năm, số đề tài KHCN được cấp kinh phí ngoài ngân sách [H18.18.3.06].

Như vậy, Trường đã xây dựng các KPIs về số lượng và chất lượng nghiên cứu. Các KPIs được định kỳ rà soát và đánh giá để làm cơ sở cho việc điều chỉnh KHCL về KHCN trong từng giai đoạn.

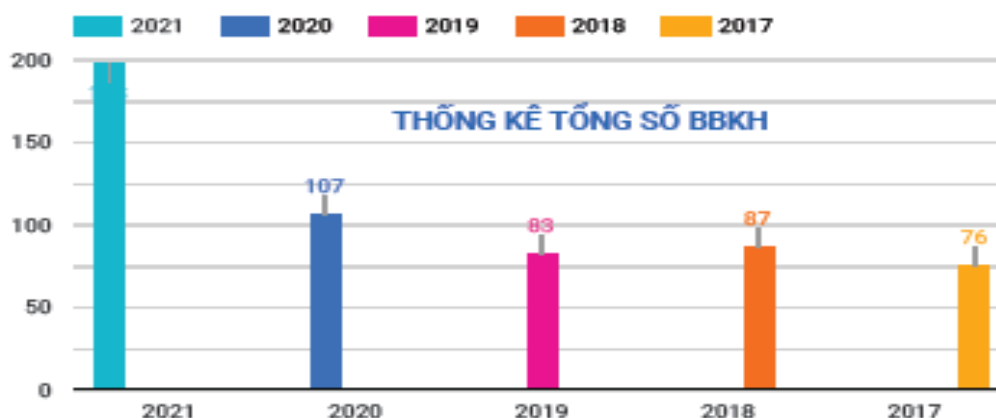
Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học

Trường không ngừng cải tiến công tác quản lý NCKH. Trong quá trình vận hành, phòng ĐTSĐH&KHCN là đầu mối tiếp nhận các thông tin góp ý của GV, NCV, lãnh đạo các đơn vị chuyên môn về công tác quản lý NCKH và rà soát các điểm bất cập trong quá trình vận hành, từ đó đề xuất BGH cập nhật, hiệu chỉnh công tác quản lý nhằm nâng cao chất lượng và số lượng nghiên cứu: Quy định về tổ chức thực hiện đề tài cơ sở cập nhật 3 lần, quy định hỗ trợ công bố khoa học cho người học cập nhật 2 lần, quy đổi giờ NCKH cập nhật mỗi năm, thực hiện đăng ký và thẩm định đề tài cơ sở được chuyển sang hệ thống trực tuyến.... Tất cả quy định và các phiên bản cập nhật đều được lấy ý kiến toàn trường và tiến hành rà soát cập nhật các ý kiến góp ý trước khi ban hành nên nhìn chung công tác quản lý nghiên cứu được thực hiện khá suông sẻ, không có thắc mắc hay kiện cáo. GV, NCV và người lao động cũng có các góp ý về hoạt động KHCN trong các hội nghị Viên chức-người lao động được tổ chức mỗi năm và Trường có căn cứ trên các góp ý này để thực hiện các hoạt động cải tiến. Chẳng hạn đối với quy định về quản lý đề tài cơ sở và quy định về khen thưởng, Trường đã liên tục cập nhật các phiên bản mới để đáp ứng văn bản quản lý của cấp trên, đáp ứng nhu cầu quản lý và đáp ứng góp ý của GV, NCV. [H18.18.4.01]. Nhờ vậy, số đề tài cấp cơ sở và các công bố khoa học chất lượng có sự nhảy vọt trong những năm gần đây (*xem Hình 18.4.1, 18.4.2, 18.4.3*)



Hình 18.4.1. Thống kê bài báo theo loại trong giai đoạn 2017-2021



Hình 18.4.2. Thống kê số lượng bài báo khoa học trong giai đoạn 2017-2021

Phân loại	Năm bắt đầu / Record Count					Grand total
	2021	2020	2019	2018	2017	
COSO	34	20	23	14	15	106
ĐHQG-C	12	2	3	10	3	30
ĐHQG-B	3	3	2	1	3	12
SOKHCN-HCM	1	1	-	-	1	3
VINIF	-	-	2	-	-	2
HUNGTHINH	2	-	-	-	-	2
Grand total	52	26	30	25	22	155

Hình 18.4.3. Thống kê số đề tài cấp mới trong năm trong giai đoạn 2017 - 2021

Kết quả NCKH của Trường góp phần chung vào vị trí của ĐHQG-HCM trên bảng xếp hạng QS GER. Chẳng hạn, theo bảng xếp hạng QS GER 2022, ĐH Quốc gia TP.HCM đứng top 301 - 500 trong 786 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu đến từ 78 quốc gia do QS GER 2022 xếp hạng. Đây là năm thứ 4 liên tiếp ĐH Quốc gia TP.HCM xuất hiện trên bảng xếp hạng này [H18.18.4.02]. Tương tự ngành CNTT của Trường thuộc ĐHQG-HCM đã được tổ chức xếp hạng QS World University Rankings by Subject - Computer Science and Information Systems xếp hạng từ nhóm 551 – 600 năm 2020 [H18.18.4.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 18

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường có hệ thống chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các mảng hoạt động liên quan đến NCKH, đảm bảo hoạt động NCKH được thực hiện đạt về số lượng và chất lượng.
- Các văn bản quản lý hoạt động NCKH đầy đủ, có sự cải tiến, cập nhật góp ý của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Hệ thống quản lý bài báo khoa học chưa lưu trữ đủ các thông tin cần thiết (như tác giả nước ngoài, người học năm thứ mấy) để thực hiện thống kê phục vụ các yêu cầu báo cáo số liệu các cấp quản lý.
- Chưa có các hợp đồng chuyển giao công nghệ lớn, và số lượng sản phẩm chuyển giao công nghệ còn ít.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Trường triển khai xây dựng hệ thống quản lý bài báo mới ngay trong năm 2022.	Phòng ĐTSĐH&KH-CN	1/2022-12/2022	
3	Khắc phục tồn tại 2	Đẩy mạnh nghiên cứu và hợp tác với doanh nghiệp, đề xuất đề tài với địa phương.	Phòng ĐTSĐH&KH-CN , Khoa, PTN.	2021-2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 18	4.75
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	5
Tiêu chí 18.4	4

TIÊU CHUẨN 19. QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Trường ĐHCNTT nằm trong hệ thống ĐHQG-HCM nên việc quản lý TSTT được vận hành theo quy định chung của ĐHQG-HCM và chịu sự quản lý trực tiếp của Trung tâm SHTT và CGCN [H19.19.1.01], [H19.19.1.02]. Về phía Trường, Trường giao phòng ĐTSĐH&KHCN chức năng quản lý TSTT và đã thành lập bộ phận chuyên trách quản trị TSTT trực thuộc phòng ĐTSĐH&KHCN. Các thành viên của bộ phận quản trị TSTT được đào tạo, tập huấn về TSTT [H19.19.1.03]. Bộ phận này có nhiệm vụ quản lý các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu; phổ biến các quy định liên quan đến TSTT, đề xuất khai thác TSTT. Bên cạnh đó, Trường còn hỗ trợ nhà khoa học liên hệ Trung tâm SHTT và CGCN của ĐHQG-HCM để đăng ký SHTT. Để công tác quản lý SHTT, từ năm 2012, Trường đã ban hành quy định về SHTT trong trường, trong đó quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế. Quy chế về quản trị TSTT tiếp tục được Trường cập nhật và hiệu chỉnh vào năm 2016 [H19.19.1.04]. Quy định của Trường quy định cụ thể các loại hình tài sản trí tuệ và các quyền liên quan giúp cho công tác quản trị tài sản trí tuệ được rõ ràng, chưa xảy ra tranh chấp.

Quy chế về quản trị TSTT có các điều khoản ở Chương 5 về hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu [H19.19.1.05]. Trường cũng đã ban hành quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu [H19.19.1.06]. Hằng năm, Trường đều xét khen thưởng với các công trình khoa học là TSTT được công nhận [H19.19.1.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Trường quản lý tài sản trí tuệ là các phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích qua google form và hệ thống quản lý khoa học của Trường. Mọi tác giả có trách nhiệm cập

nhật lên hệ thống này [H19.19.2.01] hoặc cập nhật thông qua website quản lý Lý lịch khoa học của GV thông qua mục Bảng PMSC - GPFI và ứng dụng thực tiễn [H19.19.2.02]. Hướng dẫn cập nhật TSTT dạng này được phòng ĐTSĐH&KHCN triển khai đến tất cả GV, NCV, người học qua hệ thống email [H19.19.2.03]. Đến thời điểm hiện tại, các TSTT được bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật. Trường có 06 giải pháp hữu ích, 08 sáng chế phát minh, 01 kiểu dáng công nghiệp đã được Cục SHTT cấp bằng bảo hộ [H19.19.2.04]. Ngoài ra còn nhiều bằng phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đã được chấp nhận đơn hợp lệ và đang trong quá trình đợi cấp theo quy định [H19.19.2.05].

Trường tổ chức lưu trữ đầy đủ dữ liệu về TSTT trong trường và hướng dẫn CBVC-NLĐ, người học sử dụng đúng mục đích. Hằng năm, các TSTT như đề tài KHCN của GV và người học, bài báo khoa học của GV và của người học, đề tài luận án tiến sĩ, đề tài luận văn thạc sĩ, đề tài khóa luận tốt nghiệp đại học phát sinh trong quá trình hoạt động của Trường đều được Trường lập danh sách quản lý và công khai trên các trang thông tin điện tử của các đơn vị quản lý [H19.19.2.06]. Hằng năm, Trường tổ chức phổ biến các quy định về quyền SHTT cho người học, CBVC-NLĐ trong Trường để đảm bảo mọi người hiểu và thực hiện đúng quy định [H19.19.2.07]. Trường khuyến khích GV, nhóm nghiên cứu tham gia đề xuất đề tài KHCN với các sở KH-CN địa phương, các công ty và tham dự các buổi triển lãm để đưa kết quả nghiên cứu ra ứng dụng thực tiễn [H19.19.2.08]. Hiện tại, Trường đã thực hiện được một số đề tài qua đề xuất với các Sở KHCN, hợp đồng đào tạo, huấn luyện theo chuyên đề.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện

Hằng năm, Trường tổ chức hoạt động thanh tra nội bộ do phòng TT-PC-ĐBCL lập kế hoạch và tổ chức thực hiện [H19.19.3.01]. Trong giai đoạn 2016-2020, Trường đã thực hiện 2 lần rà soát, đánh giá công tác quản lý TSTT. Tại buổi kiểm tra nội bộ, Đoàn thanh tra có đánh giá về công tác quản lý cũng như những góp ý nhằm cải thiện công tác quản lý hiệu quả hơn. Trong những năm qua, Trường đã từng bước hoàn thiện công tác quản lý TSTT từ quy định đến thực tiễn quản lý [H19.19.3.02]. Chỉ tiêu về văn

bằng bảo hộ tài sản trí tuệ được Trường xác định trong KHCL và được đánh giá theo chu kỳ của KHCL.

Ngoài ra, chuyên viên được giao nhiệm vụ theo dõi tài sản trí tuệ cũng có nghĩa vụ phối hợp với bộ phận quản lý đề tài để hỗ trợ kịp thời quá trình đăng ký cũng như kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các sản phẩm SHTT của đề tài NCKH thông qua các buổi nghiệm thu đề tài.

Công tác SHTT đối với các khóa luận, luận văn, luận án cũng được Trường đặc biệt quan tâm và thực hiện rà soát trực tiếp tại thời điểm trước và khi bảo vệ khóa luận/luận văn/luận án thông qua các tiêu chí đánh giá, yêu cầu các phản biện rà soát trùng lặp [H19.19.3.03]. Ngoài ra, để đảm bảo tránh đạo văn Nhà trường yêu cầu sinh viên, HVCH và NCS viết cam kết ngay trong một trong các trang đầu báo cáo không đạo văn và số liệu là trung thực do chính tác giả thực hiện [H19.19.3.04].

Hiện tại, Trường đang có kế hoạch mua phần mềm Turnitin để kiểm tra đạo văn trong hoạt động khoa học của Nhà Trường [H19.19.3.05]. Hằng năm, Trường có đánh giá công tác quản trị TSTT trong các báo cáo tổng kết năm của Trường, của Phòng ĐTSDH&KHCHN [H19.19.3.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.4 Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Trường ĐHCNTT đã thực hiện và áp dụng các quy định của Nhà nước về bảo hộ quyền SHTT. Trong công tác đào tạo, các sản phẩm nghiên cứu của SV, các luận văn, luận án của HV và các NCS được giám sát, đánh giá về quyền SHTT thông qua các hội đồng đánh giá, nghiệm thu. Trong hoạt động NCKH, quyền SHTT được quản lý và đánh giá trong từ quá trình đăng ký thuyết minh đề tài đến quá trình nghiệm thu đánh giá. Các công bố khoa học được quy định cách ghi nơi công tác và nơi tài trợ nghiên cứu để đảm bảo quyền lợi cho cá nhân cán bộ nghiên cứu, đơn vị tài trợ nghiên cứu [H19.19.4.01]. Trường thường xuyên tiếp nhận góp ý để cải thiện công tác quản lý TSTT như xây dựng hệ thống lưu trữ khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, cập nhật

quy chế TSTT [H19.19.4.02]. Trong giai đoạn đánh giá, Trường không xảy ra tranh chấp về TSTT.

Để cải tiến nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài sản trí tuệ, trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá công tác Quản lý tài sản trí tuệ, Trường đã đưa vào KHCL giai đoạn 2021-2025 trong nhóm chiến lược 2 về "Phát triển Khoa học – Công nghệ", trong mục tiêu cụ thể 1 để " Phát triển Trung tâm đổi mới sáng tạo và gia tăng đăng ký SHTT" cũng như đưa vào trong logframe cụ thể các năm 2022, 2024 và 2025 thực hiện công tác rà soát đăng ký SHTT [H19.19.4.03]. Trường giao cho phòng ĐTSĐH&KH-CN xây dựng kế hoạch và thực hiện triển khai cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Nhà trường để bảo hộ lợi ích của Trường cũng như của các cán bộ, GV, NCV và các lợi ích cộng đồng, trong đó chú ý việc phổ biến các văn bản về SHTT tới toàn thể CBGV và SV thông qua các buổi hội thảo, tập huấn và thông qua hệ thống website của trường [H19.19.4.04].

Trường được hỗ trợ từ Microsoft nên các phần mềm văn phòng, hệ thống email đều có bản quyền và được cấp miễn phí cho toàn thể cán bộ trong Trường [H19.19.4.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Trường có quy định về TSTT và quản lý TSTT.
- TSTT được lập danh sách và được lưu trữ đầy đủ.
- Trường không xảy ra tranh chấp về TSTT.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Trường chưa khảo sát chi tiết về sự hài lòng của các bên liên quan về công tác quản trị TSTT.
- Việc khai thác các TSTT của Trường còn hạn chế.
- Việc kiểm tra vi phạm TSTT chưa được triển khai trên phần mềm/hệ thống CNTT.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Đưa khảo sát chi tiết về sự hài lòng của các bên liên quan về công tác quản trị TSTT vào hoạt động định kỳ	TT-PC-ĐBCL	Bắt đầu từ năm 2022	
2	Khắc phục tồn tại 2	Nghiên cứu thành lập bộ phận chuyển giao công nghệ và khai thác TSTT	ĐTSĐH&KH-CN	Bắt đầu từ năm 2022	
3	Khắc phục tồn tại 3	Nghiên cứu cải tiến công cụ kiểm tra vi phạm TSTT	ĐTSĐH&KH-CN, TTPC-ĐBCL	Từ năm 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 19	4.40
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

TIÊU CHUẨN 20. HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Nhằm đảm bảo các hoạt động hợp tác phát triển trong nghiên cứu được thực hiện hiệu quả và theo đúng quy định, Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động hợp tác NCKH, trong đó có xác định hình thức hợp tác và xác định đối tác NCKH của Nhà trường cả về đối tác trong nước và đối tác quốc tế, đối tác NCKH. Các đối tác hợp tác NCKH của Trường thường được lựa chọn dựa trên thực tiễn từ nhu cầu hợp tác của các đơn vị hoặc được xác định dựa trên nguyên tắc có thể mạnh về lĩnh vực chuyên môn, quan tâm đến các vấn đề nghiên cứu, có năng lực và nguồn lực phù hợp [H20.20.1.01]. Theo quy định, các Trường đơn vị là đầu mối hợp tác NCKH của đơn vị mình.

Về hợp tác, đối ngoại, mục tiêu chung của Trường là đẩy mạnh hoạt động quan hệ đối ngoại (QHĐN) để nâng cao trình độ, uy tín về đào tạo, NCKH và vị thế của Trường đối với xã hội. Trường có chiến lược hợp tác với các đối tác trong NCKH và các hoạt động khác được thể hiện như trong KHCL giai đoạn 2016-2020, nhóm chiến lược 3 – Quan hệ đối ngoại đã xác định rõ mục tiêu cụ thể 2 là "Duy trì và phát triển mạng lưới các đối tác chiến lược, thúc đẩy sự hợp tác nhằm mang lại cơ hội phát triển cho Trường" [H20.20.1.02], được cụ thể bằng các chỉ tiêu trong KHCL (số bài báo quốc tế, số đề tài KHCN, số đối tác chiến lược,...). Các chỉ tiêu này được đánh giá tổng kết trong giai đoạn trước, phân tích nguyên nhân và kết quả đạt được hay chưa đạt được và đặt các chỉ tiêu trong KHCL giai đoạn tiếp theo [H20.20.1.03]. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức các đoàn công tác nước ngoài nhằm thiết lập hợp tác nghiên cứu như đoàn công tác tại Hàn Quốc, đoàn công tác tại Australia. Trường cũng tăng cường hợp tác với Thụy Điển, Liên bang Nga,... [H20.20.1.04].

Trường thường xuyên hợp tác với các địa phương và thông báo đến tất cả thành viên trong trường về các công văn mời đặt hàng đề tài khoa học công nghệ hằng năm, qua đó, đã có một số đề tài đã được các nhà khoa học của Trường ký hợp đồng thực hiện với Sở KHCN của các tỉnh thành [H20.20.1.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác với đối tác nghiên cứu

Trong giai đoạn 2016-2020, để đạt được các chỉ tiêu về thúc đẩy hợp tác với đối tác nghiên cứu, các nhóm NC trong trường đã tham gia và các đề tài hợp tác NCKH giữa ĐHQG-HCM và Nhật Bản: VNUHCM-JAIST Joint Research Project, và tham gia nghiên cứu với tổ chức nước ngoài như NII, Nhật Bản (National Institute of Informatics, Japan) [H20.20.2.01]. GV của Trường tích cực hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học ở nước ngoài để công bố các bài báo khoa học [H20.20.2.02] và hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện các nghiên cứu chung như VINF, Hưng Thịnh group [H20.20.2.03]. Nhân sự của Trường cũng được giới thiệu tham gia ban điều hành các chương trình AI của thành phố [H20.20.2.04]. Bên cạnh đó, với chủ trương hợp tác với doanh nghiệp, Trường đã thành lập các phòng NC và phát triển đặt tại Trường để hợp tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm, đồng thời tạo cơ hội hợp tác giữa doanh nghiệp với GV và người học tại Trường như phòng NC&PT Rosen (Đức), phòng NC&PT Citynow, FPT soft [H20.20.2.05]. Để thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu thiết thực đem lại hiệu quả cho cả các bên liên quan, HĐT đã thực hiện rà soát và trao đổi về hợp tác doanh nghiệp nhằm đưa ra kế hoạch hành động trong giai đoạn chiến lược 2021-2025 [H20.20.2.06]. Một số đối tác và đối tác tiềm năng được Trường chọn lựa và duy trì quan hệ thường xuyên và nâng tầm hợp tác như các Sở KH-CN, tập đoàn Naver (Hàn Quốc), tập đoàn Rosen (Đức), Viện công nghệ thông tin Nhật Bản, tập đoàn Hưng Thịnh, tập đoàn Vingroup,... Trường đã hợp tác nghiên cứu và cử nhân sự đào tạo qua các đối tác này. Qua đó cho thấy Trường đã thúc đẩy quan hệ hợp tác nghiên cứu đa dạng với cách thức phù hợp với hoạt động, tầm nhìn, sứ mạng của Trường.

Để phục vụ các nhiệm vụ KHCN cụ thể, Trường có ban hành quy định về tổ chức và quản lý đề tài đặt hàng, từ đó đáp ứng được các yêu cầu sản phẩm cụ thể đến từ quá trình hoạt động trong trường và các nhu cầu về sản phẩm của các doanh nghiệp [H20.20.2.07].

Trường còn phối hợp với các đơn vị ngoài trường duy trì tổ chức hội nghị khoa học MAPR hằng năm với trung bình tham gia khoảng 100 nhà khoa học và người học trong và ngoài nước [H20.20.2.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Trường có văn bản quy định về việc rà soát tính hiệu quả của các quan hệ hợp tác, trong đó có hợp tác NCKH được giao cho phòng ĐTSĐH&KH-CN giám sát và báo cáo [H20.20.3.01]. Với hoạt động hợp tác NCKH, các chỉ tiêu rà soát tính hiệu quả bao gồm hợp tác công bố khoa học, hợp tác thực hiện đề tài KH-CN, đào tạo/ định hướng/quản lý NCKH, hỗ trợ cơ sở vật chất thực hiện NCKH, tài trợ tài chính NCKH.

Công tác kiểm tra chung được Trường thực hiện theo kế hoạch thanh kiểm tra nội bộ do phòng TTPC-ĐBCL chủ trì, định kỳ 2 năm một lần. Trong các đợt kiểm tra, đoàn kiểm tra đã khuyến nghị các hoạt động cải thiện các mối quan hệ hợp tác ngày càng hoàn thiện hơn [H20.20.3.02].

Xác định hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu rất quan trọng tới chiến lược tăng nguồn thu từ NCKH, HĐT đã chỉ đạo Ban Giám hiệu thực hiện rà soát để đưa ra kế hoạch triển khai phù hợp hơn trong giai đoạn 2021-2025 [H20.20.3.03].

Bên cạnh đó, hằng năm, Trường có thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả hợp tác và đối tác nghiên cứu trong các báo cáo tổng kết của phòng ĐTSĐH&KH-CN và báo cáo của tổng kết năm học của Trường. Qua việc tổng kết, đánh giá này, các hoạt động hợp tác NCKH được điều chỉnh về phương thức hoạt động và chỉ tiêu cần đạt sao cho phù hợp với mục tiêu và nguồn lực hiện có của Trường [H20.20.3.04]. Thống kê khảo sát 2 năm/lần cho thấy đa số GV-NLĐ tham gia khảo sát được sự hỗ trợ và tạo điều kiện của Nhà trường để tham gia các đề tài, dự án KH-CN (Bảng 20.3.1)

STT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2017	Năm 2019	Năm 2021
1.	Trường/ khoa/ bộ môn tạo điều kiện để Thầy/ Cô tham gia các đề tài, dự án KHCN	70.6	93	93.3	92.42
2.	Thầy/ Cô được khuyến khích tham gia các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước	75.3	95	94.5	94.2
3.	Thầy/ Cô được hỗ trợ các nguồn lực (kinh phí, phòng ốc, trang thiết bị, máy móc) nhằm đảm bảo hoạt động nghiên cứu đúng tiến độ, đạt hiệu quả	44.7	81	87	78.78

Bảng 20.3. 1. Kết quả khảo sát GV về điều kiện, môi trường làm việc

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu thành tựu

Theo phân công chức năng nhiệm vụ, hoạt động hợp tác nghiên cứu được giao phòng ĐTSĐH&KHCN làm đầu mối quản lý. Phòng ĐTSĐH&KHCN tiến hành rà soát định kỳ và lên kế hoạch phát triển nâng tầm hợp tác với các những hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu. Chẳng hạn, Trường xây dựng được hoạt động hợp tác nghiên cứu với Viện CNTT Nhật Bản, hợp tác đào tạo sau đại học với Trường đại học Kiên Giang, hợp tác nghiên cứu với tập đoàn Hưng Thịnh, Vingroup, qua đó Trường cũng gia tăng được các đối tác hợp tác nghiên cứu như FPTsoft, Rosen [H20.20.4.01]. Cũng qua hoạt động cải thiện, công tác tổ chức hội nghị khoa học quốc tế MAPR hàng năm đã ngày càng chuyên nghiệp hơn, thu hút được nhiều nhà khoa học tham dự [H20.20.4.02]. Kết quả hợp tác, Trường đã cử được 13 GV, 2 NCV thực tập nghiên cứu tại Viện CNTT Nhật Bản, có 13 GV, học viên hợp tác và thực tập tại Rosen, FPTsoft, Citynow. Bên cạnh đó, các đối tác cũng có các chương trình học bổng hỗ trợ người học tại Trường [H20.20.4.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có chiến lược, mục tiêu, KPI về KHCN rõ ràng, có rà soát và phát triển các quan hệ hợp tác trong NCKH. Trường đa dạng hóa các hoạt động hợp tác NCKH với các đối tác, có nhiều đối tác NCKH có năng lực hợp tác cao hiện tại và trong tương lai.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường chưa tổ chức được hội nghị khoa học trong danh sách Scopus.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và kết thúc)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng lộ trình để hội nghị MAPR trở thành HN Scopus	Phòng ĐTSĐH&KHCN	Từ 2022-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong NCKH	Phòng ĐTSĐH&KHCN và các Khoa.	Từ 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 20</i>	4,40
Tiêu chí 20.1	4
Tiêu chí 20.2	4
Tiêu chí 20.3	4
Tiêu chí 20.4	4

TIÊU CHUẨN 21. KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

PVCĐ là một trong ba chức năng quan trọng của một trường đại học bên cạnh chức năng đào tạo và NCKH. Yếu tố PVCĐ gắn liền với sứ mạng của Nhà trường ngay từ khi mới thành lập: *Trường ĐHCNTT là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và PVCĐ” [H21.21.1.01].* PVCĐ cũng là một trong hệ thống các giá trị cốt lõi của Nhà trường: *Định hướng các hoạt động đào tạo và NCKH cho PVCĐ, phục vụ cho sự phát triển chung của đất nước và phục vụ nhân loại [H21.21.1.02].* Đồng thời PVCĐ còn là một phần thiết yếu trong triết lý giáo dục: *Có hoài bão, đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội [H21.21.1.03].*

Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐHCNTT lần thứ III, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định các giải pháp thực hiện các hoạt động đào tạo, NCKH gắn với cộng đồng, phục vụ nhu cầu phát triển của thành phố như *Xây dựng chương trình nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn kết với doanh nghiệp, với chương trình phát triển của ĐHQG-HCM và của Tp. HCM. [H21.21.1.04].*

Trên cơ sở đó KHCL giai đoạn 2016-2020 đã xác định các hoạt động, chỉ số, chỉ tiêu về PVCĐ như: *Xây dựng mạng lưới với cơ quan quản lý NCKH của địa phương, doanh nghiệp, đối tác nước ngoài để gia tăng các đề tài NCKH/CGCN, qua đó phát triển mạnh về NCKH/CGCN; Tổ chức các hoạt động xã hội có liên quan đến CNTT cho cộng đồng ,...[H21.21.1.05]*

KHCL giai đoạn tiếp theo 2021-2025 cũng đã xác định mục tiêu trọng tâm là *Đẩy mạnh nghiên cứu trọng điểm, nghiên cứu phục vụ nhu cầu phát triển của địa phương và PVCĐ, trong đó có một số mục tiêu cụ thể như: Hỗ trợ học tập và hoạt động cộng đồng của sinh viên; Thúc đẩy phát triển và quảng bá các ứng dụng CNTT dành cho cộng đồng; Xây dựng mô hình gắn kết và phát huy tiềm năng của cộng đồng cựu SV, doanh nghiệp cựu SV, đặc biệt là doanh nghiệp thành đạt [H21.21.1.06].*

Với tầm quan trọng của yếu tố PVCĐ nêu trên, hoạt động kết nối và PVCĐ được Nhà trường chính thức ban hành thành văn bản từ năm 2019 nhằm cung cấp các dịch vụ PVCĐ để thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, mang lại giá trị lâu dài cho các thành viên trong và ngoài trường [H21.21.1.07].

Quy định về PVCĐ được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật (Quyết định 134 của Chính phủ), của Bộ GD&ĐT (Thông tư 12), của ĐHQG-HCM (Quyết định 134, 1251) và của Trường ĐHCNTT (Quyết định 249). Hoạt động kết nối và PVCĐ đảm bảo được thực hiện thường xuyên, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của Trường và đảm bảo sự cải tiến không ngừng nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và sự hài lòng của các bên liên quan. Quy định cũng thể hiện rõ về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm thực hiện của các bên liên quan. Hiệu trưởng có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện nhằm phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể trong việc triển khai thực hiện hoạt động kết nối và PVCĐ. Phòng CTSV là đơn vị đầu mối tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành kế hoạch thực hiện kết nối và PVCĐ; theo dõi, giám sát quá trình triển khai, tổ chức thực hiện và đề xuất khen thưởng, kỷ luật tập thể, cá nhân có thành tích hoặc vi phạm các hoạt động kết nối và PVCĐ hằng năm. Các phòng, ban, khoa có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào các chương trình khác để triển khai hoạt động kết nối và PVCĐ theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị và theo kế hoạch hằng năm của Trường; báo cáo kết quả thực hiện cho Trường thông qua chuyên viên phụ trách của phòng CTSV là Trương Quốc Dũng. [H21.21.1.08].

Bên cạnh đó, các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV cũng xây dựng kế hoạch để tổ chức các hoạt động PVCĐ hằng năm [H21.21.1.09].

Tự đánh tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện

Từ các chính sách, quy định trên, Nhà trường đã triển khai được khá nhiều hoạt động trong thời gian qua, một số hoạt động chính đáng kể như:

1. Hoạt động về đào tạo và bồi dưỡng:
 - Hoạt động đào tạo theo nhu cầu địa phương: Đào tạo CNTT cho CA Bình

Dương; Triển khai khóa đào tạo “Lập trình web” cho CBVC của Tổng Công ty Điện lực TP.HCM [H21.21.2.01]

- Hoạt động dạy và học gắn kết với cộng đồng, dạy online miễn phí.

2. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học:

- Hoạt động tư vấn hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh được tổ chức hằng năm, gồm các hoạt động giới thiệu về UIT, tư vấn các CTĐT của Trường, cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp [H21.21.2.02].

- Hoạt động giao lưu – hợp tác đào tạo trong & ngoài nước: Ký kết các văn bản hợp tác về liên kết đào tạo với các Trường Đại học Birmingham City, Đại học Bang Oklahoma, Hoa Kỳ, Đại học Bình Dương và Đại học Kinh tế - Luật; Hợp tác với các doanh nghiệp về CNTT&TT: Công ty Phần mềm FPT (FSOFT), Công ty TNHH KMS Technology Việt Nam, Công ty DEK Technologies Việt Nam, Công ty Cổ phần BKAV, Công ty Dyned Internanational Inc, Công ty Citinow và PwC Limited (Việt Nam),... [H21.21.2.03].

- Hoạt động giao lưu, trao đổi, thực tập, kiến tập quốc tế của GV, SV với nhiều đoàn ra, đoàn vào hằng năm [H21.21.2.04].

- Giao lưu, hợp tác với doanh nghiệp: Ngày hội sinh viên và doanh nghiệp được tổ chức hằng năm với đông đảo SV (trên 2000SV) và các doanh nghiệp về CNTT&TT tham gia. Đặc biệt năm 2019 Ngày hội việc làm Japan IT Job Fair dành riêng cho thị trường việc làm tại Nhật bản lần đầu được tổ chức tại Trường ĐHCNTT. Song song đó, các chuỗi hội thảo chuyên đề về CNTT&TT cũng được tổ chức hằng năm nhằm giới thiệu sản phẩm công nghệ mới, tư vấn kỹ năng nghề nghiệp cho SV [H21.21.2.05].

- Các hoạt động kết nối doanh nghiệp thông qua tuyển dụng, thực tập, học bổng: Chương trình với Uber Việt Nam Hội thảo Khởi nghiệp - Đam mê và thách thức (2017); chương trình Google Outreach event, giới thiệu cơ hội thực tập, việc làm cho sinh viên CNTT tại Google châu Á (2017); chương trình học bổng UIT Global; chương trình Quỹ học bổng UIT Anti Covid; Quỹ học bổng Salang Foundation (2015-2019); Quỹ Micosoft YouthSpark dành cho nữ sinh (2015-2018); các đợt SV tham quan thực tế các công ty mỗi năm;... [H21.21.2.06].

- Các Hội nghị Khoa học, cuộc thi học thuật SV: Cuộc thi “Sinh viên với An toàn thông tin 2017; Ngày hội Bảo mật và An toàn thông tin (SECDAY 2018); Cuộc thi Game UIT Hackathon 2018 với sự tham gia của tất cả sinh viên trên cả nước. Hội nghị quốc tế hằng năm (MAPR 2018, 2019, 2020, 2021); Hội nghị Khoa học trẻ và nghiên cứu sinh hằng năm. [H21.21.2.07].

- Sinh viên, Giảng viên tham gia các cuộc thi do Thành phố, Thành Đoàn tổ chức: Sinh viên 5 tốt (hằng năm); Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp Thành (2017); Cuộc thi ý tưởng sáng tạo trẻ TP.HCM (2017); Micro vàng do Đài tiếng nói Nhân dân TP.HCM tổ chức (2019);... [H21.21.2.08].

- Một số hoạt động hỗ trợ học thuật khác như: Biên soạn giáo trình, tài liệu, sách tham khảo; Tham gia đề án “Liên kết nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ TP.HCM năm 2020” của Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM; liên kết với Hiệp hội các Thư viện đại học, cao đẳng phía Nam (VILASAL); phối hợp chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin với Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM; Hệ thống UIT-Cloud tiếp tục phát huy hiệu quả khi triển khai cho nhiều đối tượng và các cá nhân thuộc ĐHQG-HCM [H21.21.2.09].

- Các hoạt động tình nguyện của SV và CB, GV, NV:

- Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, máy tính cũ - tri thức mới được thực hiện hằng năm; Công trình thanh niên do Đoàn TN tổ chức; Chương trình thiện nguyện “Mùa xuân yêu thương” cũng được Công đoàn Trường phát động hằng năm [H21.21.2.10].

3. NCKH PVCD:

Thực hiện các đề tài/dự án của TP.HCM và Bình Dương, Đồng Nai; dự án “Giải pháp công nghệ *IoTs/5G* sử dụng kỹ thuật xử lý dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo cho đô thị thông minh” với sự đầu tư của Quỹ Đổi mới sáng tạo Vingroup; dự án “Nghiên cứu độ đo đánh giá tầm ảnh hưởng và sự lan tỏa thông tin trên mạng xã hội và Xây dựng hệ thống quản trị chiến lược tiếp thị ảnh hưởng trên mạng xã hội” với sự đầu tư của Công ty CP Phát triển Công nghệ VinTech; dự án với tập đoàn Hưng Thịnh (04 đề tài); đề tài NCKH cấp Sở và các đề tài dịch vụ KHCN của Trung tâm An ninh mạng; 03 hợp

đồng dịch vụ với VP ĐHQG-HCM với Trung tâm CITD [H21.21.2.11]. Ngoài ra, Phòng thí nghiệm ATTT của Trường cũng thực hiện chức năng dành cho cộng đồng “Áp dụng chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học về lĩnh vực an ninh thông tin, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin an toàn cho cộng đồng.” [https://inseclab.uit.edu.vn/]

Quy định quản lý về hoạt động kết nối và PVCĐ được Trường xây dựng căn cứ theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT, Quyết định 1521/QĐ-ĐHQG của ĐHQG-HCM và Quyết định 249/QĐ-ĐHCNTT của Trường do đó đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và quy định cũng thể hiện rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ thông qua trách nhiệm thực hiện của Hiệu trưởng, và của các đơn vị liên quan [H21.21.2.12].

Hàng năm, Nhà trường thực hiện báo cáo tổng kết trên tất cả các lĩnh vực, từ báo cáo tổng kết của các đơn vị chức năng cho đến báo cáo tổng kết công tác Đoàn TN, Hội SV và Công đoàn. Nội dung báo cáo tổng kết đã thể hiện đầy đủ kết quả triển khai các chính sách, hướng dẫn cho hoạt động kết nối và PVCĐ của toàn trường [H21.21.2.13]. Các báo cáo này đều được gửi đến các đơn vị để lấy ý kiến đóng góp đồng thời phổ biến tại Hội nghị CBVC hằng năm. Thông qua các góp ý gián tiếp và trực tiếp tại Hội nghị, Nhà trường đã tiếp thu và tổng hợp thành những phương hướng, kế hoạch cải tiến cho năm tiếp theo [H21.21.2.14].

Đồng thời qua kết quả khảo sát, Nhà trường nhận được sự đánh giá và hài lòng của đội ngũ CB-GV-NV về hoạt động kết nối và PVCĐ ở mức khá cao gần như tuyệt đối (96-98%). Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế vì trong năm 2021 Nhà trường, Đoàn – Hội, Công Đoàn đã tổ chức và khuyến khích CB, GV, NV Nhà trường tham gia nhiều hoạt động vì cộng đồng, như: “Cuộc thi lập trình cho học sinh THPT (UIT Code Contest)”, chiến dịch Xuân tình nguyện năm 2021; Vận động VC-NLĐ tham gia hỗ trợ KTX dọn dẹp khu cách ly, hỗ trợ Công đoàn ĐHQG-HCM trong các chương trình như: Chương trình 107, Chương trình 138, Siêu thị sẻ chia, SOS Kỹ thuật, Gia sư trực tuyến, Đội tác chiến điện tử cho MTTQ TP. Hồ Chí Minh,... Chi tiết kết quả phản hồi của CB-GV-NV xem tại **Bảng 21.2.1** Thống kê kết quả phản hồi của CB-GV-NV về hoạt động kết nối và PVCĐ (Phụ lục 4) [H21.21.2.15].

Tự đánh tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng

Giai đoạn 2017-2021, Trường đã thiết lập hệ thống đo lường và giám sát việc kết nối và PVCD thông qua việc ban hành các chính sách, quy định, hướng dẫn. Các chỉ số đo lường kết quả hoạt động ĐT, NCKH và PVCD đều được thể hiện cụ thể, rõ ràng trong KHCL các giai đoạn [H21.21.3.01]. Đối với việc giám sát và đánh giá hoạt động kết nối và PVCD, Trường đã sử dụng bộ tiêu chí như sau:

STT	CÁC HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
1	Hoạt động dạy học trong môi trường cộng đồng	
	Hoạt động đào tạo theo nhu cầu địa phương	P. ĐTĐH
	Các hoạt động dạy học gắn kết cộng đồng	P. ĐTĐH
2	Các hoạt động gắn kết cộng đồng	
	Hoạt động tư vấn hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh	Ban Tư vấn tuyển sinh
	Hoạt động giao lưu – hợp tác đào tạo trong & ngoài nước	P. QHĐN
	Hoạt động giao lưu, trao đổi, thực tập, kiến tập quốc tế của GV, SV	P. QHĐN
	Giao lưu- hợp tác doanh nghiệp	P. CTSV
	Các hoạt động kết nối doanh nghiệp thông qua tuyển dụng, thực tập, học bổng	P. CTSV
	Tổ chức Hội nghị Khoa học, cuộc thi học thuật SV	P. SĐH&KHCCN
	Sinh viên, Giảng viên tham gia các cuộc thi do Thành phố, Thành Đoàn tổ chức	Đoàn Thanh niên; Các Khoa
	Một số hoạt động hỗ trợ học thuật khác	Các Khoa

3	Hoạt động tình nguyện của cán bộ, giảng viên và sinh viên	
	Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo,.. ; Công trình thanh niên; Các công tác xã hội khác được thực hiện hằng năm với các kết quả nổi bật	Đoàn Thanh niên
	Chương trình thiện nguyện “Mùa xuân yêu thương” được Công đoàn Trường tổ chức hằng năm và các hoạt động tình nguyện, công tác xã hội khác	Công đoàn Trường
4	Nghiên cứu khoa học dựa vào cộng đồng	
	Tham gia NCKH và Chuyển giao công nghệ	P. SĐH&KHCN
	Công trình, giải thưởng NCKH, tham gia cuộc thi học thuật của SV	P. SĐH&KHCN

Hoạt động PVCD của các tổ chức, đoàn thể đều được lên kế hoạch và triển khai thực hiện hằng năm. Trong kế hoạch luôn xác định các chỉ tiêu, các bên liên quan tham gia đóng góp và các nguồn lực hỗ trợ [H21.21.3.02].

Bảng 21.3.1 tại Phụ lục 3 là một số CSDL, kết quả đạt được được trích dẫn từ báo cáo tổng kết của Công đoàn, Đoàn TN và Hội SV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến PVCD dưới sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của Đảng ủy Trường ĐHCNTT [H21.21.3.03].

Ngoài ra đối với hoạt động đào tạo cho cộng đồng và NCKH PVCD cũng được các đơn vị chức năng lồng ghép thực hiện dưới sự thanh tra, giám sát của Phòng TT-PC-ĐBCL hằng năm [H21.21.3.04].

Định kỳ tháng 01 hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị tài chính nhằm cân đối thu chi đối với các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Nguồn thu của Trường được xác định từ các hoạt động thiết yếu như học phí, dịch vụ và chuyển giao công nghệ. Các khoản chi cho các hoạt động cũng được phân bổ theo kế hoạch hoạt động năm của các đơn vị, đoàn thể, đối chiếu với kết quả hoạt động của năm trước đó và theo quy chế chi tiêu nội bộ [H21.21.3.05].

Ngoài ra, Trường cũng thực hiện báo cáo tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD đã triển khai từ khi ban hành quy định đến nay [H21.21.3.06].

Tự đánh tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Nhằm cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCD tại Trường ĐHCNTT, năm 2021, Trường đã tổ chức buổi seminar với sự tham dự của toàn thể CB, GV, NV tại các đơn vị chức năng, các đoàn thể [H21.21.4.01]. Qua ý kiến đóng góp tại buổi seminar, Trường xác định được một số hoạt động kết nối và PVCD đã được duy trì hằng năm và mang lại hiệu quả thiết thực cho cộng đồng, địa phương. Các nội dung này gắn liền tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi mà Nhà trường hướng đến: “*Trường Đại học Công nghệ Thông tin là một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phục vụ cộng đồng*”; “*Định hướng các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học cho phục vụ cộng đồng, phục vụ sự phát triển chung của đất nước và phục vụ nhân loại*” [H21.21.4.02].



Chương trình Mùa xuân yêu thương do Công đoàn trường tổ chức hằng năm đã mang lại nhiều phần quà thiết thực giúp người dân các vùng Bù Gia Mập – Bình Phước, Bạc Liêu đón cái Tết nguyên đán ấm áp hơn. Chương trình mùa hè xanh, máy tính cũ - tri thức mới do Đoàn TN, Hội

SV thực hiện hằng năm, ngoài việc dạy tin học ứng dụng, mở lớp đào tạo sửa chữa các lỗi cơ bản về phần cứng, cài đặt phần mềm cho các đơn vị có nhu cầu, đội SV tình nguyện đã cùng nhau nghiên cứu, sửa chữa, lắp ráp các linh kiện máy tính cũ để trao tận tay người dân các địa phương các bộ máy tính đã hoàn thiện (Bảng 21.4.1) [H21.21.4.03]

Năm	Chương trình máy tính cũ – tri thức mới	Số lượng
2017	Phòng máy tại xã Đăk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông	10 bộ máy tính
	Phòng máy tại xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang	10 bộ máy tính
	Phòng máy tại Trường tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai. Huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai	10 bộ máy tính
	Phòng máy tại Trường THCS Bình Minh, thôn 3, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	5 bộ máy tính
	Phòng máy tại Trường THCS Chu Văn An, thôn Đak Xuyên, xã Đak NBan, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	5 bộ máy tính
2018	Phòng máy cho Trường THCS Lộc Thiện, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.	30 bộ máy tính
	Trường Tiểu học Tân Thạnh, xã đảo Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang.	10 bộ máy tính
2019	Huyện Củ Chi, TP.HCM	11 bộ máy tính
2020	Huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp	20 bộ máy tính
2021	Hội liên hiệp Thanh niên TP.HCM, chương trình tình nguyện tại Củ Chi	03 bộ máy tính
	Chương trình của Báo Thanh niên, hỗ trợ học sinh khó khăn sau bão lụt tại Quảng Bình	05 bộ máy tính

Bảng 21.4.1. Thống kê chương trình máy tính cũ – tri thức mới trong 5 năm 2017-2021

Ngoài ra, Trung tâm an ninh mạng của Trường đã có nhiều cải tiến trong việc cung cấp một số dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng đáp ứng nhu cầu các bên liên quan như: Đào tạo và cấp chứng nhận lớp CCNA, CEH và DevNet; Kết hợp Cục An toàn Thông tin tổ chức diễn tập và bảo đảm an toàn thông tin mạng; Đánh giá an toàn thông tin các công thông tin, hệ thống CNTT, kiểm thử phần mềm cho một số công ty, đơn vị hành chính; Tổ chức diễn tập ATTT online cho ĐHQG-HCM,..[H21.21.4.04]

Tương tự, với hoạt động NCKH PVCD thông qua chuyển giao công nghệ cũng có nhiều cải tiến được Phòng ĐTSĐH-KHCN thực hiện hằng năm. Trong năm 2021, Nhà trường thực hiện được 14 sản phẩm chuyển giao công nghệ thu về 500 triệu đồng cho hoạt động này. Sản phẩm cụ thể như Bảng 21.4.2.

TT	Sản phẩm tiềm năng CGCN	Đơn vị thực hiện
1.	UiTiOt: Giải pháp mạng thử nghiệm IoTs và tích hợp ứng dụng IoTs trên Cloud (http://iot.uit.edu.vn/)	Bộ môn Mạng máy tính/Khoa MMT&TT
2.	Thiết bị định tuyến không dây [wireless router]	Bộ môn Mạng máy tính/Khoa MMT&TT
3.	Quản lý dịch bệnh gia súc, gia cầm bằng GIS	Khoa Khoa học và Kỹ thuật thông tin
4.	Chống trộm thông minh	Khoa Kỹ thuật máy tính
5.	Hệ điều hành UOS với trợ lý ảo UMIND	Khoa Kỹ thuật máy tính
6.	Nhạc nước nghệ thuật	Khoa Kỹ thuật máy tính
7.	Sen tắm nhiệt độ thông minh	Khoa Kỹ thuật máy tính
8.	Thiết bị định vị và hỗ trợ cứu hộ cứu nạn trên biển	Khoa Kỹ thuật máy tính
9.	CyberTrain (https://cybertrain.uit.edu.vn/)	PTN An toàn thông tin
10.	Hệ thống phòng thực hành ảo hỗ trợ đào tạo một số môn CNTT	PTN An toàn thông tin
11.	Giải pháp thông minh cho các hệ thống giám sát qua camera (SAFTEK)	PTN Truyền thông Đa phương tiện
12.	Hệ thống phát hiện Logo trong ảnh và video hỗ trợ quản lý thương hiệu (UITVISLOGOREC)	PTN Truyền thông Đa phương tiện
13.	Hệ thống phát hiện thông tin bạo lực trong video	PTN Truyền thông Đa phương tiện
14.	Hệ thống đào tạo trực tuyến Easy Online	Trung tâm Phát triển CNTT

Bảng 21.4.2. Các sản phẩm chuyển giao công nghệ

Với các hoạt động kết nối và PVCD nổi bật trong thời gian qua, thông qua nhiều hình thức khảo sát như lấy ý kiến tại các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, các khảo sát bằng phiếu online, offline với nhiều đối tượng khác nhau như CB, GV, NV, SV, SVTN, cựu SV, NTD, Nhà trường đã nhận về nhiều ý kiến thiết thực và đánh giá cao hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường trong thời gian vừa qua cũng tương tự như hoạt động ĐT và NCKH. Chẳng hạn, đối với SVTN đánh giá cao về sự cải tiến của trường qua từng năm với điểm đánh giá như sau [H21.21.4.05]:

Năm thực hiện khảo sát	Tỉ lệ SV tham gia khảo sát	Điểm đánh giá
2021	91.46%	3.62/4 điểm
2020	85.7%	3.35/4 điểm
2019 (đợt 2)	82.2%	3.45/4 điểm
2019 (đợt 1)	81.4%	3.08/4 điểm
2018 (đợt 2)	77.9%	3.23/4 điểm
2018 (đợt 1)	76.5%	3.14/4 điểm
2017 (đợt 2)	82.8%	3.2/4 điểm
2017 (đợt 1)	84.6%	3.2/4 điểm

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhìn chung hoạt động kết nối và PVCĐ tại Trường ĐHCNTT có nhiều cải tiến theo thời gian và đạt được một số kết quả nổi bật. Thành quả này là sự đóng góp của tập thể CB, GV, NV và SV của Trường thông qua hệ thống các chính sách, quy trình, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, việc kiểm tra, giám sát của các bộ phận liên quan và đặc biệt là sự tham gia của các bên liên quan bên ngoài nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Bộ chỉ số, chỉ tiêu về hoạt động kết nối và PVCĐ chưa được tách riêng và thể hiện đầy đủ trong KHCL.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường sẽ thực hiện tách riêng bổ sung đầy đủ bộ chỉ số, chỉ tiêu về hoạt động kết nối và PVCĐ vào KHCL trong đợt rà soát giữa kỳ chiến lược 2021-2025 để việc rà soát, đánh giá thuận lợi, dễ dàng hơn	Phòng CTSV và các đơn vị liên quan	2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		làm cơ sở cho cải tiến chất lượng			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy sự đổi mới, sáng tạo của các cá nhân, tập thể trong thực hiện hoạt động kết nối và PVCD đúng như tinh thần của triết lý giáo dục “Toàn diện, sáng tạo, phụng sự”	Các đơn vị	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	<i>4.00</i>
Tiêu chí 21.1	4
Tiêu chí 21.2	4
Tiêu chí 21.3	4
Tiêu chí 21.4	4

TIÊU CHUẨN 22. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học được Trường xác lập như là các chỉ tiêu cần đạt được trong kế hoạch chiến lược hoạt động của trường để từ đó giúp định hướng trong hoạt động đào tạo của các đơn vị chuyên môn quản lý các chương trình đào tạo, các môn học/học phần. Theo như Kế hoạch chiến lược của trường cho giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ kỳ vọng về SV tốt nghiệp đúng hạn đạt trên 60% và tỷ lệ SV thôi học sau năm đầu tiên nhỏ hơn 6% [H22.22.1.01].

Để giám sát, đối sánh kết quả đào tạo, trường sử dụng hệ thống CNTT Quản lý đào tạo tại qltd.uit.edu.vn với các hình ảnh dashboard cung cấp các thông tin dạng biểu đồ cũng như các thông tin thống kê về số lượng SV nhập học, SV thôi học, SV tốt nghiệp và kết quả thi kết thúc học phần của SV để giúp các phòng đào tạo và các khoa quản lý, ra quyết định dễ dàng hơn [H22.22.1.02].

Bên cạnh sử dụng hệ thống CNTT Quản lý thông tin học tập của SV, định kỳ hằng năm, phòng TTPC-ĐBCL của trường luôn thực hiện việc khảo sát SV đang học, SV tốt nghiệp và Phòng ĐTDH của trường thực hiện thống kê từ hệ thống CNTT Quản lý đào tạo để xác định các học phần có thể là nguyên nhân khiến tỷ lệ SV tốt nghiệp trễ hạn cao để từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến tỷ lệ này.

Kết quả đào tạo được Phòng ĐTDH xác định, giám sát và đối sánh giữa các ngành, chương trình trong Trường và gửi cho các đơn vị chuyên môn để phục vụ cải tiến đào tạo. Những năm gần đây, Trường duy trì tổ chức Hội thảo đào tạo đại học vào cuối năm với sự tham dự của BGH, cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy của các phòng ban, khoa, bộ môn, trung tâm. Tại hội thảo, Phòng ĐTDH trình bày kết quả phân tích tỷ lệ đạt môn học, xếp loại học lực của sinh viên trong năm học; tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của 5 năm liền kề, nhiều vấn đề và giải pháp được đưa ra thảo luận. Kết quả đào tạo được phân tích theo khóa, ngành và toàn trường để phục vụ đối sánh giữa các ngành, chương trình trong Trường [H22.22.1.03].

Đối tượng Năm	ĐHCQ	ĐHTXQM	Cao học	NCS
2017	28%	23%	27%	0%
2018	26%	36%	17%	4%
2019	30%	32%	10%	0%
2020	22%	28%	7%	17%
2021	18%	36%	8%	33%

Bảng 22.1.1. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của SV, HV qua các năm (SV tốt nghiệp đúng hạn theo khóa tại năm được tính / Tổng SV đầu vào của khóa tương ứng)

Khóa	KHM T	KTPM	KTM T	HTTT	MMT-TT	CNTT	ANTT
2013-2017	38.10	35.03	34.09	27.59	49.23	24.07	58.18
2014-2018	43.14	19.71	23.97	20.65	33.66	17.24	55.17
2015-2019	33.64	12.03	15.69	19.10	12.99	26.15	24.18
2016-2020	32.31	31.06	30.48	18.72	27.17	19.23	43.68
2017-2021	35.42	8.63	6.74	2.50	6.12	20.99	8.62

Bảng 22.1.2. Đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của SV trình độ đại học giữa các ngành của trường (%)

Năm	Tổng số SV toàn trường	Số SV thôi học	Tỷ lệ %
2017	4919	251	5%
2018	5301	292	6%
2019	6285	294	5%
2020	7414	313	4%
2021	8521	298	3%

Bảng 22.1.3. Đối sánh tỷ lệ thôi học của SV qua các năm học (Số SV thôi học tính đến cuối năm học / Tổng số SV toàn trường tính tại thời điểm đầu năm học)

	KHMT	KTPM	KTMT	HTTT	MMT&TT	CNTT	ATTT
2013-2017	17	8	13	15	13	16	3
2014-2018	12	14	11	9	12	24	16
2015-2019	6	12	13	11	16	14	7
2016-2020	12	8	17	12	14	9	5
2017-2021	15	8	19	9	9	11	7

Bảng 22.1.4. Đối sánh tỷ lệ thôi học của SV trình độ đại học giữa các ngành của trường (%)

Năm	Tổng số lượt SV đăng ký môn học	Số lượt SV qua môn	Tỷ lệ %
2017	67581	59716	88%
2018	69679	62962	90%
2019	78890	71745	91%
2020	90660	84016	93%
2021	100034	96053	96%

Bảng 22.1.5. Đối sánh tỷ lệ qua môn của SV qua các năm học

Năm	Tổng số lượt SV đăng ký môn học	Số lượt sinh viên học lại	Tỷ lệ %
2017	67581	7836	12%
2018	69679	6214	9%
2019	78890	5927	8%
2020	90660	4472	5%
2021	100034	3591	4%

Bảng 22.1.6. Đối sánh tỷ lệ thi lại, học lại của SV qua các năm học (Số lượt sinh viên học lại/Tổng số lượt SV đăng ký môn học)

Với mục đích nâng cao kỹ năng ngoại ngữ cho SV trước khi tốt nghiệp, trường đã ban hành chuẩn ngoại ngữ xét tốt nghiệp đối với SV hệ đại học chính quy

[H22.22.1.04]. Với quy định này, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn bị giảm đi một cách đáng kể. Để giải quyết vấn đề tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn chưa cao do chuẩn ngoại ngữ, nhà trường có các giải pháp khắc phục như: Rà soát, cập nhật các quy định về dạy và học ngoại ngữ trong đó yêu cầu giám sát trình độ ngoại ngữ của SV ngay từ năm nhất [H22.22.1.05], thành lập Ban điều hành đề án dạy và học ngoại ngữ [H22.22.1.06], ưu tiên sắp xếp/bổ trí lớp ngoại ngữ thích hợp, tăng cường các khóa học ngoại ngữ ngoài CTĐT do Trung tâm ngoại ngữ của UIT thực hiện đáp ứng điều kiện của sinh viên và các hỗ trợ khác [H22.22.1.07]. Bên cạnh đó trường cũng mua sắm sách và trang thiết bị hiện đại phục vụ cho việc dạy và học ngoại ngữ để nâng cao trình độ của SV [H22.22.1.08]. Đặc biệt, trường thường xuyên tổ chức các lớp học nâng cao năng lực tiếng Anh dành cho đội ngũ GV [H22.22.1.09].

Tỉ lệ SV thôi học được Trường giám sát thường xuyên và có nhiều chính sách cải tiến như phân công nhóm GV thực hiện đề tài nghiên cứu về tình trạng SV thôi học (2016), tăng cường tư vấn, cảnh báo sớm [H22.22.1.10]. Chính vì vậy mà tỉ lệ SV thôi học giảm đáng kể trong những năm gần đây [H22.22.1.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Để giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trong mỗi khóa học cho tất cả các chương trình đào tạo, trường sử dụng hệ thống CNTT Quản lý đào tạo tại qltdt.uit.edu.vn [H22.22.2.01].

Năm	Tổng số SV toàn trường	Số sinh viên tốt nghiệp trong thời gian			Thời gian Tốt nghiệp trung bình	Tổng số SV tốt nghiệp
		< 4 năm	4-4,5 năm	> 4,5 năm		
2017	4668	68	287	131	4.5	478
2018	5009	57	296	139	4.4	492
2019	5991	97	333	215	4.4	645
2020	7101	107	263	160	4.4	530
2021	8223	104	207	184	4.4	495

Bảng 22.2.1. Đối sánh tỷ lệ thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên trình độ đại học qua các năm

	KTMT	KHMT	MMT-TT	HTTT	KTPM	CNTT
2017	4.62	3.94	4.33	4.28	4.51	3.98
2018	4.27	3.84	4.03	4.27	4.46	4.09
2019	4.36	3.75	3.96	3.98	4.24	3.69
2020	3.94	3.31	3.37	3.85	4.00	3.35
2021		2.97	3.00		3.00	3.00

Bảng 22.2.2. Đối sánh tỷ lệ thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên trình độ đại học qua giữa các ngành của trường qua các năm

Đối với học viên trình độ thạc sĩ thì thời gian tốt nghiệp trung bình sau 2 năm là 5%, thời gian tốt nghiệp trung bình sau 3.5 năm là 65%, còn lại 30% tốt nghiệp sau 4 năm.

Đối với nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ thì thời gian tốt nghiệp trung bình là 4.5 năm đối với ngành Công nghệ thông tin và 6.7 năm đối với ngành Khoa học máy tính.

Kết quả đối sánh qua các năm cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV được cải thiện qua từng năm. Đạt được điều này là do Trường đã nhận thức rõ tầm quan trọng về thời gian tốt nghiệp nên đã triển khai nhiều phương thức đồng bộ nhằm xác định nguyên nhân và cải thiện thời gian tốt nghiệp của SV như:

- Phân tích, đánh giá kết quả khảo sát từ sinh viên, GV để xác định nguyên nhân [H22.22.2.02], [H22.22.2.03].
- Rà soát, các môn học có nhiều SV nợ môn [H22.22.2.04]
- Rà soát hoạt động kiểm tra, đánh giá.
- Giám sát và nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ [H22.22.2.05], [H22.22.2.06].
- Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ SV, bao gồm mở các lớp ôn tập kiến thức trước mỗi kỳ thi [H22.22.2.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhằm đánh giá hiệu quả chất lượng đào tạo, phòng TT-PC-ĐBCL thực hiện định kỳ khảo sát SVTN và Cựu SV để giám sát các thông tin bao gồm tỷ lệ SV có việc làm [H22.22.3.01], [H22.22.3.02], [H22.22.3.03], [H22.22.3.04], [H22.22.3.05], [H22.22.3.06].

Năm	Đúng ngành	Không đúng ngành
2017	96.7	3.3
2018	98.0	2.0
2019	97.2	2.8
2020	96.9	3.1
2021	95.6	4.4

Bảng 22.3.1. Bảng đối sánh tỷ lệ có việc làm của sinh viên toàn trường (%)

Theo kết quả khảo sát trong Bảng 22.3.1, tỷ lệ SV có việc làm sau khi TN luôn đạt ở mức cao trong đó SV có việc làm đúng ngành chiếm tỉ lệ rất cao (trên 95%). Điều này chứng tỏ quá trình rà soát, cập nhật nội dung CTĐT là hoàn toàn phù hợp và đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động.

Năm	2016	2017	2018	2019	2020
HTTT	100	99	98	95.3	97
KHMT	97	100	94	94	91
KTMT	100	97	98	96	94
KTPM	97	100	100	98	96
MMT-TT	97	100	96	95	95
CNTT	Chưa có	98	92	95	95
ATTT	Chưa có	Chưa có	94	97	98
Toàn trường	98	99	96	96	95

Bảng 22.3.2. Bảng đối sánh tỷ lệ có việc làm của sinh viên giữa các ngành của trường (%)

Mặc dù tỷ lệ sinh viên có việc làm luôn đạt trên 95%, nhưng tỷ lệ này có xu hướng giảm qua các năm như kết quả khảo sát trên Bảng 22.3.2. Để tiếp tục duy trì và nâng cao tỷ lệ SV TN có việc làm, Trường đã tổ chức ngày UIT Career Day và các Khoa cũng thường xuyên tổ chức ngày hội SV cấp Khoa để SV có cơ hội tiếp xúc với nhiều doanh nghiệp. Qua đó SV hiểu thêm về môi trường làm việc tại DN, biết thêm về thông tin tuyển dụng và nhiều SV cũng đã được tuyển dụng sau khi các DN phỏng vấn trực tiếp SV tại trường [H22.22.3.07].

Năm	HTTT	KHMT	KTMT	KTPM	MMT-TT
< 6 triệu	0.9	1.9	1.8	1.3	4.9
6 – 10 triệu	33.6	33.3	63.6	14.0	41.7
10 – 15 triệu	42.2	32.4	27.3	34.0	29.1
> 15 triệu	23.3	32.4	7.3	50.6	24.3

Bảng 22.3.3. Bảng đối sánh mức thu nhập năm 2020 của sinh viên vừa TN giữa các ngành của trường (%)

Qua số liệu khảo sát trên Bảng 22.3.3, mức thu nhập của SV các ngành của trường tập trung nhiều nhất ở mức lương 10 – 15 triệu đồng. Đây là mức lương tương đối cao hơn so với các ngành nghề khác tại Việt Nam.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh cải tiến

Sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng người học tốt nghiệp là mục tiêu và hoạt động quan trọng của Trường. Việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan được thực hiện định kỳ hàng năm [H22.22.4.01], [H22.22.4.02], [H22.22.4.03], [H22.22.4.04], [H22.22.4.05], [H22.22.4.06]. Bên cạnh việc thiết lập các quy trình, quy định, các bước để thực hiện khảo sát bao gồm: Lập kế hoạch, thông báo lấy ý kiến NTD, cựu SV (online hoặc offline, tổ chức hội nghị, hội thảo,... Xử lý kết quả khảo sát, gửi kết quả đến các đơn vị liên quan, đăng tải trên hệ thống quản lý online và website Trường hợp trao đổi về việc sử dụng kết quả khảo sát, Phản hồi lại các đối tượng khảo sát.

	2018	2019	2020	2021
Kiến thức chuyên môn	88.6	90.3	90.3	90
Khả năng tự học, sáng tạo	77	87.8	87.8	90
Tác phong công nghiệp	68.6	73.2	73.2	75
Đạo đức nghề nghiệp	80.0	95.1	95.1	86.37
Kỹ năng giao tiếp	77	80.5	80.5	67.4
Kỹ năng làm việc nhóm	82.9	80.5	80.5	90
Trình độ ngoại ngữ	45.7	63.4	56.1	56.8

Bảng 22.4.1. Bảng khảo sát nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng về các kiến thức, kỹ năng của người học tốt nghiệp (%)

Năm	Hài lòng, rất hài lòng	Bình thường	Chưa hài lòng
2018	100.0	0.0	0.0
2019	100.0	0.0	0.0
2020	94.8	0.0	5.2
2021	95.6	0.0	4.4

Bảng 22.4.2. Bảng đối sánh mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp (%)

Kết quả khảo sát có sẵn trên hệ thống nên lãnh đạo Trường rất thuận tiện trong giám sát, đánh giá và đối sánh theo thời gian. Từ kết quả khảo sát, Trường rà soát, đánh giá quá trình cải tiến về CTĐT, hoạt động dạy – học, kiểm tra, đánh giá, hoạt động tư vấn, hỗ trợ để đưa ra những điều chỉnh, bổ sung chính sách sao cho phù hợp. [H22.22.4.07], [H22.22.4.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, học lại, thi lại các môn học, giám sát thời gian tốt nghiệp.

- Có hệ thống giám sát tỷ lệ có việc làm.
- Có xây dựng những biện pháp cải tiến chất lượng để tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.
- Có các biện pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên.
- Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn còn thấp.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có biện pháp thúc đẩy tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn.	P.ĐTĐH	2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giám sát để hệ thống có thể đưa ra các cảnh báo sớm cho người học để cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình.	P.ĐTĐH	2023	

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 22	5.25
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	5
Tiêu chí 22.3	6
Tiêu chí 22.4	5

TIÊU CHUẨN 23. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường có quy định về loại hình NCKH, số tiết NCKH mà một GV, NCV cần đạt trong năm học. Các hoạt động NCKH đều được quy đổi ra giờ NCKH để Nhà trường đánh giá việc hoàn thành giờ NCKH của GV, NCV [H23.23.1.01]. Các hoạt động của GV, NCV được định kỳ cập nhật lên hệ thống khcn.uit.edu (trừ hoạt động giảng dạy) để Nhà trường theo dõi, giám sát, thực hiện việc quy đổi giờ nghĩa vụ và thực hiện khen thưởng các cá nhân có thành tích vượt trội, có thành tích xuất sắc [H23.23.1.02].

Trường đã xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu; xây dựng CSDL và được cập nhật về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV và cán bộ nghiên cứu. Đặc biệt là Dashboard đối sánh, hiển thị trực quan các dữ liệu hỗ trợ lãnh đạo ra quyết định [H23.23.1.03].

Nhà trường thiết lập hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan kể từ khi đi vào hoạt động, các góp ý được thu thập dưới nhiều hình thức: Góp ý trực tiếp trong các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, seminar, góp ý gián tiếp thông qua email, phiếu khảo sát,... Trong đó Quy định khảo sát lấy ý kiến CB-GV-NV về điều kiện, môi trường làm việc tại Trường ĐHCNTT (có nội dung về hoạt động NCKH của GV, NCV) được ban hành chính thức theo quyết định số 287/QĐ-ĐHCNTT, ngày 25/6/2021 (trước đó là quy định tạm thời ban hành năm 2017 và triển khai thực hiện khảo sát bằng phiếu hỏi từ năm 2015) [H23.23.1.04].

Trường định kỳ rà soát và cập nhật quy định về giờ NCKH, khen thưởng KHCN sao cho phù hợp hơn, chẳng hạn Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, 2022 đã cập nhật chi tiết hơn các quy đổi loại hình NCKH sang giờ NCKH hành chính. Hoạt động khen thưởng KHCN cũng không ngừng được cải thiện, chi tiết hơn và bao quát hơn cho các hoạt động NCKH, đặc biệt là khen thưởng các bài báo khoa học được đăng trên các tạp chí uy tín [H23.23.1.05]. Trong quá trình vận hành quản lý hoạt động NCKH, Nhà trường luôn trao đổi và tiếp nhận các ý kiến đóng góp của VC-NLĐ trong trường, nhờ đó công tác quản lý luôn được cập nhật. Việc đối sánh với các đơn vị bạn về loại hình NCKH cũng được tiến hành khi Trường xây dựng các dự thảo về quản lý KHCN, như

tham khảo quy định của ĐH Kinh tế thành phố HCM, của đại học Quốc tế, của các trường trong ĐHQG-HCM [H23.23.1.06].

Để đánh giá các kết quả đạt được và đề ra phương hướng, giải pháp cho công tác NCKH, hằng năm Nhà trường tổ chức tổng kết công tác NCKH và đánh giá điểm mạnh, điểm yếu từ đó đưa ra phương hướng, định hướng, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ cho các năm tiếp theo. Đặc biệt, Nhà trường nâng dần chất lượng nghiên cứu cơ bản đối với đề tài D1, đó là yêu cầu sản phẩm phải ít nhất là bài báo đăng toàn văn trong hội nghị khoa học trong danh mục Scopus. Theo kế hoạch chiến lược của ĐHQG-HCM, Nhà Trường cũng đã đưa việc tăng các bài báo Scopus vào kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 [H23.23.1.07].

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Bài báo Scopus/ISI	37	68	54	71	162

Bảng 23.1.1. Bài báo Scopus/ISI của GV, NCV

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường có quy định về hoạt động NCKH của người học, trong đó xác định rõ các loại hình NCKH và chất lượng của các hoạt động NCKH được quy định tại Điều 4 của Quy chế NCKH của sinh viên [H23.23.2.01]. Theo đó, hoạt động NCKH của người học gồm thực hiện đề tài KHCN, công bố bài báo khoa học, tham gia các cuộc thi học thuật, tham gia các nhóm nghiên cứu. Qua quá trình quản lý, giám sát hoạt động NCKH đồng thời đối sánh qua các năm và đối sánh nội bộ giữa các khoa, loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được Nhà trường thường xuyên trao đổi lấy ý kiến trong các cuộc họp giao ban và trong các cuộc họp tổng kết năm của Nhà trường [H23.23.2.02]. Từ các góp ý này, Trường đã ban hành các chính sách khen thưởng, hỗ trợ công bố bài báo khoa học cho tác giả là người học, tăng số lần đăng ký đề tài SV trong năm, qua đó đã thúc đẩy được phong trào NCKH trong người học với số đề tài và bài báo khoa học của SV được cải thiện tăng dần qua các năm (Bảng 23.2.1, 32.2.3).

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số đề tài	20	19	40	74	149

Bảng 23.2.1. Thống kê đề tài sinh viên NCKH

Trường thường xuyên thực hiện so sánh số đề tài SV giữa các khoa và động viên các khoa tích cực tham gia phát triển đề tài SV để có kết quả là gia tăng số đề tài SV trong những năm gần đây, và 100% các khoa đều có đề tài SV (Bảng 23.2.2)

Khoa/Năm	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Khoa Khoa học Máy tính	1	3	3	12	28	28
Khoa Hệ thống Thông tin	1	0	0	3	4	9
Khoa Kỹ thuật Máy tính	14	16	12	6	14	32
Khoa Công nghệ Phần mềm	0	0	0	2	6	12
Khoa Mạng máy tính và Truyền thông	1	1	4	16	15	43
Khoa Khoa học và Kỹ thuật Thông tin	2	0	0	1	7	25

Bảng 23.2.2. Đối sánh đề tài sinh viên NCKH

Hàng năm, Trường dành một khoản kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ NH công bố bài báo khoa học. Điều này góp phần động viên NH tham gia công bố khoa học và số bài báo khoa học có tác giả sinh viên, người học cũng tăng đáng kể (Bảng 23.2.3)

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số bài báo khoa học	1	3	4	25	78
Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	-	-	-	126	205,5

Bảng 23.2.3. Thống kê bài báo khoa học sinh viên được nhận hỗ trợ kinh phí

Các kết quả đạt được trong các cuộc thi học thuật, các bài báo nổi bật được Nhà trường thống kê và tuyên dương khen thưởng tại trang web: [H23.23.2.03], qua đó động viên, khích lệ được ngày càng đông sinh viên tham gia NCKH. Một số kết quả nổi bật của SV được chọn triển lãm dịp Hội nghị khoa học trẻ và NCS, và triển lãm trong hội nghị thi đua của ĐHQG-HCM (Máy giải rubik, điểm danh nhận diện bằng khuôn mặt)

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

CBVC-NLĐ trong trường tham gia công bố các bài báo khoa học trong các tạp chí, hội nghị, hội thảo quốc tế, quốc gia và cấp trường đại học. Hằng năm, các công bố khoa học được CBVC-NLĐ cập nhật lên hệ thống quản lý khoa học của Trường. Các thông tin cần nhật lên hệ thống được hướng dẫn chi tiết và có đủ các thông tin cần thiết của bài báo khoa học như: Nơi công bố, danh sách tác giả trong và ngoài hệ thống ĐHQG-HCM, thuộc Scopus hay không, chỉ số ảnh hưởng (IF), cần hỗ trợ kinh phí hay không, có thuộc đề tài khoa học công nghệ nào không,...[H23.23.3.01]. Các thông tin chi tiết bài báo được quản lý bởi phòng ĐTSĐH&KH-CN. Phòng cũng là đầu mối cung cấp các thông tin về bài báo khoa học cho các yêu cầu thống kê của cấp trên như ĐHQG-HCM, Bộ GD&ĐT. Có thể thấy GV, NCV của Trường nỗ lực tập trung vào các công bố nằm trong danh mục ISI/Scopus có thể được tra cứu trên website <https://khen.uit.edu.vn/scopus-search>. Số bài báo khoa học trong danh mục Scopus tăng đều qua mỗi năm, đặc biệt, có sự tăng đột biến khi Trường có các chính sách ưu tiên, hỗ trợ các công bố trong danh mục ISI/Scopus (Bảng 23.3.1).

Các loại hình và số lượng công bố khoa học của Trường được định kỳ đánh giá trong các báo cáo cuối năm, báo cáo trong HN CBVC-NLĐ, từ đó, dựa trên chỉ tiêu chiến lược, kết quả công bố khoa học và ý kiến CB, GV, NCV tại hội nghị, Nhà trường định hướng các hoạt động chính yếu để tiếp tục cải thiện hoạt động công bố khoa học [H23.23.3.02].

	ISI/ Scopus	2017	2018	2019	2020	2021
Hội nghị quốc tế	Tổng cộng	37	53	61	53	120
	Có	30	41	59	46	114
	Không	7	12	2	7	6
Tạp chí quốc tế	Tổng cộng	14	14	14	29	51
	Có	7	13	9	25	48
	Không	7	1	5	4	3
Hội nghị trong nước	Tổng cộng	21	13	8	16	19
	Có					
	Không	21	13	8	16	19
Tạp chí trong nước	Tổng cộng	4	3	4	9	8
	Có					
	Không	4	3	4	9	8
Tổng cộng		76	83	87	107	198

Bảng 23.3.1. Thống kê các công bố khoa học giai đoạn 2017-2021

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Các TSTT của Trường được quy định tại quy chế về quản trị tài sản trí tuệ. TSTT của Trường bao gồm: Các công bố khoa học, đề tài KHCN các cấp, các luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, và khóa luận tốt nghiệp, GPII, sáng chế, giáo trình, phần mềm,... [H23.23.4.01]. Tính sở hữu TSTT cũng được quy định rõ ràng trong từng trường hợp trong quy chế về TSTT của Trường. Các TSTT phát sinh trong hoạt động của Trường sẽ được giao cho các đơn vị trong Trường theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị. Chẳng hạn, các TSTT liên quan đến đề tài KHCN, bài báo khoa học, phát minh, sáng chế, GPII, tài liệu học tập sau đại học do phòng ĐTSĐH&KHCN quản lý; TSTT liên quan đến nhận diện thương hiệu, các quy trình do phòng TCHC quản lý. [H23.23.4.02]. Trường tổ chức các đợt tập huấn về SHTT để GV, SV của Trường hiểu, tuân thủ luật về SHTT và biết cách đăng ký SHTT với đặc thù của ngành CNTT [H23.23.4.03]. Trong các TSTT, với sứ mạng của Trường là “là một trung tâm hàng đầu về NCKH và chuyển giao công nghệ về CNTT&TT và các lĩnh vực liên quan” nên Trường tập trung

phát triển về khoa học công nghệ. Trường có nhiều giải pháp và chính sách để tăng số lượng đề tài KHCN (Bảng 23.4.1).

Loại	Năm	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
		Cấp NN	0	0	0	0	0
Đề tài	Cấp Tỉnh	1	0	0	0	1	2
	Cấp Bộ, ĐHQG	6	11	5	5	15	42
	Cấp cơ sở	15	14	23	20	33	105
	Doanh nghiệp	1	3	7	4	2	17
Giáo trình	9	2	9	2	5	27	

Bảng 23.4.1. Thống kê đề tài NCKH từ năm 2017 đến nay

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Ngân sách dành cho NCKH luôn được BGH quan tâm và có kế hoạch cụ thể. Kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động KHCN hằng năm được ĐHQG-HCM phân bổ về đơn vị theo từng năm, trong đó bao gồm kinh phí dành cho các đề tài cấp ĐHQG-HCM và kinh phí thường xuyên dành cho hoạt động NCKH. Ngoài ra còn kinh phí từ nguồn thu bổ sung dành cho hoạt động KHCN. Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường hướng dẫn cụ thể từng mục chi cho các hoạt động NCKH [H23.23.5.01]. Bên cạnh đó, kế hoạch phân bổ ngân sách cho các hoạt động của Trường được công khai trong báo cáo tại HN CBVC-NLĐ, và mọi thành viên của Trường đều có thể góp ý đối với việc phân bổ tài chính này, trong đó có kinh phí dành cho hoạt động nghiên cứu [H23.23.5.02].

Phòng KHTC của Nhà trường chịu trách nhiệm giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu trên cơ sở đề xuất của phòng ĐTSDH&KHCN. Trên cơ sở việc xem xét mức thu - chi cho từng loại hình hoạt động nghiên cứu qua các năm, Nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tài chính các năm tiếp theo cho phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với chủ trương phát triển của Nhà trường. Chẳng hạn, những năm gần đây, Trường đẩy mạnh hoạt động

NCKH của SV nên kinh phí dành cho hoạt động này được phân bổ đáng kể (Bảng 23.5.1 và 23.5.2).

TT	Phân loại đề tài	Kinh phí (triệu đồng)					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ	800	0	9.924	3.670	6.744	21.138
3	Đề tài cấp ĐHQG	2.765	2.570	1.680	2.460	4.220	13.695
4	Đề tài cấp Cơ sở	445	500	775	740	1.178	3.638
Tổng cộng		4.010	3.070	12.379	6.870	12.142	38.471

Bảng 23.5.1. Thống kê kinh phí cho NCKH

TT	Phân loại đề tài	Kinh phí (triệu đồng)					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Kinh phí tổ chức Hội nghị KH MAPR		100	100	100	100	400
2	Kinh phí tổ chức HN Khoa học trẻ		60	50	95	85	290
3	NCKH sinh viên	100	95	200	370	894	1659
Tổng cộng		100	255	350	565	1079	

Bảng 23.5.2. Thống kê kinh phí NCKH sinh viên

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Kết quả nghiên cứu và sáng tạo được xác định rõ trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường trong các giai đoạn phát triển. Chẳng hạn, trong năm 2020 của KHCL 2016-2020, Trường phần đầu số bài báo khoa học đăng trên tạp chí ISI/Scopus là 10, số hợp đồng chuyển giao công nghệ là 2. Trong những năm qua, Trường đã lập được

danh sách các sản phẩm có tiềm năng chuyển giao công nghệ. Danh sách này được cập nhật, hiệu chỉnh, và được chọn lọc để giới thiệu đến các đơn vị ngoài Trường qua các buổi triển lãm, đề xuất nhiệm vụ KH-CN các tỉnh [H23.23.6.01]. Trường đã thành lập không gian sáng tạo (UIT Innovation center), tạo điều kiện tối đa về cơ sở vật chất để các nhóm nghiên cứu có không gian làm việc và sáng tạo. [H23.23.6.02].

Chất lượng kết quả nghiên cứu, sáng tạo được các hội đồng chuyên môn nghiệm thu đề tài và các phản biện kín của nơi đăng các công bố khoa học đánh giá. Các chuyên gia trong các hội đồng và các phản biện kín được đảm bảo về chuyên môn theo quy định [H23.23.6.03]. Các TSTT hình thành trong quá trình thực hiện đề tài KH-CN được giám sát và lưu trữ [H23.23.6.04].

Hoạt động rà soát, đối sánh kết quả nghiên cứu và sáng tạo việc thương mại hóa, CGCN do Phòng ĐTSDH&KH-CN thực hiện theo báo cáo tổng kết hằng năm. Rà soát thông qua các cuộc họp định kỳ giữa BGH và lãnh đạo các đơn vị.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 23

1. Tóm tắt điểm mạnh:

Trường có quy định cụ thể về khối lượng và chất lượng hoạt động khoa học công nghệ cho GV, NCV và NH đồng thời có các chính sách để tăng về số lượng và chất lượng hoạt động NCKH. Số lượng các công trình, đề tài, công bố khoa học có chất lượng tốt tăng dần trong giai đoạn 2017-2021.

Trường đã triển khai các loại hình và khối lượng nghiên cứu đa dạng của GV và NH. Định kỳ được giám sát, đối sánh và cải tiến hằng năm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường chưa có bộ phận về thử nghiệm chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp. Công tác chuyển giao công nghệ chưa mạnh.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thành lập đơn vị phụ trách về chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp	Phòng TCHC	2022-2024	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 23	4.33
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	4
Tiêu chí 23.3	4
Tiêu chí 23.4	5
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	4

TIÊU CHUẨN 24. KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Như đã trình bày ở tiêu chuẩn 21, KHCL của Nhà trường đều xác định các chỉ số về hoạt động kết nối và PVCD. Chỉ số này thể hiện cho các lĩnh vực: Dạy học trong môi trường cộng đồng; NCKH và CGCN dựa vào cộng đồng; các hoạt động gắn với cộng đồng trong tư vấn, hỗ trợ người học và các hoạt động tình nguyện, nhân đạo, từ thiện [H24.24.1.01].

Ngoài ra Quy định số 969/QĐ-ĐHCNTT năm 2019 cũng quy định rõ về loại hình và khối lượng hoạt động kết nối và PVCD mà Nhà trường sẽ phải triển khai thực hiện hằng năm [H24.24.1.02].

Để kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động này, đối với khối đoàn thể không chỉ chịu sự giám sát của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên cấp ĐHQG-HCM và cấp Thành phố HCM mà còn có Đảng uỷ trường cử nhân sự thực hiện việc chỉ đạo, lãnh đạo và kiểm tra, giám sát [H24.24.1.03]. Đối với khối các đơn vị chức năng thực hiện hoạt động kết nối và PVCD lồng ghép vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra, giám sát của Phòng TT-PC-ĐBCL. Hoạt động thanh tra, giám sát này được thực hiện định kỳ theo quy định được ban hành năm 2016 [H24.24.1.04].

Kết quả hoạt động của các đơn vị hằng năm đều được tổng hợp thành báo cáo và thực hiện việc đối sánh theo Hướng dẫn về so chuẩn, đối sánh của Trường được ban hành năm 2017 [H24.24.1.05]. Chi tiết tại Bảng 24.1.1 Báo cáo kết quả hoạt động của Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV giai đoạn 2017-2021, Phụ lục 4.

Năm 2021, Trường đã thực hiện việc rà soát, đánh giá hoạt động kết nối và PVCD. Qua đó trên cơ sở tiếp thu các ý kiến đóng góp tại buổi seminar, một số chỉ số về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội dự kiến sẽ được tách riêng và cập nhật, điều chỉnh vào đợt rà soát giữa kỳ KHCL 2021-2025 [H24.24.1.06].

Một số kết quả đối sánh mà trường thực hiện từ 2017 đến 2021 như sau:

Để có cơ sở cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng, Nhà trường thực hiện hệ

thống thu thập thông tin phản hồi bằng nhiều hình thức, phương thức khác nhau. Từ việc lấy ý kiến trực tiếp trong các cuộc họp, hội nghị hội thảo, forum, email, thùng thư góp ý cho đến việc khảo sát bằng phiếu hỏi với hình thức trực tiếp và trực tuyến. Văn bản về khảo sát qua phiếu hỏi được Trường ban hành chính thức từ năm 2013 (đối với khảo sát môn học và khoá học), năm 2015 (đối với khảo sát cựu SV, NTD), năm 2021 (đối với CB, GV, NV và đối với công tác hỗ trợ và phục vụ SV) [H24.24.1.07].

Nhận thức cao việc cải tiến chất lượng liên tục sau khi tự đánh giá và đánh giá ngoài, Trường ĐHCNTT đã lập kế hoạch rà soát, cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2016-2020 và thực hiện cải tiến mỗi năm đối với cả cấp CSGD và cấp CTĐT. Thành tựu đạt được đến năm 2021 đã được trình bày chi tiết ở tiêu chuẩn 21 [H24.24.1.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Những hoạt động về ĐT, NCKH và PVCĐ mà Nhà trường thực hiện trong những năm qua đã mang lại tác động rất lớn đối với xã hội và cộng đồng.

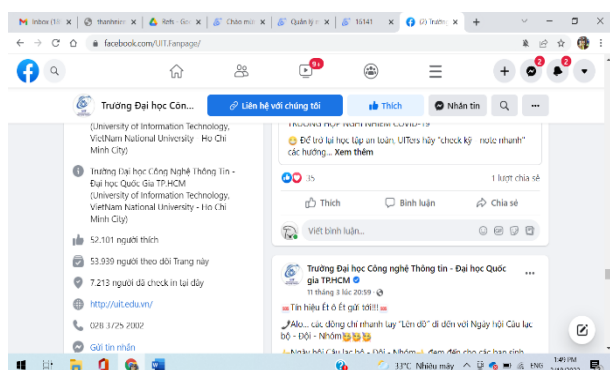
Trong các báo cáo về công tác tuyển sinh hằng năm, Nhà trường đều có sự phân tích đến tính tác động của xã hội và cộng đồng đối với Trường. Hằng năm số lượng thí sinh đăng ký vào trường rất lớn (gần gấp đôi so với chỉ tiêu), số trúng tuyển thường xuyên cao hơn chỉ tiêu đầu vào (109% năm 2021). Điều này chứng tỏ uy tín của Trường ngày càng lớn trong xã hội và đối với các phụ huynh, các em thí sinh [H24.24.2.01].

Ngoài ra, các hoạt động khác của Trường cũng được xã hội biết đến, chẳng hạn trang thông tin điện tử TopDev đăng tin Trường ĐHCNTT đứng thứ 2 trong cả nước về đào tạo CNTT tốt nhất hiện nay (<https://topdev.vn/blog/nhung-dai-hoc-dao-tao-cong-nghe-thong-tin-tot-nhat/>); chương trình máy tính cũ – tri thức mới đã được báo Thanh niên đăng tin ngày 26/7/2017 với nội dung về “hoạt động của chương trình “Máy tính cũ – tri thức mới” không chỉ giúp các bạn học tập thêm nhiều kiến thức cho chuyên ngành đang theo học, mà qua đó tất cả còn hiểu thêm nhiều giá trị ý nghĩa của cuộc sống. Qua 9 năm hoạt động, đội đã trao tặng được hơn 300 bộ máy tính, đến hơn 6 tỉnh thành tại khu vực miền nam. Riêng chiến dịch mùa hè xanh năm nay, đội dự kiến sẽ

trao tặng 2 phòng máy, mỗi phòng 10 máy tại huyện Giồng Trôm (tỉnh Bến Tre) và đảo Hòn Chuối (tỉnh Cà Mau)” [H24.24.2.02]

Mới đây, buổi lễ ký kết hợp đồng viện trợ không hoàn lại phòng học thông minh trị giá 1,8 tỷ đồng của Tổng lãnh sự quán Nhật tại Tp. HCM với Trường ĐHCNTT cũng đã được Báo tuổi trẻ đăng tin vào ngày 17/3/2022 [H24.24.2.03].

Ngoài ra, trang Fanpage chính thức của Trường luôn có trên 50 ngàn người tương tác và thích [H24.24.2.04].



Tại Trường ĐHCNTT, hoạt động kết nối và PVCĐ cũng giống như các hoạt động đào tạo và NCKH đều được Nhà trường thực hiện báo cáo hằng năm và so sánh, đối sánh theo quy định, trong đó có triển khai hệ thống giám sát quá trình thực

hiện và thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan qua các kênh. Đó là cơ sở để trường thực hiện cải tiến và nâng cao chất lượng qua các năm, đặc biệt với mảng PVCĐ và đóng góp cho xã hội.

Kết quả khảo sát, đánh giá mức độ tác động của các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng của Nhà trường; **nêu những ghi nhận của xã hội, các tỉnh, đơn vị đối tác về đóng góp của Nhà trường** cho sự phát triển kinh tế-xã hội của cộng đồng qua các khảo sát này

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Các hoạt động kết nối và PVCĐ tại Trường ĐHCNTT đa dạng và phong phú mang lợi ích và hiệu quả thiết thực không chỉ cho tập thể CB, GV, NV của Trường mà còn trang bị thêm nhiều giá trị sống cho các em SV, nâng cao tinh thần phục vụ vì cộng đồng. Chương trình mùa hè xanh hằng năm góp phần xóa mù CNTT cho các em

học sinh và người dân vùng sâu, vùng xa. Các chương trình của Trung tâm An ninh mạng góp phần giúp các tỉnh thành trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Sự tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với tập thể CB, GV, NV của Trường là rất lớn. Tại buổi seminar rà soát, đánh giá tính hiệu quả ĐBCL của hoạt động PVCD được tổ chức vào ngày 28/12/2021, các thầy/cô tham dự đã trao đổi sôi nổi và liệt kê, góp ý thêm nhiều hoạt động kết nối và PVCD mà chưa được Trường kể đến, chẳng hạn việc đào tạo chứng chỉ về ATTT của Trung tâm An ninh mạng, tổ chức diễn tập ATTT online cho các địa phương, cuộc thi “Sinh viên với An toàn thông tin, cuộc thi GameUIT Hackathon,...[H24.24.3.01]

Sự lan tỏa ý nghĩa của hoạt động PVCD này đối với tập thể CB, GV, NV và các em SV còn được thể hiện qua sự tham gia phong trào “Hiến máu nhân đạo” trong những năm qua. Số liệu Bảng 24.3.1 đã cho thấy sự tích cực hưởng ứng của các thầy/ cô và các em SV [H24.24.3.02].

Năm	Kết quả đạt được		
	Số lượt đoàn viên tham gia	Tỷ lệ (%)	Số đơn vị máu thu được (ml)
2017	1011	26.90%	1415
2018	925	23.52%	1021
2019	508	13.03%	648
2020	1012	23.23%	1418
2021	300	5.85%	430

Bảng 24.3.1. Kết quả phong trào “Hiển máu nhân đạo” của tuổi trẻ nhà trường

Bên cạnh đó chương trình thường kỳ “Mùa xuân yêu thương” đã gắn bó với tập thể CB, GV, và NV Trường ĐHCNTT từ năm 2011. Do đó hằng năm, không chỉ CB, GV, NV trong trường mà cả các mạnh thường quân bên ngoài cũng thực hiện quyên góp tiền, sách, vở, gạo, nhu yếu phẩm, quần áo,... để đại diện Đoàn đi đến các vùng quê, hẻo lánh phát cho bà con dân nghèo nhằm chia sẻ một phần nào khó khăn và giúp người dân đón đón Tết được sum vầy, đủ đầy hơn. Bảng 24.3.2 là kết quả mà Công đoàn đã vận động tham gia chương trình “Mùa xuân yêu thương” trong thời gian qua [H24.24.3.03]. Chương trình này đã được các nơi mà Trường đến như Bình Phước, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bạc Liêu, Đak Nông,... đánh giá cao, thậm chí tặng giấy khen, ghi nhận tấm lòng vàng cho Trường [H24.24.3.04].

Năm	Kết quả đạt được		
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số tiền ủng hộ
2017	154	54.80%	70.000.000
2018	160	56.53%	80.000.000
2019	157	52.33%	80.000.000
2020	172	56.20%	80.000.000
2021	163	53.84%	80.000.000

Bảng 24.3. 2. Số lượng và tỷ lệ CBGV ủng hộ Chương trình Mùa xuân yêu thương

Các chương trình tại Trường khi triển khai đều lấy ý kiến của các bên liên quan tham gia để rút kinh nghiệm, đồng thời cải tiến cho hoạt động của năm tiếp theo. Chính vì vậy mà số lượng tham gia giữ ổn định và năm sau tăng hơn so với năm trước đó [H24.24.3.05].

Kết quả kiểm tra, giám sát đối với Công đoàn, Đoàn TN và Hội SV của trường được thể hiện thông qua các giải thưởng và bằng khen mỗi năm như: Công đoàn trường được tặng nhiều cờ thi đua, bằng khen cho cá nhân, tập thể của Công đoàn Giáo dục Việt Nam và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; Đoàn Thanh niên trường được giải thưởng Hồ Hào Hón (2015), bằng khen của Thủ tướng chính phủ (2017), cờ thi đua của Bộ GD&ĐT, 21 danh hiệu khen thưởng cấp Thành và Trung ương, 3 kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ. Hội SV trường nhận được 1 giải thưởng 9/1, 04 giải thưởng Bò câu trắng và bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2019 [H24.24.3.06].

Từ kết quả triển khai quá trình thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ theo quy định ban hành năm 2019, đến nay Nhà trường đã có kế hoạch cải tiến chất lượng PVCĐ đối với NH và đội ngũ CBGV, NV như: Gia sư trực tuyến; dạy lập trình cơ bản cho con CBVC-NLĐ; chương trình "01 triệu sáng kiến - nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19" của Công đoàn Giáo dục Việt Nam; Đồng hành cùng VC-NLĐ vượt qua dịch COVID-19; Tham gia dọn dẹp KTX,.. [H24.24.3.07]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động phục vụ kết nối cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Sự hài lòng của các bên liên quan luôn luôn được Trường xác lập đầu tiên khi thực hiện triển khai các nhiệm vụ PVCĐ cùng với nhiệm vụ đào tạo và NCKH. Hoạt động lấy ý kiến về sự hài lòng của các bên liên quan được Trường thực hiện trên nhiều phương diện từ hệ thống email, forum, hội nghị SV hằng năm, khảo sát bằng phiếu hỏi đối với người học, nhà trường còn có chương trình “Ăn trưa cùng hiệu trưởng” để Hiệu trưởng trực tiếp tiếp nhận các góp ý của người học, BGH có lịch tiếp công dân vào các buổi trong tuần, Phòng TT-PC-ĐBCL thực hiện tiếp công dân mỗi ngày theo quy định. Ngoài ra thùng thư góp ý được đặt nhiều nơi trong trường cũng để nhận góp ý của các bên liên quan. Tương tự đối với CB, GV, NV cũng thông qua hệ thống email cá nhân,

các cuộc họp, hội nghị, hội thảo,... để Nhà trường tiếp nhận các ý kiến đóng góp [H24.24.4.01]

Đối với hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan bằng phiếu hỏi, ngoài việc thực hiện định kỳ theo quy định, theo kế hoạch hằng năm, Nhà trường còn tổ chức hội thảo để lấy ý kiến các chuyên gia, các thầy/cô, các anh, chị cựu SV, các nhà tuyển dụng nhằm cập nhật, cải tiến CTĐT sao cho đáp ứng nhu cầu của xã hội, của thị trường lao động [H24.24.4.02]. Theo đó, kết quả khảo sát CB, GV, NV về điều kiện môi trường làm việc tại Trường năm 2021 cho thấy có 100% CBQL, 95.77% GV và 95.56% CV hài lòng và rất hài lòng về hoạt động PVCD của Nhà trường [H24.24.4.03].

Hệ thống giám sát sự hài lòng của các bên liên quan được Trường thực hiện thông qua chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và đơn vị phụ trách chính công tác thanh tra, giám sát là Phòng TT-PC-ĐBCL. Quy định về hoạt động kiểm tra nội bộ và Quy định về việc ban hành Quy định thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giảng dạy, cố vấn học tập của cán bộ giảng dạy thuộc trường Đại học CNTT, ĐHQG-HCM được Trường ban hành vào năm 2016 với mục đích giúp cho các hoạt động của trường đúng quy định, ổn định và phát triển [H24.24.4.04].

Ngoài ra, hoạt động của Ban thanh tra nhân dân cũng giúp Nhà trường giám sát các hoạt động từ việc thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước đến việc thực hiện nhiệm vụ công tác hằng năm của các đơn vị [H24.24.4.05].

Hoạt động PVCD của các tổ chức Công đoàn và Đoàn TN, Hội SV đều được rà soát, điều chỉnh và đối sánh hằng năm nhằm đáp ứng cao sự hài lòng của các bên liên quan trong công tác phục vụ và đóng góp cho xã hội. Chẳng hạn chiến dịch tình nguyện “Mùa hè xanh” của Trường luôn thu hút đông đảo SV tham gia. Bảng 24.4.1 dưới đây là kết quả thống kê, đối sánh trong thời gian thực hiện từ năm 2017 đến năm 2021. Những năm 2019 đến 2021 do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid nên việc thực hiện bị nhiều hạn chế.

Năm	Chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh			
	Số chiến dịch	Số sinh viên tham gia	Số đội - nhóm	Tổng kinh phí
2017	1	156	9	100
2018	1	167	9	210
2019	1	190	9	240
2020	1	160	9	160
2021	1	270	7	110

Bảng 24.4.1. Các hoạt động tình nguyện chung sức vì cộng đồng của Đoàn TN, Hội SV

Ngoài kế hoạch thực hiện cải tiến của các đơn vị hằng năm, Trường có kế hoạch rà soát, cải tiến tổng thể cho cả giai đoạn 2016-2020. Kế hoạch này xây dựng các giải pháp thực hiện hằng năm cho tất cả các lĩnh vực đào tạo, NCKH cho đến các hoạt động phong trào, hoạt động kết nối và PVCD của các tất cả các đơn vị [H24.24.4.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung tiêu chuẩn 24

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có quy định và chiến lược cũng như kế hoạch hằng năm để xác lập và triển khai các loại hình và khối lượng hoạt động kết nối và PVCD. Các chỉ số này được so sánh, đối sánh theo thời gian, giữa các đơn vị trong Trường và được sự hài lòng của các bên liên quan.

Qua công tác kết nối và PVCD, uy tín của Trường ngày càng tăng cao, được phụ huynh và các em học sinh tin tưởng chọn lựa nhằm trau dồi kiến thức, kỹ năng, thái độ; là nơi tin cậy để các đối tác trao đổi, hợp tác trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH. Điều này cho thấy Nhà trường đang đi đúng hướng để đạt tầm nhìn đến năm 2030 “trở thành trường đại học uy tín về CNTT – truyền thông và các lĩnh vực liên quan trong khu vực Châu Á”.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Chưa thể hiện báo cáo riêng về phân tích tác động của xã hội đối với hoạt động kết nối và PVCĐ mà trường đã thực hiện trong thời gian qua nhằm đánh giá tầm ảnh hưởng của Trường đối với xã hội và so với các CSGD khác trên cả nước.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong đợt rà soát KHCL giữa giai đoạn vào năm 2023, Nhà trường sẽ tách riêng nội dung về PVCĐ trong đó thể hiện chi tiết hơn về các chỉ số tác động của xã hội, của thị trường đến các hoạt động phục vụ và đóng góp xã hội của Nhà trường; thực hiện kế hoạch cũng như báo cáo tách riêng hằng năm.	Phòng CTSV và các đơn vị liên quan	2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy công tác kiểm tra, giám sát trong hoạt động PVCĐ đối với các đơn vị chức năng và các đoàn thể.	Phòng TT-PC-ĐBCL	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	<i>4.00</i>
Tiêu chí 24.1	4
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	4
Tiêu chí 24.4	4

TIÊU CHUẨN 25. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường ĐHCNTT có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ trong Quy chế tài chính; Kế hoạch tài chính hằng năm, kế hoạch 3 năm và kế hoạch 5 năm; KHCL trường các giai đoạn [H25.25.1.01]. Hằng năm Trường đều thực hiện Báo cáo tài chính để đánh giá kết quả thực hiện và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo với các chỉ số, dự toán kinh phí gửi ĐHQG-HCM phê duyệt. Từ năm 2020, các báo cáo và kế hoạch này được thông qua HĐT và được phê duyệt trước khi triển khai [H25.25.1.02]. Trong đó, các chỉ số tài chính được sử dụng cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ chính như: nguồn thu tăng so với năm trước; các nguồn thu từ học phí ĐH & SĐH, lệ phí, thu khác, thu từ các trung tâm trực thuộc, từ hoạt động hướng nghiệp, chuyển giao công nghệ, NCKH; các khoản chi cho cá nhân, chi nghiệp vụ chuyên môn, chi sửa chữa mua sắm, chi cho các đơn vị, nộp thuế, trích nộp quỹ phát triển và hoạt động chung của ĐHQG-HCM, chi hoạt động chuyển giao CN, dịch vụ khoa học.

Trường thực hiện giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ thông qua hệ thống gồm: Sử dụng phần mềm chuyên dụng của Misa cũng như các phần mềm do Trường phát triển [H25.25.1.03]; báo cáo và thông qua kết quả hoạt động tài chính tại Hội nghị CBVC-NLĐ. Trường gửi báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán lên đơn vị cấp trên, và được ĐHQG-HCM thẩm định và duyệt quyết toán hằng năm; Báo cáo và nhận góp ý điều chỉnh cũng như thông qua HĐT (từ năm 2020) [H25.25.1.04].

Nhờ có công tác lập kế hoạch với các chỉ số tài chính cần phân đầu rõ ràng cũng như hệ thống CNTT, hệ thống CSDL lưu trữ các chỉ số tài chính và công tác giám sát được thực hiện hiệu quả, trong 05 năm qua các chỉ số tài chính được cải thiện rõ rệt qua các Bảng 25.1.1 – 25.1.4. [H25.25.1.05].

Cấu trúc nguồn thu	Năm (đơn vị tính: triệu đồng)				
	2017	2018	2019	2020	2021
Từ ngân sách nhà nước	47,765,406,327	35,434,000,000	35,760,000,000	35,734,000,000	13,957,000,000
Từ các nguồn tài trợ, viện trợ	943,400,000	923,060,000	2,262,384,622	1,677,605,200	1,407,287,000
Từ các nguồn thu khác	67,754,852,742	86,525,184,447	119,244,117,009	149,463,108,786	157,882,099,896
Tổng thu	115,520,259,069	121,959,184,447	155,004,117,009	185,197,108,786	171,839,099,896

Bảng 25.1. 1. Thống kê nguồn thu của trường trong 5 năm

Cấu trúc nguồn chi	Năm (đơn vị tính: triệu đồng)				
	2017	2018	2019	2020	2021
Nhân sự	35,146,718,916	39,897,904,516	45,558,583,822	49,241,382,236	74,741,971,766
Học bổng sinh viên	6,748,974,908	6,016,136,995	8,581,958,000	11,271,693,000	14,622,714,000
Cho hoạt động chuyên môn	22,151,925,240	29,032,946,303	34,329,256,776	44,869,130,409	39,534,902,543
Cho NCKH	2,047,353,500	1,690,000,000	6,836,248,540	11,086,511,654	1,855,000,000
Cho mua sắm sửa chữa	12,182,273,271	15,032,730,252	27,560,590,719	28,506,897,238	8,773,128,432
Các mục đích khác	9,046,172,197	7,339,600,665	5,229,607,136	7,262,886,111	5,608,001,553
Trích nộp Quỹ HT HD PT ĐHQG	2,710,098,726	7,587,067,963	8,391,757,741	6,100,000,000	4,351,701,617
Tổng chi	111,129,779,353	115,022,032,912	138,182,516,458	160,534,952,556	159,273,125,658

Bảng 25.1.2. Thống kê nguồn chi của trường trong 5 năm

STT	Phân loại đề tài	Kinh phí (triệu đồng)				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ	800	0	9.924	3.670	6.744
3	Đề tài cấp ĐHQG	2115	2515	1963	2292	3100
4	Đề tài cấp Cơ sở	245	394	671	607,5	497,5
Tổng cộng		2360	2909	2634	2899,5	3597,5

Bảng 25.1.3. Thống kê kinh phí đề tài các cấp

STT	Phân loại đề tài	Kinh phí (triệu đồng)				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Kinh phí công tác quản lý	100	149	286	381	274
2	Kinh phí tổ chức hội thảo	-	59	185	208	-
3	Kinh phí xuất bản giáo trình	43	80	130	85	54
4	NCKH sinh viên		95	195	545	894
Tổng cộng		143	175	325	630	948

Bảng 25.1.4. Thống kê kinh phí các hoạt động nghiên cứu

Hàng năm, Trường thực hiện đánh giá, đối sánh các chỉ số chính trong báo cáo tài chính để từ đó có các cải tiến phù hợp cho năm kế tiếp gồm các nội dung của năm hiện tại: Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu; Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN; Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình đề án, Tình hình thực hiện tài chính bằng nguồn thu đơn vị [H25.25.1.06], Tình hình phân phối chênh lệch thu chi [H25.25.1.07], Tình hình thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên, Đánh giá chung về tình hình tài chính trong năm. Các đối sánh về chỉ số tài chính cốt yếu trong 5 năm như Bảng 25.1.5.

Chỉ số tài chính	Kinh phí (đơn vị tính: triệu đồng)				
	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng thu từ hoạt động đào tạo	59,853,722,220.00	73,034,493,712.00	93,145,769,564.00	131,375,817,278.00	151,783,463,045.00
Tổng chi cho hoạt động đào tạo	51,914,817,947.00	73,034,493,712.00	69,014,761,857.00	61,806,714,853.00	87,396,766,180.00
Chênh lệch thu chi	7,938,904,273.00	0.00	24,131,007,707.00	69,569,102,425.00	87,396,766,180.00
Tổng thu của NCKH	11,822,500,000.00	14,070,653,847.00	16,550,490,556.00	7,673,353,855.00	11,366,496,940.00
Tổng chi cho NCKH	11,450,000,000.00	14,070,653,847.00	14,587,490,556.00	7,123,353,855.00	10,153,826,580.00
Chênh lệch thu chi	372,500,000.00	0.00	1,963,000,000.00	550,000,000.00	1,212,670,360.00

Bảng 25.1.5. Bảng đối sánh chỉ số nguồn thu cho các hoạt động năm

Để có căn cứ cải tiến các chỉ số tài chính hằng năm, Trường đã ban hành các văn bản quy định (quy trình, phương pháp, công cụ, hướng dẫn) về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD [H25.25.1.08]. Trong đó có thể hiện các nội dung khảo sát như: Thầy/Cô hài lòng về công tác lập kế hoạch, quản lý và phân bổ tài chính của Trường?; Thầy/ Cô thấy thu nhập của mình tương xứng với công việc và trách nhiệm được giao; Thầy/ Cô hài lòng về các loại phụ cấp tại Trường (giảng dạy, NCKH, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo,...)

Ngoài ra, hằng năm Trường đều thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi, các góp ý để điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ về các chỉ số tài chính, các hệ số chi trả, các mức thù lao,... [H25.25.1.09]. Các báo cáo khảo sát, báo cáo phân tích đánh giá việc thực hiện năm trước hoặc theo giai đoạn luôn được Trường dùng làm cơ sở để cải tiến chất lượng trong việc lập kế hoạch và triển khai trong năm tiếp theo [H25.25.1.10].

Tự đánh giá đạt mức: 4/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Xác định ĐHQG-HCM với sứ mạng là đơn vị tiên phong trong hệ thống giáo

dục Việt Nam nên cần thiết phải tham gia xếp hạng quốc tế vì đây là một nhiệm vụ vô cùng cần thiết để thể hiện vai trò dẫn dắt, khẳng định uy tín chất lượng giáo dục, cũng như đáp ứng nhu cầu cạnh tranh ngày càng tăng giữa các trường đại học trong khu vực và quốc tế. Theo đó ĐHQG-HCM đã xây dựng và triển khai Đề án “Nâng cao vị thế của ĐHQG-HCM trong khu vực Châu Á thông qua hoạt động xếp hạng đại học QS Châu Á giai đoạn 2017-2020” và sau triển khai hiệu quả đã xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo 2021-2025 (gọi tắt là VNU100). Từ đó các chỉ số thị trường để đáp ứng và phấn đấu theo QR Asia được ĐHQG-HCM và các trường thành viên đưa vào làm cơ sở cho việc xác định chỉ số thị trường của mình. Theo đó, Trường là một đơn vị thành viên của ĐHQG-HCM và thực hiện chung chính sách xác định các chỉ số cạnh tranh, thứ hạng và thị trường để tham gia xếp hạng quốc tế theo tổ chức QS Ranking và hướng đến.

Trong mỗi giai đoạn phát triển, Trường đều xây dựng KHCL và trong đó có xác lập các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Trong KHCL 2016-2020 cũng như giai đoạn 2021-2025, Trường đã xác định các chỉ số về đào tạo như quy mô tuyển sinh đại học, sau đại học; số ngành đào tạo mở mới; số CTĐT được kiểm định; Số đề tài NCKH được cấp mới hằng năm, số bài báo khoa học có phân thành các loại hằng năm;...cũng như các hoạt động PVCĐ được lồng ghép vào trong các hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH, hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên Trường [H25.25.2.01]. Từ KHCL đó, hằng năm Trường đều xác lập các chỉ tiêu, chỉ số thị trường để theo đó từng bước đạt được các mục tiêu KHCL đặt ra trong giai đoạn 5 năm [H25.25.2.02].

Trường thực hiện giám sát về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ thông qua hệ thống CNTT của trường với các Dashboard hiển thị rõ ràng [H25.25.2.03] và các hệ thống khác gồm: Báo cáo trong các cuộc họp BGH hàng tuần, họp giao ban các trường đơn vị toàn trường; báo cáo tổng kết hoạt động và thông qua kết quả hoạt động năm tại Hội nghị CBVC-NLĐ; Báo cáo và nhận góp ý điều chỉnh cũng như thông qua HĐT (từ năm 2020) [H25.25.2.04].

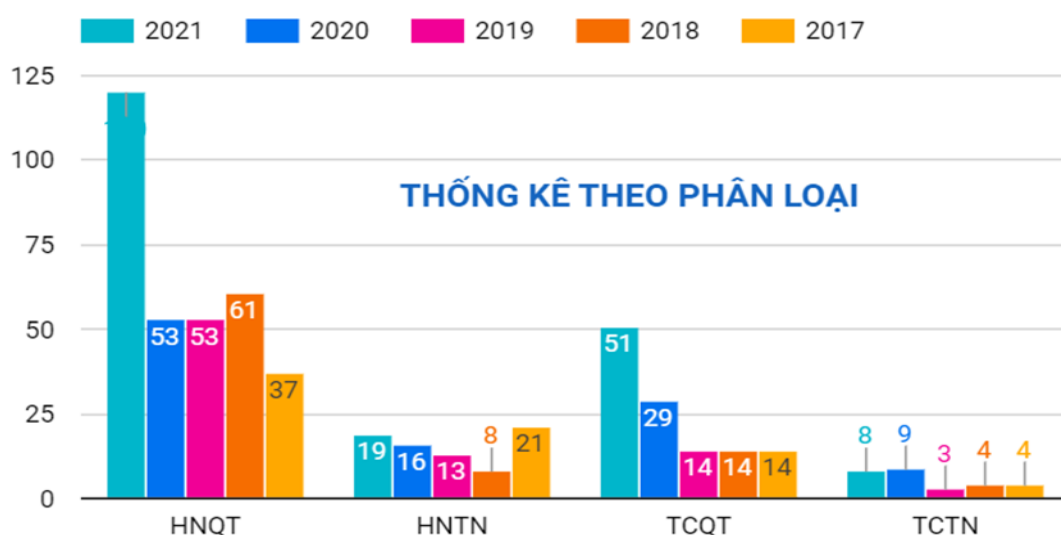
Nhờ có công tác lập kế hoạch, xác định rõ các chỉ số thị trường cần phấn đấu cùng với hệ thống CNTT, hệ thống CSDL lưu trữ, báo cáo khi cần thiết khá đầy đủ mà

các chỉ số thị trường được thực hiện hiệu quả, trong 5 năm qua các chỉ số thị trường được đối sánh và có cải thiện rõ rệt qua Bảng 25.2.1.

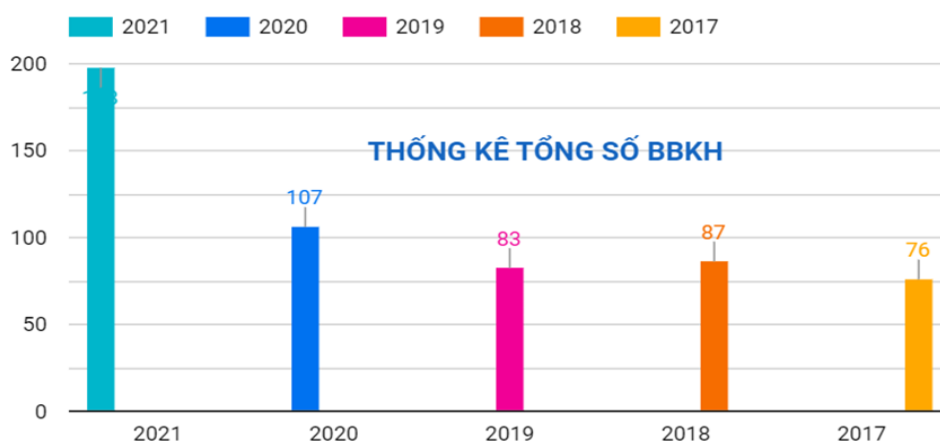
STT	Chỉ số	Thực hiện năm 2016	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Dự kiến 2025
1	Tuyển sinh đại học/năm	1039	1724	1750	2000
2	Tuyển sinh SDH	76	128	99	200
3	Số ngành đào tạo mở mới	7	9	9	8 (01 song ngành, 02 mở mới, 02 ThS, 01 TS, 2 liên thông BS-MS)
4	Số CTĐT được kiểm định	1 AUN-QA, 3 ngoài nội bộ	4 AUN-QA, 4 ngoài nội bộ	5 AUN-QA, 6 ngoài nội bộ	10 AUN, ASIIN, toàn bộ ngoài nội bộ

Bảng 25.2.1. Các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo chính

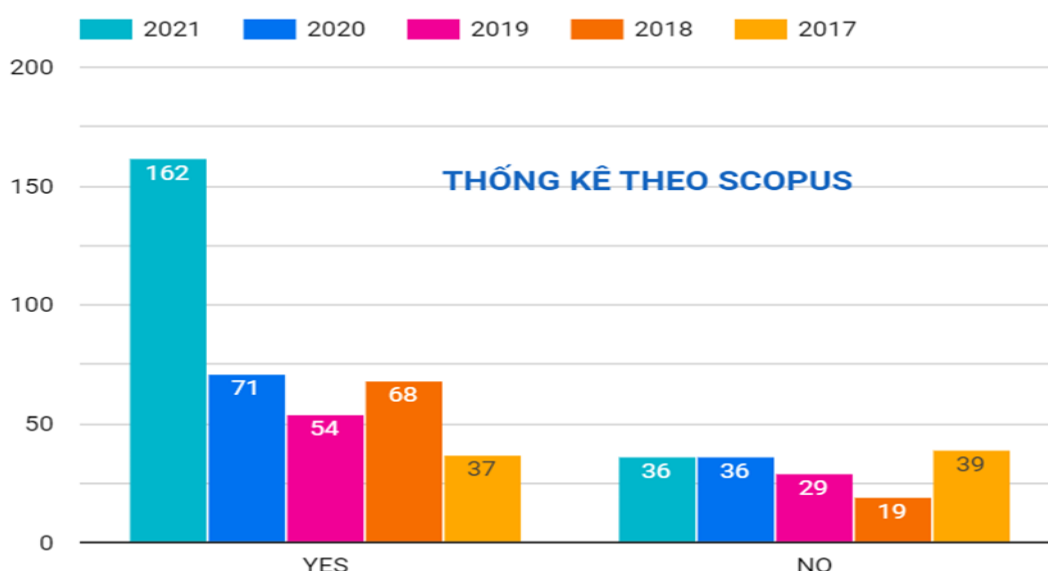
Đặc biệt các chỉ số thị trường về NCKH được cải thiện rõ nét qua các Hình 25.2.1 – 25.2.3.



Hình 25.2.1. Thống kê số lượng bài báo khoa học trong 5 năm



Hình 25.2.2. Thống kê số lượng bài báo khoa học trong 5 năm theo Hội nghị quốc tế, Hội nghị trong nước, tạp chí quốc tế và tạp chí trong nước.



Hình 25.2.3. Thống kê số lượng bài báo khoa học trong 5 năm theo danh mục ISI/Scopus và không nằm trong danh mục này.

Để có căn cứ cải tiến các chỉ số thị trường, hàng năm Trường đều thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi, các góp ý để điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ về các chỉ số thị trường, các hệ số chi trả, các mức thù lao,... [H25.25.2.05]. Các báo cáo khảo sát, báo cáo phân tích đánh giá việc thực hiện năm trước hoặc giai đoạn trường luôn được Trường dùng làm cơ sở để cải tiến chất lượng trong việc lập kế hoạch và triển khai trong năm tiếp theo [H25.25.2.06].

Nhờ có các KHCL phù hợp cùng các chỉ số thị trường được xây dựng, vận hành và cải tiến mà ĐHQG-HCM và Trường là đại diện đã được QS World University Rankings theo hướng ngành Khoa học máy tính và Hệ thống thông tin (by Subject in Computer Science and Information Systems) xếp hạng trong top 551-600 vào năm 2020.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Kết quả và chỉ số tài chính của Trường được xác lập rõ ràng, được đối sánh và cải tiến liên tục trong giai đoạn đánh giá nhờ đó tài chính của Trường có cải thiện rõ ràng, có xu hướng tăng nhanh trong 2 năm gần đây, đáp ứng tốt các nhu cầu phát triển của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số kết quả và chỉ số thị trường như chỉ số cạnh tranh, thị phần chưa được chỉ rõ trong các văn bản.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng đầy đủ các chỉ số thị trường như chỉ số cạnh tranh, thị phần để cải tiến và đạt được tầm nhìn, sứ mạng của Trường.	BGH	Từ 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc lập kế hoạch, xác định các chỉ số tài chính và triển khai hiệu quả để đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.	BGH và các đơn vị.	Từ 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn /tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	<i>4.00</i>
Tiêu chí 25.1	4
Tiêu chí 25.2	4

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	4.60	
1.	1.1	5/7	
2.	1.2	5/7	
3.	1.3	5/7	
4.	1.4	4/7	
5.	1.5	4/7	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	4.50	
6.	2.1	5/7	
7.	2.2	5/7	
8.	2.3	5/7	
9.	2.4	4/7	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	4.75	
10.	3.1	5/7	
11.	3.2	5/7	
12.	3.3	5/7	
13.	3.4	4/7	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	4.75	
14.	4.1	5/7	
15.	4.2	5/7	
16.	4.3	5/7	
17.	4.4	4/7	
I.5	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</i>	5.00	
18.	5.1	5/7	
19.	5.2	5/7	
20.	5.3	5/7	
21.	5.4	5/7	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	4.43	
22.	6.1	5/7	
23.	6.2	5/7	
24.	6.3	5/7	
25.	6.4	4/7	
26.	6.5	5/7	
27.	6.6	4/7	
28.	6.7	4/7	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	4.40	
29.	7.1	5/7	
30.	7.2	5/7	
31.	7.3	5/7	
32.	7.4	4/7	
33.	7.5	4/7	
I.8	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	4.75	
34.	8.1	5/7	
35.	8.2	5/7	
36.	8.3	5/7	
37.	8.4	4/7	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i>	4.80	
38.	9.1	5/7	
39.	9.2	5/7	
40.	9.3	4/7	
41.	9.4	5/7	
42.	9.5	5/7	
43.	9.6	5/7	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	5.50	
44.	10.1	5/7	
45.	10.2	5/7	
46.	10.3	5/7	
47.	10.4	5/7	
II.11	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	6.00	
48.	11.1	6/7	
49.	11.2	6/7	
50.	11.3	6/7	
51.	11.4	6/7	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	4.40	
52.	12.1	5/7	
53.	12.2	5/7	
54.	12.3	4/7	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
55.	12.4	4/7	
56.	12.5	4/7	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	6.0	
57.	13.1	6/7	
58.	13.2	6/7	
59.	13.3	6/7	
60.	13.4	6/7	
61.	13.5	6/7	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	5.80	
62.	14.1	6/7	
63.	14.2	6/7	
64.	14.3	5/7	
65.	14.4	6/7	
66.	14.5	6/7	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập	5.00	
67.	15.1	5/7	
68.	15.2	5/7	
69.	15.3	5/7	
70.	15.4	5/7	
71.	15.5	5/7	
III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	5.25	
72.	16.1	6/7	
73.	16.2	5/7	
74.	16.3	5/7	
75.	16.4	5/7	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	5.00	
76.	17.1	5/7	
77.	17.2	5/7	
78.	17.3	5/7	
79.	17.4	5/7	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH	4.75	
80.	18.1	5/7	
81.	18.2	5/7	
82.	18.3	5/7	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
83.	18.4	4/7	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	4.40	
84.	19.1	4/7	
85.	19.2	4/7	
86.	19.3	4/7	
87.	19.4	4/7	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH	4.40	
88.	20.1	4/7	
89.	20.2	4/7	
90.	20.3	4/7	
91.	20.4	4/7	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	4.00	
92.	21.1	4/7	
93.	21.2	4/7	
94.	21.3	4/7	
95.	21.4	4/7	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo	5.25	
96.	22.1	5/7	
97.	22.2	5/7	
98.	22.3	6/7	
99.	22.4	5/7	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH	4.33	
100.	23.1	5/7	
101.	23.2	5/7	
102.	23.3	4/7	
103.	23.4	5/7	
104.	23.5	4/7	
105.	23.6	4/7	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	4.00	
106.	24.1	4/7	
107.	24.2	4/7	
108.	24.3	4/7	
109.	24.4	4/7	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường	4.00	
110.	25.1	4/7	
111.	25.2	4/7	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất (6 điểm): 11.1; 11.2; 11.3; 11.4; 13.1; 13.2; 13.3; 13.4; 13.5; 14.1; 14.2; 14.4; 14.5; 16.1; 22.3.
- Tiêu chí có điểm thấp nhất (4 điểm): 1.4; 1.5; 3.4; 4.4; 6.4; 6.6; 6.7; 7.4; 7.5; 8.4; 9.3; 12.3; 12.4; 12.5; 18.4; 19.1; 19.2; 19.3; 19.4; 20.1; 20.2; 20.3; 20.4; 21.1; 21.2; 21.3; 21.4; 23.3; 23.5; 23.6; 24.1; 24.2; 24.3; 24.4
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 00/00 (0%).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2022

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Hoàng Tú Anh

Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2021

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Trường Đại học CNTT thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định số 134/2006/TTg ngày 8/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếng Việt: Trường Đại học Công nghệ Thông tin

Tiếng Anh: University of Information Technology

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: ĐHCNTT

Tiếng Anh: UIT-VNUHCM

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

5. Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (028)372 52002, Fax: (028) 372 52148,

Email: info@uit.edu.vn, Website: <https://www.uit.edu.vn/>

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2006

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 11/2006

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2011

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập Bán công Dân lập Tư thục

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Loại hình đào tạo	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)...

1. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

TT	Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	Email
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG, BAN GIÁM HIỆU					
1.	Hội đồng Trường	Vũ Đức Lung	PGS.TS Chủ tịch		lungvd@uit.edu.vn
2.	Ban giám hiệu	Nguyễn Hoàng Tú Anh	PGS.TS Hiệu trưởng		anhnhht@uit.edu.vn
3.	Ban giám hiệu	Nguyễn Tấn Trần Minh Khang	TS Phó hiệu trưởng		khangntt@uit.edu.vn
4.	Ban giám hiệu	Nguyễn Lưu Thùy Ngân	TS Phó hiệu trưởng		ngannlt@uit.edu.vn
ĐẢNG ỦY, ĐOÀN THỂ					
5.	Đảng bộ	Vũ Đức Lung	PGS.TS Bí thư		lungvd@uit.edu.vn
6.	Công đoàn	Đặng Văn Em	ThS Chủ tịch		emdv@uit.edu.vn
7.	Đoàn thanh niên	Nguyễn Thành Hiệp	ThS Bí thư		hiepnt@uit.edu.vn
PHÒNG/BAN					
8.	Phòng Tổ chức Hành chính	Mai Văn Cường	ThS Trưởng phòng		cuongmv@uit.edu.vn
9.	Phòng Thanh tra – Pháp chế - Đảm bảo chất lượng	Trịnh Thị Mỹ Hiền	ThS Trưởng phòng		hienttm@uit.edu.vn

10.	Phòng Đào tạo Đại học	Lâm Đức Khải	TS Trưởng phòng		khaield@uit.edu.vn
11.	Phòng Đào tạo Sau đại học – Khoa học công nghệ	Lê Đình Duy	PGS.TS Trưởng phòng		duyld@uit.edu.vn
12.	Phòng Quản trị thiết bị	Võ Lê Phương	ThS Trưởng phòng		phuongvl@uit.edu.vn
13.	Phòng Kế hoạch chính	Trần Thị Phương Trang	ThS Trưởng phòng		trangttp@uit.edu.vn
14.	Phòng Công tác sinh viên	Nguyễn Văn Toàn	ThS Trưởng phòng		toannv@uit.edu.vn
15.	Phòng Quan hệ đối ngoại	Nguyễn Tuấn Nam	TS Trưởng phòng		namnt@uit.edu.vn
16.	Phòng Dữ liệu & Công nghệ thông tin	Nguyễn Đình Khương	ThS Trưởng phòng		khuongnd@uit.edu.vn
17.	Thư viện	Bùi Văn Thành	ThS Giám đốc		thanhbv@uit.edu.vn
18.	Văn phòng các chương trình đặc biệt	Lê Ngô Thục Vi	ThS Trưởng văn phòng		vilnt@uit.edu.vn
19.	Ban Quản lý cơ sở	Đào Lộc Bình	ThS Trưởng ban		binhdl@uit.edu.vn
KHOA					
20.	Khoa KHMT	Ngô Đức Thành	TS Trưởng khoa		thanhnd@uit.edu.vn
21.	Khoa MMT-TT	Lê Trung Quân	PGS.TS Trưởng khoa		quanlt@uit.edu.vn
22.	Khoa HTTT	Nguyễn Đình Thuận	PGS.TS Trưởng khoa		thuannnd@uit.edu.vn
23.	Khoa KTMT	Nguyễn Minh Sơn	TS Trưởng khoa		sonnm@uit.edu.vn
24.	Khoa CNPM		Trưởng khoa		@uit.edu.vn
25.	Khoa KH&KTTT	Nguyễn Gia Tuấn Anh	TS Trưởng khoa		anhngt@uit.edu.vn

TRUNG TÂM					
26.	Trung tâm Ngoại ngữ	Phan Hoàng Chương	ThS Phụ trách Trung tâm		chuongph@uit.edu.vn
27.	Trung tâm Phát triển CNTT	Lê Đức Thịnh	ThS Giám đốc		thinhld@uit.edu.vn
28.	Trung tâm An ninh mạng	Phạm Văn Hậu	TS Giám đốc		hauptv@uit.edu.vn

2. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Khoa Công nghệ Phần mềm	01	1273	0	0	0	0
Khoa Khoa học Máy tính	02	1201	02 (ThS và TS)	151	0	0
Khoa Hệ thống Thông tin	03	1738	01 (ThS)	53	0	0
Khoa Mạng máy tính & Truyền thông	03	1716	01 (ThS)	21	0	0
Khoa Kỹ thuật Máy tính	01	1001	0	0	0	0
Khoa Khoa học & Kỹ thuật Thông tin	02	1841	02 (ThS và TS)	216	0	0

14. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên (tính đến 31/12/2021)
1	Trung tâm An ninh mạng	2016	Tư vấn, Đào tạo, cấp chứng chỉ về an toàn thông tin và bảo mật mạng	5	0

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên (tính đến 31/12/2021)
2	Trung tâm Ngoại ngữ	2016	Đào tạo và liên kết đào tạo, cấp chứng chỉ ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nhật, Hoa)	0	15
3	Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin	2006	Đào tạo cử nhân CNTT từ xa qua mạng, cấp chứng chỉ CNTT	0	10

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

CSGD cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ, giảng viên¹, nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin dưới đây (Thống kê mỗi loại gồm 5 bảng tương ứng với 5 năm của giai đoạn đánh giá):

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

Bảng 15.1. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên năm 2017

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	150	26	72	55.55
Nghiên cứu viên	17	17.65	0	0
Tổng	167	43.65	72	55.55

Bảng 15.2. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên năm 2018

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	161	24.22	75	53.33
Nghiên cứu viên	17	5.88	0	0
Tổng	178	30.10	75	53.33

Bảng 15.3. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên 2019

¹ Việc xác định giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng áp dụng theo các quy định hiện hành.

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	174	28.74	70	57.14
Nghiên cứu viên	15	6.67	0	0
Tổng	189	35.41	70	57.14

Bảng 15.4. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên 2020

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	183	30.60	92	59.78
Nghiên cứu viên	15	13.33	0	0
Tổng	198	43.93	92	59.78

Bảng 15.5. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên năm 2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	197	33.50	102	59.80
Nghiên cứu viên	18	11.11	0	0
Tổng	215	44.61	102	59.80

16. Thống kê số liệu cán bộ quản lý, nhân viên (2017 – 2021)

Bảng 16.1. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên năm 2017

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	45	0	45
Nhân viên	232	72	304
Tổng cộng	277	72	349

Bảng 16.2. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên năm 2018

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	50	0	50
Nhân viên	234	75	309
Tổng cộng	284	75	359

Bảng 16.3. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên 2019

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	49	0	49
Nhân viên	248	70	318
Tổng cộng	297	70	367

Bảng 16.4. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên 2020

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	49	0	49
Nhân viên	247	92	339
Tổng cộng	296	92	388

Bảng 16.5. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên năm 2021

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	49	0	49
Nhân viên	266	102	368
Tổng cộng	315	102	417

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính (từ 2017 – 2021)

Bảng 17.1. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính năm 2017

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	155	86	241
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	83	53	136
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	72	33	105
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	25	83	108
Tổng cộng		180	169	349

Bảng 17.2. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính năm 2018

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	159	87	246
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	81	51	132
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	78	36	114
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	24	89	113
Tổng cộng		183	176	359

Bảng 17.3. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính năm 2019

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	157	87	244
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	81	55	136
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	76	32	108
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	42	81	123
Tổng cộng		199	168	367

Bảng 17.4. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính 2020.

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	170	92	262
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	79	54	133
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	91	38	129
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	27	99	126
Tổng cộng		197	191	388

Bảng 17.5. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính năm 2021

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	186	98	284
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	87	56	143
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	99	42	141
II	Các cán bộ khác Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	25	108	133
Tổng cộng		211	206	417

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ (từ 2017 – 2021)

Bảng 18.1. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ năm 2017

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	1	0	3	0	4
2	Phó Giáo sư	2	0	5	11	0	18
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	7	12	15	26	0	60
5	Thạc sĩ	44	48	10	32	0	134
6	Đại học	22	1	0	0	0	23
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		75	62	30	72	0	239

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 167² người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 167/241=69.30%

² Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

Bảng 18.2. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ năm 2018

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	1	0	3	0	4
2	Phó Giáo sư	3	0	5	11	0	19
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	9	6	16	26	0	57
5	Thạc sĩ	44	61	14	35	0	154
6	Đại học	0	19	0	0	0	19
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		56	87	35	75	0	253

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu³: 178 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $178/246=72.35\%$

³ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

Bảng 18.3. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ 2019

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	1	0	5	0	6
2	Phó Giáo sư	1	0	4	12	0	17
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	10	19	16	27	0	72
5	Thạc sĩ	49	59	14	26	0	148
6	Đại học	0	16	0	0	0	16
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		60	95	34	70	0	259

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁴: 189 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $189/244=77.46\%$

Bảng 18.4. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ 2020

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	1	0	5	0	6
2	Phó Giáo sư	1	0	5	13	0	19
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	11	26	14	37	0	88
5	Thạc sĩ	46	62	17	37	0	162

⁴ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

6	Đại học	0	15	0	0	0	15
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		58	104	36	92	0	290

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁵: 198 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $198/262 = 75.57\%$

Bảng 18.5. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ năm 2021

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	1	0	6	0	7
2	Phó Giáo sư	1	0	5	14	0	20
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	18	27	16	41	0	102
5	Thạc sĩ	44	65	17	41	0	167
6	Đại học	0	21	0	0	0	21
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		63	114	38	102	0	317

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu⁶: 215 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $215/284 = 75.70\%$

⁵ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

⁶ Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người) từ 2017 – 2021

Bảng 19.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người) năm 2017

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.60	1	0	0	0	0	1	0
2	Phó Giáo sư	7	4.19	7	0	0	0	3	3	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	34	20.36	27	7	1	17	11	4	1
5	Thạc sĩ	102	61.08	71	31	32	55	11	4	0
6	Đại học	23	13.77	18	5	22	1	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		167	100	124	43	55	73	25	12	2

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 30-40 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $42/167 = 25.15\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $102/167 = 61.08\%$

Bảng 19.2. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người) năm 2018

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.56	1	0	0	0	0	1	0
2	Phó Giáo sư	8	4.49	7	1	0	0	5	2	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	31	17.42	27	4	0	17	10	4	0

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
5	Thạc sĩ	119	66.85	78	41	31	68	15	5	0
6	Đại học	19	10.67	15	4	19	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		178	100	128	50	50	85	30	12	1

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 30-40 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $40/178 = 22.47\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $119/178 = 66.85\%$

Bảng 19.3. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người) năm 2019

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.53	1	0	0	0	0	1	0
2	Phó Giáo sư	5	2.65	4	1	0	0	3	1	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	45	23.81	38	7	1	28	12	4	0
5	Thạc sĩ	122	64.55	93	39	25	72	18	7	0
6	Đại học	16	8.47	13	3	16	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		189	100	149	50	42	100	33	13	1

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 30-40 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $51/189= 26.98\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $122/189= 64.55\%$

Bảng 19.4. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người): 2020

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30- 40	41- 50	51- 60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.51	1	0	0	0	0	1	0
2	Phó Giáo sư	6	3.03	5	1	0	0	3	2	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	51	25.76	45	6	1	33	14	3	0
5	Thạc sĩ	125	63.13	44	44	23	74	22	6	0
6	Đại học	15	7.58	1	1	15	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		198	100	96	52	39	107	39	12	1

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 30-40 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $58/198= 29.29\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $125/198= 63.13\%$

Bảng 19.5. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người) năm 2021

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0.47	1	0	0	0	0	1	0
2	Phó Giáo sư	6	2.79	5	1	0	0	3	2	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	61	28.37	52	9	0	37	20	4	0
5	Thạc sĩ	126	58.60	0	45	16	78	26	6	0
6	Đại học	21	9.77	0	0	21	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		215	100	58	55	37	115	49	13	1

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 30-40 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $68/215=31.63\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: $126/215=58.60\%$

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

Bảng 20.1. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu năm 2017

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	20	90
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	70	10
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	10	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
Tổng		100	100

Bảng 20.2. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu năm 2018

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	25	90
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	75	10
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
Tổng		100	100

Bảng 20.3. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu năm 2019

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	25	90
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	75	10
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
Tổng		100	100

Bảng 20.4. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu năm 2020

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	30	95
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	70	5
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
Tổng		100	100

Bảng 20.5. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu năm 2021

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	35	95
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	65	5
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	0	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	0	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
Tổng		100	100

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ chính quy**:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Nghiên cứu sinh							
2017	3	3	-	3	-	7.60	0
2018	1	1	-	1	-	7.50	0
2019	2	2	-	2	-	8.99	0
2020	4	3	-	3	-	7.40	0
2021	3	3	-	3	-	8.70	0
2. Học viên cao học							
2017	101	72	-	69	-	6.62	0
2018	137	108	-	101	-	6.61	0

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019	99	74	-	71	-	7.35	0
2020	146	132	-	128	-	7.65	0
2021	146	102	-	99	-	7.39	0
3. Đại học chính quy							
2017	10739	1181	-	1089	-	24.33	
2018	12135	1688	-	1411	-	21.25	
2019	13305	2527	-	1713	-	23.23	
2020	15452	2045	-	1655	-	25.74	
2021	20232	2724	-	1795	-	26.74	

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD: 8641 người (bao gồm 8223 sinh viên chính quy và 418 học viên).

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2017	64	64	-	64	-	-	0
2018	84	84	-	84	-	-	0
2019	81	81	-	80	-	-	0
2020	65	65	-	64	-	-	0
2021	228	207	-	207	-	-	0

23. Ký túc xá cho sinh viên

TT	Các tiêu chí	2017	2018	2019	2020	2021
1	Tổng diện tích phòng ở (m ²)	242463 m ²	242463 m ²	242463 m ²	242463 m ²	242463 m ²
2	Số lượng sinh viên	4668	5009	5991	7101	8223
3	Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	2340	2655	2993	3276	3440
4	Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	2340	2655	2993	3276	3440
5	Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người	4-8m ² /SV	4-8m ² /SV	4-8m ² /SV	4-8m ² /SV	4-8m ² /SV

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

Các chỉ số	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng (người)	20	19	36	108	163
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0.43	0.38	0.60	1.52	1.98
Tổng số sinh viên	4668	5009	5991	7101	8223

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây

Đơn vị: người

TT	Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	3	0	4	6
2	Học viên tốt nghiệp cao học	83	51	33	32	33
3	Sinh viên tốt nghiệp đại học, Trong đó:					
	Hệ chính quy	478	492	645	530	495

	Hệ không chính quy	186	121	57	41	39
4	Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, Trong đó:	0	0	0	0	0
	Hệ chính quy	0	0	0	0	0
	Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5	Học sinh tốt nghiệp trung cấp, Trong đó:	0	0	0	0	0
	Hệ chính quy	0	0	0	0	0
	Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6	Khác	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	478	492	645	530	495
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	44%	35%	38%	32%	28%
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	73.90	79	80.70	81.50	74.20
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	23.60	18.70	17.80	17.70	8.50
3.3 Tỷ lệ sinh viên	2.50	2.30	1.50	0.80	7.30

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
trả lời KHÔNG học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này => chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này => điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
- Sau 6 tháng tốt nghiệp	95.07%	97.20	96.50	96.60%	94.60
- Sau 12 tháng tốt nghiệp	1.30	0.80	0.70	0.30	10
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)	3.30	2	2.80	3.10	4.40
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	10.70	16.40	9.90	5.50	5.30
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	7,500,000 vnd	7,800,000 vnd	8,200,000 vnd	9,000,000 vnd	9,400,000 vnd
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này => chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này => điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	không khảo sát	34.30	38.10	31	48.90
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm		65.70	61.90	69	46.70

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
(%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)		0	0	0	0

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy: không có

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng (đề tài bắt đầu thực hiện từ năm...)					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	7	11	7	6	18	49
3	Đề tài cấp trường	15	14	23	20	35	107
Tổng cộng		22	25	30	26	53	156

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

$$156/284=0.32$$

29. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2017	11,822,500,000.00	20	49,056,016.60
2	2018	11,822,500,000.00	17	48,058,943.09
3	2019	11,822,500,000.00	5	48,452,868.85
4	2020	11,822,500,000.00	6	45,124,045.80
5	2021	11,822,500,000.00	7	41,628,521.13

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây (2017-2021)

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	182	156	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	11	12	
Trên 6 đề tài	0	1	4	
Tổng số cán bộ tham gia	0	194	172	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					Tổng số
		2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	0	0	0	0	1	1
2	Sách giáo trình	6	2	5	1	3	17
3	Sách tham khảo	0	0	1	0	1	2
4	Sách hướng dẫn	1	1	2	0	2	6
	Tổng cộng	7	3	8	1	7	26

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: $26/284 = 0.09$

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	7	13	9	25
Từ 4 đến 6 cuốn sách	30	41	59	46
Trên 6 cuốn sách	7	1	5	4
Tổng số cán bộ tham gia	4	3	4	9

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Tạp chí khoa học quốc tế, Trong đó:						
	Danh mục ISI	7	13	9	25	48	102
	Danh mục Scopus	30	41	59	46	114	290
	Khác	7	1	5	4	3	20
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	4	3	4	9	8	28
3	Tạp chí / tập san của cấp trường (Kỷ yếu trong nước)	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	48	58	77	84	173	440

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $440/284 = 1.55\%$

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	189	177	156
Từ 6 đến 10 bài báo	20	31	30
Từ 11 đến 15 bài báo	1	2	2
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	210	211	188

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	37	53	61	53	120	324
2	Hội thảo trong nước	21	13	8	16	19	77
3	Hội thảo của trường	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		58	66	69	69	139	401

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần) Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: $401/284 = 1.41$

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	180	205	57
Từ 6 đến 10 báo cáo	5	10	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	185	215	57

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017	<ul style="list-style-type: none"> - Sáng chế "Hệ thống mạng cảm biến không dây dùng cho Bluetooth năng lượng thấp" - Giải pháp hữu ích "Bộ stack mosfet 8 tầng cho vi mạch AC LED Driver" - Giải pháp hữu ích "Bộ bảo vệ quá nhiệt, quá áp cho vi mạch AC LED Driver"
2018	<ul style="list-style-type: none"> - Sáng chế "Procéde pour detecter distinctement des anomalies isolees, des anomalies collectives et des points de ruptures et dans une serie

	temporelle de mesures capteur" số hiệu L. 612-2 R.612-8. Nơi cấp: Pháp - Giải pháp hữu ích "Hệ thống mạng thử nghiệm cảm biến không dây dựa trên nền tảng điện toán đám mây" số hiệu 2-2018-00231
2019	- Sáng chế "Hệ thống tái cấu hình, tái lập trình các thiết bị ngoại vi từ xa qua mạng trong phòng thí nghiệm ảo" số hiệu 1-2019-04036 - Giải pháp hữu ích "Phương pháp dự đoán loại liên kết trong mạng xã hội mới thành lập" số hiệu 2-2016-00144 - Kiểu dáng công nghiệp "Thiết bị trang trí nội ngoại thất" số hiệu đơn 3-2016-02868, số hiệu bằng 27051
2020	- Sáng chế "Phương pháp đồng bộ thời gian cho mạng kết nối không dây", số hiệu đơn 1-2019-06673. - Giải pháp hữu ích "Phương pháp phân lớp ảnh với số lượng lớp lớn sử dụng cây cân bằng" số hiệu đơn 2-2016-00434 - Giải pháp hữu ích "Phương pháp hỗ trợ cảnh báo đuối nước tại hồ bơi dựa trên kỹ thuật đếm và ước lượng đám đông" số hiệu đơn 1-2020-05274 - Giải pháp hữu ích "Phương pháp tìm người tại vị trí xác định từ dữ liệu video" số hiệu đơn 1-2020-05273
2021	0

38. NCKH của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia				Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp ĐHQG	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	346	0	0
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	0	0
Trên 6 đề tài	0	0	0	0	0
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	346	0	0

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2. Thành tích NCKH của sinh viên:

(Thông kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo (cấp toàn quốc)	3	7	11	13	12
	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo (cấp Trường)	Tổ chức để tuyển chọn thi cấp cao hơn mà trao giải cấp Trường				
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	2	3	25	78

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	133,900	x	-	-
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH của trường, Trong đó	27,648	x	-	-
2.1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	11,132.50	x	-	-
2.2	Thư viện, trung tâm học liệu	1,266	x	-	-
2.3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	1,131	x	-	-

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành V	1246	12710
Chính sách dùng chung trong Hệ thống các Thư viện ĐHQG-HCM		
- Hệ thống các Thư viện thuộc các trường thành viên trong ĐHQG-HCM, gồm :		

Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM
Thư viện Trường Đại học Bách khoa
Thư viện Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
Thư viện Trường Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
Thư viện Trường Đại học Kinh tế-Luật
Thư viện Trường Trường Đại học CNTT
Thư viện Trường Đại học Quốc tế
Thư viện Trường Đại học An Giang
Thư viện Viện Tài nguyên Môi trường
- Cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên từ các Trường thành viên đều có thể dùng thẻ cán bộ, thẻ sinh viên, thẻ học viên để đến bất kỳ các Thư viện trên để đọc tại chỗ hoặc mượn trả sách miễn phí
- ĐHQG-HCM mua bản quyền trên 24 Cơ sở dữ liệu điện tử dùng chung cho hệ thống (do Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM quản lý vận hành và cấp quyền truy cập). Các đối tượng đến từ các Trường thành viên trong ĐHQG-HCM đều được đăng ký truy cập các cơ sở dữ liệu điện tử này.

41. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng học	132	Máy lạnh, bảng, bàn, ghế	Sinh viên	10,693	x	-	-
2	Phòng thực hành	21	Máy lạnh, bảng, bàn, ghế, máy tính	Tất cả	5,250	x	-	-
3	Phòng thí nghiệm	7	Máy lạnh, bảng, bàn, ghế, máy tính	Sinh viên	945	x	-	-
4	Phòng học đa phương tiện	1	Bảng, bàn, ghế, máy tính	Sinh viên	186	x	-	-
5	Giảng đường	1	Máy lạnh, bảng, bàn giảng đường, ghế giảng đường	Tất cả	210	x	-	-
Tổng		162	-----	----- --	17,284	-	-	-

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:
- Năm 2017: 115,520,259,069
 - Năm 2018: 121,959,184,447
 - Năm 2019: 155,004,117,009
 - Năm 2020: 185,197,108,786
 - Năm 2021: 171,839,099,896
43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:
- Năm 2017: 59,853,722,220.00
 - Năm 2018: 73,034,493,712.00
 - Năm 2019: 93,145,769,564.00
 - Năm 2020: 131,375,817,278.00
 - Năm 2021: 155,736,834,177
44. Tổng chi cho hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:
- Năm 2017: 11,450,000,000.00
 - Năm 2018: 14,070,653,847.00
 - Năm 2019: 14,587,490,556.00
 - Năm 2020: 7,123,353,855.00
 - Năm 2021: 10,153,826,580.00
45. Tổng thu từ hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng
- Năm 2017: 11,822,500,000.00
 - Năm 2018: 14,070,653,847.00
 - Năm 2019: 16,550,490,556.00
 - Năm 2020: 7,673,353,855.00
 - Năm 2021: 11,366,496,940.00
46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo
- Năm 2017: 51,914,817,947.00
 - Năm 2018: 73,034,493,712.00
 - Năm 2019: 69,014,761,857.00
 - Năm 2020: 61,806,714,853.00

- Năm 2021: 87,396,766,180.00

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2017: 35,146,718,916

- Năm 2018: 39,897,904,516

- Năm 2019: 45,558,583,822

- Năm 2020: 49,241,382,236

- Năm 2021: 74,741,971,766

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

- Năm 2017: 211,800,000

- Năm 2018: 1,236,919,140

- Năm 2019: 606,016,000

- Năm 2020 :540,000,000

- Năm 2021: 0

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	Bộ GD&ĐT	2012	2016	VNU-CEA	29/10-03/11/2016	Đạt 83.60%	12/4/2017	12/4/2022
2	Chương trình đào tạo...	AUN-QA			AUN				
	HTTT	AUN-QA	2013	2016	AUN	15-17/11/2016	Đạt	16/02/2017	15/02/2021
	TT&MT	AUN-QA	2015	2018	AUN	23-25/01/2018	Đạt	25/02/2018	24/02/2023

	KHMT	AUN- QA	2014	2018	AUN	08- 10/01/ 2019	Đạt	10/02/ 2019	9/02/ 2024
	KTPM	AUN- QA	2016	2020	AUN	30/11- 4/12/2 020	Đạt	04/02/ 2021	030/2/ 2026
	KTMT	AUN- QA	2017	2021	AUN	6- 10/9/2 021	Đạt	10/10/ 2021	9/10/ 2026

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu năm 2021):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 215 Giảng viên

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): $215/284=75.70\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): $68/215=31.63\%$

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): $126/215=58.60\%$

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 8223 sinh viên

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 20.2

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 28%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 74.20%

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 8.20%

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên

chưa có việc làm học tập nâng cao (%): 94.60%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 4.40%

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%): 5.30%

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 9.4tr

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)
48.90%

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)
46.70%

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài NCKH, chuyển giao khoa học công nghệ và PVCD trên cán bộ cơ hữu: $156/284 = 0.55$

Tỷ số doanh thu từ NCKH, chuyển giao công nghệ và PVCD trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: $26/284 = 0.09$

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: $400/284 = 1.41$

Tỷ số bài báo trên cán bộ cơ hữu: $401/284 = 1.41$

7. Cơ sở vật chất (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: $27648/1795 = 15.4 \text{ m}^2$

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 4- 8m²

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục: Đạt tiêu chuẩn chất lượng của Bộ GD&ĐT năm 2016 với kết quả 83.60%.

Cấp chương trình đào tạo: 05 chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng của AUN-QA.

B. CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN:

Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD (Phụ lục 1), các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký (Phụ lục 2); Kế hoạch tự đánh giá (Phụ lục 3), Phụ lục các bảng, biểu, thống kê (Phụ lục 4) và Mã hóa thông tin, minh chứng (Phụ lục 5).

Phụ lục 2: Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, và các Nhóm chuyên trách công tác tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục của Trường Đại học Công nghệ Thông tin

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐH CNTT) thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1521/QĐ-ĐHQG ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành quy định về đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-ĐHCNTT ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành quy trình về tự đánh giá và đánh giá nội bộ cấp cơ sở giáo dục tại Trường đại học Công nghệ Thông tin;

Theo đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Pháp chế - Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, và các Nhóm chuyên trách công tác tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục của Trường Đại học Công nghệ Thông tin theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, và các Nhóm công tác chuyên trách có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục & Đào tạo, quy định về đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại ĐHQG-HCM, quy trình về tự đánh giá và đánh giá nội bộ cấp cơ sở giáo dục của Trường Đại học Công nghệ Thông tin.

Điều 3. Các Ông/Bà trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. *J. P. A.*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TTPC-ĐBCL

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Tú Anh



**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHCNTT ngày 10 tháng 11 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Hoàng Tú Anh	Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu	Chủ tịch
2.	Nguyễn Lưu Thuý Ngân	Phó Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu	Phó Chủ tịch
3.	Trịnh Thị Mỹ Hiền	Trưởng phòng	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thư ký
4.	Vũ Đức Lung	Chủ tịch Bí thư Đảng ủy	Hội đồng Trường Tổ chức Đảng	Thành viên
5.	Lâm Đức Khải	Phó trưởng phòng	Phòng ĐTDH	Thành viên
6.	Đặng Văn Em	Chủ tịch	Công đoàn Trường	Thành viên
7.	Nguyễn Thành Hiệp	Bí thư	Đoàn thanh niên	Thành viên
8.	Mai Văn Cường	Trưởng phòng	Phòng TCHC	Thành viên
9.	Lê Đình Duy	Trưởng phòng Thành viên	Phòng ĐTSDH-KHCN Hội đồng khoa học và đào tạo	Thành viên
10.	Nguyễn Văn Toàn	Trưởng phòng	Phòng CTSV	Thành viên
11.	Nguyễn Đình Khương	Trưởng phòng	Phòng DL&CNTT	Thành viên
12.	Trần Thị Phương Trang	Trưởng phòng	Phòng KJTTC	Thành viên
13.	Võ Lê Phương	Trưởng phòng	Phòng QTTB	Thành viên
14.	Bùi Văn Thành	Giám đốc	Thư viện	Thành viên
15.	Đào Lộc Bình	Trưởng ban	Ban QLCS	Thành viên
16.	Nguyễn Tuấn Nam	Trưởng phòng	Phòng QHĐN	Thành viên
17.	Nguyễn Đình Thuận	Trưởng khoa	Khoa HTTT	Thành viên
18.	Ngô Đức Thành	Trưởng khoa	Khoa KHMT	Thành viên
19.	Lê Thanh Trọng	Phó trưởng khoa	Khoa CNPM	Thành viên
20.	Đoàn Duy	Giảng viên	Khoa KTMT	Thành viên
21.	Đình Thanh Toàn	Chủ tịch Hội Sinh viên Trường	Khoa KHMT	Thành viên

Danh sách gồm 21 người.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH BAN THƯ KÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-DHCNTT ngày 10 tháng 04 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	Trịnh Thị Mỹ Hiền	Trưởng phòng	Phòng TT-PC-ĐBCL	Trưởng ban
2.	Dương Ngọc Hào	Phó trưởng phòng	Phòng ĐTSĐH-KHCN	Phó Trưởng ban
3.	Nguyễn Khánh Sơn	Phó trưởng phòng	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thành viên
4.	Nguyễn Đình Loan Phương	Phó trưởng phòng	Phòng ĐTDH	Thành viên
5.	Hồ Thị Minh Phương	Phó trưởng phòng	Phòng QHDN	Thành viên
6.	Nông Thị Diệp	Chuyên viên	Phòng TCHC	Thành viên
7.	Trần Thị Kim Anh	Chuyên viên	Phòng CTSV	Thành viên
8.	Lê Vĩnh Thực Thảo Vy	Chuyên viên	Phòng KHTC	Thành viên
9.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thành viên
10.	Phạm Thị Thảo Xuyên	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thành viên
11.	Ngô Thị Thanh Thủy	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thành viên
12.	Lê Thị Phương	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thư ký

Danh sách gồm 12 người./.

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/QĐ-ĐHCNTT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

Nhóm tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 1 Các tiêu chuẩn 1,2,3,4	Nguyễn Hoàng Tú Anh	Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu	Trưởng nhóm
	Vũ Đức Lung	Chủ tịch	Hội đồng Trường	Thành viên
	Trịnh Thị Mỹ Hiền	Trưởng phòng	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thư ký
Nhóm 2 Tiêu chuẩn 6	Mai Văn Cường	Trưởng phòng	Phòng TCHC	Trưởng nhóm
	Nguyễn Khánh Sơn	Phó trưởng phòng	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thành viên
	Nông Thị Diệp	Chuyên viên	Phòng TCHC	Thư ký
Nhóm 3 Các tiêu chuẩn: 7, 25	Trần Thị Phương Trang	Trưởng phòng	Phòng KHTC	Trưởng nhóm
	Võ Lê Phương	Trưởng phòng	Phòng QTTB	Thành viên
	Bùi Văn Thành	Giám đốc	Thư viện	Thành viên
	Đào Lộc Bình	Trưởng ban	Ban QLCS	Thành viên
	Lê Vĩnh Thực Thảo Vy	Chuyên viên	Phòng KHTC	Thư ký
	Lê Thị Phương	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thư ký
Nhóm 4 Tiêu chuẩn 8	Nguyễn Tuấn Nam	Trưởng phòng	Phòng QHĐN	Trưởng nhóm
	Hồ Thị Minh Phượng	Trưởng phòng	Phòng QHĐN	Thành viên
	Ngô Thị Thanh Thủy	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thư ký
Nhóm 5 Các tiêu chuẩn: 9,10,11,12	Trịnh Thị Mỹ Hiền	Trưởng phòng	Phòng TT-PC-ĐBCL	Trưởng nhóm
	Nguyễn Đình Khuong	Trưởng phòng	Phòng DL&CNTT	Thành viên
	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thư ký
Nhóm 6 Các tiêu chuẩn 5, 13,14,15,16 ,17,22	Nguyễn Lưu Thủy Ngân	Phó hiệu trưởng	Ban giám hiệu	Trưởng nhóm
	Lâm Đức Khải	Trưởng phòng	Phòng ĐTDH	Thành viên
	Nguyễn Đình Thuận	Trưởng khoa	Khoa HTTT	Thành viên
	Ngô Đức Thành	Trưởng khoa	Khoa KHMT	Thành viên
	Nguyễn Đình Loan Phương	Phó trưởng phòng	Phòng ĐTDH	Thư ký



Handwritten signature or mark.

Nhóm tiêu chuẩn	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
Nhóm 7 Các tiêu chuẩn: 18,19,20,23	Lê Đình Duy	Trưởng phòng	Phòng ĐTSĐH-KHCN	Trưởng nhóm
	Lê Thanh Trọng	Phó trưởng khoa	Khoa CNPM	Thành viên
	Đoàn Duy	Giảng viên	Khoa KTMT	Thành viên
	Dương Ngọc Hào	Phó trưởng phòng	Phòng ĐTSĐH-KHCN	Thư ký
Nhóm 8 Các tiêu chuẩn: 21,24	Nguyễn Văn Toàn	Trưởng phòng	Phòng CTSV	Trưởng nhóm
	Nguyễn Thành Hiệp	Bí thư	Đoàn Thanh niên	Thành viên
	Đặng Văn Em	Chủ tịch	Công Đoàn Trường	Thành viên
	Phạm Thị Thảo Xuyên	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thư ký
	Trần Thị Kim Anh	Chuyên viên	Phòng CTSV	Thư ký

Danh sách gồm 31 người./.

Đan



Phụ lục 3: Kế hoạch tự đánh giá CSGD

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Số: 01 /KH-ĐHCNTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2017-2021

1. Mục đích tự đánh giá:

- Phục vụ hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng (CSGD năm 2022 theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;
- Rà soát, cải tiến, nâng cao chất lượng, thực hiện Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025 của Trường ĐHCNTT.

2. Phạm vi tự đánh giá:

Đánh giá tất cả các hoạt động của Trường trong giai đoạn 2017-2021, theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, và các tài liệu hướng dẫn của Cục Quản Lý Chất Lượng về tự đánh giá CSGDDH theo công văn 766/QLCL-KDCLGD, tài liệu hướng dẫn đánh giá CSGDDH theo công văn 1668/QLCL-KBCLGD.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

2

Trường Đại học Công nghệ Thông tin, HĐĐTG gồm có 21 thành viên theo danh sách:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Hoàng Tú Anh	Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu	Chủ tịch
2.	Nguyễn Lưu Thủy Ngân	Phó Hiệu trưởng	Ban Giám hiệu	Phó Chủ tịch
3.	Trịnh Thị Mỹ Hiền	Trưởng phòng	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thư ký
4.	Vũ Đức Lương	Chủ tịch Bí thư Đảng ủy	Hội đồng Trường Tổ chức Đảng	Thành viên
5.	Lâm Đức Khải	Phó trưởng phòng	Phòng DTĐH	Thành viên
6.	Đặng Văn Em	Chủ tịch	Công đoàn Trường	Thành viên
7.	Nguyễn Thành Hiệp	Bí thư	Đoàn thanh niên	Thành viên
8.	Mai Văn Cường	Trưởng phòng	Phòng TCIC	Thành viên
9.	Lê Đình Duy	Trưởng phòng Thành viên	Phòng ĐISĐH-KHCN Hội đồng khoa học và đào tạo	Thành viên
10.	Nguyễn Văn Toán	Trưởng phòng	Phòng CTSV	Thành viên
11.	Nguyễn Đình Khương	Trưởng phòng	Phòng DL&CNTT	Thành viên
12.	Trần Thị Phương Trang	Trưởng phòng	Phòng KHTC	Thành viên
13.	Võ Lê Phương	Trưởng phòng	Phòng QITB	Thành viên
14.	Bùi Văn Thành	Giám đốc	Thư viện	Thành viên
15.	Đào Lộc Bình	Trưởng ban	Ban QLCS	Thành viên
16.	Nguyễn Tuấn Nam	Trưởng phòng	Phòng QHDN	Thành viên
17.	Nguyễn Đình Thuận	Trưởng khoa	Khoa CNTT	Thành viên
18.	Ngô Đức Thành	Trưởng khoa	Khoa KHMT	Thành viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
8.	Lê Vĩnh Thực Thảo Vy	Chuyên viên	Phòng KHTC	Thành viên
9.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thành viên
10.	Phạm Thị Thảo Xuyên	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thành viên
11.	Ngô Thị Thanh Thủy	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thành viên
12.	Lê Thị Phương	Chuyên viên	Phòng TT-PC-ĐBCL	Thư ký

Nhiệm vụ cụ thể các thành viên Ban thư ký:

- Trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm chung về quá trình thực hiện, hoàn thành BCTĐG và hồ sơ minh chứng, dữ liệu của BCTĐG; chịu trách nhiệm về kế toán thu chi cho HĐĐG.
- Phó trưởng ban thư ký: giúp cho Trưởng ban thư ký quản lý các công việc khi Trưởng ban vắng mặt, hỗ trợ thực hiện và hoàn thành BCTĐG
- Các thành viên ban thư ký: tổng hợp ý kiến các nhóm công tác chuyên trách, viết phiếu đánh giá tiêu chí, phối hợp với các nhóm thu thập, phân tích, xử lý thông tin, minh chứng; cập nhật, số hóa hệ thống dữ liệu, minh chứng; góp ý, bổ sung thông tin để hoàn thiện BCTĐG.

4.3. Phân công thực hiện

MẢNG HOẠT ĐỘNG	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác chuyên trách		Hỗ trợ/Giám sát	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Thời gian viết báo cáo	Thời gian rà soát, hoàn thiện báo cáo (bản final)
		Chủ trì	Thư ký				

CHIẾN LƯỢC, VĂN HÓA	Tiêu chuẩn 1: Tâm nhĩn, sứ mạng và văn hóa	Nhóm 1 - Nguyễn Hoàng Tú Anh (Trưởng nhóm) - Vũ Đức Lung	Trịnh Thị Mỹ Hiền	Dương Ngọc Hảio	15/01-28/2/2022	01/03-29/4/2022	29/4-14/6/2022
	Tiêu chuẩn 2: Quản trị						
	Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý						
	Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược						
NGUỒN NHÂN LỰC	Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực	Nhóm 2 - Mai Văn Cường (Trưởng nhóm) - Nguyễn Khánh Sơn	Nông Thị Diệp	Vũ Đức Lung			
TÀI CHÍNH VÀ CSVC	Tiêu chí 7.1 Nguồn lực tài chính	Nhóm 3 - Trần Thị Phương Trang (Trưởng nhóm) - Võ Lê Phương; - Bùi Văn Thành; - Đào Lộc Bình	- Lê Thị Phương; - Lê Vĩnh Thực Thảo Vy	Vũ Đức Lung	15/01-28/2/2022	01/03-29/4/2022	29/4-14/6/2022
	Tiêu chí 7.2. Cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng						
	Tiêu chí 7.3. Hệ thống CNTT						
	Tiêu chí 7.4. Nguồn lực học tập						
	Tiêu chí 7.5. Môi trường, sức khỏe, sự an toàn						
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường							
QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI	TC8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	Nhóm 4 - Nguyễn Tuấn Nam (Trưởng nhóm) - Hồ Thị Minh Phương	Ngô Thị Thanh Thủy	Trịnh Thị Mỹ Hiền			

HỆ THỐNG DBCL	Tiêu chuẩn 9: Hệ thống DBCL bên trong	Nhóm 5 - Trịnh Thị Mỹ Hiền (Trưởng nhóm) - Nguyễn Đình Khương	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Dương Ngọc Hào			
	Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài						
	Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin DBCL bên trong						
	Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng						
ĐÀO TẠO	Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo	Nhóm 6 - Nguyễn Lưu Thủy Ngân (Trưởng nhóm) - Lâm Đức Khái; - Nguyễn Đình Thuận; - Ngô Đức Thành	Nguyễn Đình Loan Phương	Vũ Đức Lung			
	Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học						
	Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học						
	Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập						
	Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học						
Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo							
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về nghiên cứu khoa học	Nhóm 7 - Lê Đình Duy (Trưởng nhóm) - Lê Thanh Trọng - Đoàn Duy	Dương Ngọc Hào	Vũ Đức Lung			
	Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học						
	Tiêu chuẩn 19: Quản lý tài sản trí tuệ						
	Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học						

	Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học						
PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG	Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về phục vụ cộng đồng	Nhóm 8 - Nguyễn Văn Toàn (Trưởng nhóm) - Nguyễn Thành Hiệp - Đặng Văn Em	- Phạm Thị Thảo Xuyên; - Trần Thị Kim Anh;	Trịnh Thị Mỹ Hiền			
	Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học						
	Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng						
	Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng						
Phân công biên tập báo cáo tự đánh giá sau các góp ý, thẩm định: Vũ Đức Lung, Trịnh Thị Mỹ Hiền							

Nhiệm vụ cụ thể các thành viên trong Nhóm:

- Nhóm trưởng: Điều hành chung, tổ chức họp nhóm khi cần thiết ngoài cuộc họp HĐĐG, phân công các thành viên của Nhóm, chịu trách nhiệm viết BCTĐG về các Tiêu chuẩn được giao của Nhóm.
- Thư ký: Viết biên bản, hỗ trợ thu thập, xử lý minh chứng và góp ý hoàn thành các Tiêu chuẩn
- Thành viên: Tham gia viết báo cáo, hỗ trợ thu thập, xử lý minh chứng và góp ý cho báo cáo các Tiêu chuẩn của Nhóm và báo cáo chung.

5. Nguồn lực về cơ sở vật chất, tài chính và thời điểm cần huy động các nguồn lực trong quá trình triển khai tự đánh giá

Kinh phí: theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường năm 2022.

6. Thông tin, minh chứng cần thu thập

Cơ sở dữ liệu KĐCLGD (phụ lục 8): Số liệu báo cáo đến ngày 31/12/2021.

Thông tin, minh chứng theo 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí tính từ thời điểm 01/01/2017 đến 31/12/2021.

7. Thời gian biểu

Căn cứ trên kế hoạch nộp báo cáo tự đánh giá cho TTKT&ĐGCLĐT-ĐHQG-HCM (thẩm định) và TTKDCLGD-ĐHQG-HN (đánh giá).

Thời gian thực hiện tự đánh giá là 6,5 tháng, cụ thể như sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 1, tháng 1/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Lập dự thảo kế hoạch tự đánh giá • Gửi dự thảo kế hoạch tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐTDG và CB, GV, NV liên quan góp ý • Tập huấn cho HĐTDG về nghiệp vụ tự đánh giá: Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục; quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng; hướng dẫn tự đánh giá; kinh nghiệm tự đánh giá ở trong và ngoài nước; các kỹ thuật: nghiên cứu hồ sơ văn bản, phỏng vấn, quan sát, thảo luận nhóm, điều tra và viết báo cáo tự đánh giá
Tuần 2, tháng 1/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Họp Hội đồng tự đánh giá: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng ◦ Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao. • Hoàn thành bản dự thảo kế hoạch tự đánh giá. • Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...). • Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 3 tháng 01 - Tuần 4 tháng 4/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Hoàn thành BC TDG: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá; ◦ Thu thập thông tin và minh chứng; ◦ Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; ◦ Mô tả thông tin và minh chứng thu được; ◦ Phân tích, lý giải các kết quả đạt được;
Tuần 1, tháng 5/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Họp Hội đồng tự đánh giá để: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; ◦ Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; ◦ Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.
Tuần 2- Tuần 3 tháng 5/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết) • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết BCTDG • Dự thảo BCTDG (ver 1.0); • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong BCTDG.
Tuần 4, tháng 5/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng tự đánh giá họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về BCTDG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 1, tháng 6/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản BCTDG đã sửa chữa (ver 2.0); • Công bố BCTDG trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.

Thời gian	Các hoạt động
Tuần 2, tháng 6/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện BCTDG (ver 3.0)
Tuần 3, tháng 6/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Thẩm định BCTDG bởi TTKT&DGCLĐT – ĐHQG-HCM (ver 3.0) • Thẩm định BCTDG bởi TTKDCLGD - ĐHQG-HN (ver 3.0) • Thẩm định BCTDG bởi Cục QLCLGD - Bộ GD&ĐT (ver 3.0)
Tuần 1- Tuần 2 tháng 7/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Chính sửa BCTDG theo kết quả thẩm định • HĐTDG thông qua BCTDG (ver 4.0)
Tuần 3, tháng 7/2022	<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; • Lưu trữ bản BCTDG (tại Thư viện); • Công bố bản BCTDG đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường) (ver 4.0) • Gửi bản cứng, file mềm BCTDG về Cục QLCLGD, TTKDCLGD, ĐHQG-HN (ver 4.0).
Sau khi có kết quả đánh giá ngoài	<ul style="list-style-type: none"> • Lập kế hoạch cải tiến cho giai đoạn tiếp theo

Nơi nhận:

- Hội đồng tự đánh giá;
- ĐHQG.HCM (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, TTPC&BCL



Phụ lục 4: Các bảng, biểu, thống kê

Bảng 5.3.1. Danh mục văn bản liên quan đến đào tạo bậc đại học và sau đại học

TT	Số hiệu, ngày	Tên văn bản	Ghi chú cập nhật/điều chỉnh
1.	163/QĐ-ĐHCNTT ngày 04 tháng 04 năm 2017	Quy định về đào tạo chương trình chất lượng cao	
2.	284 /QĐ-ĐHCNTT ngày 24 tháng 05 năm 2017	Quy định văn bằng, chứng chỉ của Trường ĐHCNTT	
3.	43/QĐ-ĐHCNTT ngày 15 tháng 01 năm 2018	Quy định hình thức và nội dung in trên văn bằng đại học, chứng chỉ	
4.	44/QĐ-ĐHCNTT ngày 15 tháng 01 năm 2018	Ban hành Quy định về việc mở ngành đào tạo	
5.	185/QĐ-ĐHCNTT ngày 30 tháng 3 năm 2018	Ban hành quy trình đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo trình độ Đại học/Sau Đại học	
6.	475/QĐ-ĐHCNTT ngày 20 tháng 08 năm 2018	Quy định về tiêu chuẩn giảng viên giảng dạy môn học và trợ giảng môn học	
7.	211/QĐ-ĐHCNTT ngày 17 tháng 4 năm 2019	Quy định đào tạo Chương trình Tài năng	
8.	546 /QĐ-ĐHCNTT, ngày 30/8/2019	Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy	
9.	547 /QĐ-ĐHCNTT ngày 30 tháng 8 năm 2019	Quy định đào tạo ngoại ngữ đối với hệ đại học chính quy	
10.	561/QĐ-ĐHCNTT ngày 09 tháng 9 năm 2020	Quy định về chính sách hỗ trợ công bố khoa học dành cho SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh	
11.	672 /QĐ-ĐHCNTT ngày 15 tháng 10 năm 2020	Quy trình phân công cán bộ coi thi cho các đợt thi tập trung hệ đại học chính quy	
12.	17 /TB-ĐHCNTT ngày 25 tháng 02 năm 2021	Thay đổi quy trình nộp khóa luận tốt nghiệp sau khi bảo vệ trước hội đồng	Cập nhật quy trình nộp KLTN với QĐ 243/QĐ-ĐHCNTT-ĐTĐH

13.	148 /QĐ-ĐHCNTT, ngày 12/3/2021	Sửa đổi Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ cho hệ đại học chính quy	Sửa đổi một số quy định đối với QĐ số 546 /QĐ-ĐHCNTT
14.	231/QĐ-ĐHCNTT ngày 16 tháng 4 năm 2021	Quy chế đào tạo cho sinh viên hệ đào tạo từ xa trình độ đại học	
15.	Hàng năm (2017-2021)	Đề án tuyển sinh	
16.	Hàng năm (2017-2021)	Kế hoạch đào tạo	
17.	503/ QĐ - ĐHCNTT, ngày 10/08/2017	Quy chế đào tạo trình độ trình độ thạc sĩ	
18.	503/ QĐ - ĐHCNTT, ngày 10/08/2017	Điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng điểm, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận	Điều 25 tại Quy chế
19.	425/QĐ-ĐHCNTT, ngày 02/8/2018	Đào tạo trình độ tiến sĩ	
20.	142/ TB- ĐHCNTT, ngày 26/11/2018	Hướng dẫn thực hiện quy trình xét duyệt, giao đề tài luận văn thạc sĩ	
21.	36/TB - ĐHCNTT, ngày 26/05/2020	Hướng dẫn hồ sơ luận văn thạc sĩ	Cập nhật
22.	136/QĐ-ĐHCNTT, ngày 12/3/2021	Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ của Trường Đại học CNTT	
23.	285/QĐ-ĐHCNTT, ngày 11/5/2021	Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ và tiến sĩ năm 2021 của Trường ĐH CNTT	

Bảng 5.3.2. Danh mục các văn bản về KHCN

TT	Số hiệu, ngày	Tên văn bản	Ghi chú cập nhật/điều chỉnh
1	05/QĐ-ĐHCNTT-KHCN, ngày 19/2/2016	Quy định về khen thưởng trong hoạt động khoa học và công nghệ cho GV và NCV	
2	06/QĐ-ĐHCNTT-KHCN, ngày 22/2/2016	Quy định về một số tiêu chuẩn đạo đức trong hoạt động về KHCN	

3	08/QĐ-ĐHCNTT-KHCN, ngày 22/5/2016	Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Trường ĐHCNTT	
4	237/QĐ-ĐHCNTT, ngày 11/5/2017	Quy định về tổ chức thực hiện và quản lý đề tài KHCN cấp Trường	
5	441/QĐ-ĐHCNTT, ngày 17/7/2019	Quy định quản lý và thực hiện Tổ chức Nghiên cứu/phát triển sản phẩm theo đơn đặt hàng (Đề tài KHCN loại D3)	
6	561/QĐ-ĐHCNTT, ngày 09/9/2020	Quy định về chính sách hỗ trợ công bố khoa học dành cho sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh	
7	172/QĐ-ĐHCNTT, ngày 25/3/2021	Quy định khen thưởng trong hoạt động khoa học công nghệ	
8	310/QĐ-ĐHCNTT, ngày 21/5/2021	Quy định về hoạt động NCKH của sinh viên tại Trường Đại học CNTT	

Bảng 7.3.1. Kết quả cải tiến hạ tầng và CNTT của Trường

TT	Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT	2017	2018	2019	2020	2021
1	Website	- Cập nhật các website	- Cập nhật các website	- Cập nhật các website	- Cập nhật các website	- Cập nhật các website
2	Phần mềm	- Cập nhật phần mềm QLĐT, KHCN, ĐBCL, tài chính	- Cập nhật phần mềm QLĐT, KHCN, ĐBCL, tài chính	- Cập nhật phần mềm QLĐT, KHCN, ĐBCL, tài chính	- Cập nhật phần mềm QLĐT, KHCN, ĐBCL, tài chính	- Cập nhật phần mềm QLĐT, KHCN, ĐBCL, tài chính - Đưa vào sử dụng phần mềm quản lý công việc

3	Máy chủ, thiết bị bảo mật, lưu trữ	- Bổ sung 01 máy chủ GPU (HPE Apollo pc40) - Bổ sung 01 thiết bị lưu trữ (HP 3par 8440)	- Bổ sung 02 máy chủ (HPE DL380 Gen10)	- Bổ sung 01 máy chủ GPU (SuperServer 2029GP-TR)	- Bổ sung 02 máy chủ GPU (SuperServer 4029GP-TRT2)	- Bổ sung thiết bị lưu trữ (IBM FlashSystem 7200)
4	Mạng, wifi	- Bổ sung 08 thiết bị phát sóng wifi (AIR-AP2702E-UXK9)	- Bổ sung 01 thiết bị cân bằng tải (Peplink Balance 2500)	- Bổ sung 20 thiết bị phát sóng wifi (Cambium e410+e600) - Bổ sung 03 switch (cnMatrix EX2028-P)	- Bổ sung 27 thiết bị phát sóng wifi (Cambium e410+e600)	- Bổ sung 21 thiết bị phát sóng wifi (Cambium XV2-2) - Bổ sung 03 switch (cnMatrix EX1010-P)
5	Hệ thống máy văn phòng	Mua mới 20 máy vi tính	Mua mới 40 máy vi tính		Mua mới 123 bộ máy vi tính (dùng cho phòng máy thực hành và chuyên viên tại các đơn vị)	Mua mới 22 máy vi tính

Bảng 11.2.1. Thống kê các phần mềm quản lý thông tin, dữ liệu

STT	Tên phần mềm	Phân tích, xử lý loại dữ liệu	Đơn vị quản lý
1.	Hệ thống tra cứu và điều hành	Dữ liệu liên thông giữa các bộ phận, các mảng hoạt động của toàn Trường	Phòng DL-CNTT
2.	Quản lý đào tạo đại học chính quy tập trung	Dữ liệu về SV; GV; TKB, lịch thi; học phí; điểm; môn học, CTĐT; thanh tra hoạt động giảng dạy,...	Phòng Đào tạo đại học

STT	Tên phần mềm	Phân tích, xử lý loại dữ liệu	Đơn vị quản lý
3.	Quản lý đào tạo đại học hệ từ xa qua mạng	Dữ liệu về SV; học phí; dữ liệu điểm; môn học, CTĐT,...	Phòng Đào tạo đại học
4.	Quản lý đào tạo sau đại học	Dữ liệu về HVCH, NCS; TKB, lịch thi; học phí; điểm; môn học, CTĐT,...	P. ĐTSĐH-KHCL
5.	Quản lý nhân sự	Dữ liệu về CB,GV,NV: lý lịch, trình độ,...	Phòng TCHC
6.	Quản lý văn bản	Dữ liệu về văn bản đi, đến, nội bộ; xử lý, tra cứu văn bản,...	Phòng TCHC
7.	Quản lý tài chính	Dữ liệu về thu nhập; quản lý lương; thuế TNCN,...	Phòng KHTC
8.	Quản lý KHCN	Dữ liệu về NCKH: Bài báo, tạp chí, sách, hội nghị, hội thảo; đề tài NCKH; lý lịch khoa học,...	Phòng ĐTSĐH-KHCN
9.	Khảo sát trực tuyến	Dữ liệu các hoạt động khảo sát	Phòng TT-PC-ĐBCL
10.	Hệ thống quản lý minh chứng online	Dữ liệu về minh chứng cấp CSGD và CTĐT	Phòng TT-PC-ĐBCL

Bảng 21.3.1. Thống kê hoạt động PVCD giai đoạn 2017-2021

Các hoạt động	Kết quả đạt được				
	2017	2018	2019	2020	2021
Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng	Đào tạo theo nhu cầu của CA Bình Dương và Điện lực Tp.HCM, Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp	Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp	Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp	Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp	Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp
Hoạt động tư vấn hướng nghiệp, tư vấn tuyển sinh	Tư vấn trực tiếp tại các Trường trên địa bàn Tp.HCM	Tư vấn trực tiếp tại Tp.HCM và trực tuyến, thu	Đăng cai tổ chức các chương trình tư vấn tuyển sinh cấp ĐHQG-HCM	Tham gia và tổ chức 06 chương trình tư vấn tuyển	Đăng cai tổ chức các chương trình tư vấn tuyển sinh cấp ĐHQG-HCM

		hút 3000-5000 lượt xem mỗi số; Đăng cai tổ chức chương trình tư vấn trực tuyến cho các trường thành viên ĐHQG-HCM.	tại các Trường THPT Tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do Báo Tuổi Trẻ, Báo Thanh Niên, Báo Giáo Dục, Công ty Kết nối Văn Hóa Việt tổ chức.	sinh trực tiếp và trực tuyến với 85 lượt tham dự.	tại các Trường THPT Tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh do Báo Tuổi Trẻ, Báo Thanh Niên, Báo Giáo Dục, Công ty Kết nối Văn Hóa Việt tổ chức.
Hoạt động giao lưu – hợp tác đào tạo trong & ngoài nước	Ký kết 05 văn bản liên kết đào tạo	Ký kết 04 văn bản hợp tác đào tạo	Ký kết 11 văn bản hợp tác; Đào tạo và cấp chứng chỉ ATTT cho các đơn vị bên ngoài, cung cấp giải pháp UIT Cyberrange, tổ chức diễn tập phòng thủ và tấn công mạng cho các tỉnh, thành.	Ký kết 04 văn bản hợp tác đào tạo, NCKh; Đào tạo, tập huấn về ATTT cho tỉnh An Giang; Đánh giá an toàn các cổng thông tin tại ĐHQG-HCM	Phối hợp với Cục ATTT tổ chức diễn tập ATTT mạng; Đánh giá an toàn các cổng thông tin cho một số công ty, đơn vị hành chính; Tổ chức diễn tập ATTT online cho ĐHQG-HCM. Tổ chức dạy và cấp chứng nhận ATTT cho các đơn vị bên ngoài.

Giao lưu- hợp tác doanh nghiệp	Ký kết 07 văn bản hợp tác về CTĐT, hội nghị, hội thảo; Triển khai 5 chương trình hợp tác NCKH, CGCN và đào tạo	Duy trì và triển khai 06 chương trình hợp tác	Duy trì và triển khai các chương trình hợp tác	Duy trì và triển khai các chương trình hợp tác	Duy trì và triển khai các chương trình hợp tác
Hội nghị Khoa học trẻ	1	1	1	1	1
Các cuộc thi học thuật SV	Đăng cai tổ chức cuộc thi “SV với ATTT 2017” thu hút sự tham gia của 58 đội và 24 cơ sở đào tạo	Tổ chức cuộc thi GameUIT Hackathon 2018, thu hút 73 đội thi, 325 thí sinh của 22 cơ sở đào tạo.			4 (Racing Car, ACM ICPC, CTF, Olympic Toán học)
SV, GV tham gia các cuộc thi do Thành phố, Thành Đoàn tổ chức	26 Sinh viên 5 tốt; Nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp Thành; Cuộc thi ý tưởng sáng tạo trẻ	32 Sinh viên 5 tốt;	28 Sinh viên 5 tốt; Micro vàng do Đài tiếng nói Nhân dân Tp.HCM tổ chức	41 Sinh viên 5 tốt;	62 Sinh viên 5 tốt;
Chuyển giao công nghệ	Giảng viên tham gia thực hiện đề tài của Tp.HCM và Đồng	Thực hiện hợp đồng CGCN, cung cấp dịch vụ với đối tác	Tiếp tục Triển khai hợp đồng với sự đầu tư của Quỹ đổi mới sáng tạo VinGroup (4 tỷ), Công ty	Tiếp tục Triển khai hợp đồng với sự đầu tư của Quỹ đổi mới sáng tạo	Triển khai 04 dự án với Quỹ đổi mới sáng tạo VinGroup và Tập đoàn Hưng Thịnh;

	Nai, Bình Dương	ROSEN, CISCO, MBASE Nhật Bản; Triển khai hợp đồng với sự đầu tư của Quỹ đổi mới sáng tạo VinGroup (4 tỷ), Công ty cổ phần phát triển công nghệ VinTech (5.9 tỷ).	cổ phần phát triển công nghệ VinTech (5.9 tỷ).	VinGroup (4 tỷ), Công ty cổ phần phát triển công nghệ VinTech (5.9 tỷ).	Thực hiện 01 đề tài cấp Sở KH&CN Tp.HCM và 07 đề tài dịch vụ KHCN; Thực hiện 03 đề tài dịch vụ với văn phòng ĐHQG- HCM.
--	--------------------	--	--	--	--

Bảng 21.3.1. Báo cáo kết quả hoạt động của Công đoàn, Đoàn TN, Hội SV

Hoạt động	2017		2018		2019		2020		2021	
	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả	Chỉ tiêu	Kết quả
Công đoàn										
Mùa xuân yêu thương		200 phần quà mỗi phần trị giá 350.000		200 phần quà mỗi phần trị giá 400.000;		200 phần quà mỗi phần trị giá 400.000; Khám và phát thuốc cho 300 trẻ em tại Bình Phước		200 phần quà mỗi phần trị giá 400.000, Khám và phát thuốc cho 200 người dân Dak Nông		200 phần quà mỗi phần trị giá 450.000; Khám và phát thuốc cho 300 trẻ em Bạc Liêu
Chăm lo tết nguyên đán cho CBVC khó khăn, diện chính sách		36.200.000		10.500.000		12.700.000		10.000.000		352.300.000
Ứng hộ quỹ vì nghèo		00		3.000.000		10.000.000		8.000.000		30.700.000
Đoàn thanh niên, Hội sinh viên										
Máy tính cũ tri thức mới	30 máy	52 máy	30 máy	40 máy	20 máy	11 máy	20 máy	20 máy	10 máy	8 máy

Mùa hè xanh		<ul style="list-style-type: none"> - 01 Lớp tin học (40 học viên) - Phần mềm truy cập thông tin liệt sĩ (Nghĩa trang liệt sĩ TP.HCM) - 04 ngày hội CNTT cho học sinh - Thăm và tặng 13 phần quà cho gia đình cách mạng 	<ul style="list-style-type: none"> - 08 Lớp lập trình web (104 học viên) - Nhân rộng Phần mềm truy cập thông tin liệt sĩ (thêm 3 nghĩa trang) - Công thông tin ba má phong trào. - Công thông tin địa chỉ đỏ TP.HCM. - 05 Ngày hội CNTT cho học sinh. - 01 lớp lập trình cho học sinh THPT. - Tặng 07 phần quà gia đình chính sách. 	<ul style="list-style-type: none"> - 16 Lớp lập trình web (200 học viên) - Tiếp tục nhân rộng và hoàn thiện Phần mềm truy cập thông tin liệt sĩ - 05 ngày hội CNTT cho thiếu nhi. - Tặng 06 phần quà cho gia đình chính sách. - Tặng 10 phần quà, quần áo cũ, cờ tổ quốc cho đồng bào dân tộc tại Gia Lai - Xây dựng 1 khu vui chơi thiếu nhi (Gia Lai) - 01 lớp học văn hóa hè - 01 ngày hội thiếu nhi (Gia Lai) 	<ul style="list-style-type: none"> - 04 Lớp lập trình web (120 học viên) - Tặng 8 phần quà cho già đình chính sách. - Tặng 10 phần quà cho người dân khó khăn do Covid. - 03 sản phẩm tuyên truyền phòng dịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Lớp lập trình (110 học viên) - 32 sản phẩm tuyên truyền chống dịch (video clip, hình ảnh) - 04 lớp tập huấn lập trình thi đấu cho học sinh THPT. - Hỗ trợ 651 sinh viên khó khăn do Covid (800 phần quà, 2 tấn gạo, 44 triệu tiền mặt)
----------------	--	--	--	--	--	---

				<ul style="list-style-type: none"> - 01 lớp học cho thiếu nhi (Gia Lai) - 01 chương trình tuyên truyền luật ATGT 		<ul style="list-style-type: none"> - 01 chương trình tuyên truyền luật ATGT 				
Xuân tình nguyện		<ul style="list-style-type: none"> - Thăm và tặng quà tại mái ấm nhà mở trên địa bàn TP.HCM - Thăm và tặng quà gia đình chính sách, thăm viếng vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ - Tặng vé xe cho sinh viên khóa khấn. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thăm và tặng quà tại mái ấm nhà mở trên địa bàn TP.HCM (15 triệu đồng) - Thăm bá má phong trào (13 triệu đồng) - Tặng vé xe cho sinh viên khóa khấn. 		<ul style="list-style-type: none"> -Thăm và tặng quà cho người dân khó khăn tại TP.HCM (20 triệu) - Hoạt động tình nguyện tại Đắc Nông, Đảo Thổ Chu. - Hoạt động góc xuân UIT (40 triệu) - Tặng vé xe cho sinh viên khó khăn. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thăm và tặng quà cho người dân khó khăn tại TP.HCM (20 triệu) - Hoạt động tình nguyện tại Bình thước, Đảo Thổ Chu. - Hoạt động góc xuân UIT (50 triệu) - Tặng vé xe cho sinh viên khó khăn. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thăm và tặng quà cho người dân khó khăn tại Bình Phước (30 triệu) - Công trình thanh niên tại Phường Trường thành (20 triệu) - Hoạt động góc xuân UIT (70 triệu) - Tặng vé xe cho sinh viên khó khăn.